



TÁC PHẨM CHỌN LỌC DÀNH CHO THIẾU NHI



ĐOÀN GIỎI

Đất Rừng Phương nam





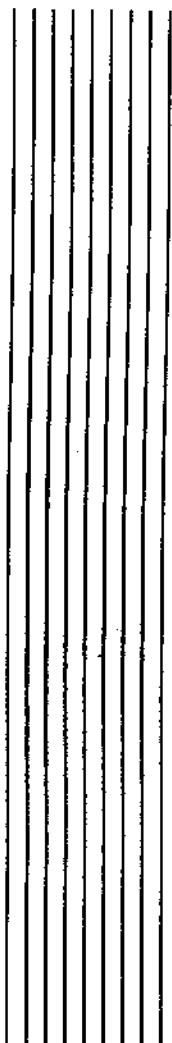
Nhà văn
Đoàn Giỏi

Mỗi lần gặp Đoàn Giỏi tôi lại bị ám ảnh bởi ý nghĩ rằng ông là con người khác thường. Nếu sinh vào thời khác, xứ khác hẳn ông là một tay anh hùng hảo hán, một chủ sơn trại, một bố già chọc trời khuấy nước... Ông đã làm một nghề tưởng như rất xa lạ với bản tính tự do, phóng khoáng của ông - nghề văn... Nhưng ngay cả trong cái nghề tẻ nhạt và khó khăn này ông đã làm được một cái gì đó độc đáo, không giống ai...

Trần Đình Nam



TÁC PHẨM CHỌN LỌC
DÀNH CHO THIẾU NHI



ĐẤT RỪNG PHƯƠNG NAM

ĐOÀN GIỎI

(In lần thứ mười)

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

Thay lời giới thiệu

THI SĨ CỦA ĐẤT RỪNG PHƯƠNG NAM

Đầu những năm tám mươi, có lần tôi mang bản in thử cuốn Đất rừng phương Nam đến nhà Đoàn Giỏi ở số 4 phố Cổ Tân để ông xem lại, ông kéo tôi đến bên khung cửa sổ chỉ tay ra phía quảng trường Nhà hát lớn và nói:

"Mình thuộc đất Nam Bộ thì viết Đất rừng phương Nam, thực ra chuyện lạ thì phương nào chả có. Ngay dưới chân bọn mình đang đứng và xung quanh đây cũng khối chuyện. Ngày trước sông Cái ăn vào tận con phố này. Bọn ta đang đứng trên bến đò Cổ Tân xưa. Từ bến đò có thể nhìn thăm thẳm sang mạn Bồ Đề nơi Lê Lợi đặt đại bản doanh và đài quan sát thành Đông Quan năm 1427. Vì thế mới có câu ca:

*Nhong nhong ngựa ông đã về
Cắt cỏ Bồ Đề cho ngựa ông ăn*

Giữa con nước sông Hồng đỏ khé lừng lững ngang trời thấp thoáng bóng độc mộc cắt nước nổi hai bờ. Hồ báo hươu nai lững thững đi dạo quanh hồ Hoàn Kiếm đông chẳng kém chi giống người bây giờ. Cứ đào thẳng xuống dăm bảy chục thước quanh đây thế nào cũng gặp xác thuyền cổ, xác thuồng luồng, ba ba, hổ cốt - quân của hai trụ Thủy Tinh Sơn Tinh tử trận".

Nhìn ông lúc đó giống hệt như một vị thuyền trưởng đứng trên boong tàu lướt sóng. Gió sông Hồng thổi tóc ông dựng đứng cả lên, hai tà áo bay phấp phật. Giọng ông hào hứng, ngân nga như hát. Khi con người có những ý tưởng đẹp để thì thân xác cũng theo đó mà đẹp lên. Vâng, bóng dáng ông lúc đó như một bài thơ! Một bài thơ thanh thoát và nhẹ bồng, bất cứ lúc nào cũng có thể bay qua cửa sổ, qua phố Cổ Tân rồi lơ lửng trên quảng trường Nhà hát lớn như một đám mây.

Ông thấy mình đang đứng bên bến đò thời hồng hoang chứ không phải trong hành lang chật hẹp như một cái cabin, với căn phòng nhỏ đặt một cái giường duy nhất, găm giường nhét linh kinh những chai lọ, xoong nồi, rế rá, có khi cả củi nữa; căn phòng mà ngay trước cửa ra vào ván sàn đã sụp xuống, cầu thang gỗ rên xiết đến chạnh lòng dưới những bước chân. Đoàn Giỏi hàng ngày thường lên xuống cái cầu thang này mấy bận với xô nước trên tay. Ông vừa thở vừa leo từng bậc, một tay nắm chặt cái tay vịn

bằng gỗ lim đã lung lay, lúc nào cũng chỉ chực rơi xuống. Ngay trước nhà, xế bên trái, là một bãi bia vĩ đại ngày nào cũng chật cứng người nhậu nhẹt. Xa hơn ngoài quảng trường Nhà hát lớn, lổm ngổm đám xe tải xe con đang thử phanh rít lên những tiếng lộng óc. Đoàn Giới ngồi viết về những rừng đước phương Nam, về những đám cháy ngút ngàn, về những con sóng trên sông Cửu Long không giống bất kỳ một con sóng nào trên thế giới giữa đám "siêu mùi" nồng nặc từ quán bia bốc lên - một hỗn hợp mùi của ngấu pín, thịt chó, ngọc kê, mắm tôm, khói thuốc lá... cộng lại, giữa những âm thanh rần rần đánh chát chúa của tiếng cốc chén vỡ, tiếng chửi rửa tục tằn, tiếng rít chói tai của ô tô thử phanh. Ngày nào, tháng nào năm nào cũng quang cảnh ấy, âm thanh, mùi vị ấy. Vậy mà Đoàn Giới viết ra toàn những điều đẹp đẽ, lạ lùng, không vương một chút ý vị nào của cuộc sống tầm thường thì mới lạ chứ.

Tôi đùa:

- Chưa biết chừng đang viết về con heo rừng một đêm trắng sáng hưng tình nhớ bạn trai và đang khao khát tự do, bác lại bị tiếng rít phanh ô tô, tiếng thủy tinh vỡ làm cho sa sẩy ngòi bút, biến con Vá đẹp đẽ thành một ả lợn sề.

- Mình luôn cố gắng đưa những điều hay ho nhất của mình đến cho bạn đọc. Nếu có điều gì chưa hay chưa vào lòng thì mình khoanh vùng nó lại, không để nó lây lan ra trang viết.

Đoàn Giỏi đặt hai cái chén nhỏ bằng quả cau lên bàn và rót ra hai chén rượu trắng. Bóng lá bóng mây ngoài cửa sổ nhuộm rượu ra một màu xanh ong óng. Rồi ông kéo hộc bàn lôi ra một gói giấy nhỏ gói mười củ lạc, mấy quả ớt. Đoàn Giỏi nhắm rượu với ớt. Tôi nhâm nhi mấy củ lạc. Mặc dù cố nháp từng tý tôi vẫn thấy cổ họng mình bốc lửa bởi cái thứ nước ong óng xanh trông hiền lành như nước lá kia. Đoàn Giỏi kể:

- Hồi nghỉ ở Matxcơva mình gặp một đám trẻ con, chúng hỏi mình đủ thứ chuyện về cái này - ông cầm bản in thử cuốn Đất rừng phương Nam giơ lên - có đứa còn ngỏ ý xin mình một chú cá sấu con nếu lần sau mình sang - chú ta bảo sẽ nuôi trong bể cá. Buổi tối, ngồi uống rượu với mấy ông bạn Nga. Mồ tổ mấy anh mu-dích Nga, nấu rượu lồi chi mà dữ vậy, không phải rượu mà là lửa. Gọi là Xamagón Xamagéch gì đó.

Mặt và cổ Đoàn Giỏi đỏ bầm lên. Đường mạch máu rất to nơi cổ giãn giật.

Đoàn Giỏi một thời là cán bộ ngành công an. Nhưng xem ra ông chẳng có gờ-ram nào phẩm chất của người chiến sĩ công an... Ông ngại chuyện đôi co, cãi vã tục tằn, ai lấn tới là ông lùi ngay, đầu hàng vô điều kiện. Có lần tôi nói với ông rằng Đất rừng phương Nam có những câu những từ chưa được như ý. Ông nói: "Mình tự học, viết theo bản năng. Cũng là nhà văn cả

nhưng trong cái bể ngôn từ, có người là cá ngư cá kinh, mình chỉ là chú cá con".

Ông không phải là con cá lớn, nhưng cũng không phải là con cá con, ông là con cá lạ. Chưa có nhà văn nào viết về thiên nhiên Nam Bộ được như ông. Nhân vật chính của ông là thiên nhiên và loài vật chứ không phải loài người. Cách đặt tên tác phẩm cũng nói lên điều này: Ngọn tầm vông, Cây đước Cà Mau, Hoa hướng dương, Rừng đêm xào xạc. Tiếng gọi ngàn, Bến nước mười hai, Đất rừng phương Nam, Từ đất Tiền Giang, Cá bóng mú, Chuyện lạ về cá... Toàn nói về đất đai, cây cỏ, muông thú...

Ông là người đầu tiên kể chuyện kinh dị về thiên nhiên Nam Bộ. Trước đây, cha ông ta từng kể các loại chuyện dị nhân chí quái truyền kỳ như Nam Hải dị nhân, Linh Nam chích quái, Truyền kỳ mạn lục... Nhưng ca ngợi vẻ đẹp kinh dị của thiên nhiên Nam Bộ thì ông Giỏi "thì treo giải nhất chỉ nhường cho ai". Dưới ngòi bút ông mọi chuyện đều trở nên lạ lùng. Hãy nghe ông kể:

"Bấy giờ đã về chiều, chợt nhìn thấy phía mặt trời lặn xa xa có hai cây sào dựng đứng trên ngọn cây. Hễ cây sào đó ngã về phía nào thì chim cò phía đó rộ lên, cất cánh bay tứ tán... Nghĩ là bà con đang trèo lên cây quơ sào đập chim, tôi bèn xăm xăm bước tới... Trời đất quý thần ơi. Thì ra là hai con rắn gù to lắm, mình mẩy xám mốc, vẩy nổi như trái mây, đang cất

cổ lên khỏi ngọn cây đón bắt chim về tổ... Một con chim gì to bằng con ngỗng bị nó đập được, đập cánh giãy kêu quàng quạc. Nó ngậm con chim vung qua vung lại, lông đỏ trắng xóa, còn cả cành cây ngọn cây thì chuyển động ào ào như bão giạt... Nhìn về phía xa, lại thấy năm sáu "cây sào" khác dựng đứng trên nền trời đỏ rực"...

Đây là một thứ "hiện thực huyền ảo" đầy chất thơ của thiên nhiên Nam Bộ mà chỉ có Đoàn Giỏi phát hiện ra. Truyện Ba Phi cũng rất thú vị, nhưng Ba Phi là một thứ tiểu lâm, nói dóc nói trợn, khôi hài. Hình như Đoàn Giỏi không chịu được lối kể chuyện đều đều, tẻ nhạt. Thiên nhiên dưới ngòi bút của ông thật đẹp đẽ, bí ẩn. Chỉ một rừng đước bình thường thôi, rất nhiều người đã viết về nó, Đoàn Giỏi vẫn có cách tả riêng của ông, rừng đước không chỉ là rừng đước nữa, mà chúng thật kỳ vĩ linh thiêng: "Rừng đước mênh mông. Cây đước mọc dài tám tấc, cây nào cây nấy thẳng như cây nến khổng lồ. Rể cao từ ba bốn thước tua tua giương ra xung quanh như những cánh tay từ trong thân cây thò ra bám đất... Những buổi thủy triều lên, chúng tôi dẫm bầy dừa đuối nhau chui qua những cánh tay đước. Những lúc đang vui vẻ xung quanh có đông bạn bè ấy tôi có cảm giác rừng đước như đang xông xáo từ dưới biển mọc lên. Những hôm nào đi một mình, xung quanh vắng lặng, nhìn làn nước

đục ngẫu xô nhau tràn qua cội được xù xì, thì tôi lại thấy như khu rừng cứ lặng lẽ chìm dần xuống biển, và một nỗi lo sợ không đâu, bất thần ập tới, khiến tôi hét to lên".

Đoàn Giỏi sống ở Hà Nội từ ngày tiếp quản Thủ Đô 1954 đến 1984. Những ngày giặc Mỹ bắn phá ông tận mắt chứng kiến cảnh bom rơi xuống phố Nguyễn Thiệp, phố Huế, Nhật Tân, bom rơi sát đền Ngọc Sơn nhưng ông gần như không viết gì về Hà Nội ngoài bài ký Chim bay trên trời Hà Nội. Ấy là bởi ông không phải nhà văn của chốn phồn hoa đô hội, nhà văn của thành thị, như Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Hồng, Tô Hoài. Ông sở đoản trong việc mô tả tâm lý. Các nhân vật của ông là những chấm phá đơn giản. Thể loại mà ông sở trường là ký. Đất rừng phương Nam thực ra là những bài ký xâu chuỗi nhau, mà sợi dây là chú bé An. Tiếng gọi ngàn mới đúng là truyện. Có cái gì đó rất là riêng tư trong thiên truyện này. Một nỗi tiếc, xót xa cho những ước vọng không thành, cho thân phận con người. Tiếng gọi ngàn là một Nhớ rừng văn xuôi, da diết và đau đớn. Chưa thấy ai viết về con heo rừng hay như vậy. Không hiểu sao, mỗi lần gặp Đoàn Giỏi là tôi lại bị ám ảnh bởi ý nghĩ rằng ông là con người khác thường. Nếu sinh vào thời khác, xứ sở khác hẳn ông là một tay anh hùng hảo hán, một chủ sơn trại kiểu Cặp Thời Vũ Tổng Công Minh, một bố già chọc trời khuấy nước. Nhưng

rốt cuộc thì ông chẳng phải hảo hán, chẳng phải chủ sơn trại, cũng chẳng phải bố già. Ông đã làm một nghề tưởng như rất xa lạ với bản tính tự do phóng khoáng của ông - nghề văn. Xét về một mặt nào đó thì nghề văn còn tẻ nhạt hơn những nghề công chức cạo giấy, nghề kế toán, tỉ mẩn hơn nghề kim hoàn. Nhưng ngay cả trong công việc khó khăn này ông đã làm được một cái gì đó độc đáo, không giống ai. Ông có bút pháp của mình. Ông không có tên trong các cuốn sách tra cứu về văn học. Không mấy nhà phê bình ngó ngàng đến ông. Nhưng tôi tin rằng ông sẽ tồn tại lâu dài trong lòng bạn đọc. Bởi ông là thi sĩ chân chính của đất rừng phương Nam.

TRẦN ĐÌNH NAM

**ĐẤT RỪNG
PHƯƠNG NAM**



Ra một bước đàng, học một sàng khôn
(Ngạn ngữ)

1

XÓM CHỢ NHỎ, MỘT VÙNG QUÊ XA LẠ

"Có lẽ từ hôm bước lên xóm chợ này, mình đã bắt đầu cuộc sống lưu lạc rồi chăng?". Những đêm giật mình thức giấc, nằm nghe tiếng gió rít thê lương từ các cánh đồng xa mông quạnh và lắng nghe tiếng nước chảy ào ào dưới chân cầu nước⁽¹⁾ bắc ra con kênh thẳng tắp chạy dài vô tận trước ngôi chợ này, tôi vẫn thường vợ vẫn nghĩ như vậy.

Tôi lạc tới xóm chợ này, tính ra đã có hơn nửa tháng. Một buổi tối, đoàn thuyền vận tải quân lương của Ủy ban kháng chiến Nam Bộ đỗ lại đây. Anh học sinh trường cô-lê⁽²⁾, người trong ban tiếp tế đã cho tôi theo thuyền từ Hậu

(1) Cầu nhỏ bắc gie ra sông, dùng để lên xuống rửa ráy, tắm giặt.

(2) Trường trung học.

Giang đến đây, bảo tôi: "Chỉ ghé lại độ nửa giờ cho các chú lên chợ mua thức ăn. Có muốn lên bờ không?". Tôi lắc đầu. Anh bèn vỗ vai tôi cười lớn: "Vậy thì tốt quá, ngồi trên mui ngó lên bờ chơi cũng được. Trông chừng đồ đạc, em nhé!". Anh lần theo đòn dãi bắc sang một chiếc thuyền khác, và lẹ làng như con sóc, co người trèo qua be mấy chiếc tam bản, mấy chiếc xuống nhỏ của những người đi chợ đậu ken dọc theo bến rồi nhảy phóc lên bờ.

- Dừng đi đâu nhé! Uống cà phê xong anh sẽ xuống cho chú mày cái bánh! - Anh xóc khẩu súng mô de đeo bên hông, vẩy vẩy tôi và rướn hai chân, cố nói thật to để cho tôi nghe thấy.

- Rồi! Nghe rồi... Anh cứ đi đi! - Tôi bắc tay lên mồm đáp lại.

Tôi ngồi đong đưa hai chân trên chiếc mui thuyền chờ gạo ngóng lên chợ. Đèn măng-sông trong các hiệu buôn, các tiệm ăn của người Hoa kiều thấp lên sáng rực. Chỗ khoảng sân rộng, những người đàn bà nông dân mặc quần áo bà ba đen, khăn rằn đen vắt chéo qua vai ngồi xếp từng dãy dài sau những chiếc cần xé⁽¹⁾ to tướng, những chiếc thúng đựng đầy áp không trông rõ và không biết đó là thức gì mà họ mang ra chợ bán. Mỗi người bán hàng đều thấp một ngọn đèn con ở chỗ mình ngồi. Và những

(1) Sọt vuông to đáy có hai quai xách; khi cần cứ tra đòn vào khên.



người đi chợ, cũng có nhiều người cầm theo trên tay một ngọn đèn.

Đèn người mua, đèn người bán cứ như sao sa.

Từ trong đám người ồn ào và những ánh lửa đèn luôn luôn di động ở tít chỗ cuối chợ, bỗng nổi lên bốn đầu ngọn đuốc cháy đỏ rực cùng với tiếng trống, tiếng thanh la khua rung dồn dập.

- Hát Sơn Đông, chúng mày ơi!

- Lại coi con bé nhào vòng lửa đi!

- Mau lên, chúng mày ơi!

Bọn con nít từ khắp các ngõ ngách, từ trong các chỗ tối, từ dưới thuyền dưới xuống trèo lên, ba chân bốn cẳng reo hò chạy về chỗ đám hát rong. Tự nhiên hai chân tôi cũng ngứa ngáy muốn tuôn theo. Đã bắt đầu nghe tiếng i ô của người Khách⁽¹⁾ mãi võ giới thiệu các môn trình diễn, và tiếng vỗ tay hoan hô của đám người xem vây quanh. Tôi kiểng chân lên coi họ làm gì đằng ấy. Xa quá, chỉ thấy đầu người lô nhô và mỗi lúc lại nghe tiếng cười khoái trá dậy lên. "Lâu nay mình xem chán rồi. Còn lạ gì cái thứ trò ấy!" Tôi tự nhủ thầm như vậy và khinh khỉnh nhìn về đám người huyền não để nén sự thôi thúc cứ dồn trống trong ngực.

- Thằng An còn ngồi đấy không? - Bác tài công già cầm xâu thịt và một mớ rau cải vừa bước lên đôn dài vừa hỏi, giọng ồm ồm.

(1) Người Trung Quốc.

- Cháu còn đây, bác ơi! - Tôi vội đáp, bụng hơi rạo rức.

- Nè, mà mày muốn coi hát Sơn Đông không? - Bác lại hỏi.

- Các anh bảo cháu ở đây coi chùng thuyền.

Bác tài công vút râu thít vào cái rổ, vắn lưng uốn xương sống nghe rắc rắc, hơi thở nặc nồng mùi rượu.

- Ê, mày đã ăn thịt nai xào cải rổ chưa? Sáng mai tao cho mày ních một trận, phải biết nhá! - Rồi bác cười lớn - Tao đi đã khắp ngọn nguồn sông lạch mà chưa thấy ai mập như con mẹ chủ quán này. Nó rót luôn cho tao năm ly rượu tằm bông mắt thỏ mà không nhều ra ngoài một giọt chứ!

- Bác có lên chợ uống cà phê không? - Tôi hỏi.

- Tao mà cà phê cà pháo gì mậy? Ờ, mà các chả⁽¹⁾ đang làm cà phê trong cái quán chỗ đám hát Sơn Đông đó! Thôi, có tao ở đây rồi. Cho mày lên chợ chơi một lát. Nhớ đường trở xuống bến không? Đừng có đi đâu xa, coi chùng lạc.

Trời ơi, một thằng bé từ lọt lòng mẹ đến giờ sống ở thành phố như tôi mà có thể lạc trong cái chợ nhỏ xứ quê này? Tôi cười thầm trong tối, từ trên mũi gieo người nhảy dộp xuống sạp thuyền.

(1) Cha ấy, bố ấy.



- Cười gì đó mậy, An? - Bác nhượng mắt hỏi tôi.

- Không. Cháu có cười gì đâu?

- Bộ mày tưởng tao say hả? Ê, tao còn thấy cái bông bần⁽¹⁾ trôi giữa kênh kia nhá!... Chà, nước giạt ròng rồi.

- Cháu lên đây, bác ạ!

Không chờ nghe bác ừ, thoáng cái, tôi đã đặt chân tới bờ. Chao ôi! Chợ gì mà lạ lùng thế này? Bộ Tây sắp đánh tới nơi, nên người ta đem vườn bách thú ra phát mãi hay sao! Một con ba ba to gần bằng cái nong, đặt lật ngửa, cứ ngo nguậy bơi bốn chân trước ông cụ già ngồi lim dim đôi mắt. Những con rùa vàng to gần bằng cái tô, đều tắm tấp, như đổ ở cùng một khuôn ra, nằm rục cổ trong mấy chiếc giỏ cần xé. Đây là một con nai người ta vừa xẻ thịt ra bán, cái thủ còn nguyên chưa lột da bày giữa đồng thịt đỏ hỏn trên một tấm lá trâm. Cua biển cũng có, ếch cũng có, nghêu sò cũng có. Còn cá tôm thì nhiều lắm, đủ các loại cá tôm, không kể xiết. Tôi bước thêm mấy bước, qua những đồng trái khóm⁽²⁾ chín vàng tỏa thơm mùi mật, thấy hai con trút⁽³⁾ nằm khoanh, vẩy xếp lại như những đồng hào lấp lánh. Có tiếng chim gì mổ nhau kêu quang quác trong chiếc lồng kẽm chỗ tôi tới: ngọn đèn vừa bị cánh chim

(1) Một loại cây mọc theo mé sông, đầm nước, còn gọi là thủy liễu.

(2) Dứa.

(3) Con tê tê.

đánh nhau quật tất, và người chủ bán chưa kịp thấp lên. Một chú khỉ con cứ nhảy qua nhảy lại lia lịa, chồn vờn trèo lên đóng bí ngô. Thấy tôi đi qua, nó nhe răng khếch khếch, ngó tôi rồi quay lại nhòm người chủ, dường như muốn bảo tôi hỏi giùm tại sao cái lão rậm râu kia không thả mỗi dây xích cổ ra để nó được tự do đi chơi như tôi... Đằng chỗ đám hát rong, một tràng pháo nổi lên vang dậy. Tôi chẳng còn tâm trí đâu mà nhìn ngó chung quanh nữa. Tôi lại ba chân bốn cẳng nhắm mắt nhắm mũi lao về phía tiếng ồn ào đang có một sức cuốn hút không cưỡng được.

"Mình chỉ coi một chút thôi!" Tôi nghĩ bụng và đưa mắt nhìn vào trong ngôi quán cà phê nhỏ núp dưới tàn cây bã đậu chôm chồm những gai. Cái lưng gù gù anh học sinh trường *cô-le* lấp ló qua vai những người dân quân tự vệ đội nón bàng rộng vành thả trễ sau gáy. Tôi muốn vào báo cho anh biết tôi đã lên đây, nhưng bụng phân vân: "Lỡ ảnh⁽¹⁾ bảo xuống thuyền thì sao?... Ừ, mà mình chỉ cần coi qua một chút thôi mà!".

- Chen đâu mà chen dữ vậy hả? - Một thằng bé lùn lùn, béo ục ịch, trợn mắt hích khuỷu tay vào hông tôi.

- Cho tao coi một chút mà!

Nghe tôi nói bằng một giọng nhường nhịn, thằng bé tức thời nép người qua để cho tôi lách

(1) Anh ấy.



vào, rồi nó nhe răng cười làm như tôi với nó đã quen từ hồi nào.

- Mà mới tới à? Hồi nãy vừa diễn trò hai con khỉ kéo xe mê lắm!

- Ủ, mình mới tới! - Tôi đáp cho có đáp, không còn chú ý nghe nó kể những gì bên tai nữa.

Người Khách mãi võ mặc quần áo chèn màu đen đã bán qua một lượt thuốc cao, bắt đầu giới thiệu tiết mục "Em bé mười tuổi nhào qua vòng lửa".

- Trò này đêm qua có diễn rồi. Không thể tả được mà! - Thành bé lùn lùn béo ục ịch lại rỉ tai tôi, giọng đầy tự hào về cái chuyện nó đã được xem trước tôi.

Một em bé vận bộ quần áo bằng xa tanh màu đỏ, tóc tết quả đào, mang đôi hài vải đen bước ra, cúi chào khán giả. Chiếc vòng sắt quần giẻ tẩm dầu lồng giữa một khung gỗ hình chữ nhật, dựng đứng cỡ ngang tầm mắt tôi, bày giữa hiện trường. Dứt loạt vỗ tay chung quanh, người Khách già cầm ngọn đuốc châm vào chiếc vòng quần giẻ. Túc thời một vầng lửa hình tròn như chiếc bánh xe lửa của Na-tra⁽¹⁾ phục cháy vù vù. Em bé lại nghiêng đầu chào mọi người rồi dún chân một cái, chạy tới ba bước gieo mình như một con thoi bay qua vòng lửa. Mắt tôi hoa lên, chỉ còn thấy cái bóng đỏ lao qua lao

(1) Một nhân vật trong truyện "Phong thần" (Trung Quốc).

lại xuyên ngang văng lửa, và hai tai tôi ù đi vì tiếng reo hò, tiếng vỗ tay vang dậy.

- Đêm qua, nó nhào sáu lần mà bữa nay nó tăng lên tới tám lần! Mà thấy ghê chưa? -
Thằng bé lùn lùn béo ục ịch lại hích tôi, vênh mặt nói.

Trong lúc người Khách cầm mấy chai rượu thuốc đi vòng quanh chào hàng thì em bé vừa đứng thỏ vừa đưa hai bàn tay nhỏ phỉ phỉ những sợi tóc cháy trước trán. Đường như đêm nay số thuốc bán được ít ỏi quá. Người Khách mặt buồn buồn, đặt mấy chai rượu thuốc lên cái rương lớn màu đen, cố làm ra vẻ tươi tỉnh:

- Ông bà cô bác xem xong trò này, rồi hẵng mua giùm sau cũng được. Hầy! Tả lô lên⁽¹⁾...

Tiếng trống, tiếng thanh la lại khua rung dồn dập. Ông ta cầm một nắm dao con sáng loáng tung lên bắt từng chiếc một, rồi lần lượt cắm tất cả mười hai con dao ấy vào những khe hở đục trong cái vòng sắt còn đang rừng rực lửa. Những mũi dao nhọn hình lá trúc đào lấp lánh ánh thép trắng xanh tua tủa chĩa ngược vào trong, càng làm thu hẹp cái khoảng tròn ban nãy vừa đủ một thân mình người chui qua. Người Khách liếc nhìn mấy người đánh trống đánh thanh la, ra hiệu ngừng tay. Ông ta nhướng mắt hét lên một tiếng, rừng mình thu người lại, và lập tức dún chân bay qua giữa

(1) Này! Giống đại thanh la lên.



những mũi dao tua tủa. Tôi nhắm mắt lại. Trời ơi! Chỉ nhích ra một phân, bất cứ ở phía nào thì những mũi dao sắc nhọn như gươm kia cũng đâm xóc lút vào da thịt. Ông ta lao đi lao lại ba lần như vậy, mà trông sắc mặt và hơi thở không chút biến đổi.

- Người lớn làm không hay. Em bé làm mới hay! - Người Khách vung tay giới thiệu.

Em bé gái bước ra, nghiêng đầu chào mọi người. Hai bàn chân đi đôi hài vải đen nhỏ xíu khỏi động giẫm lên giẫm xuống một chỗ trên mặt đất lổm chổm những hòn cuội. Tôi hồi hộp quá. Đôi môi em bé run run. Rõ ràng là nó đang cố trấn tĩnh trước phút biểu diễn cái trò vô cùng nguy hiểm này!

- Có ba ở đây, con! - Người Khách nói bằng giọng khuyến khích vui vẻ, nhưng cặp mắt ông ta trông nghiêm nghị đáng sợ.

Em bé tức thời hét lên một tiếng như bố, dún chân bay xuyên qua giữa vòng dao rục cháy. Chung quanh im phăng phắc. Mọi người không kịp vỗ tay. Có lẽ vì sự thần phục cùng với nỗi lo sợ thay cho em bé cùng một lúc ập vào làm choáng ngợp mọi trái tim người. Em bé lao qua vòng dao lần thứ nhất, rất dễ dàng. Em lại mím môi lao qua lần thứ hai. Đến lần thứ ba, thì một tiếng thét kinh hoàng của những người xem nổi lên chung quanh tai tôi. Em bé đã ngã bổ xuống bàn chân phải mắc vào một mũi dao.

Người xem chạy ủa vào. Ông Khách già ôm ngang lưng con gõ chiếc hài đen ra khỏi mũi dao. Một dòng máu đỏ từ trong vết thương bàn chân em bé tuôn ra như suối.

- Không hề gì mà! Dán một lá thuốc cao, khỏi ngay thôi! - Ông Khách vừa nói vừa rắc một ít thuốc cầm máu màu đen để hàn miệng vết thương, và trao đứa con gái cho một bà xẩm⁽¹⁾ vác đưa xuống chiếc thuyền đậu trong một con mương gần đấy.

Bọn trẻ nhỏ ùn ùn chen lấn chạy theo coi. Mặc dầu đám hát vẫn tiếp tục biểu diễn, nhưng tôi không còn lòng dạ nào xem nữa. Tôi cũng chạy theo đám trẻ, lần xuống mé nước đứng ngó vào thuyền.

Em bé ngồi tựa lưng vào mũi, đôi mắt to đen láy nhìn xuống vết thương trên mu bàn chân đã được bó một lá thuốc cao. Không thấy máu chảy nữa. Nhưng bàn chân cứ run run, lâu lâu lại giật một cái, khiến em nhắm mắt lại. Bà xẩm cầm ngọn đèn soi vào chân con, trông mắt đỏ hoe.

- Con có đau lắm không, con?

Em bé nhắm nghiền mắt, hai bàn tay bóp chặt trên ống chân, lắc lắc đầu. Một giọt nước mắt người mẹ rơi xuống bàn chân nhỏ của đứa con đau. Em bé mở choàng mắt ra, hốt hoảng

(1) Đàn bà Trung Quốc.



nhìn mẹ, như vừa bị một giọt nước sôi rơi trúng vào chân.

- Ô, không có làm sao đâu, má à? Buốt buốt một tí thôi!

Vừa nỡ, cô bé vừa quờ tay ôm ngang lưng mẹ và cố nhoẻn cười cho mẹ yên lòng. Nhưng sau đó một chốc, em lại nhắm mắt lại. Mấy giọt mồ hôi rịn rịn tươm ra trên vầng trán nhỏ. Tôi biết chắc rằng em bé đang đau lắm. Tôi không dám đứng nhìn nữa, bèn trở lên chợ.

Bấy giờ đám hát cũng vừa tan. Tôi sực nhớ ra là mình đã đi lâu quá. Tôi liền chạy vào quán cà phê. Không thấy anh học sinh *cô-le* đâu. Tôi nhằm hướng đầu ngọn cây bàng khô, chạy một mạch về. Đoàn thuyền vận tải quân lương không còn chiếc nào đậu ở đó nữa. Tôi chạy dọc theo bến chợ một quãng, hy vọng họ vừa rời đi, mình còn có thể đuổi theo kịp.

Trời tối quá. Lửa đèn trên sông dần dần thưa thớt. Chợ cũng đã tan rồi. Tôi trèo lên một đống gạch, đứng ngóng theo làn nước lấp loáng ánh sao xuôi xuôi trên dòng kênh không biết chảy về đâu. Một người đàn bà quảy đôi thùng xuống bến lấy nước, đứng lại nhìn tôi hồi lâu, rồi hỏi:

- Nhỏ! Phải mày ở trong đoàn thuyền vận tải không?

- Dạ phải! - Tôi vội đáp, bụng hơi mừng - Họ đi đâu rồi, dì?



tan. Người tản cư ở các vùng trên đổ xuống ùn ùn như nước. Mặt nước dòng kênh không mấy lúc ngọt tiếng khua động mái chèo. Cái chợ con nằm trên ngã ba kênh của xứ làng quê hẻo lánh này trở nên đông vui nhộn nhịp như một thị trấn nhỏ. Người từ Sài Gòn chạy xuống tới đây cũng có. Người vùng Tiền Giang, Hậu Giang cũng có. Nhiều con mụ đàn bà mặc áo lụa trắng bô-đê⁽¹⁾, che dù đầm, núng na núng nính rén bước đi lên chợ, mắt cứ ngó xuống chân dép xăng-đan, sợ bùn đất vấy gấu quần. Tiền bạc đựng nứt ví, nhưng mua gì cũng chê ỏng chê eo, trả giá rẻ mạt. Tôi chỉ nghe họ than phiền với nhau rằng: "Lính mình dở quá, không chặn nổi Tây", rằng "chạy vào đây không có nước đá uống, không có nước ngọt tắm". Thấy tôi lảng vảng đến gần chỗ thuyền họ, họ nhìn chòng chọc vào tôi, bộ như muốn ăn thịt: "Ê, đi đi, thằng nhỏ. Mò mẫm toan ăn cắp hả?". Tôi ức đến muốn khóc. Có ai quen, gặp tôi bây giờ cũng không nhận ra tôi nữa đâu. Ngồi bó gối trên cầu nhìn xuống nước, chính tôi cũng khó nhận ra mình trong cái hình thù quái dị này. Tóc tôi đã mọc dài gần phủ gáy, hai quầng mắt hõm sâu, cổ gầy nhom như cổ cò ma. Chiếc áo vét-tông bằng ka-ki trắng của anh học sinh *cô-le* cho tôi, giờ đây đã biến thành màu cháo lòng, vạt áo phủ xuống tận gối, cứ kêu loạt xoạt theo mỗi bước đi. Còn chiếc quần đùi bằng vải

(1) Tiếng Pháp: bô-rô-đê, nghĩa là thêu.

len của tôi thì bạc phếch ra, hai ống rách te tua như bị cá chốt rĩa.

Ai nhờ việc gì, tôi cũng giúp. Mấy thím bán cá nhờ tôi khiêng thúng mùng, xách nước cho họ thay nước rộng cá.

- Em bé! Vác cho qua⁽¹⁾ bó mía đi!

- Em bé! Đội thúng tôm lên chợ giúp dì đi.

- Nhỏ! Nhỏ! Chạy xuống mé kênh cắm lại cây sào của dì sắp trôi kia!

Kể cho tôi nắm xôi, người cho tôi gói bắp. Không ai biết tôi từ đâu trôi dạt tới.

Ngày nào tôi cũng tạt qua trước ngôi quán rượu một lần. Biết đâu bác tài công già hôm nọ chẳng qua ngang mà ghé lại đây?

Những ngày đầu mùa mưa năm 1946 cứ ì ạch nặng nề lê đi từng bước khó khăn như người đàn bà sắp ở cũ cứ trở dạ mãi mà vẫn chưa đẻ được. Ở cái vùng nước mặn miền tây Nam Bộ này, người ta mong mưa như bọn trẻ con chúng tôi mong mẹ về chợ. Mưa có nước ngọt uống, có nước cày bừa, nhưng điều quan trọng nhất trước mắt, là mưa có thể làm chậm bước của địch trong các cuộc tiến công, gây trở ngại cho chúng trên các nẻo đường hành quân vì trơn trượt, sinh lây.

Trời càng sắp mưa thì càng oi bức khó chịu. Ban ngày, mặt trời đỏ nắng chang chang, nóng như giọt lửa. Chỉ khi đêm đến mới có đôi chút

(1) Tiếng xưng "tôi" thân mật của người cao tuổi.



gió lao xao từ hướng vịnh Thái Lan thổi tới. Thường thường, đêm nào người trong chợ cũng xách chiếu ra ngồi dọc bờ kênh hóng mát, coi thuyền tản cư và thuyền chở Cộng hòa vệ binh⁽¹⁾ từ mạn trên chảy xuống. Quán rượu dì Tư Béo là nơi tụ họp của những người thức khuya nhất, có khi đến một hai giờ sáng hầy còn đỏ đèn và ran tiếng nói cười.

2

TRONG TỬ QUÁN

Tôi thường lân la đến quán dì Tư Béo, bởi lý do mong gặp người quen. Nhưng còn một lẽ khác nữa, là ở đó, tôi có thể nghe đủ mọi thứ chuyện trên đời. Việc gì vừa xảy ra ở bất cứ xó hẻm nào quanh chợ, lập tức trong quán dì Tư Béo mọi người đã biết ngay. Từ những tin tức nóng hổi ở mặt trận Vàm Xáng như: "... một chiến sĩ ta bị thương, khúc ruột lòi ra, anh lấy tay nhét vào, không rên một tiếng", cho đến chuyện "ông Tổ sư Bồ đề truyền dạy phép màu

(1) Tổ chức quân đội chính quy sau ngày cướp chính quyền của Nam Bộ, một trong bốn sư đoàn dân quân cách mạng vũ trang Nam Bộ.

cho Tề Thiên Đại Thánh như thế nào..." tôi đều có thể nghe được ở đây.

Đó là một ngôi quán nhỏ xệch xạc, trống trước trống sau, cất dựa bên bờ kênh dưới bóng một cây gạo cổ thụ. Mái lá rách thủng lỗ chỗ, ban ngày nắng soi xuống mặt chiếc bàn dài, thả những bóng trứng vịt xuống bên mâm người ngồi nhậu, và ban đêm, người ta có thể uống cả một vì sao xanh rơi trong lòng cốc.

Quán rượu dì Tư Béo nổi tiếng về thứ rượu tấm ngọt giọng, phảng phất mùi cháy khê nổi mà không nhà nào cất được, về tài xào nấu các món thịt rừng mà các lão già tính hay bông phèng đã nức nở khen rằng "nhắm xong một miếng, thấy người phấn hưng, trẻ tráng ra ngay". Nhiều người tin như vậy. Chứ như tôi, tôi nghĩ rằng những người lui tới nơi đây là bởi tự thói quen cố hữu của họ. Mà bà chủ quán vốn là một người đái bôi xởi lởi, không bao giờ để phật lòng bất cứ một ông khách nào dù khó tính đến đâu. Duy chỉ có một điều mà ai cũng biết nhưng cũng chẳng ai nói ra, là trong sự dễ dãi hào phóng của bà ta, dù thế nào thì thế, một đồng xu cũng không lọt được qua cánh tay nhòn nhẩy bóng mỡ của bà, vì bà không để mình chịu thiệt với ai bao giờ. Chẳng vậy mà một hôm, bà ta đã bảo tôi: "Tao thấy mày sống hồm rày ở chợ này như con chó hoang. Tội quá! Về đây mà ở, tiếp giúp tao việc vặt trong quán. Mày sẽ tha hồ ăn, tha hồ uống. Còn như công



xá..." Bà ta im lặng một lúc, sụt sịt mũi: "Nói chuyện công xá, hóa ra cháu ở độ cho dì sao? Dì có một thân một mình. Dì coi cháu như con thôi. Mẹ con mà tính chuyện tiền bạc thì còn ra cái nghĩa gì!".

Tôi đứng lặng đi một lúc lâu, bàng hoàng không biết đáp ra sao. Trước mắt tôi, dòng kênh xanh ngắt lặng lẽ chạy hút vào chân trời. Một cánh buồm nhỏ xíu bồng bênh trên khối nước, ở một nơi nào xa lắm, đôi khi không trông rõ, dường nửa thực nửa hư. Quay nhìn về hướng quê nhà, chỉ thấy mây trời đùn cao như núi. Ngày mai tôi sẽ đi về đâu, sống ra sao, tôi chưa biết. Tôi chẳng ở đây thì còn ở đâu nữa? Tôi gật đầu, chẳng nghĩ ngợi gì.

- Vâng. Cháu sẽ ở đây với dì!

Tôi trở thành thằng nhỏ hầu rượu trong quán dì Tư Béo bắt đầu từ hôm đó.

- Cầm hào bạc đây, ra chợ mà cắt tóc ngay đi! - Bà ta vừa truyền lệnh cho tôi, vừa tháo mấy cây kim băng cài miệng túi áo chích⁽¹⁾ đưa lên ngậm ngang mồm, và móc từ trong miệng túi thâm đen vì bẩn mỡ ra một nắm giấy bạc, nhặt một tờ hào dúm vào tay tôi.

Khi tôi cắt tóc xong, trở về quán thì thấy bà ta lúi húi ngồi khâu bên rổ may.

- Lại ướm thử cái quần đùi coi nào. Dì khâu cho mày đấy.

(1) Áo ngắn tay, tựa như áo lót.

Bà ta đứng dậy, cầm mảnh lụa đen vừa cắt ra từ ống quần dài cũ của bà, chỉ cần khâu một đường lưng và một đường khoét đáy là thành một chiếc quần đùi. Tôi mặc thử, thấy hãy còn quá rộng.

- Cầm bánh xà phòng thơm của dì, xuống bến tắm đi. Rồi lên mà mặc quần mới, con! - Bà ta ngọt ngào bảo tôi.

Bà ta nói với tôi rất ít, lời lẽ dịu dàng, nhưng mỗi câu là một mệnh lệnh. Sau khi tắm rửa xong, tôi vội mặc chiếc quần lụa đen ngắn vào. Bà ta ngồi nheo mắt, cười làm rung rung hai tầng mỡ của đôi gò má bóng nhẫy, ngắm tôi hồi lâu.

- Tươi đa! Sạch sẽ thơm tho như vậy mới có thể hầu khách được. Chứ đừng gần người ta mà hôi như cú thì họ gõ chai lên đầu biết không? Mà trông mày mặt mũi cũng sáng láng đấy. Có chữ nghĩa gì bỏ túi không?

- Dạ, cháu đã đỗ xép-phi-ca⁽¹⁾ tháng sáu năm ngoái.

- Thiệt chứ ? Trời, thằng này giỏi đa! Mới mười bốn mười lăm tuổi mà đỗ phi-ca thì giỏi lắm. Ồ, hồi tao còn con gái, có một ông giáo phi-ca chú ý đến tao, nhưng duyên trời không định. Chà, ngày xưa đỗ phi-ca là đã nên ông nọ ông kia rồi. Khổ cho mày, gặp thời buổi loạn ly!... Thế ba má cháu đâu?

- Dạ, ở xa lắm! - Tôi đáp một cách miễn cưỡng.

(1) Tốt nghiệp tiểu học (bậc tiểu học tương đương với cấp I bây giờ).



Thấy tôi không muốn nói, bà ta cũng thôi không hỏi. Bà ta vốn là người khôn ngoan, lịch thiệp và từng trải, luôn luôn đoán trước ý mọi người, biết lúc nào nên nói, lúc nào nên không và nên chấm dứt câu chuyện ở chỗ nào. Điều này, tôi nhận ra trong những đặc tính của bà ta chỉ qua vài ngày sau thôi.

Kể ra thì khách rượu của quán dì Tư Béo không thiếu hạng nào. Những tay vô công rồi nghề, la cà ngồi tán dóc suốt ngày cũng có. Những người tản cư, cấm thuyền tạt lên uống chén rượu rồi quày quả đi ngay cũng có. Bọn con buôn vào ngồi chỉ cốt lấy chỗ gặp gỡ, trao đổi luồng hàng đương khan hiếm, và để kiếm món xào nướng khoái khẩu hơn là vì cần rượu. Đôi khi, một vài người lính Cộng hòa vệ binh có tuổi lớn rồi chỗ trú quân vào làm một cốc rượu khan, trước khi ra khỏi quán cứ đưa ống tay áo chùi rìa mép và dặn đi dặn lại tôi: "Này, chú em, hễ có ban chỉ huy đến hỏi thì nói không có ai tới uống rượu đây cả nhé! Nhớ nhé!".

Chỉ trong vài hôm, tôi đã quen mặt hầu hết những đệ tử Lưu Linh⁽¹⁾ của xóm chợ này. Nhưng trong đám người thường lui tới đây, tôi chỉ đặc biệt chú ý có hai người.

Một là lão Ba Ngù. Đường như lúc nào cũng có lão túc trực trong quán. Nói cho đúng thì lão ta cũng không phải là tay mạnh rượu. Nhưng

(1) Người đời Tấn (Trung Quốc), có tài uống rượu, tính phóng khoáng.

lão có thể lai rai uống được suốt ngày. Những chuyện tiểu lâm, những chuyện giang hồ mã thượng lão kể đi kể lại với mọi người, tôi nghe đến thuộc lòng nhưng vẫn thích nghe. Bởi mỗi lần kể, lão thường hay thêm thắt vào những chi tiết bất ngờ khiến tôi phải cười bò ra; hoặc cũng có một đôi chỗ mà lần trước kể dài dòng, lão đã biết khéo léo tước bỏ đi cho câu chuyện thêm tròn trĩnh, dễ nghe hơn. Những lúc đông khách, lão đứng dậy nhường chỗ cho người mới tới. Đôi khi lão còn bưng hộ bát đĩa giúp bà chủ quán. Dì Tư Béo mến lão vì cái tài đưa chuyện và giữ khách không công của lão, nên thỉnh thoảng bà ta cũng đãi lão chút rượu kèm theo một con khô cá lạt nướng⁽¹⁾. Ai mời rượu lão đều uống, không từ chối. Nhưng chỉ uống một chén cho vui bụng người ta thôi. Không bao giờ lão uống đến chén thứ hai. "Mình là người biết tự trọng. Mình có phải là thằng già nát rượu đâu!" Lão thường lè nhè nói một mình như vậy. Cứ mỗi người một chén rượu mời, mỗi ngày đêm lão Ba Ngụ có thể uống tính ra đến một, hai lít! Lão luôn luôn cởi trần, áo chỉ để vắt hồ bên vai, bảo: "Để vậy cho nó mát". Lão chỉ mặc độc chiếc quần đùi: da mặt, da lưng đỏ như cua luộc. Đường như bấm vào bất cứ chỗ nào trong thân hình lão cũng có thể chảy rượu ra ngay được... Đó là người thứ nhất.

(1) Loại cá khô ngon nhất, nướng để uống rượu.



Người thứ hai là Tư Mắm. Không biết y ở đâu, tên thật là gì. Chỉ biết rằng y thường chở mắm lóc, mắm trê, đôi khi chở cả dừa khô và bí rợ trong chiếc ghe lườn⁽¹⁾ bán dọc theo các xóm bờ kênh, nên đồng bào gọi y là Tư Mắm. Còn người đàn bà trạc ba mươi tuổi mà Tư Mắm bảo là vợ y thì không mấy khi thấy bước lên bờ. Có lần, tôi nghe thấy lão Ba Ngù che tay lên miệng bảo với dì Tư Béo: "Chà, bộ thằng Tư Mắm có ngải hay sao mà nó chài được con nôm đẹp quá. Không phải vợ hấn đâu. Dứt khoát là không phải bà chị ạ!" Tư Mắm người dong dỏng cao nước da xanh mét, tóc cắt bom-bê, mái tóc trước trán rủ xuống tận gò má bên phải. Đôi mắt y rất bé và sắc lạ lùng, trông mắt đảo đi đảo lại rất nhanh và không hề nhìn thẳng vào ai bao giờ.

Một buổi sáng, lúc tôi đang bung rở tôm càng xanh từ chợ về đường thì nghe tiếng tàu bay về về từ hướng Sóc Trăng lượn đến. Người trong chợ xô nhau chạy tán loạn. Chiếc tàu bay đảo hai vòng trên xóm Ngã Ba Kênh, bay rất chậm nhưng thật cao, nghiêng qua nghiêng lại quan sát rồi thả xuống một đồng truyền đơn. Những tờ truyền đơn tua ra, bị gió cuốn bay đi về mạn rừng tràm cách chợ có đến vài ngàn thước. Không biết bọn giặc nói gì trong ấy. Nhưng khi tôi về đến quán thì gặp ngay lão Ba Ngù đứng chửi oang oang:

(1) Thuyền độc mộc.

- Tổ cha thằng Tây. Mày bánh thì xuống đây! Chứ bay trên trời thả giấy xuống thì cũng chưa gọi là bánh...

Lão níu rõ tôm của tôi lại, hỏi:

- Mày có nhặt được tờ báo nào đứt trong này không?

- Không.- Tôi đáp.

- Truyền đơn nó kêu gọi Việt Minh đầu hàng đấy!

- Sao bác biết? Bác nhặt được à?

- Nhặt đâu mà nhặt. Thằng Tư Mắm nó vừa bảo thế đấy. Cái thằng coi vậy mà nhát. Nó mới nghe hơi tàu bay một chút đã xuống ghe chèo đi tuốt rồi!

Từ đó đến chiều, gặp ai lão Ba Ngù cũng nói đi nói lại có bao nhiêu chuyện đó. Và chuyện giữa người trong quán cứ xoay quanh vấn đề: "Tây sắp tiến công vào đây! Liệu chúng ta có chặn nổi không?".

Vào lúc chạng vạng, trời bỗng nổi gió to. Tiếng sấm nổ chát chúa trên những vầng mây đen sì mỗi lúc như muốn sà thấp xuống ngọn cây. Mưa bắt đầu rơi lộp độp những hạt to và nặng trên mái lá. Nhưng chỉ ào qua một loạt rồi tạnh ngay. Lão Ba Ngù đứng trước quán, nhìn theo những làn chớp kêu:

- Mưa đi ông! Muốn mưa thì cứ mưa đi. Sao cứ làm khó khăn cho người ta vậy?



- Nếu mưa to thì Tây còn chưa dám vào đâu, phải không anh Ba?

Dì Tư Béo lạch bà lạch bạch như con vịt mái xiêm, ra đứng bên cạnh lão, vừa thở dài vừa hỏi phụ họa.

- Dứt khoát là mưa thì nó không dám tiến công. Nó toàn đi giày, gặp đất trơn trượt ngã bỏ mẹ đi. Hồi *đăng cừu*⁽¹⁾ các ống rải quả mù trên lộ, Tây đi ngã lạch bạch. Thế là dao, mác, mã tấu mình cứ xông ra chém nó như chém chuối!

Tôi dọn rửa bát đĩa xong, không còn việc gì làm cũng ra đứng hóng chuyện bên lão. Bỗng nghe dưới kênh có người hỏi:

- Quán dì Tư có gì nhậu không?

- À, thằng Sáu tuyên truyền! - Lão Ba Ngủ kêu khế.

Dì Tư Béo tức thời quát tôi:

- Vào nhóm bếp lên. Con nít mà biết cái gì, lúc nào cũng chực nghe. - Và bà ta đáp vọng ra kênh. - Vô khối! Còn vô khối!

Tôi ngồi trong bếp vừa nhóm lửa, vừa đưa mắt nhìn ra. Nghe tiếng xuống cấp bên, khua lộp cộp. Dì Tư Béo chạy vào cầm cây phất trần bằng cuống quai⁽²⁾ dũa nước quét lạch xạch trên bàn rượu. "Chắc là có khách sộp đây!" - Tôi nghĩ thầm như vậy, vì nghe lão Ba Ngủ dạ dạ hai ba tiếng, bộ kính cẩn lắm. Rồi thấy anh

(1) Một thời Cần vương, văn thân khởi nghĩa.

(2) Buồng.

Sáu tuyên truyền mồ hôi mồ kê nhễ nhại, tay xách một bao cà roòng công văn giấy tờ, khom người bước qua mái giột, vào đặt phịch cái bao lên bàn. Lão Ba Ngù khệ nệ ôm một chiếc ba-lô to tướng ràng rịt những dây da, lăm lem bùn đất, thận trọng đi từng bước vào và sẽ sàng đặt lên chiếc chõng tre, cạnh cửa ra vào bếp.

Một người đàn ông trạc hăm sáu hăm bảy tuổi, cao lêu nghêu, mặc bộ quân phục ka-ki màu rêu, thắt lưng da rộng bản, khẩu súng pọc-học đeo trễ bên hông, tay xách đôi giày vải, tay cầm chiếc mũ vải kiểu hướng đạo bước vào đưa mắt ngắm nghía một vòng trong quán rồi thông thả kéo ghế ngồi xuống.

Anh Sáu tuyên truyền giới thiệu với dì Tư Béo:

- Đây là ông Huỳnh Tấn, đặc phái viên của Tổng hành dinh Ủy ban kháng chiến Nam Bộ, ở miền Đông mới tới!

Dì Tư Béo chấp hai tay trước bụng cúi đầu chào, nói gì lí nhí trong mồm không nghe rõ, chỉ thấy đôi môi run run một cách cảm động. Ông khách đứng dậy, toét miệng cười, khề nghiêng đầu chào đáp lễ rồi nói một cách thân mật tự nhiên:

- Kiến cán bụng dữ rồi đấy! Dì có gì cho chúng tôi làm ba hột cho đỡ đói cái đã...

Lão Ba Ngù buột miệng đáp ngay:



- Còn nửa rá bún tươi. Có thể ăn với thịt bò xào lá cách⁽¹⁾. Còn nhậu thì... đâu như nhà còn mấy con tôm càng nướng, phải không bà chị? Mà rượu hôm nay không đậm ngon!

Dì Tư Béo gật đầu lia lia:

- Muốn ăn cơm cũng được. Tôi chịu khó nấu. Chẳng mấy thuở mà! Bắt gà làm xé phay ăn thôi.

Anh Sáu tuyên truyền vừa lau mồ hôi vừa nuốt nước bọt, giọng sốt ruột:

- Dì muốn cho ăn thức gì cũng được. Có bao nhiêu cứ dọn hết ra đây. Nhưng phải gấp lên!

Lão Ba Ngụ lẳng xẳng giúp bà chủ quán pha ấm trà, đặt lên bàn mời khách. Anh Sáu tuyên truyền bảo tôi đem cho anh một ít bún tươi, rồi anh rút trong bao cà-ròng ra một cuộn giấy nhật lấy hai tờ rộng khổ nhất úp lên bàn, bảo tôi xếp bún vào.

- Chà, có khẩu hiệu gì mới hả chú Sáu? - Lão Ba Ngụ tò mò hỏi.

- Phải! Vừa lĩnh trên quận về đây. Bác kê giúp cái ghế cho tôi dán lên vách đi.

Anh Sáu tuyên truyền đứng lên ghế, cầm tờ khẩu hiệu ngắm nghía cho cân bằng hai đầu rồi từ từ áp vào vách lá. Dán xong một tờ, anh thông thả dán nốt tờ thứ hai. Tôi cầm đèn soi lên, nhìn trân trân vào những dòng chữ khắc gỗ in mộc bản mà tôi đã đọc nhiều lần trên các tờ khẩu hiệu dán đầy ở những nẻo đường tôi đã vượt qua.

(1) Một loại lá gia vị có mùi thơm, dùng để xào hoặc gói thịt nướng.

Độc lập hay là chết!

Nước Việt Nam của người Việt Nam!

Anh Sáu tuyên truyền lại lôi ra một tờ giấy khổ nhỏ in chữ chì còn thơm phức mùi mực đỏ ty-pô, dán vào vách ngang tầm mắt người ngồi ở bàn. Lão Ba Ngù cứ lăm nhăm đánh vần:

- Khờ... ông... không, chờ... ỉ đi.... Không đi lính chờ... ỏ cho... Không đi lính cho giặc!

Đôi mắt tròn ra, nét mặt trang nghiêm, lão Ba Ngù lần lượt vừa đánh vần vừa đọc hết những khẩu hiệu như những lời thề viết lên bằng máu:

Không đi lính cho giặc!

Không bán lương thực cho giặc!

Không đưa đường chỉ lối cho giặc!

Ai có dao dùng dao, có mác dùng mác, mỗi người dân là một người lính, mỗi thước đất là một chiến hào, sẵn sàng hy sinh bảo vệ nền độc lập cho Tổ quốc!

Đọc xong rồi, lão Ba Ngù lảng lảng bước đến chỗ móc áo, lấy cái áo bà ba đen của lão giữ giữ mấy cái. Đoạn lão mặc vào, cài cả cúc cổ cẩn thận. Lão cứ đứng nhìn lên những dòng chữ đỏ chói như máu kia, hai bàn tay vuốt đi vuốt lại những nếp áo nhăn nheo đã lâu không mặc tới. Không biết có phải vì cơn gió to lúc nãy khiến lão bị lạnh, hay bởi lẽ nào khác tôi không được rõ. Chứ trông nét mặt lo lắng và cử chỉ trang nghiêm của lão thì tôi thấy giống như lão đang

đứng bên giường một người bệnh thập tử nhất sinh. Kinh nghiệm ở những nơi khác thì với tình hình này, chắc chắn là chỉ trong vòng một tuần lễ nữa thôi, giặc Pháp sẽ tiến đến đây...

- Trời ơi, mày có bụng đĩa thịt bò ra giùm tao một chút không? Làm gì mà đứng chết dí ngoài đó vậy? - Dì Tư Béo trong bếp eo éo gọi vọng ra.

Tôi giật mình chạy vào, suýt nữa ngã bổ xuống ngạch cửa. Lão Ba Ngù không vào giúp tôi một tay như mọi khi, lão lặng lẽ ra đứng trước bến hút thuốc lá một lúc rồi bỏ đi đâu mất. Ông Huỳnh Tấn và anh Sáu tuyên truyền đói dữ. Chẳng mấy chốc mà hai người đã làm sạch rá bún và hai đĩa thịt bò xào to tướng. Ông Huỳnh Tấn vươn vai đứng dậy, co duỗi chân tay, cười hì hì:

- Từ sáng đến giờ, hai anh em thay nhau chèo một mạch, chẳng có hột cơm bỏ bụng. Ăn bữa bún ngon quá. Ước chừng còn một rá nữa, chúng tôi cũng ních hết!

Anh Sáu tuyên truyền quay sang hỏi dì Tư Béo đang chấp hai tay trước bụng, đứng bên góc bàn hầu khách:

- Độ mấy giờ thì liên lạc ở Thới Bình lên tới?

- Sớm thì cũng chín mười giờ. Trời đất này, ngược nước ngược gió, họ có thể lên khuya hơn... Các ông cứ ở lại nghỉ cho đỡ mệt. - Dì Tư Béo đáp thông thả, có ý muốn cầm khách.

- Có gì nhậu, dì mang ra vớt đó cho chúng tôi! - Ông Huỳnh Tấn nói một cách vui vẻ. -

Dần bụng rồi, bây giờ có thể lai rai được chứ hả, đồng chí Sáu?

Tôi quạt than hơ lại mấy con tôm càng nướng sẵn, to cỡ cổ tay người lớn mà dì Tư Béo còn cất trong chạn. Trong khi đó, anh Sáu tuyên truyền cầm đèn ra sau quán ngắt mấy ngọn rau răm, còn ông Huỳnh Tấn thì giành với dì Tư để tự tay ông ta giã bát muối ớt cho vui.

- Bác Ba Ngù đi đâu rồi hả dì Tư? - Anh Sáu tuyên truyền chột hỏi.

- Ối, có trời biết ông đi đâu! Muốn đến thì đến, muốn đi thì đi.

- Nhậu mà thiếu bác ấy thì không vui!

- Có tôi đây, chú Sáu ạ! - Lão Ba Ngù từ ngoài nói vọng vào. - May quá, chỉ lo về không kịp!

Lão Ba Ngù bước vào, đặt một lít rượu trong như mắt mèo lên bàn, xoa xoa hai bàn tay rồi đan mười ngón tay vào nhau, nghiêng đầu ngấm chai rượu:

- Tôi chạy vào tận xóm Tràm, nài lại của họ đây. Không mấy thuở... Để khách xa uống rượu không đắng ngon sẽ mang tiếng đất Rạch Giá, Bạc Liêu mình!

Khi ba người đã ngồi vào bàn, sắp sửa rót rượu thì có một bóng người mặc quân phục màu đen, khoác ca-pốt, lom khom bước theo ánh sáng đèn, đi vào quán. Tôi nhận ra ngay đó là anh phân đội trưởng Cộng hòa vệ binh vừa



về đóng quân ở xóm trên đã mấy hôm nay. Ông Huỳnh Tấn bỗng xô ghế đứng dậy, đôi mắt tròn thao láo nhìn anh phân đội trưởng, còn anh phân đội trưởng thì đứng sững lại ở chỗ ngạch cửa, mồm há hốc ra. Hai người im lặng nhìn nhau, rồi cả hai cùng lao tới ôm lấy nhau, tay đấm đấm vào lưng nhau thùm thụp:

- Trời ơi, tao tưởng mày chết rồi!
- Tao cũng tưởng mày chết rồi!
- Vậy ra không thằng nào chết cả...

Hai người cùng tranh nhau nói. Không còn nghe câu nào là của người nào. Những tiếng nói bằng giọng cường tráng sôi nổi vỗ vập tuôn ra cùng với những tiếng cười vui vẻ, mừng rỡ của đôi bạn tình cờ gặp lại, cứ xoắn lấy nhau.

- Sao nghe mày chết ở mặt trận Gò Công rồi? Ngồi xuống đây! - Ông Huỳnh Tấn kéo ghế mời anh phân đội trưởng.

- Chết thế nào được? Ồ, mình có bị thương ở Vàm Láng, Gò Công, - anh phân đội trưởng lột áo ca-pốt ném lên chõng, mở cúc áo trở vào vết sẹo trên ngực. - Xuyên từ trước trở ra sau lưng, thủng một lỗ phổi, cầm chiếc đũa thọc qua được. Bọt cứ tuôn ra phì phì. Cả máu cả bọt. Vậy mà chỉ hơn tháng sau mình đã dậy, ra chỉ huy chiến đấu!

- Sức mày thì ca-nông bắn cũng không chết! - Ông Huỳnh Tấn cười hi hi....

Anh phân đội trưởng bấy giờ mới ngấm nhìn ông Huỳnh Tấn từ đầu đến chân:

- Mày vừa tới đây à? Bây giờ chắc làm to lắm hả? Nhưng chưa quân sự lắm! Hãy còn cái mã của anh sinh viên...

Anh phân đội trưởng bỗng nhếch mép cười, không nhìn vào ông Huỳnh Tấn nữa mà chỉ ngó ra ngoài trời tối đen một lúc rồi từ từ quay lại, giọng trầm hẳn xuống, hơi buồn, pha đượm ít nhiều chua chát:

- Nghe anh em bảo là cậu có theo phái đoàn anh Giàu đi hội kiến với Gờ-ra-xây! Thằng Gờ-ra-xây bắt cậu bỏ vào bao bố nhận xuống cống Sài Gòn - Chợ Lớn, chết rã thây từ cuối tháng mười năm ngoái mà!

- Ối! Anh em ghét mình, họ bịa ra họ nói vậy, chứ mình có đi hội kiến hội môi bao giờ! Mà họ ghét cũng phải thôi! - Ông Huỳnh Tấn nói chậm rãi. - Chuyện còn dài, hăng uống một cốc rượu mừng cái đã.

Lão Ba Ngụ đứng dậy, tay phải ngửa ra, tay trái cầm chai rượu mở nút lá chuối cắn vào mồm, đặt chai rượu nằm xuôi trên lòng bàn tay phải, từ từ xoay bàn tay úp xuống rót rượu ra cốc; khi cốc vừa đầy, lão nhẹ nhàng uốn ngửa bàn tay đưa cổ chai rượu xốc nghiêng lên. Dòng rượu nhỏ và thanh như bị sợi chỉ cắt đứt khỏi miệng chai, tụt xuống mặt cốc đầy, làm sủi bong bóng mấy cái tăm nhỏ chạy vòng quanh.

Lão rót luôn bốn cốc, đều tăm tắp như vậy, không hề nhều ra bàn một giọt rượu nào.



- Trời ơi! Ông già rót rượu đẹp quá! Như nghệ sĩ biểu diễn ấy! - Ông Huỳnh Tấn kêu lên.

Lão Ba Ngù vuốt ria mép, đặt chai rượu xuống bàn:

- Nói các đồng chí tha lỗi, chứ tôi khổ sở và hết nghiệp vì rượu mới chỉ học được cái trò này. Đã uống rượu thì phải biết rót rượu, sao cho đừng có giọt phí giọt phạm nào rơi vãi xuống bàn. Cũng như người lính cầm súng, phải bắn bách phát bách trúng, bắn sao cho đừng trật một viên. Chớ để một thằng Tây nào chạy thoát!

Anh Sáu tuyên truyền cười ha hả:

- Bác Ba bữa nay xuất khẩu thành văn. Vô ban tuyên truyền công tác với tôi đi, cha nội!... Các đồng chí thấy chưa, ngán dân đất Chác Băng này chưa? Rượu chưa vào mà lời châu ngọc đã tuôn ra rồi!

Dì Tư Béo vừa cười múm mím vừa cắt chanh ra vắt rưới lên mấy con tôm càng nướng bóc vỏ.

- Bà chủ uống với chúng tôi một ly cho vui, - ông Huỳnh Tấn hai tay bưng cốc rượu lên đưa sang mời dì Tư Béo.

Dì Tư Béo lắc đầu quầy quậy:

- Tôi xin vô phép các ông. Tôi không uống được mà! Để tôi đi lo cho các ông nồi cháo gà dần bưng⁽¹⁾ để buổi khuya đi đường.

(1) Ăn lót dạ.

Bốn người chạm cốc, uống cạn. Họ hút thuốc lá và thổi khói ra um nhà. Rượu được vài tuần, ông Huỳnh Tấn bắt đầu dặng hắng nói:

- Đây toàn đồng chí, anh em cả thôi. Chẳng ai xa lạ gì mà phải giấu. Anh em họ không rõ, họ ghét mình là chuyện tất nhiên thôi. Mình chẳng có đi hội kiến với thằng Gò-ra-xây đâu. Mình là cái thá gì! Vả lại, nói cho cùng, nếu cần bảo vệ các "anh lớn" thì dẫu vào hang cọp, mình cũng chẳng từ nan... Mình có đi làm cận vệ, người cận vệ độc nhất, đưa anh Giàu đi gặp thằng đại tá Nhật ở đình An Lạc để bàn về các thể thức chuẩn bị gặp thằng Gò-ra-xây. Thằng giặc già này nó lập kế hoãn binh để chờ tiếp viện, trong khi các sư đoàn dân quân cách mạng của ta vẫn còn vây đặc chung quanh Sài Gòn - Chợ Lớn. Tất nhiên là sau đó, cuộc hội đàm ở khu nhà Hui-bon-hoa trong Chợ Lớn chẳng đem lại kết quả nào. Có thể nói là anh em còn thật thà, chứ không phải ngán gì nó đâu!

Anh phân đội trưởng chành môi ra, không biết anh cười hay không cười, chỉ thấy đôi cầu vai rung rung:

- Không ngán mà lại toan đình chiến với chúng nó?

- Anh em nhiều người đã nói và nghĩ như cậu. - Ông Huỳnh Tấn nói chậm rãi, giọng ôn tồn. - Trong lúc toàn thể dân chúng quyết xông ra bóp chết quân giặc xâm lược mà nói đình



chiến thì ai mà không ước? Có thể nói các tướng lãnh của mặt trận Sài Gòn - Chợ Lớn không ai chủ trương vậy đâu!

- Không chủ trương, không tán thành mà có cuộc hội kiến ấy? - Anh phân đội trưởng nhóm đây, nói cắt ngang...

Ông Huỳnh Tấn lặng thinh, tự rót rượu cho mình, cầm cốc lên uống từng ngụm nhỏ. Nét mặt ông trở nên đăm chiêu, răn rỏi lạ. Dường như ông không phải con người liến thoắng vui tính như khi mới bước vào quán lúc chập tối. Ông nói:

- Nóng làm gì? Thong thả mình kể cho cậu nghe. Một lần nữa, mình khẳng định là không ai chủ trương đình chiến. Bằng cứ là trong hội nghị các tướng lãnh của mặt trận Sài Gòn - Chợ Lớn tại Tổng hành dinh của Ủy ban kháng chiến Nam Bộ tại chợ Đệm...

- Có những ai nào? - Anh phân đội trưởng bấy giờ mới ngồi xuống ghế, chăm chú nghe.

- Đông lắm! Mình không nhớ hết... Tất nhiên là có anh Trần Văn Giàu, anh Huỳnh Văn Tiểng, anh Từ Văn Ri, anh Hai Râu, anh Nguyễn Lưu, anh Mười Trí, anh Tư Ty và... anh Ba Dương. Cậu nhớ Tư Ty không? Trời ơi, có thể nói cha ấy là một ác-xơ-nan⁽¹⁾, khắp người đeo đầy vũ khí. Nào dao găm, súng lục, nào gươm Nhật... lại đeo ống nhôm, đội nón⁽²⁾

(1) Kho binh khí.

(2) Mũ (Tiếng miền Nam).

sắt, mang ghệt, đi giày đinh. Tư Ty giữ mặt trận Bàn Cờ, Chợ Đũi ấy mà!

- Nhớ rồi! Khi mình rút xuống Mỹ Tho, còn nghe nói anh Nguyễn Lưu lãnh đạo công đoàn nội thành Sài Gòn - Chợ Lớn đánh nhiều trận sướng lắm, phải không?

- Ừ, Nguyễn Lưu thì còn nói gì nữa! Dân Côn Đảo về mà!

- Nói ngay chỗ cuộc hội nghị ấy nghe nào!

- Lúc đang họp thì anh Ba Dương đáp một chiếc tàu sắt từ Bình Xuyên đi tới. Cậu biết anh Ba Dương chứ? Xưa nay vẫn vậy. Thủ lĩnh Bình Xuyên, dân anh chị mà lúc nào cũng khiêm tốn, ôn hòa, ít nói... Trong cuộc họp, Ba Dương chỉ lặng lẽ ngồi nghe, hai tay tì vào thành chiếc bàn tròn vòng gỗ, mặt cẩm thạch, thứ mặt bàn lúc nào cũng lạnh như nước đá ấy. Mọi người bàn cãi lung tung việc nên ngưng bắn hay không ngưng bắn. Đợi cho mọi người ngớt tiếng, bấy giờ anh Ba Dương mới đứng dậy, thông thả rút trong túi áo bành-tô ra một cái chai, đặt cộp xuống giữa mặt bàn. Biết gì không? Trời ơi, trong chai toàn là những ngón tay người ngâm rượu. Anh nói: "Đây là ý kiến của anh em Bình Xuyên phát biểu với hội nghị, khi nghe nói có lệnh đình chiến". Rồi anh nghiêm giọng, tiếp: "Họ chặt ngón tay thề trước bàn thờ Tổ quốc, trước ảnh Cụ Hồ là nhất định đánh đến cùng... Các anh ra ngoài kia mà coi



chiếc tàu của tôi. Tụi Tây ở Rạch Kiến nó bắn tôi như vậy đó!".

- Thế thì còn đi hội nghị với Gờ-ra-xây làm chớ gì nữa? - Anh phân đội trưởng vung tay, nói như quát.

- Đi là đi, còn đánh là đánh! Hai vấn đề khác nhau. Vấn đề chủ yếu là đánh. Mình kể cho cậu nghe vừa rồi đó. Anh em có ai rút lui đâu!

Ông Huỳnh Tấn còn toan nói điều gì nữa đó, chừng như sắp nói một câu quyết liệt lắm thì phải, nhưng ông lại thôi, mặt lăm lăm, móc thuốc lá ra đốt hút một cách bực dọc. Anh phân đội trưởng chấm đầu ngón tay trở vào rượu vẽ vẽ lên mặt bàn. Còn anh Sáu tuyên truyền và lão Ba Ngụ thì ngồi đưa mắt nhìn nhau. Tôi thấy mọi người im lặng, tự nhiên mình cũng đứng ngây ra, không dám động cựa. Trong quán chỉ còn nghe tiếng củi nổ lép bép và tiếng nước sôi reo đều đều sau bếp. Lâu lâu, trời lại chớp lên một cái. Mặt nước dòng kênh sáng rực trong ánh chớp. Những đầu ngọn cây tràm và chiếc xuống không đang buộc bên kia bờ hiện lên xanh biếc, dường như trời đất cỏ cây và những gợn sóng lăn tăn không ngớt vỗ nhẹ đôi bờ kia thấy đều rung rung trong sắc xanh kỳ ảo, mắt người chưa kịp trông rõ đã biến mất vào bóng tối.

Một giọng hát buồn của anh thanh niên nào đó, đang thả thuyền trôi theo dòng kênh, nghe mỗi lúc một gần.

"... Ngoài hiên giọt mưa thu... thánh thót rơi... Phòng vắng...".

Lão Ba Ngụ tức thời đứng dậy, bước thình thịch ra ngoài.

- Ê, ghe ai chèo lạc xạc đó? - Lão hỏi.

Dưới thuyền có tiếng đáp:

- Đi chỗ củi về đây, ông nội. Xét giấy hả?

- Dưới ghe có ai bệnh sắp chết phải không? -

Lão Ba Ngụ lại hỏi, giọng cay độc.

- Có ai bệnh gì đâu! Đừng có trù mật!

- Hừ, vậy mà tưởng thằng nào đang mắc dịch mắc gió gì dưới ghe đó chứ. Bộ sắp chết sao mà rên khừ khừ vậy? Ê, bây giờ không phải là lúc hát cái giọng mèo ưót đó nữa, nghe chưa?

Không có tiếng trả lời. Tiếng chèo khua mỗi lúc một xa. Lão Ba Ngụ thở phì phì, bước vào quán cởi áo ra ném bên chõng cái xoạch. Anh Sáu tuyên truyền liếc sang ông Huỳnh Tấn và anh phân đội trưởng, cố nín cười. Khi thấy hai người này cũng đang nhin cười như mình, anh Sáu tuyên truyền không nín nổi nữa, bèn phì một tiếng và một tràng cười ha hả vụt nổ ra.

- Chú Sáu, chú cười tôi cái gì? - Lão Ba Ngụ toan ngồi xuống ghế lại thôi, mắt lão dán vào đôi môi đang cười rung rung trong ánh đèn đỏ khé của anh Sáu.

- Ha! ha! ha!... Ai cười gì bác đâu!



- Bộ lão già này nói bậy à? Hừ, chú làm tuyên truyền chú há chẳng biết "Quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách", sao? Nước nhà còn mất, đến một thằng mẹ ruột⁽¹⁾ như lão đây cũng còn có trách nhiệm mà!

Bây giờ thì ông Huỳnh Tấn, anh phân đội trưởng và cả dì Tư Béo vừa ở bếp quệt mồ hôi trán bước ra cũng đều cười lên thành tiếng. Khi lão Ba Ngù hiểu ra rằng đó là những tràng cười tán thưởng, lão bèn vuốt ria quay mặt vào trong tối lảm nhảm một mình:

- Có hơi lộ bịch một chút! Nhưng tôi già rồi, thấy đâu thì nói đó vậy thôi. Nào, bà chị đã cắt tiết gà chưa? Tôi giúp một tay.

- Thôi, cảm ơn. Cháo sắp dọn ra được rồi đấy!

Dì Tư Béo nói bằng giọng thanh thanh kéo dài làm duyên kiêu như còn trẻ. Bà ta sẽ sàng xắn tay áo lên, bàn tay béo núc cầm chai rượu rót liên tiếp ra bốn chiếc cốc. Bốn cốc rượu rót bằng mắt thờ đều tằm tấp, xếp một hàng ngay ngắn dưới ánh đèn lung linh, tưởng như rượu sắp tràn cả ra ngoài nhưng tuyệt nhiên không hề thấy có một giọt ớt nào rơi xuống mặt bàn...

Đêm hôm đó, mãi đến mười hai giờ khuya vẫn không thấy xuống liên lạc dưới Thới Bình lên. Ông Huỳnh Tấn sốt ruột không chờ được nữa, bèn cậy anh Sáu tuyên truyền tìm người

(1) Đồ bỏ đi.

đưa ông đi. Lão Ba Ngù xưng phong nhận lãnh chiếc tam bản của anh Sáu tuyên truyền chào đưa ông Huỳnh Tấn. Anh phân đội trưởng lâu ngày gặp bạn cũ, vẫn còn nấn ná ở lại hàn huyên mãi cho đến lúc chia tay. Còn dì Tư Béo thì chẳng những dứt khoát không nhận món tiền bữa rượu, lại còn biếu ông Huỳnh Tấn và lão Ba Ngù mỗi người một đòn bánh tét nhân tôm thịt mang theo lót dạ dọc đường.

Tôi thu dọn bát đĩa xong, vừa hạ cánh liếp xuống thì nghe tiếng Tư Mắm hỏi vọng từ dưới bến:

- Quán còn thức hả, dì Tư?

- Còn thức. Nhưng mà chẳng có gì ăn đâu... - Dì Tư Béo đáp một cách miễn cưỡng.

- Không sao! Không sao! Rồi khác có thôi mà!

Tư Mắm đã lên bờ, tự tay chống cánh liếp cửa, vào quán cầm đèn ra soi xuống bến cho mục vợ hần bước lên.

- Chào dì Tư! Khuya rồi mà chúng tôi còn làm phiền dì quá. - Vợ Tư Mắm chum chim cười, nói một câu lấy lòng bà chủ quán, đoạn từ tốn nhắc ghế ra, rón rén ngồi xuống.

Đúng như lão Ba Ngù nói, cứ trông hai người này, khó ai tin rằng họ là một cặp vợ chồng. Tư Mắm thì vừa hôi vừa bẩn, vừa hà tiện lại vừa vũ phu. Còn mục vợ hần, tuy ăn vận mộc mạc ra vẻ một người lam lũ, nhưng từ cách nói năng cho đến dáng đi, cách đứng thì rõ ra



à người hạng phong lưu đài các. Thấy tôi che tay lên miệng ngáp, mặt ta vỗ vỗ nhẹ vào lưng tôi:

- Chịu khó thức một chút. Rồi qua cho tiền sáng mai ăn bánh.

Tư Mắm xuống thuyền xách lên một chai "cột nhà vương"⁽¹⁾ và một xâu cua biển. Hắn đi thẳng vào nhà bếp, vắt xâu cua xuống cạnh lò, mất đảo một vòng ra tận sân sau. Tôi đi sau lưng hắn, thấy vậy bèn hỏi:

- Chú kiểm rỏ hay cái gì, bảo tôi lấy cho.

- A! Không, - Tư Mắm giật mình quay lại. - Qua coi nhà còn gì nhậu được nữa không thôi mà. - Rồi hắn cầm chai rượu ra, rử rử nói với dì Tư Béo đang loay hoay cầm khăn lau cốc bên bàn - Nấu nồi cháo cua ăn chơi đi, dì Tư!

- Cháo cua làm gì! Nhà vừa nấu nồi cháo gà cho mấy ông khách. Họ chỉ húp mấy người vài muỗng, vì trước đó đã ních hết rá bún rồi, còn ăn uống gì nữa. Trời, nồi cháo gà nấu đậu xanh, ngọt lắm. Để hâm nóng lại thôi!

Dì Tư Béo miệng nói, tay khoát ra hiệu bảo tôi vào nhóm bếp lò.

- Vậy thì nướng vài con cua nhá chơi! Còn bao nhiêu biếu dì! - Tư Mắm đảo mắt nói. Rồi hắn hỏi trống không - Chà, khẩu hiệu ai mới dán đây nhỉ?

(1) *Tiếng lòng chỉ một thứ rượu mạnh của Pháp.*

Dì Tư Béo không đáp. Tính bà ta vốn như vậy, ai hỏi riêng bà thì bà nói, không thì thôi. Mụ vợ tên lái buôn cau mắt lườm hấn một cái, từ trong hai con ngươi phát ra những tia sáng quắc, nhọn như những mũi kim. Nếu tôi không chú ý mụ từ trước, thì không thể nào bắt gặp cái lườm dữ dội trong thoáng chớp ấy. Tư Mắm tức thời cười hể hể, nói lảng:

- Chèo rã cả tay mà bữa nay chẳng bán được mấy. Chỉ toàn bán chịu cho vài người mới quen.

Mụ vợ hấn hỏi xin quả chanh và một thìa đường trắng, rồi tự tay rót thứ rượu tây của mụ ra cốc, cho đường vào, hâm nóng cốc rượu trong bát nước sôi sau khi đã thả vào cốc một lát chanh rồi cầm cái đĩa đẩy lên.

- Cháu không biết uống rượu đâu! - Mụ cười chúm chím ngó dì Tư - Thuốc giải cảm đấy. Đi nhiều, mệt, uống một cốc này nó ra mồ hôi, khoẻ người lại ngay!

Tư Mắm ngồi hút thuốc phì phèo. Hấn lại hỏi dì Tư:

- Ồ, lúc nãy thấy bác Ba Ngù chèo tam bản đưa ông nào đi đâu vậy, hử dì?

Dì Tư Béo nhướn lông mày, làm mặt quan trọng. Bà ta không nhìn Tư Mắm, nghiêng người xuống gần bên con mụ vợ hấn, ngón tay trở đặt ngang mồm:

- Đừng có lộ bí mật nhá. Ông ấy lớn lắm đấy. Cấp Nam Bộ mà! Chà, ông khỉ gi, quên rồi.



Đoạn bà ta quay vào cửa bếp hỏi tôi: "Ông hồi nãy làm chúc gì, mày nhớ không?". Tôi không muốn trả lời, nhưng buộc lòng phải đáp cho có đáp: "Cháu không nghe nói!".

- Ồi! Nó con nít, biết cái gì mà dì hỏi nó! - Tư Mắm cười hể hể, nhịp chân rung đùi.

Mụ vợ Tư Mắm ngó ra bên, liếc hẩn một cái, thông thả đưa bàn tay ngón búp măng vén mớ tóc mai:

- Bán mấy chỗ mà không ghi chép gì cả. Mai mốt đây quên đi, làm sao đòi được. Khó quá!

Mụ móc trong túi ra quyển sổ con và cây bút máy, đặt lên bàn. Tư Mắm rời ghế đứng dậy, bước ra ngoài tối. Nghe hẩn nói vọng vào: "Khuya rồi mà không mưa được oi bức quá. Đứng đây một chốc cho mát. Dì Tư, hể được cháo thì dì nhấc ra, nướng luôn vài con cua, nghe dì!".

Thấy tôi lại ngáp, dì Tư Béo bèn bảo tôi xuống chiếc thuyền mui ống của dì vẫn đậu trong mương, đi ngủ trước đi. Mụ vợ Tư Mắm vẫy tôi đến, giúi vào tay tôi tờ giấy bạc năm hào. Tôi không lấy, đặt trả lên bàn...

- Cầm đi mà! - Con mụ cười cười, nhìn tôi có hơi ngạc nhiên.

- Ồi! Nó không lấy thì thôi, kệ nó! Thằng này có phải như người ta đâu! - Dì Tư Béo có ý bực tức vì tiếc hộ cho tôi.

Tôi bước ra ngoài, không nghe bà ta nói gì về mình nữa, bèn đi thẳng ra mương chui xuống

thuyền, rúc vào nóp⁽¹⁾. Muối vo ve kêu dậy trong những lùm cỏ rữ ngọn xuống hai bờ nương. Tôi tưởng nằm xuống là đánh một giấc thẳng cẳng, hóa ra lại không ngủ được.

Không hiểu sao cái lờm của mẹ vợ Tư Mắm cứ như xoáy vào óc tôi, khiến tôi sờ sợ. Chưa bao giờ tôi thấy một người đàn bà nói năng mềm mỏng, nhỏ nhẹ mà lại có đôi mắt lạ lùng, vừa đẹp, vừa đáng sợ như vậy. Các bà bán cá trong chợ cãi nhau những lúc giận dữ, mắt long lên sòng sọc vẫn không có nét gì đáng sợ như mắt con mẹ này.

Độc lập hay là chết!

Nước Việt Nam của người Việt Nam!

Những dòng chữ rần rỏi khắc gỗ in mộc bản trên các tờ khẩu hiệu mà anh Sáu tuyên truyền vừa dán vào vách từ chập tối bỗng lại hiện ra, nháy múa trước mắt tôi. Trong tai tôi, nghe mơ hồ nhạc điệu buồn buồn của tiếng gió phẩy động ngọn dừa nơi một làng quê xa nào đó ở trạm Tiền Giang mà tôi không còn nhớ rõ... Tôi lại thấy ông Huỳnh Tấn toét miệng ra cười. Gương mặt ông đang cười bỗng tối sầm lại. "Anh em có ai rút lui đâu!" Tiếng muối vo ve mỗi lúc một xa dần. Tôi thiếp đi lúc nào cũng không hay biết nữa.

(1) Một thứ bao của nông dân để ngủ, có thể chui cả người vào. Bao đan bằng cọng bàng, một loại cỏ cao mọc nhiều nhất ở Đồng Tháp Mười.



3

ÔNG LÃO BÁN RẺ

Hai đêm sau đó, trời mưa liên tiếp. Phần vì trời mưa, không mấy người đi chợ, phần vì có lệnh của thôn bộ Việt Minh cấm họp chợ đêm, để phòng bọn Việt gian trà trộn và xã không kiểm tra được, nên xóm chợ Ngã Ba Kênh vào lúc quá đỗi đèn đã trở nên buồn thiu buồn thiu. Chỉ còn quán cà phê dưới tán cây bã đậu, mấy tiệm hủ tiếu của người Hoa kiều ở chỗ dãy phố ngói nằm bên trong chợ ngó ra kênh và quán dì Tư Béo là có ánh đèn, lác đác bóng người lui tới.

Chợ chỉ đông ban ngày, nhưng người cũng chỉ nhóm họp lựa thưa. Nhiều gia đình đã rục rịch tản cư xuống Thới Bình. Mấy hôm trước, những lúc trời im gió, đứng ở bờ kênh có thể nghe tiếng trầm trầm của súng đại bác bắn từ xa. Sáng nay, nhiều người còn nghe cả tiếng súng đại liên của tàu giặc ở hướng Ngã Năm. Dì Tư Béo đóng cửa quán, nghỉ một ngày để thu vén công nợ, đi đòi các món tiền rượu chịu của người quanh xóm.

Buổi trưa rảnh rỗi, tôi cũng mò vào chợ chơi, nghe ngóng tình hình. Phòng thông tin trước kia là nơi tụ họp đông người nhất. Vậy mà hôm nay cũng chẳng có mấy người vào xem tin tức, bởi chỉ toàn những tin tức cũ. Một đôi dòng tin mới, viết tay dán vội lên đó thì cũng chẳng hơn gì sự hiểu biết của mọi người, chẳng đáng chú ý và hấp dẫn bằng những tin đồn nhảm vô căn cứ, thậm chí nhiều khi còn vô lý nữa kia. Lực lượng phòng thủ của ta thế nào? Ngày mai rồi sẽ ra sao? Phần đông người ta đến đó để tự đặt ra những câu hỏi và tự nghĩ ra những câu trả lời. Bọn con gái bưng cả những rổ quả măng cầu xiêm, vác cả những bó mía vào dựng trong phòng thông tin để ngồi bán. Chúng nó chơi đánh chuyền chuyền hoặc róc mía xả bừa bãi, la hét, cãi nhau ỏm tỏi mà cũng chẳng ai rầy la gì. Tôi ngán ngẩm quá, bỏ phòng thông tin, lững thững đi dọc ra bờ kênh. Chợt thấy lão Ba Ngù đứng dưới gốc cây bả đậu to nhất ở gần mé nước, tôi bèn men đến.

- Bác về bao giờ đó? - Tôi hỏi cho có hỏi, chứ đã nghe dì Tư Bé nói đêm qua với con mụ vợ Tư Mắm rằng lão về từ chiều.

- Về từ lúc về ấy! - Lão cười khà khà, đáp giọng đã có chén. - Còn mày, bà chủ của mày bữa nay đi đâu mà mày sút xiềng⁽¹⁾ dạo chơi đó?

(1) Sống, thoát khỏi xích.



- Bà đi đòi nợ. Đâu như tôi mới về...

- Vô nhà lão đi ăn thịt rắn một bữa chơi đi!

- Rắn đâu mà ăn? Bác bắt được rắn à? - Tôi hỏi vậy, chứ nghe nói thịt rắn là tôi đã lạnh xương sống rồi.

- Rắn kia chứ đâu, mậy! - Lão vỗ một cái vào lưng tôi, trở ra kênh - Ghe chở rắn dưới U Minh vừa lên đấy!

Tôi trông theo ngón tay lão chỉ. Một chiếc thuyền nhỏ, mũi lá, đang dề sóng rẽ vào bờ. Trước mũi thuyền, một thằng bé trạc mười bốn mười lăm tuổi, mặc quần đùi, cởi trần đứng dún hai chân, hai tay cầm cây sào dài chống xuống nước. Bên chân thằng bé có con chó săn, sắc lông màu tro, đang chồm lên chồm xuống, đuôi ngoắt qua ngoắt lại, hóng mồm lên bờ. Đằng sau lái, một ông cụ già cao to, vạm vỡ, chít khăn đầu rìu màu đỏ, áo bà ba đen thả cúc, vạt áo bay phấp phật, đang nghiêng người quạt mái chèo đưa thuyền cập bến.

- Rắn ăn được sao bác? - Tôi hỏi lão Ba Ngù.

- Trời ơi, thằng này ná⁽¹⁾ quá! Chưa ăn bao giờ à? Thịt rắn ngon và bổ số một đấy. Con nít ở đây đều nếm mùi thịt rắn từ hồi còn trong bụng mẹ.

- Cháu chưa ăn lần nào!

- Ngon tuyệt! Ngon tuyệt! Rắn hổ đất nấu cháo đậu xanh nước cốt dừa thì phải biết nhá!

(1) Ngốc nghếch, khờ khạo.

Già bảy mươi tuổi ăn món ấy thấy trẻ trắng ra như con trai mười bảy. Sơ sài thì rắc nước, rắc bông súng ướp xì dầu, cặp gấp nguyên cả con mà nướng, bẻ từng khúc cầm tay xé ra chấm muối ớt nhạt. Thịt ngọt không gì bằng. Cầu kỳ thì rắc hồ đất, mè mun chung thuốc bắc, gọi là "long hổ hội". Thường thường thì hoặc băm xào xả ớt, hoặc nấu ca-ri nước dừa... Khối cách ăn. Nhưng gì thì gì, cũng không bằng nấu cháo. Món phổ thông nhất mà! Vừa bổ lại vừa mát!

- Nướng thì còn thơm, chứ nấu cháo không tanh sao, bác?

- Ăn rồi mới biết, thịt rắc thơm như thịt gà, lại giòn dai, không bở như thịt gà. Có phải nấu sưng đầu mà tanh! Này nhé, làm lông⁽¹⁾ xong, chặt khúc thả vào nồi cháo luộc lấy nước ngọt. Rồi mình gắp ra chứ. Mình xé thịt ra, băm nhỏ ướp hành tỏi, hạt tiêu, nước mắm. Rồi mình bắc chảo mỡ cho sôi lên, thả tỏi vào. Ấy, bây giờ mình mới xào hấn ta! Xong, mình mới múc cháo ra bát, rồi mình xúc hấn ta, mình cho vào cháo khoảng khoảng mấy cái... Rồi mình rắc lên một ít hạt tiêu... E hèm! E hèm!... Thôi, mày sẽ khắc biết thôi. Ghe đã cặp bờ rồi kia!

- Ra xem rắc, chúng mày ơi! - Một giọng trẻ con bỗng hô hoán lên.

Tôi nghe tiếng quen quen, quay lại đã thấy thằng bé lùn lùn béo ục ịch đang dắt một đám trẻ con chạy băng qua sân chợ, lao xuống bến.

(1) Nhúng nước sôi, cặp lớp da mỏng bên ngoài.



- Chào ông bạn già! Có con rắn hổ nào không? - Lão Ba Ngù vẫy tay hỏi.

Ông cụ già chít khăn đầu riu màu đỏ đã ra đứng trước mũi thuyền. Nghe hỏi, ông liền đáp, giọng sang sảng:

- Kỳ này không có. Toàn rắn rằn ri cóc, rằn ri cá không thôi. Nhưng được cái rắn béo lắm! - Đáp xong, ông bảo thằng bé cầm sào ban nãy - Cò ơi! Lấy cái giỏ bự ra cho tía⁽¹⁾ đi, con.

Thằng bé chui vô mũi, đẩy hai cái giỏ tre ra khoang trước. Ông già dặng háng một tiếng, xắn tay áo, hé sạp thuyền thò tay trần vào khoang. Bọn trẻ nhỏ tức thời kêu lên: "Eo ôi!" và xô nhau lùi lại, vừa lùi vừa tranh nhau ngong cổ nhòm tới.

Ông cụ già thông thả lôi từ trong khoang ra từng con rắn một, bỏ vào giỏ. Con nào con nấy to cỡ bắp tay ông. Có một con rắn gì to như bắp chân người lớn nó cứ rúc vào khoang, khiến ông phải khom lưng thò tay vào, nắm cổ nó trì một lúc mới kéo ra được.

- Ông già có bùa, tụi bay ơi!

- Ó... ớ... con rắn quắn cánh tay ông kia kìa!

- Khéo nó cắn, ông ơi!

- Rắn người ta khâu miệng cả rồi. Cắn quái gì!

Bọn trẻ nhỏ chồm lên chồm xuống theo từng động tác cánh tay lôi của ông cụ già. Có đứa bì

(1) Bố.

bơm lội xuống nước ngập ngang đầu gối, đứng ngó vào trong. Có đứa mặt tái xanh tái xám vì sợ, nhưng vẫn thích xem, cứ nhấp nha nhấp nhồm giẫm bùn sùng sục ở chỗ mé nước.

Khi ông già bậm môi nâng cái giỏ nặng trĩch vác lên vai thì con chó săn lập tức phóng một cái, nhảy lên bờ. Bọn trẻ con chạy dạt ra hai bên, làm nước bắn tung tóe. Ông già lần lượt vác cả hai cái giỏ to tướng lên bên, đặt xuống gốc một cây bā đậu.

Những người mua đã chực sẵn chung quanh. Ai trở con rấn nào, ông già thò tay vào giỏ bắt ra con rấn ấy. Nói bao nhiêu tiền, họ trả bấy nhiêu, không kỳ kèo ngã giá như kiểu người ở các chợ tỉnh. Mỗi con rấn bán xong được siết chặt cổ bằng một sợi lạt và trao cho người mua xách đi.

Lão Ba Ngụ chọn mãi mới mua được một con ưng ý. Chao ôi, nom con rấn mà kinh! Bụng dẹt to cỡ bắp vế, không dài lắm, non mét rươi thôi, mà cái đầu thì bé như một quả bàng khô. Lão hất con rấn nằm vắt ra sau gáy, một tay bóp ngang cổ, một tay nắm gần chót đuôi, đưa tới trước. Con rấn gồng mình nổi vảy lên chom chồm như gai mít, sống lưng uốn qua uốn lại trên vai lão Ba Ngụ, khiến tôi phát khiếp...

- Đi! Theo lão về nhà làm bữa cháo cho biết! - Lão nhường mắt bảo tôi.

- Để lúc khác, bác ạ! Bữa nay cháu bận trông quán cho dì Tư... - Tôi kiếm cớ thoái thác.



- Hê hê! Mày trông cái chợ thì có, chứ trông gì quán! Thôi, không thích ăn thì thôi. Không ai ép mày! - Lão bước đi mấy bước còn quay lại nhìn tôi, cười khà khà - Chỉ lo chừng mày quen mùi rồi, không đợi mời, mày cũng xách bát xách đĩa chạy tới thôi!

Tôi trở về quán nuốt vội ba hột cơm nguội, xem chai, cốc, bát đĩa có suy suyển món nào không, rồi quơ cái áo vét-tông khoác vào người, đóng cửa quay ra chợ.

Trời đã xế. Mặt trời đã xuống ngang ngọn cây tràm bên kia bờ kênh. Ông cụ già bán rần vẫn còn ngồi dưới gốc cây bã đậu, tàn lá xanh um ngả dài bóng đen trên mặt đất. Bọn con nít ban sáng bây giờ cũng không thiếu mặt đứa nào, đâu như còn có thêm mấy thằng mới tới. Chúng chen nhau ngồi trước hai giỏ rần, mặt mày nhem nhuốc, đỏ lơ đỏ lửng vì bêu nắng, vì mồ hôi và bụi bặm. Đứa thì khoanh tay lên gối, dán mắt vào những con vật bò sát kinh tởm đang ló đầu ra mắt giỏ; đứa thì cãi nhau, tiếng nói tiếng cười chí chóa.

Ông cụ già vẫn ngồi đó, tay chậm rãi nhồi thuốc lá vào nõ tẩu: cán tẩu vừa dài vừa quăn queo trông rất lạ. Gương mặt ông khoáng đạt, rất dễ mến. Làn da rám nắng hun hun màu đất thó vẫn còn căng ra như da mặt người trẻ, chỉ ở đôi khoe mắt và trên vầng trán cao là có xếp mấy đường nhăn. Râu ông không dày lắm, nhưng chắc như rễ tre và đen nhánh. Đôi mắt

to, sáng quắc, núp dưới cặp chân mày rậm đen. Khi ông cắn tẩu thuốc vào mồm, môi dưới hơi trễ ra, méo xệch một bên vì khối nặng của cái tẩu hình thù kỳ dị và hơi to quá cỡ, thì trông ông như có vẻ dữ tợn.

Tôi ngồi sát vào gốc cây, bên ông cụ già lực lưỡng ấy. Bộ quần áo bà ba đen đã bạc théch vì dãi dầu nắng mưa sương gió của ông còn mang nguyên mùi hăng hăng của lá cỏ cây rừng tận những vùng đất hoang sơ, và mùi khói nồng lửa bếp trong chiếc thuyền con lưu động.

Thấy tôi mới tới, thằng bé lùn lùn béo ục ịch hất hàm nháy tôi, rồi ngó vào giỏ rần:

- Sợ không?

Tôi cười, không đáp. Nói sợ thì nó chê mình nhát, mà nói không thì không đúng.

- Ê, nó sợ rồi tụi bay ơi! - Một đứa lập tức kêu lên.

Hình như ông cụ già không biết có đám trẻ nhỏ ngồi chung quanh. Đôi mắt to, đen nhánh đăm đăm nhìn vào khoảng không trước mặt. Không biết ông đang nghĩ gì. Bọn trẻ nhỏ thấy ông dễ dãi, không rầy la gì, và nhân có tôi mới tới, chúng muốn tỏ ra bạo dạn hơn nên càng nghịch tợn. Chúng nheo mắt, thè lưỡi, có đứa còn giả vờ toan thò tay vào giỏ lỏi rần ra để ném vào tôi. Mỗi lần có đứa trẻ nào nhích lại gần giỏ rần thì con chó săn nằm bên chân chủ lại nhồm dậy, vươn cổ ra nhe răng gừ... gừ... mấy tiếng. Rần quần nhau trong giỏ nằm im



như ngủ. Nghe tiếng chó gừ, những con rắn đang ló đầu ra mắt giở vội giật mình rụt vào, uốn éo cựa quậy làm cho rắn lớn, rắn bé trong giỏ chuyển lung tung. Mấy đứa lì lợm nhất, cỏi trần truồng ngồi chầu hầu bên giỏ rắn, liền co chân bật ngựa ra sau. Chúng nó cười hí hí một cách khoái trá. Nhưng cũng có đứa ngồi ở xa hơn lại mếu máo muốn khóc. Thằng bé lùn lùn béo ục ịch cầm cái que nhồm tới nhồm lui, quơ quơ ra bộ sắp chọc vào giỏ. Con chó sấn lại vươn cổ ra gừ... gừ... mấy tiếng.

Lác đác có vài chiếc xuống cập bến, họp buổi chợ chiều. Năm ba người đàn ông cỏi trần, áo vắt vai từ trong dãy tiệm đi men ra, đứng lại dưới bóng cây hóng mát. Trời oi quá! Chiều rồi mà nắng vẫn chói chang. Không một làn gió động. Những chiếc lá bã đậu như dán chặt lên nền trời, tôi ngựa cổ nhìn lên đến mỏi mắt vẫn không tìm ra một chót lá nào nhúc nhích.

- Tàu bay bà con ơi! - Một người đàn ông bỗng hốt hoảng kêu lên, nhón nhác ngóng chung quanh.

- Im! Để nghe coi nào! Im nghe chứ!

Mọi người nín lặng. Ông cụ già bán rắn nhắc cái tẩu thuốc ra khỏi miệng, ngó xuống chân, cười mủm mỉm. Tiếng vu vu của một con ong bầu đít vàng bay trong vòm nhánh lá rậm rịt, nghe hết tiếng máy bay.

- Mồ tổ con ong. Làm người ta giật mình! - Người đàn ông kêu lên ban nãy nhẩn nhó nói một câu chưa thẹn.

Từ hướng biển Đông dậy lên những tiếng âm âm... nối nhau, nghe rung rinh cả chân trời.

- Chắc là tàu giặc, bà con ơi!

- In như máy bay ném bom chứ!

- Mình nghe giống tiếng sấm...

- Để nghe mà... Làm gì mà ó lên như giặc tới vậy?

Mấy người đàn ông cãi nhau một chốc rồi kẻ ngồi xuống gốc cây cầm áo quạt phe phẩy, người đi tới đi lui trong bóng râm hừng hực hơi nóng từ mặt đất xông lên, lặng lẽ không nói gì nữa. Thằng bé lùn béo ục ịch bỗng nhồm dậy.

- Tàu giặc, các chú ơi! Nghe ì... ì... đấy!

- Thằng con nít, đừng có nói bậy! Bộ mày ở ngoài⁽¹⁾ vô sao mà dám nói đó là tàu? - Người đàn ông tóc chơm chớm như gai trừng mắt quát.

Rầ... ầ âm! Rầm...! Rầm... Rầm... ầ... âm! Bốn tiếng nổ bất thần nghe điếc tai. Những tiếng nổ chát óc, rền rền như tiếng súng đại bác, gần lắm. Đám con nít thét lên, cầm cổ chạy tủa đi. Mấy người đàn ông kia, có người cũng quỳnh quáng toan chạy, nhưng cũng có người vẫn đứng yên nghe ngóng. Tôi quen

(1) Ngoài ấy.



tiếng súng tiếng bom từ mấy tháng nay, nên chỉ co người thụp xuống; khi dứt tiếng nổ, tôi liền đứng lên quan sát chung quanh. Nếu đó là súng giặc bắn thì cũng phải trầm tĩnh xem chúng tới từ hướng nào rồi hăng chạy tránh chứ!

Dưới kênh, thuyền xuống tranh nhau tách bến, giầm chèo va khua lộp cộp. Một vài chiếc tam bản nhẹ hai chèo đã rời đi xa lắc.

Ông cụ già bán rấn vẫn ngồi đó, phì phèo tẩu thuốc lá, mặt bình thản như không. Ông đưa mắt nhìn lên nền trời rồi hỏi tôi:

- Cháu không về nhà à?

- Cháu ở gần đây thôi. Đấy, chỗ cái quán đấy!

Tôi đáp, giọng vui vui, bụng có hơi rạo rục một chút vì thấy ông già chú ý tới mình.

Ông cụ già thông thả đứng dậy, búng tay boóc... boóc... mấy cái. Con chó săn ve vẩy đuôi, chồm hai chân trước lên sủa oang oang, vụt lao đi như một mũi tên. Một lúc sau, con chó quay về dắt theo thằng bé cầm sào chống trước mũi thuyền ban sáng.

- Tìm được chú Võ Tòng không? - Ông già hỏi.

- Người ta bảo chú đi rồi. Đêm qua trời mưa, có con beo vào bắt gà dưới xóm Sậy, chú Võ Tòng rình bắn được. Đâu như chú chở con beo ra bán ngoài Ngã Bảy...

Tôi đã toan về, nhưng nghe thằng bé nói vậy bèn đứng nán lại, nghe hai cha con trò chuyện.

- Cò à, khiêng giỏ xuống ghe đi, con!

- Không bán nữa sao, tía?

- Thôi! Khiêng đi...

- Tây tới gần rồi sao, tía?

- Tây đâu mà Tây. Đông sắp tới rồi. Đông lớn lắm đấy con!

- Lúc này có mấy tiếng sét nổ trên không, kinh quá hở tía?

- Ừ, thôi nhanh nhanh lên, con.

Lúc bấy giờ, gió bắt đầu thổi rạo rạo nghe mát mát. Con chó săn đã phóng xuống thuyền, đứng sau lái ngóc mõm lên nhìn trời. Cha con ông cụ già bán rần vừa kịp khiêng hai chiếc giỏ xuống thuyền thì cơn giông ùn ùn thốc tới. Mây ở đâu từ dưới rừng xa, lúc này còn không trông thấy, giờ đã đùn lên đen sì như núi, bao trùm gần kín khắp bầu trời. Từng tảng mây khói đen là là hạ thấp xuống mặt kênh làm tối sầm những ngọn sóng đang bắt đầu gào thét, chồm chồm tung bọt trắng xóa. Từng đàn cò bay vùn vụt theo mây, ngửa mặt trông theo gần như không trông kịp. Xóm chợ Ngã Ba Kênh dường như bé lại, thu mình cúi rạp xuống mặt đất. Mấy chiếc xuồng ba lá, mấy chiếc tam bản của người trên phố buộc dưới chân cầu nước trôi lên hụp xuống theo lượn sóng nhào, dựng mũi ngóc lên như ngựa muốn bứt dây cương.



Chiếc thuyền chở rần của cha con ông già đã chèo giạt sang bên kia bờ, xuôi xuống một quãng xa, lắc lư chui vào một con kênh nhỏ, hai bên bờ mọc chen chúc những cây tràm vỏ trắng, cành lá rậm rạp.

Tôi toan chạy đi thì chợt thấy dưới gốc cây bả đậu có một chiếc túi da beo. Thôi, đúng là của ông già bỏ quên đây rồi. Tôi chộp lấy, cắm cổ phóng theo bờ kênh, vừa hú vừa ngoắt sang bờ kia. Không ai nghe tiếng tôi hú gọi cả. Gió thổi âm âm ù ù như có hàng nghìn chiếc cối xay lúa khổng lồ đang quay thẳng cánh trên trời. Bờ kênh chỗ tôi đứng trống huếch trống hoác không một lùm cây bụi cỏ. Nhiều lúc, tôi có cảm giác như gió sắp nhấc bổng tôi lên, thổi tung đi. Dây phổ ngó ra mặt kênh chuyển mình nghe rảng rặc, cột gỗ hàng hiên lay lay như đưa theo một chiếc võng vô hình. Ngói bị cuốn tung lên, bay khua lảng cẳng trên nóc nhà nghe đến phát sợ. Không về đến quán kịp nữa rồi. Tôi vừa thở vừa khom người chạy vào cái miếu cô hồn nằm xê xế phía dưới chợ, chỗ cây đa cổ thụ cành lá rậm xùm xòa đang quần lên vạt xuống như sóng. Trời đất mỗi lúc một tối sầm lại. Vũ trụ quay cuồng trong cơn gió mãnh liệt. Những tia chớp xé rách bầu trời đen kịt phát ra những tiếng nổ kinh thiên động địa chung quanh ngôi miếu. Tôi thu người lại như một con trút, ngồi sát vào chân bệ thờ. Tường miếu xây bằng đá tổ ong, mái lợp ngói trát vữa

rất chắc nhưng tôi bắt đầu cảm thấy không an toàn chút nào. Chà, giữa lúc trời sét mà lại đại đột tìm chỗ trú ẩn ngay dưới một gốc cây to... Tôi vốn ghét những chuyện hoang đường quái đản, không bao giờ tin rằng có ma quỷ, nhưng không hiểu sao trong giờ phút này bỗng thấy trong người rờn rợn. Pho tượng "Ông Tiêu"⁽¹⁾ mặt vẫn vẹn, đầu mọc ba cái sừng, chiếc lưỡi thè dài quá rốn, đứng ngay trên đầu tôi. Mỗi lần trời chớp, tôi đều ngửa mặt nhìn lên pho tượng với một nỗi lo sợ và tò mò không cưỡng được.

Tôi dặng háng một tiếng rõ to, phui dít đứng dậy bước ra ngồi ngay ở cửa miếu. Một vài hạt mưa bay chéo hắt vào mặt tôi lạnh buốt như nước đá. Bầy kiến dất bò ra bò vào cạnh chân tôi, chúng quơ râu trò chuyện gì với nhau một cách bình thản, lại còn rử nhau lữ lượt bò ra ngoài thêm miếu nữa chứ không cuống cuống chạy rúc vào tổ như những khi trời sắp mưa to.

Cái túi da beo đựng vật gì hơi nặng thì phải. Hình như một con dao, bởi cái sừng ló ra ngoài cồm cồm thúc vào hông tôi. "Thủ mở ra coi cái gì trong này?". Tôi vừa nghĩ thế, bỗng nghe từ trong lòng mình văng vẳng có tiếng bảo: "Đừng động chạm đến của cải của người ta. Tò mò vậy, không tốt đâu!". Tôi ngồi im một lúc, bàn tay ngửa ngáy không chịu yên lại nắn nắn cái túi.

(1) Thần cai quản các loài ma quỷ.



Bây giờ tôi lại nghe cái tiếng văng vẳng ban nãy cùng phụ họa theo ý nghĩ của tôi: "Xem chút thôi mà! Vả chẳng, mình có định lấy gì trong cái túi này đâu!". Thế là cái túi da beo mà tôi đã nhét nửa trong nửa ngoài vào túi áo vét-tông, tự nãy giờ còn nằm yên đã bị bàn tay tôi lôi phăng ra tức khắc.

- A! Cái dao găm!

Tôi chợt kêu khe khẽ và từ từ rút lưỡi dao ra khỏi chiếc da bao láng bóng vì ẩm mồ hôi người lâu năm. Ánh thép xanh xanh của lưỡi dao sắc như nước lóa lên mỗi lần trời chớp. Cán dao bằng sừng, nạm khâu đồng đỏ có chạm hoa văn rất đẹp. Cán bằng sừng gì như sừng nai. Còn những gì khác nữa trong cái túi bí ẩn này? "Bề nào mình cũng đã mở ra rồi. Xem một chút thì có làm sao!" Sự tò mò nào nức càng thôi thúc tôi hăm hở lật ra. Đây là một gói lưỡi câu đủ cỡ; mười hai chiếc cả thấy, gói trong một mảnh giấy dầu cỡ bàn tay. Một cục đá và một miếng thép dẹt dẹt to và dài, hơn mặt bao diêm. Đây nữa là một gói thuốc. Thuốc gì mà dẻo quánh, xin xin vàng, mùi hăng hắc, đưa lên mũi ngửi thấy buồn nôn. Tôi bỏ lại vào túi da beo tất cả các thứ linh tinh ấy, chỉ trừ cái dao găm, rồi thắt miệng túi thật chặt bằng sợi dây gân khô quắt và trơn tuột.

Cầm chặt cán dao trong tay, tôi bỗng thấy người mình như cao lớn hẳn lên, dường như sức khỏe tăng lên vạn bội, tôi nghe mạch máu chạy

râm ran trong những đầu ngón tay. Trời chớp nhoáng nhoáng. Tôi thông thả đứng dậy rồi bất thần quay phắt lại, trừng trừng nhìn vào ngôi miếu. Pho tượng kinh khủng vẫn lặng lẽ đứng trên bệ thờ, lè chiếc lưỡi dài màu máu xuống rốn, bốn chiếc răng nanh trắng lòe nhe ra như cười.

Một lúc sau, gió dịu dần, rồi tắt hẳn. Trên ngọn đa tối sẫm mà cơn gió cuồng vừa gào rú ghê người ban nãy, mấy con chim chào mào xôn xao chuyển cánh nháy nhót, hót líu lo. Nắng vàng màu da chanh phủ lên cây cỏ một thứ ánh sáng dịu mắt, trong suốt và lung linh dường như có thể sờ được.

Tôi trở ra bờ kênh, đi dọc dài theo bến một lúc, hy vọng sẽ gặp lại chiếc thuyền con của ông cụ già bán rần. Nhưng ngóng hoài mà vẫn không thấy tăm dạng chiếc thuyền và cha con ông già đâu cả. Nhìn về nơi tít tắp, chỉ thấy ánh phản quang của ráng chiều sắp tắt từ mặt nước dòng kênh hắt lên những lùm bụi ven bờ. Sực nhớ ra rằng dì Tư Béo sắp về, tôi bèn gấp bước trở lại quán để lo bữa cơm chiều.



4

ĐÊM KINH KHỦNG

Từ ngoài góc sân sau, tôi đã thấy trong hơi khói bếp bay tỏa ra xa mùi cháy của cá kho khô ướp nước màu dứa⁽¹⁾, rưới mỡ béo ngậy và có rắc hạt tiêu thơm phức.

- Ông con ơi! Cơm đã dọn sẵn rồi đây! - Di Tư Béo mát mẻ nói vọng ra.

Đáng lẽ phải đi nhanh vào và sẵn sàng chịu đựng những câu quát mắng của bà chủ đôi khi cũng bất thần nổi nóng với mình, thì tôi lại bước từng bước một hết sức chậm chạp.

Mùi cá kho khô thơm lòng mà ban nãy vừa nghe thấy đã thêm rõ rãi khiến tôi cảm thấy bụng đói cồn cào, bây giờ bỗng bay đầu mất. Tôi không sợ những lời quát mắng. Thậm chí những câu chửi rửa tặc tằn cũng không làm tôi bực tức hay run sợ nữa. Bởi vì, đối với một thằng bé lưu lạc một thân một mình như tôi, thì bất cứ người nào cũng có thể hoạn hạc, bắt nạt, trút giận dữ lên đầu tôi một cách hết sức

(1) Nước hàng làm bằng nước dứa cô đặc.

vô lý được. Điều đó, tôi chẳng coi ra mùi gì. Thực tình thì ban đầu tôi cũng khổ sở đau đớn vì phải hứng chịu những câu mắng mỏ thô lỗ cục cằn kiểu bọn đầu đường xó chợ mà từ tấm bé, vốn sống được nuông chiều trong một gia đình nên nết, tai tôi chưa hề quen nghe. Tôi đã nghĩ rằng ngày nào cũng ngứa tai ra mà hứng lấy những lời xấu xa như vậy, thì mình đến vỡ óc ra mà chết thôi. Tôi tự nhủ: "Đại gì mình làm tờ giấy thấm để có giọt mực nào rơi xuống cũng hút lấy? Hãy ném trả lại cho họ". Thế là tôi đã nhanh chóng tìm ra phương pháp chống trả tiêu cực một cách có hiệu quả. Một là tôi cứ lờ đi, sự phản ứng ngấm ngấm bên trong đã tạo thành một thứ vỏ thép mà những lời cay độc đến mấy bắn vào cũng sẽ lập tức bị bật ra quay về trúng lại họ. Chẳng vậy mà những người đã há vành cung miệng, dùng lưỡi bắn tôi đã lỏng lẻo lên trước thái độ thản nhiên như không của tôi đó sao? Nhưng trái lại, tôi rất sợ - vừa sợ vừa căm ghét - những câu mát mẻ, nói bóng nói gió xa xôi. Thái độ ấy thường gây cho tôi nhiều đau đớn, và những vết thương trong tâm hồn thơ bé của tôi cứ tấy lên mỗi lúc nhớ đến giọng nói mát mẻ, ngọt như mía lùi nhưng lại có xát ớt mà một người lớn đã ném cho một đứa trẻ con...

Thấy tôi lặng lẽ bước vào, dì Tư Béo càng bực tức:



- Bữa nay mày cầm rồi à? Thụt lưỡi rồi hay sao?

Tôi chẳng nói chẳng rằng, cứ lẳng lặng đi lau đĩa lau bát, dọn mâm ra bàn. Bà ta nhắc nồi cơm, múc cá kho, xới cơm ra bát xong đầu đầy, bèn hứ một tiếng:

- Không ngồi vào mà ăn, còn đợi mời đợi thỉnh nữa sao?

Chưa có lệnh bà chủ, lẽ nào tôi dám tùy tiện, ngồi vào mâm trước? Mà đợi bà phải bảo thì tôi lại mắc vào cái tội chờ mời chờ thỉnh! Đằng nào, tôi cũng có lỗi cả! Mà nào tôi có tội gì cho cam! Bà ta bảo tôi rằng bà ta đi đòi nợ đến quá đỗi đèn mới về. Quái quỷ gì đã bắt bà về sớm từ chiều, tôi làm sao rõ được?

Bà ngó nghiêng vào mặt tôi, có lẽ dò xem thái độ hơn là chờ câu trả lời.

- Cháu không đói! - Tôi đáp bằng cái giọng không phải của chính mình.

- Mặc mày thôi. Cơm nhà tao cũng chẳng thừa!

Bà ta nói lúng túng, giọng khê đặc như nén lại giữa cổ, bàn tay run run vờ cầm đôi đũa, đôi mắt trừng trừng nhìn tôi. Từ bộ mặt giận dữ, chiếc cằm nọng mỡ lúc nào cũng ướt đầm mồ hôi của bà ta, đến mọi vật quen thuộc trong quán, tất cả cứ mờ dần trước mắt tôi... Tít đằng xa kia, dưới gốc cây bả đậu ở chỗ ông cụ già bán rần đã rời đi, một vệt ánh sáng nhờ nhờ phủ dài trên mặt đất bắt đầu sẫm lại. Vẳng trong

tai tôi, giọng nói ầm áp đầy trù mên của ông cụ già xa lạ: "Cháu không về nhà à?". Từ trong ngực tôi như có một cục gì cứ dâng lên, tôi cố nuốt xuống mà nó vẫn trào lên nghẹn ngang giữa cổ. Tôi không nén xuống được nữa, đành để cho nó thoát bật ra thành tiếng nấc và tôi đã khóc.

Hình như dì Tư Béo chỉ chờ đợi có bao nhiêu đó. Nụ cười hả hê, chiến thắng của bà ta lập tức nở ra như miếng bánh phồng tôm thả vào chảo mỡ đang sôi reo. Có lẽ bà ta tưởng rằng thái độ lạnh nhạt và những lời mát mẻ của bà ta đã có hiệu quả trông thấy. Mà như thế là đủ rồi. Thường thường, những người lớn sau khi thấy mình chiến thắng được một đứa trẻ con, hành hạ cho nó khổ sở đến điều, lại hay muốn tỏ ra rộng lượng, nhân hậu một cách hết sức buồn cười.

- Chà, hôm nay dì... như con mụ điên ấy! Đừng có chấp nê tao làm gì! Mày mà oán dì thì mày phải tội đó. Chẳng qua là dì giận các lão già, rượu chịu thì cứ uống phứa đi như nước, mà tiền thì một đồng cũng không chịu nhả ra! - Bà chủ quán vừa nhăn nhó làm lạnh vừa gật gà gật gù thú nhận như vậy.

Bà ta lảng xảng đi thấp đèn, cười nói bả lả, làm như không có chuyện gì vừa xảy ra, một hai bảo tôi ăn cơm đi kéo nguội.

Tất nhiên là tôi phải ngồi vào bàn cùng ăn với bà ta thôi. Suốt bữa cơm, dì Tư Béo không



ngót phàn nàn cho số phận hẩm hiu của mình. Rằng bọn đàn ông vô sỉ, thấy bà ta một thân một mình thì giở trò lừa đảo, có đứa còn lợi dụng tình thế gay go giặc sắp đánh vào đến nơi, cứ ỳ ra không trả nợ, thậm chí còn toan bắt nạt bà... Cơn giận làm bà ta phát nộ, hay vì mãi nói quên ăn không biết, bà ta cứ luôn gấp cá bỏ vào bát tôi, cho đến khi tôi ăn xong rồi mà bát cơm trước mắt bà ta chưa vơi được quá nửa.

- Chúng nó đừng hòng bắt nạt bà! - Di Tư Béo kết thúc tràng kể lể của mình bằng câu quyết liệt ấy, trước khi cầm bát đưa lên miệng để và nốt lưng cơm còn lại.

- Đúng như vậy thôi! - Tôi buột miệng nói.

- Mà mày thấy có phải không? Đừng có đứa nào hòng...

- Dạ. Người oai tín như dì thì chẳng ai dám động tới chéo áo chứ trông gì bắt nạt!

Bà ta dặng háng một tiếng, bộ mặt nom rất hả hê. Bây giờ tôi mới nghiệm ra rằng chẳng riêng gì bọn lau nhau chúng tôi, mà người lớn, người càng già lại càng rất thích được khen. Cho dù đó là lời khen xỏ của một đứa trẻ con! Của đáng tội, rộng ra thì chưa biết thế nào, chứ trong cái xóm chợ này, những tay sùng sỏ nhất cũng chẳng dám động đến cái móng chân bà chủ quán rượu cô độc lắm phù lắm phép này. Không có mấy người là không nợ tiền bà. Cứ một đồng thì một ngày năm xu lãi. Cần lúc nào, hồi lúc nào cũng có. Ai gặp bà ta ngoài đường

cũng chào. Bà ta lại là người chất lót, tiện tặn, không đánh bài bạc gì, nên hai cái túi bóng mỡ cài nút kim băng cứ căng phồng lên, no tròn theo thân hình béo nịch của chủ nó. Cuộc đời và uy tín của bà ta, nói tóm lại đều tập trung ở hai cái túi nặng trĩu giấy bạc này.

- Lão Ba Ngù ngày hôm nay có tới đây không? - Dì Tư Béo chợt hỏi tôi.

- Không thấy đến. Việc gì thế, dì?

- Không. Cũng chẳng có việc gì. Hỏi thế thôi!

- Lúc sáng, cháu có gặp bác ấy ở chợ. Bác ấy mua con rắn to lắm. Bác ấy rủ cháu về theo bác ăn cháo rắn chơi. Nhưng cháu không đi.

- Thảo nào! Chắc là nướng trợn mấy đồng bạc của người ta nhờ lão đưa trả cho tao rồi. Hứ hự!

Tôi cất dọn mâm bát xong, không biết làm gì, nhận thấy bếp còn hồng bèn đi lấy ấm nước đặt lên. Dì Tư Béo thì ngồi nhai trầu tóp tép ngoài chiếc chõng tre, tay không ngớt phảy quạt xanh xạch.

Đêm oi quá. Không có lấy một chút gió nhẹ cho đỡ bức. Dường như cơn dông ban chiều đã phung phí quá trớn, giờ đây, đêm đến, hết sạch gió rồi, đành hỏn hển nén sự bức bối vào trong bóng đen dày đặc mỗi lúc một thêm nặng nề trùm xuống mặt đất mênh mang.

- Chào dì Tư! Gớm, mắc cơn dông hồi chiều, chèo suýt chết! Mệt ră người. Về tới quán dì, thấy khỏe ra ngay.



Tiếng cười lạnh lạnh của mẹ vợ Tư Mắm cùng với chiếc áo bà ba lụa màu xanh nước biển của y xuất hiện trong quán như xua tan bầu không khí ngột ngạt từ nãy giờ...

- Đã cơm nước gì chưa? - Dì Tư Béo bước xuống chõng, vịn to ngọn đèn, hỏi một cách vồn vã.

Mẹ đàn bà uốn lưng như một con mèo cái, đưa mắt nhìn vào tận bếp rồi xòe đôi bàn tay trắng muốt đê lên mặt bàn. Mẹ thong thả đặt đít xuống ghế, thở phào ra:

- Chừng này chưa có gì bỏ bụng thì có mà chết! Ăn cơm rồi, dì ạ. Nhưng nếu nhà còn thứ gì măn măn thì dì bắc hộ nồi cháo hoa, chốc nữa húp vài bát cho nó tỉnh người.

- Bữa nay tôi đóng cửa cả ngày, có bán chác gì đâu. Nhà còn một ít cá kho tiêu thôi. Tôi thềm, kho ăn chơi một bữa, hãy còn nửa nồi đây! - Dì Tư Béo đáp.

Tư Mắm khom người bước vào quán, nách cắp chai rượu tây, tay con cá mực khô.

- Nướng giùm qua chút, chú em! - Hấn nói vọng vào bếp, mắt nhận ra ngay tôi đang đứng trong bóng tối.

Không chờ tôi bước ra, Tư Mắm đi luôn vào bếp giúi cá mực khô vào tay tôi. Rồi hấn móc thuốc lá ra, nách vẫn cắp chai rượu, bật lửa lên đốt điếu thuốc hút tại chỗ. Đôi trông mắt bé tí hí như mắt rắn đảo quanh một vòng rất nhanh, khiến tôi phải sợ sợ, không dám nhìn hấn.

Tôi quạt than đỏ lên, nướng mấy con mực xong, đặt vào đĩa kèm theo quả chanh và một ít hạt tiêu giã nhỏ, bưng ra bàn.

Tư Mắm gọi một xị⁽¹⁾ rượu đế, ngồi ngay ở đầu chiếc bàn dài chỗ cửa ra vào, rót rượu ra cốc và lạng lẽ xé mực bỏ vào miệng nhai nhồm nhoàm. Mụ vợ hần thì ngồi chỗ góc bàn nhỏ bên trong, kê sát vách. Thấy mụ mở nút một chai "cột nhà vuông" rót thứ rượu thơm thơm vào chiếc cốc nhỏ, cho thìa đường vào, tôi vội vàng lấy ngay ra bát nước sôi đặt lên bàn, trước mặt mụ ta.

- Thằng bé này ngoan quá! Em phải là đứa làm bồi các nhà hàng lớn ngoài tỉnh, chứ không phải là chú nhỏ hầu rượu chỗ này đâu!

Mụ cười cười khen tôi như vậy và chậm rãi thả cốc rượu ngâm vào bát nước sôi. Hai bàn tay ngón búp măng thoăn thoắt mở con dao xếp kiểu sáu lưỡi ra, cắt gọn nhẹ một lát chanh rồi cho vào cốc, úp đĩa lên đây lại. Giống hệt như cái lần mụ đã "chế biến món thuốc giải cảm" bạn trước.

- Hai ông bà ngồi chơi, nghỉ một chốc đi! Tôi đi tắm một cái cho mát đã, - dì Tư Béo vừa nói vừa bước vào buồng lấy quần áo, và khi trở ra, không quên bảo tôi: - Vo nắm gạo bắc lên bếp nấu nồi cháo đi, con. Nhớ nấu loãng nhé!

(1) Chai đựng một phần tư lít.



Trong một thoáng, tôi đã làm xong việc bà chủ bảo, rồi đến lạng lẽ ngồi bên bếp lửa, chỗ nghỉ ngơi và là nơi trú ẩn tốt nhất của tôi mỗi khi tôi muốn quan sát một người khách rượu nào đó ở bên ngoài.

Từ trong bếp lửa nhìn ra, không có một cử chỉ nào của Tư Mắm lọt khỏi mắt tôi. Hắn uống hai cốc rượu liền, uống vội vàng, xong lại xé mực nhai nhóc nhách, mắt luôn luôn ngó ra cửa... Hành tung của đôi vợ chồng này có nhiều khác lạ, càng khiến tôi chú ý theo dõi. Những lần trước, quán đông khách, Tư Mắm vẫn đến uống rượu. Mắt hắn luôn luôn nhìn vào cốc rượu, dường như người đắm chiêu nghị ngơi, hoặc có một tâm sự đau buồn gì. Hắn không mấy khi bắt chuyện với ai và không nhìn ai. Chỉ khi nào hắn đưa cốc lên uống, đôi mắt ti hí mới liếc ngang, nhanh như tia chớp, ném cái nhìn trộm ra chung quanh. Đêm nay hắn không nhìn vào cốc rượu, mà chỉ ngó ra cửa.

Không biết con mụ vợ nó làm gì ngoài góc bàn. Chỗ tôi ngồi, khuất tấm vách ngang không trông ra được. "Chà, con quỷ cái này là một tay rượu không vừa đâu!" Tôi nghĩ thầm như vậy. Mới cách đây có hai hôm mà nó đã mở thêm một chai "cột nhà vuông" nữa rồi. Dứt khoát không phải là thuốc giải cảm như mụ ta nói. Thuốc thì người ta nhắm mắt, nhắm mũi uống một hơi chứ đâu có ngồi nhắm nháp từng ngụm, thưởng thức một cách khoái trá như

những tay bọm rượu sành sỏi? Và bàn tay nó cầm thìa khuấy cốc, ngón út cong lên đầy kiểu cách, có phải là bàn tay của người lam lũ đâu. Giá như đó là những con mụ che dù dầm từ ngoài tỉnh chạy vào, luôn mồm kêu là không có nước ngọt tắm, không có nước đá uống thì là chuyện dĩ nhiên, không nói làm gì. Vợ một tên lái mướm tềng xí⁽¹⁾ mà cũng học đòi làm sang thế kia ư? Không! Dứt khoát là không phải. Bộ quần áo bà ba tầm thường của mụ chỉ là cái lót bên ngoài, không che giấu nổi cốt cách mụ ta.

"Con mụ quái quỷ này đang làm gì ngoài đó?". Câu hỏi ấy cứ lớn vồn qua hình bóng những lưỡi lửa nhảy múa trước mắt tôi. Tôi không thể chịu được nữa, bèn đứng dậy rón rén bước ra.

Mụ ta đang cầm cúi viết trên một mảnh giấy nhỏ xé ra từ quyển sổ ghi chép các món tiền thu nhập hàng ngày. Cốc rượu vẫn nguyên chưa đụng tới. Làm sao xem được mụ ta viết cái gì đây? Tôi lia mắt sang thấy bát nước hâm rượu không còn bốc hơi nữa, bèn nẩy ra ý nghĩ sẽ vờ cầm ấm nước sôi đến rót thay vào bát nước nguội để có thể tới bên bàn mụ ta ngồi. Tôi nén thở, bước rón rén bằng những đầu ngón chân và đứng sát bên lưng mụ, nhìn qua vai mụ. Trên mảnh giấy, những dòng chữ Pháp viết tháu vội vàng, nhưng vẫn đẹp như cắt,

(1) Đồ bỏ, của vứt đi.



nghĩa như sau: "CB - 15 - 5 - 1946. - Hai trung đội chính quy trang bị đầy đủ. Một súng máy Bơ-ren. Cảnh đền: Một đại đội dân quân vũ khí thô sơ. Đập Đá: Một trung đội hỗn hợp, mười cây súng trường, vài chục lựu đạn tự làm lấy. 13.5: Một cán bộ quân sự cao cấp đã qua đây. Đoàn thuyền vận tải quân lương đi về hướng Thới Bình...". Những dòng chữ phía đuôi bị khuất qua mớ tóc xõa bên vai mẹ ta, không đọc được. Tôi nén thở, rướn người lên, tìm đập thành thích trong ngực. Đột nhiên, mẹ ta quay phắt lại, khiến tôi giật mình suýt buông rơi cái ấm xuống đất. Nét hốt hoảng vừa thoáng hiện trong đôi mắt to đen lay láy của con mẹ đàn bà nham hiểm khi vừa nhìn đến tôi lập tức biến ngay, và nhường chỗ cho những tia nhọn hoắt như những mũi kim phóng vào mặt tôi.

- Xem trộm cái gì? - Mẹ ta nén giọng hỏi khế, cặp môi mỏng dính run run đầy phần nộ.

Tư Mắm lập tức xô ghế đứng dậy. Tôi tưởng hấn sẽ nhảy xổ vào bóp họng tôi ngay. Nhưng hấn vẫn đứng nguyên đấy và đưa mắt nhìn mẹ vợ, rõ ràng là hấn đang chờ mệnh lệnh mẹ ta giống như một con chó săn chờ lệnh chủ.

Trong lúc ấy, tôi đã kịp đủ thì giờ trấn tĩnh. Lúc bấy giờ tôi cũng không hiểu tại sao mình lại tỉnh táo được như vậy... Tôi gãi tai, cười và nói một cách hồn nhiên:

- Thím viết đẹp quá! Chữ đẹp như cắt ấy, mà lại không kẻ dòng... Đẹp hơn cả chữ anh Sáu tuyên truyền nữa!

- Mà đọc rồi à? - Mụ ta trố mắt hỏi, cố nén giận dữ.

- Đọc từ nãy giờ... mà thím viết thứ chữ Tây chữ u gì, cháu không hiểu được. Cháu chỉ đánh vần quốc ngữ bập bẹ và đọc được con số từ một đến một trăm thôi! Nhưng phải đánh vần lâu lắm kia!

Con mụ thở phào một hơi nhẹ nhõm:

- Con nít đừng có nhìn lén, đừng xem trộm khi người lớn đang viết, nhớ không. Vậy là kém lịch sự và vô phép lắm đó!

Tôi cười hì hì ra vẻ nhận lỗi:

- Cháu đến thay bát nước sôi cho thím chứ! Tại chữ thím viết đẹp quá, cháu cứ mãi xem... Cháu đâu có dè thím rầy! Mọi khi, anh Sáu tuyên truyền viết, cháu đứng sau lưng coi mà ảnh chẳng rầy la gì...

- Ủ, thôi. Thay bát nước khác đi! - Mụ ta chớp chớp mi mắt, cười với tôi... - Qua ghi các món tiền người ta mua chịu mà. Viết bằng chữ quốc ngữ mới, em không đọc được đó thôi. Đây này - mụ ta vừa nói vừa chìa mảnh giấy đến bên ngọn đèn - con số 15 này là người ta thiếu qua mười lăm đồng... Con số 5 này là năm ngày nữa họ sẽ trả. Biết chưa?

- Dạ, cháu biết! - Tôi tươi cười.



Con mụ càng cố ý đánh lừa tôi bằng vẻ thành thực thì tôi cũng mượn màu thành thực để lừa lại nó. Trong khi ừ ào với mụ ta, tôi đã đọc nốt những dòng chữ cuối: *"Tấn công tốt nhất vào khoảng bốn giờ sáng. Trạm canh gác chỉ có bốn đứa: hai súng ca-líp 12. Bất sống. Trời mưa to, có thể núp trong mưa, tắt đường ruộng bất thần đánh vào ban ngày".*

Thay bát nước xong - không hiểu sao bây giờ tay có hơi run - tôi cố trấn tĩnh bằng cách đứng lại nói với mụ ta một câu trước khi quay vào bếp.

- Thím đừng mách dì Tư, dì Tư mắng cháu tội nghiệp!

- Ừ, không mách đâu! Vào xem nồi cháo được chưa...

Tôi không nhìn Tư Mắm nhưng tôi biết Tư Mắm đang cười. Tôi vào đến cửa bếp, còn nghe hai tiếng thở phào ra cùng một lúc của đôi gián điệp vườn⁽¹⁾ này, và tôi biết chắc chắn rằng chúng đang nhìn theo tôi không phải bằng những cặp mắt đầy hoảng hốt và dữ dội như ban nãy.

Dì Tư Béo đã tắm xong, vào ngồi bên chõng rũ tóc ra cầm quạt quạt cho khô tóc.

- Trời ơi quá! Tắm rồi mà mồ hôi cứ vã ra như chưa tắm!

Thấy con mụ vẫn cầm cúi viết, dì Tư Béo hỏi:

(1) Gián điệp có trình độ hoạt động ở phạm vi thôn xã.

- Bữa nay người ta mua chịu nhiều lắm sao? Ghi gì mà hết tờ nọ tới tờ kia vậy?

- Cũng chút đỉnh thôi... Biên các số tiền chi tiêu lật vật ấy mà! Mà cũng xong rồi đấy. Thôi, dọn cháo ra ăn chơi đi, dì Tư!

- An ơi, lau mâm bát đi, con! - Dì Tư Béo gọi vọng vào bếp, bảo tôi.

Tôi vừa toan nhắc nồi cháo xuống, bỗng nghe dì nói tiếp:

- Ngày nào cũng biên chép nhiều như vậy, bảo thằng bé nhà tôi nó viết hộ cho. Nó tốt chữ lắm đấy!

Không biết quỷ ma nào giật lưỡi bà ta, mà bà ngứa mồm ngứa miệng nói ra làm gì điều đó. Tôi nghe con mụ vợ Tư Mắm "à" lên một tiếng, và mụ ta bùng cốc rượu uống ừng ực một hơi. Hình như mụ ta đang xoay xoay cái cốc trong tay, nghĩ ngợi gì lung lắm, vì sau một hồi lâu, tôi mới nghe tiếng cốc dần hơi mạnh xuống bàn...

- Thằng bé mới mười bốn mười lăm tuổi gì đó mà đã đồ "phi-ca" rồi đấy! *Biết đâu chùa rách Phật vàng... Ai hay trong quán ẩn tàng kinh luân.*⁽¹⁾ Coi nó lèng quèng vậy, mà chữ Tây đọc giòn như bắp rang đó. Hôm nọ nó cầm tờ báo Tây đọc vanh vách, còn cắt nghĩa cho thằng Sáu tuyên truyền nghe nữa chứ!

(1) Trong truyện thơ "Lục Vân Tiên" của Nguyễn Đình Chiểu.



Tôi nghe bà chủ quán nói một hơi như vậy, tức muốn điên lên. Trời ơi! Tôi có đọc báo Tây và dịch nghĩa dịch ý gì cho anh Sáu tuyên truyền hồi nào đâu mà bà ta bỗng dưng hứng khẩu khoe tướng lên như vậy? Mà bà ta đã quá quyết như vậy rồi thì tôi còn hòng chối cãi làm sao? Tôi làm sao thoát khỏi tay bọn chúng mà chạy đến báo cho anh Sáu tuyên truyền hay được? Tôi đứng im, để hết tai ra nghe ngóng, nhưng mạch máu cứ đập trong tai làm tôi không còn nghe gì rõ.

Không thấy vợ chồng Tư Mắm nói gì, bà ta trối giọng:

- Bé thế mà đồ "phi-ca" thì giỏi lắm!... Ngày xưa có một ông giáo "phi-ca" mê tôi lắm, nhưng duyên trời không định...

Từ quán đến chợ thì xa. Ngược lên, đến xóm Tràm nơi trung đội Cộng hòa vệ binh đóng lại càng xa hơn nữa! Tôi mà chạy đi, nhất định Tư Mắm sẽ giết tôi ngay giữa đường. Không làm cách nào bịt mồm bà chủ được, tôi đành liều thôi. Hai tay run lập cập, tôi lẩn trong bóng tối, tháo miệng túi da beo ra cho dễ rút con dao găm, rồi cứ để nguyên cả bao da nhét vào bên trong thắt lưng, phủ vạt áo vét-tông ra ngoài cho khuất cán. Tôi không thể chuẩn bị trước những câu trả lời với bọn chúng. Biết thế nào được mà chuẩn bị? Tới đâu sẽ ứng phó tới đấy! Nếu chúng giở trò hành hung thì tôi sẽ sử dụng tới con dao.

Ngoài kênh đã không nghe một tiếng chèo. Cũng không một ông khách rượu nào tới quán. Sao mọi đêm, bọn họ kéo tới một lúc năm bảy người, tấp nập hết tốp này đến tốp khác, làm tôi chạy chân không bén đất mà hầu, nhưng cũng chẳng kịp - tại sao đêm nay không thấy ma nào mò tới?

- Bưng cháo ra đây, chú em! - Tiếng con gián điệp gọi lên lanh lảnh, khiến tôi nổi gai ốc khắp người.

"Sao mày hèn thế!" Tôi tự hỏi mình như vậy. Và đột nhiên tôi bỗng nhớ tới gương mặt bầu bĩnh của em bé gái có hai bím tóc tết trái đào... Cô bé mặc bộ quần áo xa tanh màu đỏ bắt đầu khởi động, đôi hài đen nhỏ xúu giẫm xuống, mắt nhìn thẳng vào vòng lửa cháy vù và tua tua những lưỡi dao nhọn hoắt... Cô bé hét lên một tiếng, nhưng không bay qua vòng lửa mà quay lại nhìn thẳng vào mặt tôi, cười mủm mím. Mặt tôi nóng ran lên. Tôi dặng háng một tiếng, bưng mâm bát bước ra.

Tư Mắm không nhìn tôi. Hấn vẫn ngồi xé mực nhai nhóc nhách, mắt ngó ra ngoài tối đen. Con gián điệp cũng không nhìn tôi. Nó vờ như đang chăm chú đọc những khẩu hiệu của anh Sáu tuyên truyền đã dán lên vách hôm nọ, chứ thực ra quả là nó đang rình theo tôi từng cử động. Tôi trở vào bưng ra nồi cháo đặt bên chõng.



- Thôi, để đấy cho dì. Mày xuống thuyền ngủ trước đi con! - Dì Tư Béo truyền lệnh cho tôi.

Tôi không đi ngay. Tôi còn tròng trĩnh đứng lại múc cháo ra bát, xem thái độ chúng như thế nào, nhưng chẳng thấy chúng tỏ ra lưu ý gì đến tôi. Tôi bèn lặng lẽ bước ra, đi lần xuống chỗ chiếc thuyền mũi ống đậu trong mương. Thế nào Tư Mắm cũng đi theo tôi. Tôi nghĩ như vậy và làm bộ vấp chân, kêu "ái ôi" một tiếng. Tôi xuýt xoa ngồi xuống, nắn nắn bàn chân nhìn ngang và quả thấy Tư Mắm đã bước ra đứng ở chỗ cửa. Linh tính báo cho tôi biết sẽ có điều nguy biến xảy ra cho tôi trong đêm nay. Tôi chạy cũng không thoát kịp nữa rồi. Hình như trong giờ phút mấp mé đứng trước cái chết hoặc trước một nguy hiểm tột độ nào đó, con người trở nên bình tĩnh hơn bao giờ hết. Tôi co chân nhảy độp xuống thuyền, lôi chiếc nóp ra giữ phành phạch, vờ sửa soạn chui vào nóp. Nhưng tôi không chui vào, tôi lấy chiếc gối chống dựng một đầu nóp lên và kéo cho đầu nóp lộ ra ngoài mũi thuyền để người đứng trên bờ có thể nhìn thấy được. Xong đâu đấy, tôi trườn nhẹ ra sau lái, nhẹ nhàng bước trên những chùm rễ gáo và bò theo mé mương. Lên được bờ rồi thì bấy giờ trăng cũng vừa mọc. Chung quanh ngôi quán, mặt đất sáng như ban ngày. Bóng tối chỉ còn lại một vùng đen sẫm dưới gốc cây gáo cổ thụ. Tôi núp theo bóng cây, chui vào một cái hốc có chùm lá ráng

phủ bên ngoài mà một hôm tình cờ tôi đã phát hiện ra.

Tôi không biết mình ngồi thu mình trong hốc cây, nén thở như vậy đã bao lâu. Mồ hôi ướt đầm đìa sau lưng áo. Bàn chân tôi chạm vào mình con vật gì mềm nhũn như con rắn. Tôi hốt hoảng rút chân lại. Con vật bò rột roạt theo hốc cây, kêu "tắc kè... tắc kè... tắc kè..." ngay trên đỉnh đầu tôi.

Trong quán đã nghe tiếng thu dọn bát đĩa. Con mụ gián điệp chào dì Tư Béo, không biết nó nói gì mà bà chủ quán của tôi cười lên khác khác... Lát lâu sau, nghe nó rửa chân lạch xạch ngoài cầu nước, rồi tiếng chân nó giẫm lên sập thuyền. Rõ ràng là chỉ có mỗi mình con mụ xuống thuyền.

Mỗi một tiếng động, một âm thanh nào đó từ bên ngoài vẳng vào gốc cây ẩm mục, tối om và hơi hám ngọt ngạt đến tức thở này, đối với tôi đều có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Nó mở ra cho tôi một tia hy vọng, hoặc đẩy tôi mỗi lúc một chuỗi sâu xuống bãi lầy đen kịt mà tôi không phương vùng vẫy.

Cánh liếp trên quán đã sập xuống. Nghe then cửa gài đánh "cách" một tiếng. Luồng sáng đỏ của ngọn đèn từ trong quán chiếu xuyên qua hàng rào mắt cáo, soi ra tận luồng cỏ bắc bên kia mép mương, chớp chớp mấy cái trước khi tắt phụt.



Tư Mắm đi dò từng bước ra mương. Hắn bước rất khẽ, dường như chân không chạm vào đất vậy. Hắn ngó trở vào quán rồi quay lại vươn cái cổ dài nhìn xuống chỗ đầu nóp tôi đã kéo ló ra mui thuyền. Hắn đứng im như vậy có đến chừng hai phút. Trong quán, dì Tư Béo đã bắt đầu "khò... khò... khò... khừ", ngáy như kéo cưa.

Tư Mắm đưa tay lên vén tóc, ngó vào gốc cây rồi thong thả bước đến ngồi thụp xuống quay lưng vào mặt tôi cách chừng một thước. Tôi nén thở, nhắm mắt lại cho thần kinh đỡ căng thẳng. Hồi lâu, bỗng nghe tiếng người dặng hắng đầu ở phía sau quán. Tôi mở mắt ra trông ngực đập rộn lên. Cứu tinh đã đến với mình đây rồi! Trời ơi giá mà anh Sáu tuyên truyền đến với tôi trong lúc này..., không phải anh thì lão Ba Ngù, hay không phải lão Ba Ngù thì một người đàn ông nào đó cũng được...

Có tiếng chân giẫm thỉnh thoảng vòng sau quán men ra gốc cây. Tư Mắm nhẹ nhàng đứng dậy, đưa ngón tay lên mồm suýt một tiếng. Thôi, thế là hết! Tia hy vọng cuối cùng và mong manh nhất chợt đến với tôi cũng tắt ngấm từ phút này đây.

- Lộ rồi! - Tư Mắm thều thào nói với bóng đen, và hát hàm về phía đầu nóp ló ra mui. Hắn còn thì thào mấy câu gì nữa, nhưng tôi không nghe được.

Tôi không thể nào nhận ra bóng đen đó là ai. Trong tất cả những người đàn ông lui tới quán rượu này, không có hắn. Đôi vai rộng bè khom khom chồm tới trước như một con giả nhon; khi hắn ngược lên, tôi vừa kịp trông thấy một nửa bên quai hàm bạch ra, trán rất thấp, vòm mắt nhô cao, lông mày rậm rịt. Hắn cởi trần, bắp thịt nổi cuộn cuộn lấp loáng dưới ánh trắng. Tôi rùng mình. Bàn tay tôi cấu thủ vào sườn mấy cái, thấy đau điếng... Không! Không phải tôi chiêm bao mà!

Bóng đen khủng khiếp ấy rút con dao rừng dài non năm tấc giắt bên hông ra, cầm lăm lăm trong tay. Trong hốc cây, bàn tay bé nhỏ của tôi cũng lần lần rút con dao găm ra khỏi vỏ.

Tư Mắm cầm khẩu súng lục - không biết hắn lấy ở đâu ra từ lúc nào - kẹp khẩu súng vào đùi, tay kéo qui-lát "rắc" một tiếng khô gọn, trong khi bóng đen khủng khiếp kia lom khom bò xuống mũi thuyền mà hắn tin chắc rằng tôi đang nằm ngủ dưới đó.

Bỗng nghe con gián điệp ho một tiếng ngoài cầu nước. Tư Mắm quay đầu về phía có tiếng ho. Đêm vắng lặng đến nỗi con mụ nói rất khế nhưng tôi vẫn nghe rõ mồn một: "Đừng! Đừng! Xuống lấy cái bao tải. Nhét giẻ vào mồm thôi..." Tư Mắm vừa đi thì tôi cũng vừa lách mình ra khỏi hốc cây. Khi tôi thấy hắn dò dẫm rén chân bước xuống chiếc cầu nước đầm bùn trơn như



mỡ thì nhanh như cắt tôi lập tức phóng ra khỏi gốc cây lao đi như một mũi tên.

Tôi không biết mình chạy đi đâu. Bên tai tôi, gió rít vù vù, lùm cây bụi cỏ rừng rừng xô nhau chạy ngược về phía sau lưng tôi. Dây phố ngói và những tàn cây bã đậu thấp thoáng trong làn sương đất; một ngọn đèn le lói từ ngôi nhà ai còn thức, chiếu nhấp nháy, dường như nhảy lên nhảy xuống đàng xóm chợ im lìm kia. Bản năng không tự giác đã điều khiển đôi chân tôi chạy tìm về chỗ có người khi lâm hoạn nạn. Tôi toan kêu lên, nhưng không còn đủ sức kêu nữa. Tôi lại tiếp tục chạy. Bỗng nhiên tôi cảm thấy ruột gan phèo phổi mình thót lên, đầu chúi tới trước. Một làn sương mù dày đặc từ từ bao trùm khắp người tôi, tôi chỉ còn đủ cảm giác thấy tay chân mình tan ra như nước hòa lẫn vào trong lớp sương mù quái dị đó, rồi tôi không còn biết gì nữa...

Khi tôi tỉnh dậy, tay hãy còn nắm chặt cán dao găm. Lưỡi dao cắm ngập vào mặt đất sét ẩm, khiến tôi phải ngồi lên mới rút ra được. Tôi đút con dao vào vỏ, nhét trong thắt lưng, định thần một lúc mới nhận ra rằng trong lúc mình chạy, mình đã ngã chúi xuống một đường hào chiến đấu mà các anh thanh niên trong chợ vừa đào mấy hôm nay. Tôi lần nhớ lại các việc đã xảy ra... Quái, tiếng trống tiếng mõ ở đâu mà khua động inh tai thế này? Tôi toan nhảy phóc lên bờ hào, nhưng chưa kịp với vào thành đất

đã rơi xuống ngay. Khắp người ê ẩm, chân tay đau buốt, tôi cố sức cào đất trườn lên. Khi tôi bò ra khỏi hào thì thấy một vầng lửa đỏ rực đang bao trùm lên ngôi tửu quán. Những luồng lửa khổng lồ le lên liếm trụi các cành khô trên ngọn gáo cổ thụ. Tre nứa nổ lộp độp. Khói cuộn cuộn bốc lên, đưa tàn lửa bay chấp chới như một bầy ong đỏ từ trong đám cháy bị mùi rượu sục nồng xua lên, bay tán mát ra xa.

Tôi lại cố sức chạy trở về ngôi quán thân thuộc đang làm môi cho thần lửa. Trong ánh lửa đỏ rực chiếu sáng khắp chung quanh, ở một góc sân sau, hai người đàn ông đang nắm chặt hai cánh tay dì Tư Béo lôi ra. Bà ta giãy giụa, gào thét, hết ngã xuống lại chồm lên. Cả khối thịt của cái thân hình to lớn ấy run lẩy bẩy trông rất dễ sợ.

Tôi lách đám đông chạy sả vào. Người đầu tiên tôi nắm lấy cánh tay kêu lên là anh Sáu tuyên truyền:

- Bắt lấy vợ chồng Tư Mắm! Chúng nó là gián điệp...

Trong những người đứng chung quanh đang bó tay tuyệt vọng, buồn rầu nhìn ngọn lửa hoành hành, tự do thiêu hủy ngôi quán, vừa nghe tôi thét lên như thế, có người tức khắc nhảy chồm lên: "Làm sao mày biết, hử thằng bé kia?". Có người hỏi dồn tôi: "Nhưng chúng nó đâu rồi?".



Tôi kể không ra đầu cua tai nheo gì cả, tiếng được tiếng mất. Nhưng tôi chắc chắn rằng tôi không bỏ sót một chi tiết quan trọng nào. Người ta nhón nháo đi gọi các anh Cộng hòa vệ binh. Ông trưởng công an xã ở títt xóm dưới bây giờ mới vác khẩu súng bắn chim hai nòng lích kích chạy tới:

- Chúng nó chưa đi xa đâu!

- Chia người ra ba cánh, đuổi theo các ngã ba kênh!

- Đuổi cái con khỉ! Không biết chừng nó đã tới Ngã Bảy rồi!

- Này, anh em! Không được giết chết... Bắt sống chúng nó mang về đây, chặt đầu cho đồng bào xem!

Không biết một người nào đó đứng trong đám đông ồn ào đã truyền lệnh ra như vậy. Và ai nấy đều rầm rập tuân theo.

Tôi không theo toán người đi đuổi bắt vợ chồng Tư Mắm. Tôi đến bên dì Tư Bé, cầm lấy bàn tay lạnh ngắt của bà ta, không biết nên nói gì đây. Một câu an ủi trong lúc này, có nghĩa lý gì! Bà chủ khốn khổ của tôi đang ngồi tựa lưng vào một vò rượu - không biết tay nào chạy hộ ra đây hay tự bà ta khênh ra kịp thì chẳng rõ - vừa thấy tôi đến, đã quay mặt đi.

- Dì Tư! Dì Tư! - Tôi lo lắng và buồn rầu gọi nho nhỏ.

- Thằng nhỏ nó về rồi đây này! - Một người đàn bà nào đó ngồi cạnh bà ta kêu lên.

Dì Tư Béo vẫn quay mặt vào bóng tối. Bỗng nhiên bà ta khóc òa lên: "Con ơi! Con đi đâu mà bỏ dì một thân một mình...". Tôi đứng dậy cầm chiếc khăn rằn phủi bụi đất bám đầy trên vai bà ta. Trước mắt tôi, bà ta chỉ là một con người đáng thương và gần gũi nhất. Tự nhiên, không hiểu sao tôi cũng quay mặt vào bóng tối. Phải rồi, một thiếu niên dù bất cứ ở hoàn cảnh nào cũng không được tỏ ra mềm yếu trước mọi người...

Mãi đến chiều hôm sau, vẫn không tìm ra tung tích vợ chồng Tư Mắm. Ai gặp tôi cũng hỏi, cũng bắt tôi phải kể đi kể lại có hàng trăm bận. Cả chợ nhao lên. Người ta nhìn nhau, ai cũng có vẻ đáng nghi ngờ. Lão Ba Ngù đứng giữa đám đông, vỗ trán kêu lên:

- Tôi biết cái thằng có đôi vai rộng bè, lưng khom khom như con giả nhơn ấy rồi!

- Lại bịa nữa! Biết thì nói, không thì thôi. Chẳng ai ép đâu nhá! - Một ông bạn rượu của lão Ba Ngù khịt mũi nói như vậy.

- Sao lại không? Nó là thằng cùi⁽¹⁾. Mấy hôm nọ, tôi thấy nó nằm dưới xóm Đập Đá. Đúng là nó! - Lão Ba Ngù khẳng định như vậy, và chờ cho mọi người đưa mắt ngơ ngác đợi lão nói tiếp, lão mới e hèm mấy cái, tặc lưỡi: - Chà, nó không phải cùi đâu! Nó lấy thịt thối buộc giẻ rách bó vào chân, ruồi nhặng đến bu vo ve, ai

(1) Hủi.

thấy cũng tỏm, chẳng ai muốn đến gần. Hóa ra có hồi nó ngồi ngay trước mặt mình mà mình tránh đi, để lúc nó chuồn rồi mới ba chân bốn cẳng chạy đi lùng!

Không biết lão Ba Ngù nói vậy có đúng không, nhưng chẳng thấy ai bác bẻ lại lão. Có điều mọi người trong chợ đều nhất trí nhận định là: "Đích thị vợ chồng Tư Mắm đã đốt quán trước khi rút lui. Có thể chúng đặt trước một mối lửa, khi đi xa rồi, quán mới bốc cháy. Dân trong chợ mắc lo chữa cháy dù có biết cũng muộn rồi, không đuổi theo kịp chúng nó nữa".

Quán rượu dì Tư Béo cháy sạch trong đêm đó. Nhưng còn được chiếc thuyền mũi ống, nhờ có người đẩy ra kịp mương nên chỉ mới cháy sém một bên mũi. Dầu sao thì hai chiếc túi bóng mỡ cài kim băng của bà chủ quán rượu cô độc cũng chưa hề hấn gì. Bà ta quyết định không cất lại quán trên mảnh đất xúi quẩy này nữa. *"Phước bất trùng lai, họa vô đơn chí"*(1) mà!

Phải mau mau rời bỏ chỗ này thôi. Dì Tư Béo không ngót than vãn như vậy, và sau cùng quả quyết bảo tôi:

- Con ơi! Đi với dì xuống Thới Bình đi!
- Cháu ở lại đây thôi. Cháu còn chờ một người quen...

(1) Điều may không cùng tới hai lần, điều rủi không phải một lần là hết.

Tôi đáp với bà ta như vậy, chứ thật ra tôi có chờ ai đâu. May ra trong số người qua lại xóm chợ này, tôi có thể tìm gặp một người quen nào chẳng? Ba má tôi thì chắc chắn là còn ở tận bên kia sông Hậu Giang, chẳng bao giờ xuống tới chốn này.

- Số trời bắt tao phải sống một thân một mình. Thôi thì cũng đành! Nếu mai kia một nọ... con có dịp về gần Thới Bình, cứ hỏi thăm tên dì, ắt dì cháu ta còn có cơ hội gặp nhau...

Bà ta sụt sịt, giúi vào tay tôi một đòn bánh tét, nặng nề bước xuống chiếc thuyền vừa thoát trận hỏa tai, rồi nhỏ sào tách bến.

Trời sâm sẫm tối. Tôi đứng dưới gốc cây gạo cổ thụ lổm ngổm những mảnh lu mảnh vại vỡ, bên đám tro tàn còn phảng phất mùi rượu cháy chưa tan. Tôi đứng im lặng một mình như vậy, nhìn theo vạt áo trắng của dì Tư đang chèo khuất dần trong bóng tối của mặt nước dòng kênh. Lát lâu sau, tôi bỗng cảm thấy lòng rưng rưng một nỗi buồn lạ lùng không sao xua đi được, một thứ trống rỗng ủa vào tâm hồn, khiến tôi gần như sợ hãi. Tôi chạy theo gọi: "Dì Tư ơi! Dì Tư! Chờ cháu với...".

Tôi vấp mấy cái trong bóng tối, suýt ngã xuống nước. Màn đêm lạnh lẽo buông trùm xuống những ngọn sóng xô xao trên mặt nước cuộn cuộn, không biết chảy về đâu.



5

ÔN LẠI NGÀY CŨ

Tư Béo đã đi rồi. Cả bác tài công già trong đoàn thuyền vận tải quân lương và anh học sinh *cô-le* đã cho tôi chiếc áo vét-tông, hiện giờ cũng không biết ở đâu. Phải chăng những người mà số mệnh đã run rủi cho tôi gặp họ trên đường giạt trôi vì khói lửa đều vội vàng tất bật buông rơi tôi lại, bỏ tôi lơ trôi giữa đường? Mà tôi chỉ là thằng bé từ lúc còn lẫm chẫm biết đi cho đến mấy tháng trước đây chưa hề rời khỏi thành phố mình sinh trưởng. Hay đó là thử thách của cuộc đời đối với tôi chăng?

Anh Sáu tuyên truyền bảo tôi về ở với anh. Ban ngày tôi theo anh ra quét dọn phòng thông tin, tôi lại những khẩu hiệu cũ. Ban đêm thì tôi bạ đâu ngủ đấy. Có khi tôi ăn và ngủ ở nhà anh, nhưng cũng nhiều bữa tôi ăn cơm nơi nhà người khác, phần đông là các anh thanh niên trong chợ. Bởi họ thấy tôi dễ bảo, có chút ít chữ nghĩa, lúc nào cũng sẵn sàng giúp họ viết những khẩu hiệu xanh đỏ lòe loẹt bằng các thứ

kiểu chữ *gô-tích*, *ba-tông đờ-roa*... Đôi khi tôi còn chịu khó ngồi nắn nót vẽ những chữ hoa trên góc các vuông khăn vải phin trắng còn thơm mùi hồ mà các chị phụ nữ Tiên phong đã cấy tôi vẽ để họ thuê... Tôi làm các công việc vặt này một cách say sưa, bởi đó là thích thú của tôi, đồng thời cũng muốn phô khoe chút tài khéo léo của mình. Anh Sáu tuyên truyền chẳng đã nhiều lần khen tôi là một thằng bé có "hoa tay" đấy ư ?

Dẫu sao thì tôi cũng vẫn buồn. Cái hy vọng gặp lại ba má tôi và ngày mình có thể trở về thành phố quê hương cứ khuấy động trong tôi một nỗi buồn nhớ không nguôi. Nhưng tôi tuyệt nhiên không hề hé môi thốt ra một lời than vãn. Thằng hoặc có một vài người nào đó lưu tâm hỏi hoàn cảnh gia đình cha mẹ tôi ở đâu... thì tôi đều kiếm cớ nói tránh đi, hoặc lái câu chuyện về một hướng khác. Tôi không muốn thấy ai tỏ lòng thương hại đối với mình. Bởi vì, nói cho cùng chẳng đem lại một kết quả gì mà chỉ gây thêm tủi cực, xót xa hơn cho mình sau đó. Tôi sống lần hồi ở xóm chợ này được đâu hơn một tháng.

Ban ngày, tôi có thể tạm quên nỗi buồn nhớ ba má tôi bằng cách đi chơi dây đó, vui đùa với bọn nhỏ và các anh thanh niên. Nhưng ban đêm, tôi thường giật mình thức giấc, thấy mình nghiêng mặt trên cánh tay gối đầu ướt đầm nước mắt...



Những con đường hàng me mượt mà lớp áo xanh non sau những trận mưa đầu mùa, suốt ngày vì vu tiếng kêu của những bầy ong không ngớt bay lượn trên những chùm hoa, làm rơi lả tả những cánh hoa trắng bé tí xiu trên đầu bọn học trò nhỏ chúng tôi... Những con đường hàng xoài, mùa quả năm nào cũng có những chú pô-lít⁽¹⁾ áo vàng cứ trứa lại núp trong các ngõ hẻm rình chop lấy chiếc giàn thun⁽²⁾ của mấy đứa trẻ trốn bố mẹ, vồ đi học sớm để ra đó bán quả xanh... Những đêm thứ bảy, ba tôi thường dắt tôi ra cầu tàu lục tỉnh ngồi xem ông thả mồi, buông một sợi câu rất dài, câu cá bông lau. Thành phố yên tĩnh dưới trăng khuya. Tiếng gió rì rào trên những ngọn dương trồng dọc con đường đá đỏ chạy cặp theo bờ sông Tiền Giang, lác đác một vài người đi dạo đêm đứng dưới cột cây, hoặc ngồi trên bậc cầu đá nhìn ra dòng nước menh mang nhấp nhánh ánh lửa thuyền câu... Tôi đã lớn lên trong cái thành phố vừa đông vui trù mật vừa yên tĩnh dịu dàng, tràn ngập một thứ gió sông nhiễm đầy mùi phù sa và nắng ấm đó cho đến ngày "đăng mình" cướp chính quyền.

Lần đầu tiên, tôi nghe ba tôi nói hai tiếng "độc lập" với một vẻ mặt đầy xúc động:

- Bà nó ơi, độc lập rồi! Thành An, mày có biết không, Tổ quốc ta từ nay... độc lập rồi!

(1) Cảnh sát thời Pháp thuộc.

(2) Súng cao su.

Ông lấp bắp nói như vậy, mặt mũi tay chân đỏ bừng như con gà trống. Và bằng một dáng điệu rất tự hào, ba tôi đứng nghiêng đầu nhìn lá cờ đỏ sao vàng treo trên bức ảnh Hồ Chí Minh mà các anh thanh niên Tiên phong vừa dựng ở chỗ ngã ba đường, ngay trước cửa nhà tôi.

Trường học của chúng tôi đóng cổng mấy hôm cho học sinh nghỉ ngơi, đi biểu tình mừng ngày độc lập. Thành phố nhuộm màu đỏ rực của băng, cờ, khẩu hiệu; ngày đêm rầm rập bước chân của thanh niên, phụ nữ Tiên phong, của Cộng hòa vệ binh, của các đội dân quân cách mạng vũ trang, của dân chúng từ các làng quận xa xôi kéo về tỉnh mừng ngày hội lớn có một không hai đó. Thực ra thì bấy giờ tôi cũng không hiểu hết ý nghĩa của danh từ "độc lập" là ra sao cả. Chỉ biết rằng thằng cò Tây, bọn lính Tây trong thành *san-đá* trước đây hay đuổi học sinh chúng tôi và thường bắt bớ đánh đập dân chúng, đã bị mình bắt bỏ vào khám sau một hồi chúng nó nổ súng lết đệt chống cự lại ta, và bọn binh lính Nhật đóng trong thành phố lúc trước, giờ đây ra đường cúi mặt xuống, lê chiếc gươm dài như lê một khúc củi mục mà đi thất thủ. Và tất cả các công sở, nhà máy trước kia do bọn chủ Pháp, chủ Nhật cai quản, nay đều thuộc về mình... Chưa được hai mươi hôm, bỗng xôn xao nghe tin giặc Pháp lại nổ súng đánh ta ở Sài Gòn. Thành phố tôi còn đang vui tở mở như bọn



trẻ chúng tôi thì chỉ qua một đêm nghe biến cố, đã trở nên nghiêm nghị như một cụ già. Ông già Tám đánh xe ngựa ở sát cạnh nhà tôi lúc nào cũng sẵn sàng một ngọn tầm vông, chỉ chờ dịp xông ra đâm chết lũ giặc. Người ta rèn vũ khí, người ta chuẩn bị lương khô, *"ai có dao dùng dao, có mác dùng mác"* - đúng như lời trong bản hiệu triệu của hai ông Hoàng Quốc Việt và Cao Hồng Lãnh thay mặt Tổng bộ Việt Minh kêu gọi dân chúng xông ra *"bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc mới phôi thai"*.

"Này thanh niên ơi, đứng lên đáp lời sông núi..."

Trong đêm dài mù mịt tầm tã giọt mưa rơi, hay giữa ngày nắng chói chang dưới ánh mặt trời nóng như thiêu như đốt, ở khắp góc phố, bờ sông, ngõ hẻm, bãi chợ, đầu cầu, trong những khu vườn ngoại ô lan dài đến tận ruộng đồng và các xóm làng xa, tiếng hát cứ vờn lên như sóng, âm vang chưa dứt đầu này đã nghe nổi lên dồn dập ở chỗ cuối kia. Hình như không phải là người ta đang hát, mà họ gào lên với tất cả tâm hồn khát khao yêu nước, yêu độc lập thì đúng hơn... Ủy ban nhân dân Nam Bộ từ Sài Gòn chuyển về đóng ở thành phố tôi, binh sĩ bị thương ở các mặt trận chung quanh Sài Gòn - Chợ Lớn chở về nằm chật các giường bệnh của y viện tỉnh. Ngày nào cũng có đoàn xe ô tô chở thanh niên Tiền phong, thanh niên Cứu quốc, cảm tử quân từ trong thành phố chạy ra hướng

Đoàn Giới

Trung Lương đi về các vùng Phú Lâm, chợ Đệm, nơi đang diễn ra các trận đánh ác liệt giữa các sư đoàn dân quân cách mạng với bọn giặc Pháp núp sau lưng bọn lính Ăng-lê, lính Ấn Độ mang danh nghĩa Đồng Minh vào tước khí giới Nhật và lén lút từ trong thành phố đánh ra.

Đêm, tôi thường rất ít ngủ. Giấc ngủ cứ chập chờn trong tiếng bánh ô tô chuyển rung đường phố chở thanh niên ra mặt trận, trong những lời hát sôi nổi bằng giọng trầm hùng của những anh sinh viên, học sinh cỡ lớn: *"Xếp bút nghiên lên đường tranh đấu, xếp bút nghiên coi thường công danh..."*. Có khi tôi chiêm bao thấy mình đã lớn, mặc áo sơ mi trắng lồng vào quần soóc đen, đầu đội nón bàng rộng vành, bên lưng đeo dao găm, tay cầm tầm vông đứng gác trước trụ sở Ủy ban nhân dân như một anh thanh niên Tiên phong thực thụ. "Đánh giặc cũng vui chứ!" Tôi thường nghĩ như vậy và háo hức tiếc mình vì còn bé quá, không được theo các anh ra mặt trận.

Giặc đã tiến xuống đến gần Tân An. Ta vẫn còn án ngữ ở hai đầu cầu quan trọng trên hai con sông Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây, thì chưa dễ gì chúng có thể tới tỉnh Định Tường này được...

Một đêm, tôi đang ngủ bỗng giật mình choàng dậy. Tiếng gì y như tiếng súng giặc tấn công... Đùng... oàng... àng... àng... Hai chân tôi



đập lung tung mà cũng không rút ra được khỏi
chấn. Trong nhà tối đen. Một tiếng nổ, hai
tiếng nổ, ba tiếng nổ. Rồi một tràng dài tiếng
nổ liên theo, không đếm xuể nữa.

- Ông ơi! Tây tới rồi, ông ơ... ơ... ơi! - Má tôi
hét thất thanh. Tiếng chân má tôi quờ quạng
dò tìm đôi guốc.

Ba tôi đập mạnh tay xuống bàn:

- Im! Để nghe coi phải không đã! Làm gì mà
cuống lên... như giặc tới vậy?

Má tôi lại hét:

- Tây tới bên vách rồi, ông còn đứng đấy chờ
nghe! An ơi, dậy mau! Tây tới rồi, con ơi!

Tôi nhảy phóc xuống giường, dụi mắt lia lịa.
Tôi chạy va đầu vào một cái ghế. Cả người, cả
ghế ngã đổ lổng chổng. Tay tôi sờ soạng mãi
vẫn không tìm được lối ra khỏi buồng.

Tiếng guốc chạy lộp cộp ra phòng ngoài.
Nghe hơi thở hỗn hển vụt qua trước mặt, tôi lao
tới ôm chầm lấy má tôi.

Súng đại liên nổ pập... pập... một tràng dài.
Tiếng ào ào khủng khiếp chạy trên trời như
một cái chổi khổng lồ bằng sắt quét không khí,
cuốn theo những luồng gió hút ghê rợn. Trẻ em
các nhà hàng xóm khóc vang dậy. Bỗng nghe
cánh cửa chớp bật "kẹt" một tiếng. Ánh điện
đường ulla vào nhà sáng rực. Ba tôi đã đứng đấy,
hai tay vịn vào thành cửa sổ, chồm người ra
ngoài quan sát. Má tôi vẫn ngồi trên nền gạch,
đầu tóc xỏa tung phủ xuống mặt tôi. Đôi mắt

má tôi mở thao láo vì sợ hãi, hai bàn tay bà run run ôm chặt lấy tôi. Tôi toan gỡ tay má tôi để chạy ra ngoài xem thế nào, thì ánh điện ngoài đường vụt tắt. Tiếng guộc khua lộp cộp bên các nhà hàng xóm, tiếng trẻ con khóc cũng đồng thời im bặt. Một sự im lặng mênh mông ập xuống nặng nề ghê rợn. Đột nhiên tiếng súng lại ùng ùng... oàng... oàng nổi lên. Bây giờ, tối phiên có nhiều bà vừa gọi nhau vừa khóc. Trẻ con thì không phải nói. Chúng nó đã khóc thét lên khi tiếng đại bác bắt đầu nổ đợt thứ hai.

Má tôi móc được bao diêm trong túi ra, quỳnh quáng đánh lên. Que diêm cứ trượt xoèn xoẹt ngoài vỏ bao. Tôi nhớ đến cái công tắc, bèn chạy đến chỗ bật đèn. Tôi cứ vịn lắc các mái mà trong nhà vẫn tối đen. Thôi, ngoài nhà máy đèn người ta đã cắt điện rồi! Xoẹt... xoẹt!... Lửa bỗng lóe lên. Má tôi cứ cầm cái đèn trứng vịt chạy ra chạy vào.

Ngoài đường, tiếng người kêu thét, tiếng chân chạy hỗn loạn. Xe thô mộc chọc cán roi vào cãm xe⁽¹⁾ khua lách cách. Ngựa nhảy dựng, hí ran, gõ móng cồm cộp xuống mặt đường, tung vó phi nước đại. Ô tô rú ga hù hụ, rít phanh ken két, vừa hãm tốc độ máy xong lại hù hụ mở máy rú lên lại. Chuông xe đạp leng keng... leng keng... không dứt. Người lạc gọi nhau. Trẻ con kêu khóc... Tất cả cuốn đi, xa dần. Rồi lại từ từ

(1) Nan hoa gỗ.



kéo đến một tốp người khác, đông hơn, dài hơn. Tốp này đến tốp kia, liên tiếp vượt qua trước nhà tôi, chạy ra khỏi thành phố như một cuộc đuổi bắt khổng lồ.

Trong ánh đèn dầu hỏa đỏ lù mù, giữa đông bàn ghế hỗn độn, đồ đạc tháo tung bừa bãi, má tôi cuống lên, loay hoay mãi vẫn không nhét được cái gì vào va-li. Cái gì má tôi cũng muốn mang theo, vừa bỏ ra lại nhặt vào, lại bỏ ra. Ba tôi thì tỏ ra trầm tĩnh hơn. Những thứ nào không cần thiết, ông vất ra ngay. Má tôi vừa giục, vừa cầu nhàu, vừa khóc. Ba tôi không muốn cãi nhau với má tôi trong lúc này, cứ thản nhiên thu xếp đồ đạc vào hai chiếc va-li.

Tôi đã lóc cóc chạy ra khỏi nhà, đứng nhìn đoàn người tản cư diễu qua như nước chảy. Hồi lâu, ba tôi dắt xe đạp ra nhập vào toán người thưa thớt vừa hốt hải chạy tới. Hai chiếc va-li to tướng, ba tôi đã đặt xuôi một chiếc lên ghi đông, một chiếc buộc sau *booc-ba-ga*. Má tôi khóa cửa xong, tay cầm nón không kịp đội, tay xách chiếc làn mây nhét linh tinh từ chai nước mắm đến cái bàn chải đánh răng, hồi hải chạy theo ra đường.

Trời chưa rạng, nhưng một thứ ánh sáng tái tái đã vươn nhẹ trên những đầu cây mận còn im lìm ngái ngủ trước sân những ngôi nhà nhỏ, cửa đóng chặt, chắc là chủ nhà cũng vừa rời đi trước chúng tôi không lâu. Trong các xóm vườn trồng cây ăn quả, có bóng những người đàn ông

cởi trần hiện lồ mờ trong sương, đang chạy đuổi bắt heo, bắt gà vịt. "*Thực hiện triệt để vườn không nhà trống khi giặc đến*", tôi nhớ tôi khẩu hiệu dán chỗ ngã ba nhà tôi mấy hôm trước, và lia cặp mắt thần phục nhìn theo bóng những người đàn ông cởi trần chạy thấp thoáng trong các vườn cây. Đi một quãng, tôi gặp bọn thằng Phi, thằng Tính mặc quần soóc tuyết-xo, áo sơ-mi thả cúc, đứng giữa đường, cạnh chiếc ô tô mũi hòm sơn đen chết máy đổ bên lề. Hai anh em nó thấy gia đình tôi lịch kích đẩy chiếc xe đạp thổ va-li công kênh ngang qua, chúng nó thọc tay vào túi quần, nhe răng cười. Đường như chúng nó cười chào... mà thực ra không phải cười chào. Coi bộ chúng nó không có vẻ gì lo lắng cả. Ba nó uốn cái bụng to ra, đứng bên gốc cây, vẫn phì phèo hút thuốc lá thơm, xem người tài xế loay hoay chui dưới gầm xe chữa máy. Má nó thì ngồi nhai trầu trong xe bên cạnh có người vú em đang búng búng vào những sợi dây đàn để dỗ em nín khóc. Cho tới cả cây đàn măng-đô-lin, chúng nó cũng mang theo chơi trong lúc chạy giặc!

Tôi bỗng chợt nhớ mình còn quên một món ở nhà, toan quay trở lại. Nhưng ba tôi lừ mắt nhìn tôi, và ông cứ cắm cúi đẩy chiếc xe đạp công kênh vượt sang ngã ba Đạo Ngạn. Chúng tôi đã ra khỏi thành phố rồi. Có quay lại cũng không kịp. Huống chi cửa nhà tôi đã khóa chặt, mà má tôi thì nhất định không trao chìa khóa



cho tôi. Ôi, cái đĩa bàn bé bằng quả trứng có cây kim đồng quay quay chỉ về hướng bắc của anh Ba thủy thủ cho tôi năm ngoái, nó còn nằm trong ngăn kéo bàn học, bên cạnh hộp thuốc màu Lơ-phơ-răng và xấp *các-pốt-tan*⁽¹⁾ in đủ hình phong cảnh năm châu bốn biển... Tại sao tôi lại có thể quên cái "tài sản" quý báu ấy của mình được? Tôi đâm ra giận má tôi. Đến chai nước mắm bà vẫn còn nhớ mang theo, thế mà những thứ ấy má tôi lại không nhớ giùm tôi.

Không biết hiện giờ anh Ba thủy thủ thân mến của tôi ở đâu? Anh có nhập vào Cộng hòa vệ binh chặn đánh giặc Pháp ở nơi nào đó không? Hay anh đang lên đèn trên một con tàu giữa biển khơi mà không biết rằng giờ đây, giặc Pháp đang đuổi tôi chạy học tốc thế này? Chân bước đi mà mặt tôi cứ ngoảnh lại nhìn về thành phố. Máy đưa bạn nhỏ của tôi ở bên kia đầu cầu quay, vùng chợ cũ, xóm Đình, xóm Cả, chắc đã chạy về hướng chùa Vĩnh Tràng đổ về Gò Cát, Bến Tranh rồi... Chà, mai một đây cánh thanh niên đuổi giặc ra khỏi thành phố, chúng tôi lại quay về gặp nhau, tha hồ mà kể đủ thứ chuyện nhé!

Tôi vừa có phần lo, lại vừa có phần vui. Có gì đâu mà má tôi lại mặt xanh mày xám thế kia? Lâu lâu, tản cư một lần thế này cũng vui như cái bạn quân Đồng Minh ném bom bọn Nhật, đi ít hôm rồi lại về. Lúc về, trong các buổi đến

(1) Bưu ảnh.

trường gặp nhau chúng tôi càng thêm nhiều chuyện vui hơn trước.

- Chạy nhanh lên bà con ơi!

Tiếng kêu của một người nào đó khiến chúng tôi giật mình quay lại. Cây đang bị chặt ngã, đổ rầm rầm phía sau. Thanh niên bắt đầu đón cây chặt đường, ngựa giặc tiến về hướng này. Người ta kháo nhau: "Thằng Tây khôn lắm! Nó chẳng dại gì từ Tân An đánh xuống. Nó vòng ra biển rồi bất ngờ từ cửa Gò Công thọc lên. Minh không đề phòng mặt đó thì đến trời cũng chẳng kịp trở tay". Một tiếng nổ vọng rền từ trung tâm thành phố. Cột khói đen sì cuộn cuộn bốc lên. Một chỗ, hai chỗ, ba chỗ..., lửa đã cháy khắp nơi trong thành phố, từ trên bệ một ngọn dừa cao chót vót, một cụ già đứng che tay lên mắt, nhìn theo các cột khói.

- Tây chiếm Mỹ Tho rồi, bà con ơi! - Tiếng kêu thất thanh của ông lão tắt giữa những tràng tiếng súng liên thanh nặng nổ pập... pập và tiếng đạn bay vuu vuu trên trời.

Hai hôm sau, chúng tôi chạy tới Cai Lậy, cách thành phố tỉnh lỵ chừng ba tầm súng đại bác. Thị trấn vẫn đông vui, chợ nhóm tấp nập như thường nhưng không khí chuẩn bị chiến đấu có phần sôi nổi và căng hơn ở tỉnh. Ba má tôi vào ở nhờ nhà một người bà con. Không hiểu sao tôi cũng bắt chước bộ điệu quái quỷ của anh em thằng Phi, thằng Tính, thọc hai tay vào túi quần soóc, nhẩn nha đi dạo phố.



Tôi đứng xem các anh thanh niên nông dân mặc quần áo nhuộm màu phèn, tóc tai bù xù, từ các thôn ấp xa xôi vác tấm vông nối nhau kéo vào thị trấn. Trông cũng khí thế lắm. Họ ít nói, ít cười, mặt lầm lẫm. Chắc là đánh giặc khá lắm. Nhưng họ xếp hàng từng tiểu đội đi *la mác*, chân tay còn chệch choạc, không được đều bước và oai như các anh thanh niên ở tỉnh. Tôi chỉ phục nhất có cậu Lê Văn Tám ở Sài Gòn. Ngày nào tôi cũng vào phòng thông tin xem tranh, đọc báo "*Kèn gọi lính*" để về kể lại cho má tôi nghe. Cậu này cũng cỡ tuổi tôi thôi, có khi còn bé hơn, thế mà dám tẩm dầu vào người đốt kho xăng địch thì bảnh thật! Người họa sĩ nào vẽ bức tranh "*Em bé tẩm dầu*" đã tô nhiều ngọn lửa quá, khiến tôi chỉ thấy có đôi mắt sáng ngời của cậu bé, còn cả người cậu ta thì đỏ rực như một cây đuốc ấy! Giá tôi có mang hộp thuốc màu theo thì tôi cũng bắt chước vẽ một bức như thế này để khi nào trở về đưa ra treo ở lớp học. Thường trong lớp, tôi là đứa học trò vẽ giỏi nhất. Thấy giáo đã nhiều lần khen, bảo tôi vẽ những hình con bọ dừa, con bướm phóng đại to như cái quạt treo lên tường làm bài học cho cả lớp kia mà!

Tôi chẳng đủ thì giờ nghĩ lan man những chuyện đâu đâu nữa. Tôi ở Cai Lậy độ tuần lễ thì giặc Pháp mò lên. Gia đình tôi lại chạy về hướng Cái Bè. Chúng tôi cứ chạy trước tấm đại bác của giặc. Rồi Cái Bè cũng mất. Gia đình tôi

chạy vào đồng ruộng. Chiếc xe đạp vướng lằm, ba tôi đem biếu nó cho các anh tự vệ dùng để chạy liên lạc trên đường quốc lộ.

Bây giờ thì tiếng súng nổ rền bốn phía chung quanh, không còn biết đâu là đâu nữa. Chúng tôi quá giang theo xuồng của đồng bào đi vào chợ Thiên Hộ.⁽¹⁾

Những người nông dân sẵn sàng giúp đỡ ba má tôi đủ mọi thứ. Họ cho gạo thổi cơm, cho mượn xuồng đi chợ... Những thằng bé con còn dạy tôi cách cầm chĩa ba mũi phóng cá rô dưới kênh... Ở đây cũng thú, chỉ phải cái muỗi và đĩa thì quá lằm! Nhiều đến phát khiếp! Đứng ở sân chợ nhìn về hướng đông, chỉ thấy đồng cỏ mịt mùng, lau sậy nối liền với chân trời. Hóa ra Đồng Tháp Mười là chốn này đây. Tưởng ở yên, nhưng chưa được mấy hôm, tàu bay giặc đã âm ầm ù ù bay lượn dọc theo các xóm bờ kênh bán xuống như trấu vãi. Thế là chúng tôi lại đi. Qua Mỹ An, qua Cái Bè, chúng tôi lại đổ ra hướng bờ sông Tiền Giang.

Những làng mạc êm đềm, bóng dừa bóng chuối che rợp các khu vườn mát rượi đất phù sa, con đường đất nhỏ lượn trên bờ rạch nước đầy ăm ắp soi bóng những cây sầu riêng, măng cụt... Những ngôi nhà mái đỏ thấp thoáng trong các khu vườn xoài... Tất cả những nơi mắt tôi nhìn thấy, chân tôi bước qua đều đã

(1) Thiên Hộ Dương - tên một vị anh hùng nông dân khởi nghĩa chống Pháp thế kỷ trước ở Đồng Tháp Mười.



mất đi sự bình yên phẳng lặng của nó, không khí chiến tranh đã tràn về tận các thôn ỏ xa xôi nhất... Và cũng từ những thôn ỏ xa xôi, bình yên phẳng lặng ấy, những anh thanh niên, những chị phụ nữ, những em bé, những cụ già chất phác hiền lành cũng đã cầm lấy vũ khí thô sơ. Chao ôi! Những người nông dân xưa kia đi vào thành phố thì củ mủ cù mì chẳng thấy nói một câu, bước e dè, sợ sệt từ thằng lính mã tà⁽¹⁾ cho đến con mụ góp tiền chõ, nhân nhục mỉm cười trước những cặp mắt rẻ khinh của bọn người thành phố ăn trắng mặc trơn, thì bây giờ, họ đã vùng lên một cách dũng mãnh, sẵn sàng lao vào cái chết để chặn giặc, sẵn sàng cứu mang giúp đỡ những con người đã rời bỏ đô thị chạy đi trước khi giặc tới! Và dù miệng họ không nói ra được ý nghĩ của mình bằng những danh từ bóng bẩy văn hoa, nhưng hành động của họ lại thiết thực và anh dũng biết bao trước lời kêu gọi của Tổ quốc lâm nguy...

"Tiến lên đường máu, quốc dân Việt Nam!

Non nước nát tan vì quân thù xâm lấn.

Đồng bào mau hiệp sức ra đấu tranh

Đi... đi... nước mất sao ta nỡ đành...

Tiến lên vì nước, thù kia ta đánh lui

Tiến lên đường máu, núi sông sáng ngời..."

Trong tiếng sóng âm âm của dòng sông Cửu Long ngày đêm không ngớt thét gào, tiếng hát

(1) Lính gác đường.

của họ vờn bay như một cơn bão lốc, âm vang khắp mọi nơi, khi thì như thúc giục gọi kêu, khi thì như giận dỗi trách mắng, lúc lại nghe như buồn bã âu sầu, lúc lại cuộn cuộn lên đầy phần nộ... Hay là vì từ trong tấm lòng thơ bé của tôi, từng lúc tâm trạng buồn vui khác nhau làm cho tôi nghe ra như thế, tôi cũng chẳng biết nữa!

Chúng tôi đã vượt sông Tiền Giang và mò mẫm lần hồi, hơn tháng sau đã nghe tiếng sóng vỗ bờ của dòng sông Hậu Giang trước mắt. Đến đây thì sức má tôi đã yếu lắm. Có những đêm không chạy nổi nữa, chúng tôi phải dừng lại ngủ giữa cánh đồng trơ trụi, quần áo ướt đầm sương, có khi phải đội mưa đi suốt ngày, mệt vẫn không dám nghỉ, đói vẫn không kịp ăn... Lo sợ và cực nhọc đã quật má tôi ngã xuống mấy bận ở dọc đường. Tai hại nhất là những cơn sốt liên miên kéo dài, làm cho con người gầy gò như má tôi mỗi ngày một kiệt đi. Nhiều bữa, má tôi không ăn uống gì, nằm thõm một nhọc, bàn tay lạnh ngắt cứ nắm chặt lấy tay tôi. Nhưng đến khi nghe tiếng súng nổ, thì má tôi lại tức khắc ngồi dậy, nhanh nhẹn thu vén đồ đạc, dắt tôi chạy theo đoàn người tản cư.

Hễ có dịp dừng lại một nơi nào yên ổn, là y như một chốc sau, tôi đã lên trốn má tôi, nhập bọn với đám trẻ, con những người tản cư khác và bọn trẻ địa phương chưa hề quen biết bao giờ. Chúng tôi đi thật xa, ra tận giữa đồng,



hoặc chui vào những khu vườn rậm để người lớn không tìm thấy, ở đó chúng tôi mặc sức bày ra đủ các thứ trò chơi mà trước kia ở thành phố tôi chưa hề nghĩ ra. Chỉ cần một cái mo cau rụng và mười cọng sậy là chúng tôi đã làm thành chiếc cộ hai ngựa kéo, đưa viên tướng cưỡi truồng đầu đội mũ tết lá xanh đi "quan sát mặt trận", theo sau có cả tiểu đội trẻ em phơi rốn bông súng theo hầu. Với vài bẹ chuối cắt ngắn, cắm dây que khô thả xuống con mương nhỏ, thế là chúng tôi đã có cả một đội hải thuyền rồi. Còn đạn trái phá thì tha hồ, cứ nhặt quả mù u rụng, ném xuống "uỳnh uỳnh" làm cho bẹ chuối dập dềnh, nước có bắn tung tóe ướt cả áo quần cũng mặc... Chúng tôi bày ra rồi lại phá đi, ngày này qua ngày khác, nhiều trò chơi cứ lặp lại mãi không đứa nào thấy chán.

- An ơi! Ba má chỉ có mỗi mình con. Giặc bắn phá lung tung mà con chẳng biết lo lắng chút gì! Con cứ mê chơi đi lung tung, rủi ro bị lạc, hay có nguy hiểm gì xảy ra thì ba má biết con ở đâu mà tìm! - Má tôi thường rầu rầu nét mặt, bảo tôi như vậy.

Tôi thương má tôi lắm. Những lúc ấy thì giá có trời xuống rủ đi chơi tôi cũng chẳng đi. Tôi rơm rớm nước mắt, cúi mặt xuống, lòng buồn thiu buồn thiu.

Nhưng nước mắt và cái buồn của trẻ thơ mau đến mà cũng mau tan, như những giọt mưa bóng mây thôi. Quẩn quanh bên chân má

tôi được vài buổi, tôi lại lên theo bọn nhỏ, chạy nhảy reo hò như một đám quý ranh, hoặc lại đi chơi xa cùng chúng nó.

Một buổi trưa, tôi lẻo đẻo theo mấy đứa chăn trâu mò vào đầm sen hót cá thia thia. Bỗng có hai chiếc tàu bay khu trục đen sì ầm ầm bay tới. Như hai con ác diệu khổng lồ, chúng gào rú lượn lên sà xuống, quần trên đầu xóm bờ sông, chỗ đám người tản cư vừa dừng lại ban sáng. Bom rơi xuống từng chùm, trông rõ mồn một. Tiếng bom nổ rung rinh cả mặt nước đầm sen. Súng bắn dữ dội. Dường như chỉ có tiếng súng trên trời bắn xuống. Khói cuộn cuộn phủ mất những đầu cây cao nhất mọc dọc theo bờ sông. Bọn chăn trâu mặt xám ngoét, vất rỏ chạy tứ tung. Mãi đến tối, lửa vẫn còn cháy đỏ khắp làng.

Tôi lần về đến nơi thì không thấy ba má tôi đâu nữa. Ngôi nhà chúng tôi vào nghỉ nhờ ban sáng chỉ còn lại một đống tro, và những cây cột than gãy đổ vẫn còn đang ngun ngút cháy.

- Còn ở đây à? Giặc đổ bộ rồi, không biết sao?

- Nó đổ bộ lên... Ở đâu, anh?

- Đóng ở trong đình ấp dưới chứ còn ở đâu!

Một anh thanh niên tự vệ cầm tầm vông đi qua gặp tôi, đã bảo tôi như vậy. Tôi hỏi thăm ba má tôi, anh chẳng biết. Tôi hỏi rất nhiều người khác nhưng cũng chẳng ai biết cả. Họ bảo tôi cứ chạy dọc bờ sông, đi về hướng ấp trên xem, may ra có gặp chăng?



Tôi trượt lên ngã xuống, lần theo vết chân những người chạy trước mà đi mãi. Tôi cũng không biết mình đi đâu. Đến một ngã ba sông thì cùng đường. Tôi ngồi xuống một gốc cây xakê, chờ xem có chiếc xuồng nào tới để xin quá giang sang bên kia bờ.

Đêm tối quá. Trời lại lắc rắc đổ mưa. Tôi quên cả mệt, cả đói, quên cả giặc sau lưng, chỉ lo không tìm được ba má tôi. Vào khoảng nửa đêm thì có một đoàn thuyền vận tải ngang qua... Tôi đã gặp anh học sinh cô-lee và bác tài công già tốt bụng, và họ cho tôi xuống thuyền. Họ bảo tôi cứ đi theo họ, rồi sẽ tìm gặp ba má nay mai thôi... Cho đến bây giờ, rốt lại thì tôi vẫn ngồi một mình ở đây.

6

BƯỚC ĐẦU CUỘC SỐNG PHIÊU LƯU

- Em có biết con panh-goanh không? Biết à? Ừ, loài chim cánh cụt ở Bắc Băng Dương ấy, người ta bảo rằng nó có một bản năng huyền bí để tìm về tổ cũ...

Đó là những lời mở đầu của một câu chuyện mà anh Ba thủy thủ đã kể cho tôi nghe cách

đây hai năm. Giờ đây, giọng nói ấm áp của anh lại như văng vẳng bên tai tôi.

Đã mấy hôm liền, chiều nào tôi cũng thấy trong người gai gai sốt. Để được nghỉ ngơi yên tĩnh một mình, tôi ôm nóp mọ vào nằm trong ngôi miếu cô hồn. Tôi chỉ nằm đó từ trưa đến chạng vạng thôi. Ban đầu, cũng có hơi rờn rợn. Nhưng qua ngày thứ hai thì tôi đã quen đi, chẳng những không có gì đáng sợ mà lại còn thấy rất dễ chịu. Trong ngôi miếu vắng vẻ này, tôi không bị ai quấy rầy, tha hồ ngủ, và khi thức dậy, tôi có thể ngồi tự do hàng giờ miên man đắm chìm trong những ý nghĩ và hình ảnh lộn xộn lục ra từ trong mớ hồi ức rối tinh của mình.

Lần này, khi tôi tựa mình ngồi dậy, nhìn ra ngoài thì không thấy bóng mặt trời chiếu đỏ rực hạ xuống bên kia bờ kênh như mọi hôm nữa, mà là một bóng trắng xanh lạnh ngắt thấp thoáng sau cành đa, đang chiếu những tia sáng yếu ớt xuống bên thềm miếu.

Có lẽ đã khuya lắm. Đêm vắng vẻ quá. Con sốt dữ dội ban chiều đã vật tôi nằm mê man đến tận giờ này. Đầu nhức như búa bổ, miệng đắng ngắt, và một cơn khát cháy khô cổ họng lại bắt đầu đến giày vò hành hạ tôi. Giá tôi đang nằm ở nhà thì mở mắt ra đã thấy có má tôi ngồi một bên. Có lẽ má tôi sẽ đỡ tôi ngồi dậy, nâng cốc nước chanh đến tận miệng tôi, và tôi còn chờ xem má tôi lo lắng thế nào, còn chờ



nghe má tôi xuýt xoa an ủi dỗ dành một lúc rồi tôi mới uống cũng nên... Cuộc sống trôi nổi trong mấy tháng gần đây đã dạy khôn cho tôi nhiều rồi. "Mày hãy tự lo lấy cho mày trước đã. Đừng có nghĩ đến việc cậy ai nước rót cơm dâng". Tôi cố sức đứng dậy, lão đảo đi ra bờ kênh. Chao ôi, làn nước lấp loáng ánh trắng lơ lơ trôi nhẹ dưới kênh kia mới trong và mát làm sao! Tôi cúi xuống vốc những giọt vàng vổ vụn vào lòng hai bàn tay, uống lấy uống để, tưởng chừng như mình có thể uống cạn cả con kênh này thì mới hả được cơn khát. Những làn nước mát vả vào mặt, vào gáy làm cho tôi dần dần tỉnh hẳn. Tôi lò dò trở vào ngôi miếu, ngồi tựa lưng vào tường, thở dốc.

"Mau mau tìm cách trở lại nhà thôi!"

"Thành phố quê hương mày giặc đã chiếm rồi, mày còn về làm sao được chứ?"

"Ước gì mình có được đôi cánh như những con chim".

Những câu tự nhủ và tự hỏi mình cứ vẩn lên trong đầu óc tôi. Đột nhiên, tôi bỗng nhớ tới câu chuyện anh Ba thủy thủ đã kể cho tôi nghe về bản năng huyền bí của loài chim cánh cụt:

"Những nhà sinh vật học trên thế giới đã chứng minh điều đó... Họ buộc những mảnh đồng nhỏ, ghi ngày tháng và hòn đảo sinh trưởng của những con chim bắt được. Họ mang nó đi rất xa, xuống tận vùng Nam Băng Dương và thả chúng ra. Thế mà một hai năm sau,

người ta lại bắt được những con chim đó ở đúng trên các hòn đảo cũ...".

Giọng nói ấm áp, đầy hấp dẫn của người thủy thủ vui tính và nhiều mơ mộng xưa kia khiến cho tôi lúc nào cũng hong hóng chờ nghe, lại vắng bên tai. Tôi ngồi nhìn ra ánh trăng soi mờ, thấy dần dần hiện lên quang cảnh nhộn nhịp của các bến vận hà dọc theo đôi bờ sóng trắng của con sông Tiền Giang. Trên cầu tàu lục tỉnh, anh ngồi tựa lưng vào một trụ buộc đò⁽¹⁾, tay cầm tẩu thuốc lá; những làn khói mỏng xanh xanh từ trong tẩu thuốc cháy chưa kịp bay lên đã tan mất ngay theo gió. Tôi ngồi bên anh, từ trên sàn cầu qua những khe ván đóng hỏ, có thể nhìn thấy ngay dưới chỗ mình ngồi những thanh đà sắt bắt chéo vào nhau trong một màu tối âm u, và sâu hơn một chút, dưới kia dòng nước lao nhanh như cắt, lúc nào cũng giận dữ réo ào ào, dường như muốn nhỏ phăng những chiếc cột cầu bằng thép to tướng mà lôi chìm xuống đáy sâu.

- Sướng nhỉ, anh nhỉ! Được như con chim cánh cụt ấy thì bọn trẻ chúng em không bao giờ sợ lạc! - Tôi hươ tay nói như vậy.

- Đó là một con chim đáng thương!

- Vì cánh nó quá ngắn phải không anh?

(1) Xích.



- Ừ, cũng có thể... Nhưng không hẳn vậy đâu. Anh muốn nói với em một vấn đề khác kia...

Người thủy thủ trẻ có khuôn mặt sạm nắng rất đẹp, mái tóc lúc nào cũng bông lên vì sóng gió đại dương, đắm đắm nhìn về chỗ vạch ngang của dòng sông Cửu Long lòa nhòa gần liền mặt nước với chân trời. Anh im lặng một lúc; sau khi đã hít mấy hơi khói thuốc dài, giọng anh bắt đầu trầm hẳn xuống, như nói với mình:

- Cuộc sống của con người phải đâu chỉ thu hẹp trên mảnh đất vùng quê! Đã đành quê hương là nơi gắn bó với cuộc đời mình nhất, nhưng khi người ta còn trẻ tráng, phải bay nhảy hoạt động, đi đây đi đó chứ. Lúc nào cũng chạnh nghĩ về quê hương, đó là báo hiệu của tuổi già... Không phải vì có đôi cánh cụt mà con panh-goanh không đi xa được đâu. Nó là một con chim không có cánh ở tâm hồn. Nó như một ông cụ già lưng mỏi gối chùn, lúc nào cũng muốn tìm về nằm xuống ở quê hương!

Chiều chiều, sau giờ học, thầy giáo tôi thường dắt học trò ra sông Cửu Long tập bơi. Trên cầu tàu lục tỉnh ấy, tôi đã gặp và quen anh. Anh làm thủy thủ trên một chiếc tàu rất lớn, có ba ống khói to tướng sơn màu xanh da trời. Lâu lâu, tàu anh lại cập bến một lần. Gặp anh vài bận, tôi đã thấy gắn bó với anh rồi. Mà anh thì cũng rất mến tôi. Bởi tôi hay hỏi đủ mọi

thứ chuyện trên trời dưới đất, lung tung, mà anh cũng lấy làm thích thú trước một thằng bé tò mò, lúc nào gặp anh cũng đặt ra những câu hỏi, khiến anh có khi phải nhồi rất nhiều thuốc lá vào tẩu mới tìm ra lời giải đáp. Tôi mời anh về nhà tôi chơi. Ba má tôi cũng rất quý anh thủy thủ vui tính, biết nhiều chuyện lạ này. Lần nào anh đến chơi, ba má tôi cũng giữ anh ở lại ăn cơm. Những hôm ấy, nhà tôi rộn lên tiếng nói, tiếng cười, vui như có cỗ. Quan hệ mật thiết giữa anh và tôi đã khiến ba má tôi xem anh như người trong họ hàng.

Cuộc đời anh lênh đênh nhiều năm khắp các mặt biển, trên nhiều chiếc tàu của những công ty hàng hải khác nhau. Anh đã đi qua Ấn Độ Dương, vượt kênh đào Xuy-ê ra Địa Trung Hải, men theo bờ Đại Tây Dương lên tận cảng Lơ Ha-vơ... Gần khắp mặt biển Thái Bình Dương, cảng nào anh cũng có tới. Anh biết rất nhiều thành phố, nhiều giống người... Chỉ có những xứ ở bên kia tây bán cầu là anh chưa đặt chân tới thôi. Trong những mẩu chuyện anh kể, tôi nghe quen nhiều tên giống người, tên vùng đất, hải cảng, tên thủ đô, thành phố quan trọng trên hầu khắp các lục địa mà tôi đã học say mê trong các bài địa dư ở trường...

- Em coi bộ thích phiêu lưu lắm hả? - Có lần anh hỏi tôi như vậy.

- Phiêu lưu là sao, anh?



Anh nhovn miệng cười, bập bập cái tẩu thuốc lá làm cho khói bốc xanh um như một ống khói tàu, hạ thấp giọng:

- Ồ phiêu lưu là nay đây mai đó. Trên rừng, dưới biển, đồng ruộng, núi cao... bất cứ chỗ nào mình cũng đi tới. Càng đi thì càng gặp nhiều chuyện lạ, khiến cho mình say mê... Thôi, bao giờ em lớn lên, em sẽ biết!

Năm ngoái, anh đi đâu bên Thái Lan về, mang cho gia đình tôi nhiều thứ. Quà tặng ba tôi là chiếc hộp thuốc bằng bạc chạm; quà tặng má tôi là một ông Phật bằng đồng to hơn nắm tay, ngồi dim mắt trên tòa sen... Và, "suy đi nghĩ lại chẳng biết gì hơn - anh vỗ vỗ vai tôi - anh mua tặng em một chiếc đĩa bàn!".

Chiếc đĩa bàn bé bằng quả trứng, có cây kim đồng quay quay chỉ về phương bắc, giờ đây lại hiện ra to tướng, lồng vào khung trắng vành vành đang treo lơ lửng giữa trời kia. Nó là "điềm báo trước" (như lời má tôi thường nói) chẳng? Hay cái vật bé nhỏ, xinh xắn mang trong lòng nó mũi tên chỉ đường cho những kẻ viễn du không may lạc lối trong sương mù, bão tố, giữa rừng rậm, đồng hoang... từ khi cầm nó vào tay, "số mệnh" đã khiến cho tôi phải rơi vào cuộc sống lênh đênh này chẳng? Tôi ngoẹo đầu vào vách, nhắm mắt lại, tưởng như nghe lơ mơ giọng hát quen thuộc của người thủy thủ trẻ đang vẳng đến từ một chỗ thẳm xa nào:

*"Xưa kia có một con tàu nhỏ
Nó chưa hề lướt sóng ra khơi...
Này hồi những chàng thủy thủ
Đang xông pha trên ngọn sóng cao vời!"*

Chà, tôi lại khát nữa đây... Tiếng mạch đập trong tai tôi ù ù hay tiếng gió nổi giữa trùng dương? Tôi chóng mặt quá, cứ buồn nôn. Tôi đang nằm đây hay đang đứng trên con tàu lắc lư nhồi theo sóng? Giọng nam trầm của anh Ba thủy thủ cứ đập dềnh đưa tiếng hát bè cao của tôi chồm chồm bay vút ra xa... *"Xưa kia có một con tàu nhỏ... Nó chưa hề lướt sóng ra khơi... ơ... ơ"*. Một lượn sóng thần cao vút như núi hiện lên ở chân trời, băng băng chạy tới trong tốc độ nhanh khủng khiếp, rồi chồm qua phủ mất con tàu và cuốn tôi đi... trôi mãi... trôi mãi... Tôi càng vùng vẫy thì càng thấy bị chìm sâu xuống đáy, mỗi lúc một ngạt thở đến không còn đủ sức chịu đựng được. Rồi tôi không còn biết gì nữa...

- Thăng bé tỉnh dậy rồi! - Giọng mừng rỡ của một chị nào đó dịu dàng nói bên tai tôi.

Tôi từ từ mở mắt ra, thấy mình còn đang nằm trong ngôi miếu. Một chị cứu thương mặc chiếc áo bà ba màu lục đang ngồi bên cạnh, bàn tay mát rượi của chị hãy còn đặt trên vầng trán nóng như lửa đốt của tôi. Chung quanh tôi, la liệt những thương binh. Một anh bị thương ở đầu quần đầy băng trắng, đang tựa lưng vào chân bệ thờ hút thuốc lá, mỉm cười nhìn tôi. Ánh nắng trời chiếu rọi nghiêng bên mặt anh



một quang sáng lóa. Tiếng súng nổ ran xa xa. Lâu lâu, một tràng đạn đại bác không biết từ đâu bắn tới ùng oàng... ùng oàng... nổ dữ dội ngoài Ngã Ba Kênh. Không khí sặc sụa mùi khói cháy nhà và mùi thuốc súng cay nồng.

- Tây đến rồi hả anh? - Tôi hỏi anh thương binh đang mỉm cười nhìn tôi. Tôi cố chống tay ngồi dậy, nhưng lại run run khuyu xuống.

Cả người tôi rã rời mệt mỏi như vừa qua một trận ốm lâu ngày. Qua lời kể của chị cứu thương tôi mới hay rằng giặc Pháp bắt đầu tấn công vào vùng này từ sáng sớm. Chúng cho quân xích hầu⁽¹⁾ ăn mặc giả thường dân mò vào, toan bắt sống mấy anh tự vệ ở đầu trạm canh, nhưng ta đã cảnh giác phát hiện kịp. Tàu bay giặc ném bom đốt cháy xóm chợ từ lúc giữa trưa. Hiện giờ, chúng còn đang ở bên đầu cầu con lộ Cái Chanh.

- Cha chả! Lúc khiêng các anh bị thương vào đây, thấy chú nằm mê man, thỉnh thoảng cứ hét lên, tôi lo quá!... Cay mồm cay miệng mãi mới nhét được mấy viên thuốc cảm cho chú đấy! Lại hát lảm nhảm những gì gì... Này, nhà chú ở đâu?

- Em không có nhà! - Tôi đáp.

- Coi bộ thằng bé này chưa tỉnh hẳn đâu. Xem như nó còn mê đấy! - Anh thương binh ban nãy thông thả nói như vậy và cầm điều

(1) Thảm báo.

thuốc lá hít một hơi dài, thản nhiên như một người nhàn nhã đang ở nhà mình. Rồi anh lại nói: "Chị pha cho nó một cốc sữa đi, nó sẽ tỉnh ngay. Lấy hộp sữa trong ba-lô tôi đây. Tôi chưa cần đến"...

Chị cứu thương loay hoay bơm đèn cồn đun nước. Tôi ngồi dậy, đưa đôi mắt mệt mỏi nhìn các anh thương binh đang nằm thiêm thiếp trên những tấm đệm bê bết dấu máu chưa khô. Một anh bị mảnh đạn đại bác cắt giáp ống chân, những bắp thịt đùi cứ giật giật khiến anh của người nhăn nhó theo, nhưng tuyệt nhiên không hề nghe anh rên một tiếng.

Tôi uống hết cốc sữa. Quả thấy người tỉnh táo lại ngay, nhưng miệng hãy còn khô và đắng lắm, cứ thèm uống nước. Vào lúc gần tối thì giặc Pháp đã vượt được sông Cái Chanh. Đạn súng máy bắn vào khu chợ bay vèo vèo trên nóc miếu. Người ta bắt đầu đưa thương binh xuống xuống chuyển đi từ lúc ngớt tiếng tàu bay.

Tôi ngỏ ý muốn theo xuống đưa các anh thương binh đi. Nhưng các ông cụ già bơi xuống không cho. Và chị cứu thương cũng bảo rằng tôi chưa khỏe hẳn. Chị cho tôi một gói độ mười viên thuốc cảm và một đòn bánh tét, lại ân cần khuyên tôi "nên về nhà mà nghỉ, muốn theo các anh thì còn nhiều dịp, lúc nào chả được".

Rõ ràng là không ai ngờ rằng tôi là một thằng bé sống không nhà. Chả nhẽ mỗi chốc lại đem chuyện mình ra kể lể với mọi người sao?



Nhất là để cầu lấy một lòng thương! Không! Tôi không thể làm như vậy được. Mà người ta đang bận tít tít kia, bao nhiêu chiến sĩ bị thương phải chuyển đi, giặc đã đổ bộ qua sông, xóm chợ cũng cháy rồi... Một thằng bé lưu lạc như tôi, đâu phải là đáng bận tâm đối với họ?

Sự tình đã đến nước này thì tôi cũng mặc, tôi đâu hay đó. Tôi bẻ một số cành cây làm gậy cầm tay, đi dọc theo bờ kênh. Con dao găm còn nằm gọn trong chiếc túi da beo cồm cộm, ló cán ra bên trong túi áo vét-tông của tôi đây.

Hai bờ kênh, nhà nào cũng đóng chặt cửa. Bàn ghế, lu mái⁽¹⁾ nhận lổm ngổm dưới mương. Một con chó đứng giữa đường thấy tôi đi tới, cụp đuôi lủi vào bờ giậu. Khi tôi qua rồi, con vật văng chủ bèn chạy sủa đuổi theo ăng ăng sau lưng tôi một lúc.

Đêm đó, tôi vào nằm trong một chòi rẫy bỏ hoang giữa đồng. Kinh nghiệm đã dạy tôi nên tránh các đường giao thông thủy bộ quan trọng trong khi giặc sắp tấn công đến nơi. Cả ngày hôm sau, tôi cứ nhằm về hướng những chòm cây có nhà ở mà đi tới. Bây giờ, cơn sốt đã lui rồi. Nhờ mấy viên thuốc cảm và đòn bánh tét của chị cứu thương, tôi đã có thể tiếp tục đi được từ sáng đến chiều, cho tới khi gặp một dòng sông nước đặc như màu cà phê chắn ngang trước mắt.

(1) Chum vại.

Tôi không biết mình đang đi tới chốn nào đây? Dọc bờ sông xa xa, người ta bắt đầu đốt lên nhiều đống lửa. Trời không gió. Những ngọn lửa cháy thẳng, trông như màu trắng, rực rỡ giữa cảnh trời tà. Một làn ánh sáng tai tái, lơ mờ phảng phất trên mặt nước. Cây cối ngả dần sang màu đen, biến thành những hình thù kỳ dị, như những con quái vật dưới sông trèo lên, chồm chồm ngồi bên bờ. Trên một doi đất, có đám người xúm xít ngồi dưới chòm cây khô. Ánh lửa chiếu qua vai những cái bóng quay lưng về phía mé sông, vờn qua vờn lại trên những chiếc xuồng ghềch mũi kéo lên bãi bùn bên dưới chỗ họ ngồi khiến cho những chiếc xuồng kia trông như động đây muốn bò lên bãi. Hình như những người ngồi đó đang bàn cãi nhau về chuyện giặc Pháp có dám tiến sâu vào vùng này hay không. Tôi bước đến gần, nhìn vào họ xem họ đang làm gì.

Đột nhiên, hai chân tôi bỗng khựng lại... Kia! Ông cụ già bán rần đang ngồi giăng chân bên đống lửa. Con chó săn nằm sát bên chân chủ, mõm ngóc lên, đuôi vẫy qua vẫy lại. Thằng bé đen trũi cầm sào nhảy lên bờ dạo trước thì ngồi đối diện với bố, đang dùng những đầu ngón chân lật ngửa một con rùa nhỏ. Con rùa bị hất vào lửa, bốn chân bơi bơi trong không khí, cổ vươn ra dài ngoẵng. Mấy người đàn ông cúi trần, vận quần đùi đen, cao to như ông cụ già bán rần, người nào người nấy mặt đỏ



lặng đang ngồi bình thản, ngắm con rùa lắc lư cái mai, cố sức dịch ra xa luồng nóng hừng hực từ trong đồng lửa phả ra. Một người rung rung đôi vai cười hé... hé... hơi rượu từ cái mồm há hốc bay ra nồng nặc. Hai người đàn bà mặc quần áo đen, ngồi xế bên ngoài một chút, như hai cái bóng, mắt âu sầu nhìn ra sông.

Tôi đánh bạo bước tới một bước nữa. Con chó sấn tức thời chồm lên, sủa oang oang. Mọi người chưa kịp ngẩng lên thì con vật tinh khôn đã phóng tới ngoạm vào túi áo vét tông của tôi.

- Luốc! Yên nào! - Ông cụ già quát lên.

Con chó sấn buông túi áo tôi ra, lùi về bên chân chủ nhưng mồm vẫn ngoảnh lên hướng về phía tôi, hai cánh mũi bóng nhẫy luôn luôn động đập.

- Ông ơi! Có phải cái này của ông không? - Tôi móc chiếc túi da beo ra, chìa về phía ông cụ già bán rần.

Ông cụ già ngược nhìn lên, sững sốt. Hai mắt ông dán chặt vào chiếc túi vân hoa trên tay tôi. Thằng bé bỏ con rùa nằm đấy, nhảy đến chộp ngay chiếc túi tưởng đã mất rồi. Nó nhe răng, cười như mèo:

- Biết thế nào cũng có người nhặt được mà! Tía cứ bảo rơi dưới kên!

Tôi đang nhìn ông lão hay nhìn vào ngọn lửa, tôi cũng không biết nữa. Tôi bắt đầu kể:

- Hôm trời nổi dông, khi ông xuống thuyền chèo đi rồi, cháu bắt gặp cái túi này nằm ở chỗ

gốc cây bã đậu. Cháu đoán là của ông. Cháu nhặt lên, chạy theo gọi mãi mà gió to quá, ông không nghe...

Ông cụ già bán rần lạng lẽ đứng lên. Tôi hơi lùi chọn lại một bước. Những người ngồi chung quanh đồng lửa cùng đưa mắt nhìn ông. Không thấy ông nói gì. Đột nhiên ông xốc tới, dang hai cánh tay đại bàng ra, cắp lấy hai chân tôi, nâng bổng cả người tôi đưa lên ngang mặt ông. Đầu lắc qua lắc lại, hàm râu cọ vào bắp vế tôi sào sạo, ông cất tiếng cười ha hả. Con chó săn nhảy cõn chung quanh đồng lửa, sủa ăng ăng mấy tiếng, lại lao tới liếm liếm chiếc túi da beo trên tay thằng bé.

- Tốt lắm, chú em! Qua cảm ơn chú em đa! - Giọng mừng rỡ của ông lão vang âm rất xa trong đêm tối. Ông ôm tôi quay một vòng rồi mới chịu buông tôi ra, đỡ tôi vào ngồi cạnh đồng lửa.

Ông giật chiếc túi da beo trên tay thằng bé, tung lên tung xuống mấy cái trong lòng bàn tay to lớn của mình, đoạn nghiêng người vào gần đồng lửa, tháo miệng túi cầm ra từng món, sẫm soi mãi.

Một người đàn ông vỗ đánh bốp vào vai ông cụ già:

- Bác Hai! Vật đã tìm chủ trở về thì ta phải làm một cái gì chứ?

Ông lão cười khà khà:

- Rồi khắc có ngay! Khắc có ngay mà!



Hai người đàn bà ngồi nhích lại bên tôi. Một bà hỏi:

- Em từ ngoài chợ Thới Bình vô đây à?

- Cháu không biết Thới Bình. Cháu từ trên Chắc Băng xuống đây...

- Ủa, vậy em đi đường nào?

- Cháu cũng không biết... Cháu cứ theo đường mòn lội qua rẫy, lần mò đi mãi vậy thôi!

- Nghe nói Tây vô Chắc Băng rồi phải không? Đằng mình bỏ trống cho nó vô à?

- Có đánh chứ! Đánh nhau suốt ngày...

Tôi lần lượt kể lại chuyện những người thương binh trong miếu và chị cứu thương mặc chiếc áo bà ba màu lục... Những người ngồi xung quanh đồng lửa vừa hút thuốc lá vừa lắng nghe chăm chú. Thỉnh thoảng họ lại "à" lên một tiếng và đưa mắt nhìn nhau, mỉm cười. Không biết họ trao đổi với nhau những ý nghĩ gì.

- Thế ba má chú em đâu rồi? - Ông cụ già gõ cái nõ tẩu vào gót chân để trút tàn thuốc lá ra, chợt hỏi tôi.

- Nhà cháu ở tận bên kia sông Tiền Giang. Cháu lạc mất ba má cháu đã lâu rồi.

- Ở Tiền Giang à? Vùng xã nào? - Ông trở mắt hỏi.

- Dạ, ở Mỹ Tho!

- Ồ! Mỹ Tho! Qua cũng có biết...

Người đàn bà ngồi cạnh tôi chép miệng:

- Khổ thân thằng bé! Bây giờ em tính đi đâu?

Tôi cầm vỏ cây khô ném nhẹ vào đồng lửa. Tôi lúng túng không biết đáp ra sao. Nhưng tự nhiên tôi bỗng ngược lên, nói rần rỏi:

- Đi đâu cũng được. Cháu không sợ gì cả. Cháu còn trẻ tráng... đi được tới đâu, cháu đi tới đó! Ở đâu mà chả thích...

Tôi không biết chính tôi đang nói, hay anh Ba thủy thủ hóa thân vào tôi thốt ra câu ấy. Chắc là bộ mặt nghênh nghênh làm ra vẻ tự hào của tôi có gì buồn cười lắm hay sao, mà khi tôi vừa dứt tiếng, mọi người ngồi chung quanh tôi đều cười rộ lên.

- Đưa tay chú mày cho tao coi nào!

Một người đàn ông chop phăng bàn tay tôi, nắn nắn các ngón tay, và kể vào ánh lửa ngắm nghía lòng bàn tay tôi.

- Chú mày có số lênh... và sẽ chịu khổ nhiều. Nhưng rồi tất sau này sẽ khá. Lần đầu tiên tao mới nghe một thằng nhóc nói y như giọng người lớn đấy! Khá lắm! Khá lắm!

Ông cụ già bán rần hơi ngửa đầu ra, mắt nhìn vào khoảng không trước mặt, miệng ngậm tẩu thở ra những hơi khói thuốc lá đặc sệt. Ông khẽ gật gù, quay lại ngó vào tay tôi. Tôi cảm thấy rần rần, dường như đang bị những tia mắt của ông sờ vào khắp người mình vậy.

Thằng bé đen trũi đã chạy xuống mé sông, mò vào thuyền cầm lên chai rượu tổ bố và cái



bát sành to tướng. Đám đàn ông nhịp nhịp đùi, vung tay lên nhao nhao:

- Nào, chúng ta mừng cho bác Hai!

- Vô tửu bát thành lễ!

- Lễ gì vậy?

- Lễ ra mắt của chú em mày... Chúng ta đều cùng họ "lênh đênh" cả!

Ông cụ già bán rần rót rượu ra bát, đưa mắt hỏi tôi:

- Nhấp môi một tí, được chứ?

Tôi cười và lắc đầu. Ông nâng bát rượu lên, tợp một ngụm nhỏ⁽¹⁾ rồi trao chuyển tay cho những người ngồi quanh đồng lửa.

Thằng Cò - tôi còn nhớ tên nó trong lần gặp trước - cầm tay tôi kéo lại gần nó. Nó rủ rủ nói vào tai tôi:

- Mày ăn gì chưa?

- Ăn rồi! - Tôi đáp.

- Có rùa vàng ngon lắm! Còn mấy con dưới thuyền. Chóc nữa nướng cho mày ăn.

Vừa lúc đó, con chó bỗng chồm lên sủa oang oang. Trong tiếng chó sủa dữ dội bất thành linh, tôi nghe có tiếng con vật gì kêu "ché... ét... ché... ét" ở ngoài bóng tối.

- A ha, Võ Tòng! Cả tháng nay không gặp!

Một người đàn ông búng đầu ngón tay canh cách vào cổ chai rượu, lắc lắc đôi vai, khề khà hát:

(1) Theo tục vùng này, bao giờ chủ mời cũng uống trước, để chứng tỏ rằng rượu không có thuốc độc.

"Võ Tòng mà đả hổ"

Tại Kiến Dương Cang

Gặp anh thời giữa đàn...

Con chó nhe nanh, lông gáy dựng ngược, hai chân trước chồm chồm ra bóng tôi sủa dữ dội.

- Luốc! Yên nào!

Ông cụ già quát một tiếng. Con chó săn tiu ngửi lùi lại, ngoan ngoãn nằm xuống bên chân chủ.

Tôi nắm chặt tay thằng Cò, hãi quá. Một người đàn ông cổ lộ hầu, đen như cột nhà cháy, cổ trần, cao lêu nghêu đang hiện ra trong ánh lửa. Hai hố mắt ông ta sâu hoắm, và từ trong đáy hố sâu thâm đó, một cặp tròng mắt trắng dã, long qua long lại, sắc như dao. Mái tóc hung hung như bờm ngựa phủ dài xuống gáy. Bộ ngực chắc nịch của ông ta ướt đầm mồ hôi. Dưới lớp mồ hôi bóng như mỡ đó, có hình một con rồng cuộn khúc xanh lè thích chầm bằng những nét tinh vi, phập phồng theo hơi thở của ông ta. Con rồng xanh vươn vây ôm chặt một quả tim, giữa có những chữ gì lấp loáng mồ hôi trông không rõ. Chỗ gò má bên phải, năm cái sẹo dài sả xuống từ thái dương vắt đến cổ, như đầu móng cọp cào. Một con gì giống như khỉ, hai tay dài nguều ngoào, sắc lông đen tuyền, chỉ trừ chỗ hai gò má là có mọc hai chòm lông trắng, đang ngồi vắt vẻo trên vai con người kinh dị ấy.



- Lâu nay có làm được con thịt nào khá không, ông chúa sơn lâm? - Một người quay mặt ra, hỏi.

Người đàn ông mới đến thở phào một tiếng, thả con vật xuống đất, tháo cánh nỏ đeo bên lưng ra, ngồi vào bên đống lửa nói trống không:

- Tầm tạm vài con heo rừng. Hơn tháng nay còn phơi cái da beo đóng mốc ở lều. Tây đánh gần tới, thiên hạ chạy tứ tán, bán cho ai?

- Làm một hộp rượu đón gió đi, chú! - Ông cụ già bán rắn nghếch râu lên mời.

- Không bán được da thì ta phơi thịt nhậu. Lo gì!

- Bảo "Tiểu Đồng" hầu rượu xem! Cho nó hầu rượu đi, Võ Tòng!

Võ Tòng búng vào miệng bát một cái, tức thời con vật đưa hai tay dài nguần ngoào ra bưng cái bát nâng lên ngang mặt lắc lư đi đến chìa ra trước ông cụ già. Ông cụ già cầm chai rót thêm rượu vào đầy bát và hất hàm về phía Võ Tòng.

Tôi hỏi thằng Cò:

- Con gì lạ vậy?

- Con vượn bạc má. Khôn lắm! Nó tên là Tiểu Đồng. Không nói được, nhưng nó biết nghe tiếng người.

Thằng Cò cứ ngó chăm chăm vào con vật, coi bộ thích lắm. Con vượn bạc má đứng thẳng hai chân sau lên như người. Hai tay nó bưng bát

rượu đi thẳng đến chỗ Võ Tòng, đưa lên mời chủ. Tiểu Đồng nghe rằng kêu "ché... ét, ché... ét", rồi bắt đầu đi vòng quanh đồng lửa mời rượu từng người. Con chó sủa gừ gừ mấy tiếng, vì sợ chủ nên phải chịu nằm yên chứ coi bộ như nó chỉ chực nhảy ra cắn một miếng vào đùi con vượn thì mới hả. Đến chỗ hai người đàn bà mặc quần áo đen, Tiểu Đồng nghiêng đầu cúi xuống chào, làm cho những người đàn ông thích chí cười rộ lên. Hai người đàn bà lắc đầu quây quây, xua tay từ chối, nhưng con vượn bạc má không chịu đi, cứ đứng giậm chân kêu "ché... ét, ché... ét". Cho đến khi mỗi bà phải cầm bát rượu lên nhấp môi một ít, Tiểu Đồng mới chịu buông bát đi mời người khác.

- Chú định đi đâu mà thả ngược lên vùng này vậy? - Ông cụ già bán rần hỏi Võ Tòng.

- Quần áo rách hết rồi. Nghe Tây sắp đến, đi đón kiếm một bộ ka-ki mặc chơi! - Võ Tòng đáp chậm rãi.

Một người đàn ông vỗ tay đánh bốp:

- Này! Lấy được súng về bán cho anh em đi săn kiếm thịt ăn với nhé!

Võ Tòng nhếch môi cười. Những vết sẹo ở gò má bên phải nhăn nhúm lại, thấy rất dễ sợ.

- Súng để bắn giặc chứ có súng đầu thừa mà đi săn! Nhất định là tôi sẽ kiếm được. Chỉ lấy quần áo thôi. Còn súng phải để cho anh em tự vệ chứ!



Chợt thấy tôi gật đầu tỏ ý đồng tình, Võ Tòng dừng lại ngó thẳng vào tôi:

- Chú bé này, xem không phải người cánh ta?

Ông cụ già bán rần gật gù, thò tay cầm một cái que khô còi vào đóng lửa:

- Nhưng nó sẽ là người cánh ta. Chốc nữa, tôi sẽ đưa nó đi theo tôi... Bà nhà tôi hẳn là phải mừng lắm!

Một bầy chim đêm bay vút qua trên đầu chúng tôi. Tiếng đập cánh rào rào mất hút trong vòm trời nhấp nháy những vì sao xanh biếc.

7

GIA ĐÌNH BỐ NUÔI TÔI

- *T*ới nhà rồi. Dậy! Dậy lên nhà. An ơi!

Tôi nghe tiếng thằng Cò gọi, giật mình mở mắt ra. Bàn tay nó hầy còn đập đập mấy cái lên vai tôi, khiến tôi tỉnh hẳn người. Tôi giụi mắt mấy cái, bàng hoàng một lúc mới nhớ ra là mình đã ngủ dưới thuyền từ khuya đêm qua cho tới bây giờ.

Thằng Cò đã bò ra trước mũi, loay hoay cầm sợi thừng buộc thuyền vào gần gốc cây mọc dựa bờ.

Tôi đưa mắt ngó lên. Một mái lều nhỏ, tiêu tụy, nép dưới bóng cây tràm vỏ trắng phản chiếu ánh bình minh như tô phấn. Chung quanh nhà mọc đầy những cây bình bát đại, lá xanh um. Sau những cây bình bát đại là một khoảng rộng trống, và nhìn thẳng vào trong xa, chỉ thấy toàn lau sậy mịt mù. Trên khoảng sân rộng trước nhà, một vài con bướm đất bay đây đó. Bên góc sân, một dọc da trăn và da rắn vắt trên cây sào phơi. Luồng gió ban mai thổi nhẹ qua, đong đưa những tấm da khô trông như một bầy rắn quấn vào cây sào đang cựa quậy.

Con Luốc nhảy phốc lên sân, sửa mấy tiếng mừng rỡ. Một bà già cao lớn, hơi gầy, tóc bới cao hình bánh lái, mặc chiếc áo bà ba vải đen kiểu xưa, từ trong lều bước ra, chạy đến cúi xuống vuốt ve con chó. Khi thấy trong thuyền có thằng bé lạ, bà bèn buông con chó, ngược lên hỏi:

- Chú em nào đây?

Thằng Cò đưa tay cho tôi nắm để bước lên bờ, vừa cười vừa nói:

- Anh em với con đây, má à.

- Con nuôi của tôi đây! Bà nó dắt con lên nhà đi. - Ông lão gác mái chèo lên mũi, đứng sau lái thuyền nói vọng lên.



Bà lão mỉm cười nhìn tôi. Tôi không biết nói gì, chỉ ngượng ngịu cúi đầu chào.

*

* *

... Ở vùng Phong Mỹ, ai cũng khen anh Hai là một thanh niên hiền lành, chịu khó. Anh mồ côi cha mẹ từ lúc mười tuổi, phải ở đợ cố công cho tên địa chủ Khá. Mãi đến năm gần ba mươi tuổi anh vẫn chưa lấy được vợ. Người lực điền ấy giỏi trai, khỏe đến nỗi có thể dùng hai tay nắm hai sừng con trâu ghì xuống đất, con trâu vùng vẫy thế nào cũng không cất đầu lên được.

"Bao giờ mày làm cho tao đúng hai mươi năm, trừ hết số nợ cha mẹ mày còn thiếu tao ngày xưa, tao sẽ cho mày một số tiền cưới vợ. Tao sẽ cho vợ chồng mày một vuông đất làm nền nhà, và cho mượn một ít ruộng, làm ăn riêng với nhau...". Lâu lâu, tên địa chủ già nổi tiếng keo kiệt nhất vùng lại bảo với người đầy tớ trung thành của lão một lần như vậy.

Mỗi lần nghe như vậy, anh Hai lại cố sức làm lụng ngày đêm cho vừa lòng chủ, bao nhiêu nỗi vất vả nhọc nhằn trong anh thấy đều tan như mây mù trước ánh mặt trời.

Đến năm anh Hai ba mươi tuổi, không thấy tên địa chủ nói gì, anh bèn nhắc lại lời hứa đó...

- Vậy sao? - Tên địa chủ kêu lên và cười lớn. - Vậy mà tao tưởng mày không tính chuyện lấy

vợ, ra ở riêng nữa chứ! Mà đã có con nào bằng lòng lấy mày chưa?

- Bẩm ông chủ, có rồi ạ! - Anh Hai mừng rỡ đáp.

- Thế con đó có đui què, mề sứt gì không?

- Bẩm ông chủ, không ạ!

- Nó cấy gặt, làm lụng được chứ?

- Bẩm ông chủ, được ạ!

Tên địa chủ Khá ngấm nghĩ một lúc rồi nói:

- Thôi được. Nhưng mày phải dắt nó về cho tao xem người ngợm ra sao đã. Không lại vớ phải thứ cá lọt giỏ, gà lọt bội⁽¹⁾, quặt quẹo ốm đau, về phải nuôi báo cô thì khổ cho mày!

Anh Hai bơi xuống suốt đêm, đến nhà người yêu báo tin vui đó. Hai anh chị quen biết nhau đã mấy năm nay. Chị Hai cũng là con nhà cố nông, mồ côi, được người dì mang về nuôi từ bé...

Khi tên địa chủ già trông thấy người con gái xứ Cao Lãnh khỏe mạnh, có hai làn mi phớt cong trên cặp mắt to, đen, có đôi vai nở rộng, đang nghiêng cúi chào hấn, hấn đưa tay lên giụi mắt mấy cái. Hấn ngồi sững sờ hồi lâu, không nói gì cả.

Hai anh chị lo quá, lằng lằng bước ra đứng ngoài thêm, không biết mình đã trót vô ý, sơ xuất điều gì để ông chủ phải phật lòng chẳng? Hồi lâu, tên địa chủ mới dặng hắng một tiếng,

(1) Bội là một thứ giỏ không đáy, dùng để úp nhốt gà vịt.



gọi anh Hai vào, cho ngồi xuống một bên góc phản, thông thả bảo:

- Thôi được! Cứ bảo nó ở lại đây. Mọi việc sẽ lo liệu... Tao, tao sẽ cho người đến bàn với dì nó... Rồi đâu khắc vào đấy thôi!

Anh Hai mừng cuống lên, chấp hai tay vái dài toan lui ra. Nhưng ông chủ anh đã vẫy tay, ra hiệu cho anh ngồi lại đó.

- Việc cưới xin của mày thì... hãy thông thả. Rồi tao sẽ liệu cho...

- Vô cùng đội ơn ông chủ!

- Bây giờ mày vào ngay trong chòi ruộng, coi giữ bấy trâu hai mươi con trong đó thay cho thằng Bé. Bảo thằng Bé về lo việc ngoài này, nghe chưa?

Anh Hai vào coi giữ bấy trâu đã hơn nửa tháng. Chiều chiều anh ngồi trên lưng trâu ngóng hướng nhà chủ, nóng ruột như lửa đốt. Người đầy tớ hầu hạ chủ suốt hai mươi năm không lạ gì tính háo sắc của ông chủ nổi tiếng ấy. Một tay lão đã vùi dập bao nhiêu đời thiếu nữ. Có nhiều người con gái tá điền trẻ, đẹp, bước vào nhà lão rồi không trở về nhà cha mẹ nữa, mà nằm vĩnh viễn dưới nắm mộ giữa đồng...

Một đêm, giữa lúc khuya, anh nghe trâu khua sừng lộp cộp, ngỡ trộm vào dất trâu, anh chụp con dao dựa nháy ra.

- Anh Hai ơi! Nguy rồi, anh Hai ơi! - Thằng Bé kêu lên trong tối.

Tay anh Hai cầm con dao run bắn bật. Linh tính báo cho anh biết đã có điều nguy biến xảy ra cho người yêu anh rồi...

Ngay lúc anh Hai vừa ra khỏi nhà đi vào chòi ruộng, tên địa chủ Khá gọi chị Hai vào ngon ngọt dỗ dành, bảo chị nếu ưng thuận thì hần sẽ cưới chị làm hầu thứ ba. Vợ cả hần còn đau nằm liệt ở nhà thương tình từ năm này qua năm khác. Vợ thứ hần thì đang trông coi một đồn điền xa... "Mày chỉ gạt đầu một cái tức khắc lên bà". Chị Hai sụp lạy hần, xin tha cho chị về. Hần hết dỗ dành rồi dọa nạt. Hần đã dùng gậy, dùng roi mây đánh chị thâm tím khắp mình mẩy, và lôi nhốt chị trong nhà kho bỏ trống với một vò nước lã. Rồi hần lại mò xuống dụ dỗ, đánh đập, nhưng hơn mười ngày vẫn không xoay chuyển được lòng chị. Chị Hai cứ nằm khóc, và hết khóc lại ngóng ra khe vách, trông chờ người yêu một cách tuyệt vọng. Tên địa chủ cấm tiệt bọn tôi trai tớ gái trong nhà không được hé môi với ai. Thằng Bé ngày nào cũng lén đút vào cửa cho chị một nắm cơm.

Ngoài thằng Bé ra, bây giờ chỉ còn có con thần lằn chắt lưỡi trên vách và con cóc ngẩn răng ngoài thêm thương cho cảnh ngộ của chị thôi.

Đã khuya mà ai còn chèo thuyền ngoài sông hát hò làm chi cho lòng chị Hai thêm đau như muối xát:



"Một tiếng nhục anh để đó, hai tiếng nhục anh để đó, ba tiếng nhục anh ra đi..."

Con cá xếp vì chờ khi nước chảy,

Cần câu gãy... ời hồi cần câu,

Anh thương em không ngớt đoạn sầu

Biết em có nhớ thuở ban đầu gặp nhau..."

Chị Hai ôm mặt khóc nức lên. Chỉ còn có lấy cái chết để bảo toàn trinh tiết, đền đáp lại mối tình của người yêu thôi. Chị thò tay ra lỗ vách thùng, với lấy sợi thừng ai máng bên ngoài.

Thằng Bé ngủ bên hè vừa lúa gần đó. Tiếng khóc của người thiếu nữ xấu số đã khiến nó nhiều đêm không chợp mắt. Nó thường trở dậy đứng bên ngoài vách nhà kho nghe chị khóc, và lòng nặng trĩu xót thương một cách bất lực, nó chỉ biết lặng lẽ cúi đầu, thất thểu dưới ánh trăng đi về nóp, không sao ngủ được... Tình cờ thằng bé bắt gặp bàn tay run rẩy thò ra níu lấy sợi dây thừng. Nó chạy đến giật phăng sợi thừng ném ra xa, và trong giây phút đứng trước nỗi đau khổ tột cùng của những người nghèo cũng bị áp bức như nhau, nó không còn nghĩ đến cái gậy quất đến quần người và những trận đòn khủng khiếp của tên địa chủ, nó nhắm mắt chạy băng đồng ra chòi ruộng gọi anh Hai...

Khi anh Hai và thằng Bé về đến nhà kho thì trăng đã lặn. Anh sờ soạng vỗ vỗ vào vách gọi mấy tiếng. Không nghe bên trong động cựa gì. Chiếc khóa to tướng nghiêng kèn kẹt trong hai

bàn tay nóng rực lửa của người chồng chưa cưới. Anh không bẻ nổi khóa.

- Cạy mẹ của đi, anh! - Thành Bé trao cho anh một con dao mà anh vừa ném bên vách.

Đêm lặng như tờ. Tiếng dao nạy cửa nghiêng vào ổ khóa nghe rộn người. Mấy con chó chạy ra, gặp người nhà chúng không sủa, nhưng con nào con nấy cứ nhảy chồm chồm, kêu ư ử ngạc nhiên trước một việc kỳ lạ mà chúng chưa hề chứng kiến trong ngôi nhà này. Chiếc khóa bật ra. Anh Hai đập cánh cửa lao vào. Anh vấp phải một thân người mềm nhũn nằm trên nền gạch. Anh run run cúi xuống bế thốc lên tay. Chị Hai hây còn thoi thóp. Con xúc động dữ dội đã làm chị ngất đi.

- Chết rồi, anh Hai ơi! Ông chủ xuống kia! - Thành Bé đứng bên ngoài kêu lên.

Khi anh Hai bế chị Hai ra đến sân thì tên địa chủ Khá đã cầm gậy lưng thững bước tới.

- Bỏ nó xuống! Kia! Tao bảo mày bỏ nó xuống!

- Bẩm ông chủ...

- Cầm mồm ngay!

- Xin ông thương vợ chồng chúng tôi...

- Vợ mày à?

- Bẩm ông chủ...

- Có bỏ xuống không?

- Ông chủ nữ nào...



- Nỡ nào! Nỡ nào! Nỡ nào! - Tên địa chủ nén giọng rít lên, và hấn phang gậy xối xả, đập vào đầu vào mặt anh, đập vào cả cái thân hình người thiếu nữ mềm nhũn trên tay tên đầy tớ dám cưỡng lệnh hấn.

Anh Hai quay lưng ra hứng đòn cho người vợ chưa cưới đang thiêm thiếp trong tay mình. Sức người dù khỏe đến đâu cũng có hạn thôi. Anh lão đảo ngã khuyu xuống. Nhưng anh vẫn còn đủ sức đặt chị Hai nằm đấy, vớ con dao quay lại.

Tên địa chủ Khá thét ầm lên, ba chân bốn cẳng chạy lên nhà. Anh Hai không đuổi theo. Anh ném con dao vào lưng nó và quay lại công chị Hai chạy đi.

Trống mõ chung quanh nổi lên như nhái kêu. Anh Hai chưa ra khỏi nhà hơn trăm thước thì bị bắt.

Con dao không kịp cắm vào lưng tên địa chủ dâm ác. Nó chỉ mới cửa đứt một lần dài hơn gang tay... Và anh Hai bị *đóng trăn*⁽¹⁾ chịu một trận đòn thù đến chết đi sống lại không biết mấy lần, trước khi ra toà đền tội "cướp đoạt và cố ý sát thương nhà chủ" mất hai mươi năm tù khổ sai.

Ở tù được năm năm, anh Hai trốn ra, dắt chị Hai xuống một chiếc xuồng để mặc cho nước cuốn trôi đi.

(1) *Cùm chân.*

Đôi vợ chồng cải tên đổi họ, nổi trôi từ vùng này sang vùng khác. Từ những nghề hạ bạc như đóng đáy, câu cá sấu trên sông Cửu Long mênh mông, đến trèo cau, trèo dừa ở Bến Tre, nơi người đi có thể bước suốt ngày dưới những vườn dừa tàu lá ken nhau, trên đầu không lọt xuống một bóng nắng, đến nghề đi làm ruộng thuê cho những tên đại địa chủ ác bá giàu nứt đổ đổ vách của tỉnh Sóc Trăng, Bạc Liêu... hai người đều làm tất. Đứng trên các cánh đồng, nhìn bốn mặt chân trời, chỉ thấy lúa vàng gợn lên mênh mông như sóng biển, mà hai vợ chồng không đủ nổi gạo nấu cháo trong lều. Ban đêm phải bò ra những đồng lúa cao như núi do tay mình làm ra, vốc từng nắm một đem về, rồi lấy cán dao cào lúa cho ra gạo. Không dám xay giã đã đành, thậm chí đến đèn cũng không dám thắp, sợ *tần khạo*⁽¹⁾ thấy chỗ nào có ánh sáng là sẽ mò tới...

Cho đến khi chị Hai sinh thành Cò thì tai họa lại bay đến trong gia đình đôi vợ chồng nghèo. Những tên tề địa chủ⁽²⁾ thấy chị Hai xinh đẹp, liền lập mưu phao vu cho chồng chị làm cộng sản để định bắt anh đầy đi chết rục xương ở Côn Đảo, hòng chiếm đoạt người đàn bà lam lũ nhưng có nhan sắc và duyên dáng kia. May thay, anh Hai đã phát hiện kịp, vội vàng thủ tiêu hết tang vật chúng định gán

(1) Cai điện.

(2) Bọn địa chủ có chức phận cai trị làng xã.



ghép, rồi bồng con dắt vợ xuống thuyền đang đêm trốn đi...

- Vào rừng ở thôi! - Chị Hai lau nước mắt, quả quyết bảo chồng như vậy.

Một chiếc thuyền nát, một con dao rựa, một con chó gầy gò, ngồi bên bếp lửa hun khói đuổi muỗi, đuổi bọ mắt trước mũi thuyền, người nông dân cùng đường này chèo đưa vợ con và mấy gia lúa ăn, lúa giống cuối cùng, mỗi ngày một đi sâu vào rừng rậm.

Hai vợ chồng che một túp lều bên cây tràm độc chiếc, để lấy nơi làm phương hướng tìm về. Và họ ra sức khai phá... Họ làm đủ các thứ nghề rừng để sinh sống qua ngày. Ở giữa chốn mịt mù sương lam chướng khí, chung quanh chỉ còn nghe tiếng vượn hú, tiếng beo gầm, dù phải chịu đựng không biết bao gian nan cơ cực, nhưng cuộc sống họ được thanh thoi dễ chịu hơn lúc còn chung đụng với những con người đã cầm vận mệnh trong tay trước kia.

Như thế đó! Sức khỏe của người đàn ông thật thà chỉ biết nai lưng ra làm lụng, và sắc đẹp của một người đàn bà nghèo chung trình là mối bất hạnh đã dắt tai họa vào cái gia đình cố nông này. Chồng thì bị bóc lột đến cùng kiệt sức lực, vợ thì luôn luôn bị đe dọa cưỡng bức... Còn bọn ăn trắng mặc trơn, không làm gì động đến móng tay, thì vẫn mâm cao cỗ đầy, lên xe xuống ngựa, muốn cho ai sống thì sống, muốn

bất ai chết thì chết! Sao trời nỡ bất công làm vậy?

... Đó là câu chuyện về nguồn gốc gia đình của ông Hai bà Hai - gia đình bố mẹ nuôi tôi - mà tôi được biết qua nhiều lần kể của bà: mỗi lúc bà kể một quãng, có khi không ra đầu ra đuôi gì, có khi đoạn trước nói thành đoạn sau. Cả không gian và thời gian lẫn lộn đã chìm vào lớp sương mù ký ức trong những năm cơ cực đầu tắt mặt tối, lần lần được bà khơi dậy, mỗi lúc lại hiện lên rõ nét trước mắt tôi.

Cuộc sống chung quanh tôi giờ đây đã khác xa với những bài học ở nhà trường đế quốc trước kia biết bao nhiêu!

- Con ở đây với tía! Tía má nghèo lắm, chẳng có gì đâu. Nhưng con cứ tin rằng cuộc sống của con không đến nỗi như cuộc đời đau khổ của tía má ngày xưa! - Má nuôi tôi một hôm đã bùi ngùi cầm tay tôi nói như vậy.

Tôi đẩy má tôi ra, nước mắt chảy giàn giụa mà không biết rằng mình đang khóc. Tôi bảo bà:

- Đánh chết cha thằng Tây và bọn chủ điền kia thì hết khổ thôi! Bây giờ không phải như ngày xưa nữa... Bây giờ mình đã độc lập rồi, má không biết à? Má đừng ngồi đấy gọi trời. Trời làm gì có mà gọi.

Má nuôi tôi ngả người ra sau, nhìn tôi bằng cặp mắt vừa ngạc nhiên vừa có phần như lo sợ cho tôi. Nhưng rồi bà cũng mỉm cười, gật gật



đầu. Không biết bà có hiểu ý tôi muốn nói gì không? Mà bà làm sao hiểu được, vì chính tôi cũng chưa nói ra được một cách rành rọt những ý nghĩ sôi sục vừa mới thành hình trong đầu óc thơ bé của tôi kia!

Má nuôi tôi đưa tay lau một giọt nước mắt còn đọng trên má tôi. Lần đầu tiên, tôi nhìn thấy giọt lệ mình long lanh trong suốt, lăn rơi trong bàn tay nhăn nheo của một bà lão nghèo đã cúi đầu gánh chịu không biết bao nhiêu nỗi bất hạnh gần suốt cả đời người. Có phải giọt nước mắt nào cũng là biểu hiện của ủy mị và hèn yếu đâu!

8

ĐI CẦU RẰN

Má nuôi tôi là một người thuộc khá nhiều chuyện cổ tích và biết hầu hết mọi cung cách làm ăn của những người nông dân nghèo ở khắp mọi vùng Nam Bộ. Có điều là trong tất cả những mẩu chuyện bà kể, chuyện nào cũng pha đượm ít nhiều tính chất thần bí, và bà tin tưởng một cách ngây thơ ở "mệnh trời". Dù vậy

tôi cũng thích nghe, thích gọi cho má nuôi tôi kể để tôi nghe say mê...

Thằng Cò thì giống mẹ ở chỗ còn hay mê tin dị đoan. Nó là một đứa chúa sợ ma! Bao giờ nghe kể chuyện trong lúc ban đêm, mặc dù đã lớn tướng như vậy mà lúc nào nó cũng nháy vào lòng má, ngồi rụt lại như một đứa trẻ con. Tía nuôi tôi thì hiền lành, ít nói. Ông thường ngồi lặng lẽ đánh những sợi dây gai hoặc giữa lưỡi câu, miệng không rời cái tẩu thuốc lá hình thù kỳ dị làm bằng một gốc ốt hiểm⁽¹⁾ rừng.

Má nuôi tôi kể cho chúng tôi nghe đủ thứ chuyện. Từ những chuyện "cá bống hai hang, cá trê hai ngành, tôm càng hai râu" rất ngây ngô, trẻ con, sang chuyện săn nai, săn khỉ trong rừng, qua chuyện cuộc đời của chú Võ Tòng - con người kỳ dị mà tôi đã được gặp một đêm tối ở bờ sông - đến chuyện ma cá sấu, ma cọp, ma nam... mà người nghe yếu bóng vía, dù là người lớn đi nữa, cũng không dám bước ra xa nhà đi đái. Đường như chuyện nào thằng Cò cũng đã nghe mẹ kể rồi. Nó chẳng chú ý mấy, chỉ hong hóng, chực nghe bà quên mất một đoạn nào đó, thì lập tức chen vào bổ sung ngay, rồi lại nheo mắt nhìn tôi như muốn nói: "Thấy chưa, má tao còn không nhớ bằng tao đấy. Mà ở chợ vô đây, rồi còn phải học tao nhiều!" Cái thằng đen trũi, cổ dài ngoẵng như cổ cò ma, nhiều lúc tỏ ra "ta đây" một cách khinh khỉnh,

(1) Giống ớt trái nhỏ, rất cay, quả từng chùm.



để ghét. Ngoài mặt tôi thường tỏ ra không phục, nhưng trong bụng tôi vẫn chịu là nó khôn ranh, hiểu biết hơn tôi nhiều. Nó dạy tôi cách gài nhiều thứ bẫy, đặc tính của nhiều con thú, và nó đã dắt tôi đi gần thuộc hết các lối ngoắt ngoéo trong rừng.

- Tía ơi! Để con dắt thằng An đi câu rắn một đêm, nghe tía!

Một buổi chiều, đột nhiên thằng Cò hứng lên, đề nghị với bố như vậy. Tía nuôi tôi bị con cá ngát đâm vào bắp chân, hôm nay chân còn sưng tấy, chưa đi được. Ông hỏi:

- Đi không có tao, thằng An thì chưa biết gì, liệu một mình mày có làm nên trò trống gì không đấy? Thôi, để lúc khác con ạ!

Má nuôi tôi liền can thiệp ngay:

- Nó làm được mà! Ông thì lúc nào cũng chê ông chê eo thằng bé. Để không có ông, coi nó có làm được không!

Thằng Cò nhướng mắt nhìn tôi. Thế là hai đứa chúng tôi bắt tay ngay vào việc chuẩn bị cho buổi câu đêm.

Chúng tôi dắt con Luốc đi dọc theo mé nước rình rập những con cá thòi lòi biển. Những con cá thòi lòi to bằng ngón chân cái, cặp mắt ốc nhồi mọc trên đầu giống như hai hột mồng tơi, hễ nghe bước chân chúng tôi đến gần là y như chúng giương cái kỳ ngũ sắc trên lưng thành một cánh bướm, phóng bay trên mặt nước. Giống cá gì mà tinh như quỷ! Bay trên mặt

nước như cá thia lia, lặn cũng giỏi, bơi cũng giỏi còn nhảy trên bờ thì thật không thua gì một con ếch. Vậy mà rốt cuộc hai đứa cũng đập được gần mười con. Riêng phần con Luốc, nó cũng rình chớp được thêm năm sáu con. Vậy là tạm tạm đủ khoản mỗi câu rồi.

Tía nuôi tôi đi cà nhắc đến ngôi trên một gốc cây cắt ngang giống như cái đòn sù sì đặt bên cạnh bếp lửa, xem chúng tôi chuẩn bị mỗi câu. Thằng Cò muốn chứng minh lời khen của má, hay cô "biểu diễn" cho tôi phục nó thì không biết, mà nó làm coi thạo lăm. Nó dùng hai ngón tay banh họng con cá, nhét vào họng mỗi con một quả ớt hiểm chín.

- Ê, nướng đi mậy, An! - Nó bảo tôi.

- Làm sao nướng đây?

- Lấy cái que xiên bụng nó, kê lên than nướng chứ còn làm sao? Nướng mỗi mà cũng không biết!

Nó vót nhọn đầu cái que, xóc ngang con cá mỗi, trao cho tôi. Tôi đặt lên than hồng một chốc, con thoi lòi ngậm quả ớt bèn nhe mồm ra, lưng vênh cong; từ trong họng con cá vàng rộp đỏ mỡ bắt đầu chảy ra, nhều xuống than cháy nghe xèo xèo. Tôi nuốt nước miếng đánh ực một cái:

- Eo ôi! Thơm quá!

Thằng Cò cười lớn:

- Mình ngửi mùi cá nướng còn phát thêm, hưởng gì con rắn!



- Ừ, thứ mỗi này nhạ! Đêm nay, hai đứa bay ít ra cũng kiếm được năm bảy con cõ bấp chân... Cái thứ mỗi nhái sống gặp nước bơi lom xom thì chỉ tổ quên cá lóc tới phá mất! - Tía nuôi tôi cười hà hà. Khói thuốc lá vờn quanh đôi mắt to, sáng lóng lánh. Ông vui vẻ nói tiếp: - Thằng An mới ra nghề đêm đầu tiên, đừng có xách giỏ về không đấy con ạ!

Ông kéo thúng gai đến bên chân, cầm lên vuốt từng sợi gai, sau đó lại rút cái giũa giắt bên vách ra giũa lại những chiếc lưỡi câu lặt⁽¹⁾. Tôi hỏi:

- Tía không đánh gai lại cho sẵn à, tía?

Thằng Cò cười hì hì:

- Vậy mà mày cái gì cũng khoe giỏi! Tưởng cái gì trong sách của mày cũng có! Hứ! Tía ơi, đừng bày cho nó nghe tía!

Tía nuôi tôi vỗ vỗ đầu thằng Cò:

- Nó không biết thì phải bảo cho nó chứ. Có ai mẹ đẻ ra không học mà biết được!

Ông cầm một cuộn gai ước chừng bốn năm mươi sợi, to như cổ tay tôi, toàn là những sợi gai rời nhau, dài hơn thước, thông thả buộc chùm hai đầu lại, một đầu buộc vào chiếc lưỡi câu có ngạnh rất sắc. Ông vừa cuốn chùm gai vòng quanh cổ tay làm như bộ con rắn quấn, vừa giảng giải:

(1) Nhứt, cùn.

- Rắn không có tay có chân. Nhưng nó khỏe nhờ ở sức quắn của xương sống. Con trăn bắt nai, quắn con mồi siết chặt mãi, bao giờ mềm, giập hết xương, nó mới nuốt. Thứ rắn rắn ri cóc, có con to cỡ bắp vế, ở dưới nước nó còn khỏe hơn con trăn! Khi mắc câu, nó quắn dây câu và vặn mình xoay vòng siết lại mãi, dây to đến mấy cũng phải đứt... Nhưng loài vật làm sao khôn hơn người được! Dây An, con xem đây! Toàn là những sợi gai rời. Hễ bắt đầu quắn thì gai mới bắt đầu sấn. Càng quắn càng sấn. Một lúc, thấy chưa đứt, nó bèn xoay ngược lại. Tức thời cuộn gai lại tháo ra. Cứ thế mà quắn vào tháo ra suốt đêm, chùm gai câu vẫn trở nguyên, không đứt một sợi!

Khi tía nuôi tôi kiểm tra tất cả những cuộn gai và ướm xong từng lưỡi câu rồi, ông bèn bảo chúng tôi đi dần bụng cho nó, kéo thức khuya mau đói lắm. Chúng tôi ăn cơm xong thì má nuôi tôi đã ôm nóp, đèn soi, mác và một cái giỏ tre to tướng bỏ xuống xuống rồi.

Tôi chạy ra, hỏi:

- Cần câu đâu, má?

- Ối! Cần kéo gì, con!

Thằng Cò vụt cười lớn:

- Cần câu gởi bà Thủy⁽¹⁾ ở ngoài sông. Ra ngoài lấy.

(1) Nữ thần cai quản các sông ngòi, theo mê tín của nông dân



Thằng Cò giục tôi đi, nhưng tôi chưa muốn đi. Tôi cứ luẩn quẩn theo má nuôi tôi hỏi đủ thứ, như: khi rấn mắc câu rồi thì làm sao bắt, rủi bị nó cắn có làm sao không?

Tía nuôi tôi bảo:

- Cứ đi đi. Có thằng Cò, đừng ngại. Nó sẽ bảo cho...

Và ông bưng cái mẻ hun⁽¹⁾ đặt xuống trước mũi xuống ngược mắt lên trông ánh chiều sắp lặn:

- Đi bây giờ, ra đến chỗ câu thì vừa!

Tôi ngồi bơi mũi, thằng Cò ngồi bơi lái. Nước từ trong rừng U Minh theo các con lạch nhỏ đổ ra kênh, chảy ào ào như một thác nước màu cà phê đặc, cuộn cuộn thoát ra sông.

Bấy giờ, mặt trời đã lặn vào những đám mây đỏ thẫm ở cuối dải rừng xa. Xuống chúng tôi lướt qua một quãng kênh, hai bên bờ lau sậy mọc rậm rịt. Trước mắt tôi dần dần mở ra một mảng trời vàng rực. Ánh sáng lấp lánh màu bụi vàng kim loại tỏa thành những đường dài rẽ quạt chạy thẳng lên không. Một bầy cò nối đuôi nhau bay theo hình mũi tên, trông mẹt mội vội vàng, những đầu cánh trắng nặng nề nhún lên nhún xuống quạt gió lướt đi, cứ như vương vướng những tia vàng hấp hối khiến chúng không bay mau được. Xuống vẫn trôi băng băng. Một lúc lâu, qua khỏi cánh đồng

(1) Mảnh nồi vỡ để đốt củi, ủ trấu vào cho thành khói, xua muỗi và bọ mắt.

ngập tím một màu hoa lục bình, chúng tôi bắt đầu chui vòm cây đen thẫm như một cái hang. Trời đã tối. Trên đầu tôi, những cành lá đại đan nhau thành một tấm trần kín mít, không để một tia sáng nhỏ lơ mờ của một bóng sao nào lọt xuống được. Tối như bưng mắt. Cái mẻ hun đặt trước mũi xuống cứ phả khói mù mịt khiến tôi gần như ngạt thở. Tôi khom người chồm tới, thổi phù phù mấy cái vào những đầu củi ngón⁽¹⁾ lem nhem. Lửa phụt cháy lên những ngọn mỏng như lụa đỏ, chao qua chao lại. Ánh lửa soi sáng hai bên cành lá rậm rịt, vụt kéo trở về những mảng màu xanh lục, đỏ, vàng, lốm đốm của những hình hoa lá bị nhấn chìm trong bóng tối đen ngòm. Tôi vừa thấy mình đỡ hãi hơn một chút, bỗng kêu lên:

- Ý hì! Cái gì như rấn... Nhiều quá, Cò ơi!

- Rấn đâu mà rấn, mậy? Bộ rấn tới nạp mạng cho tụi mình hả?

- Ờ... ờ... không phải!

Tôi đã kịp nhận ra. Rễ cây mọc thếch quăn vào nhau trông như những nùi rấn đang chen nhau lặn xuống nước, đầu khuất dưới nước rồi mà khúc mình còn mắc trên bờ. Một tiếng "u... u... ụt" nổi lên đột ngột, vang dội cả khu rừng. Con chim ụt to tướng, lông rần rục, từ trong bóng tối chập chờn lao vèo ngang qua đầu chúng tôi, luồng gió từ đôi cánh rộng quạt ra

(1) Cháy ngấm, vừa bén cháy.

một mùi tanh tanh, lờm lờm, người thấy phát buồn nôn. Tiếng "u... u... ụt" của con chim đêm kinh tởm vọng rên trên mặt nước như đuổi theo sau lưng chúng tôi, càng làm cho chiếc xuồng như sợ hãi trôi nhanh.

- Chắc con chim ụt đánh hơi mùi nường của mình, hấn ta muốn nhào vô xuồng kiểm chác hở mậy, Cò? - Tôi nói vu vơ cho đỡ tẻ.

- Tao biết đâu được!

- "Cò" mà không biết được "chim" à?

- Không bõn đâu nhá! Đừng có nói lảng. Tại mày nên bây giờ mới chỉ đi tới đây. Không thì xuồng đã ra tới sông lâu rồi.

Tôi lặng thinh, không đáp. Ừ, cũng tại mình cứ luẩn quẩn theo bên bà má nuôi tôi hồi linh tinh, chứ như đi sớm hơn, có lẽ bây giờ đỡ phải sợ rừng tối. Bụng tôi cứ hồi hộp thế nào ấy. Sợ không ra sợ, lo không ra lo.

Vì tôi ngồi bơi mũi cạnh mẹ hun, xông hơi lửa nóng một lúc, nên mồ hôi vã ra ướt cả trán. Muốn thò tay ra ngoài be xuồng vốc nước lên rửa mặt mà không dám. Tay tôi cứ thò xuống lại rút lên mấy lần.

- Cái gì lóc bóc như cá ăn tía vậy, Cò?

- Tôm tí tít búng đấy, chứ có rấn đâu mà sợ mậy? Thành nhất quá!

Tôi nghe nó nói, có phần vững bụng hơn, bèn thò tay xuống khoát nước lên rửa mặt. Ừ, cá ăn tía thì nghe phải giống như nổi cơm sôi kia. Má

nuôi tôi kể rồi, bà còn dặn tôi phải chú ý đề phòng. Cá trê đi từng đàn, bơi đặc cả nước, quẫy móng lách tách lục ục như nước cơm sôi, lăm lăm một quãng dài trên sông. Đi chài mà gặp cá ăn tía, quăng chài xuống, khi kéo lên nếu gặp loại chài cũ bỏ bỏ, có thể đứt tung chài. "Nhưng nguy hiểm nhất là rắn. Rắn hổ đất cứ bơi theo trên mặt nước để ăn bọt nhớt cá. Đó là những con rắn đang luyện nọc, mình gầy đét, chỉ còn xương bọc da. Nó nhịn ăn khoảng ba tháng mười ngày, chỉ lội nuốt nhớt cá trê. Rắn đang luyện nọc, cắn ai thì chỉ có trời xuống cứu...". Má nuôi tôi nói như vậy.

Chúng tôi đã ra khỏi vòm cây tối đen ban nãy. Vài ngôi sao le lói mọc thưa. Bờ tràm khô đứng im lìm dưới ánh sao xanh biếc. Cành cây trắng ngoằn ngoèo như đám bạch xà ngọc cổ lên trời hứng uống mù sương trong chuyện đời xưa. Dòng sông đen ngòm, ghê rợn. Cây cối hiện hình ma quái, ần ần hiện hiện trong lớp sương giăng bàng bạc. Cây đọt chiếc⁽¹⁾ tròn tròn như ngôi mộ. Cây tràm quấn dây tơ hồng như người đàn bà bông con đứng xoắn tóc, tay vẫy vẫy. Cây dừa nước, lá nhọn hoắt như hai hàng gươm giắt dài theo sông lá tua tua, chia mũi nhọn lên đe dọa trời. Ban ngày trông chẳng ra làm sao. Đêm tối, nhìn cái gì cũng đậm ra sờ sợ.

(1) Cây thấp thường mọc ở bờ sông, lá có vị chát, ăn như rau sống.



Muối vơ từ bờ bay ra đuổi theo xuống như những đám mây.

- Bơi ngược gió lên cái vịnh trên kia đi, An! Không thì nó... - Thằng Cò chưa nói hết câu đã phun nước miếng phèo phèo.

- Nó chui vô miệng mày hở ?

- Ừa... ủa...

- Tao hỏi nó chui vô mấy con rồi ?

Thằng Cò ự... ự... khạc nhổ rồi phun tiếp liên mấy cái, không đáp. Hai tay nó mắc giữ cây giầm kìm lái, nó cởi trần mà lại không thể buông giầm để dùng tay đập muối được, thành ra người nó cứ phải uốn éo, vắn qua vắn lại cho muối đỡ đốt. Tôi gác giầm mũi lên xuống, chạy đến vuốt vuốt khắp mình cho nó. Eo ôi, hai bàn tay nhột nhột, ướt đầy máu.

- Cố chịu đựng vài trăm thước nữa! - Thằng Cò cười hì hì. Hàm răng nó trắng đều như hạt ngô non, ánh lên trong đêm tối.

Xuống bơi ngược nước nghe ồ ồ, đi chậm như rùa. Hồi lâu, mũi xuống từ từ rẽ vào bờ, lủi vô một đám dừa nước tối đen. Thằng Cò đứng lên đằng sau lái, cầm giầm chống xuống đi len lách trong những lùm dừa nước có những chiếc bẹ khô ai đốn từ đời nào, nhô lên chơm chớm. Một lát sau, tôi sốt ruột quá bèn hỏi:

- Tới chỗ câu chưa, mậy?

- Tới rồi. Tao còn chọn chỗ nào ngon sẽ xuống mồi. Đây thôi. Được rồi.

Nó cho xuống đậu lại bên một tàu lá mọc nghiêng nghiêng:

- Thôi, sắp sửa môi đi! Thắp đèn lên.

- Có đây.

- Mày coi tao làm đây, coi mà bắt chước.

Nó với tay kéo tàu lá dừa quặt xuống, buộc chùm gai vào giữa sống lá. Tôi soi đèn, tay cầm lon môi. Nó làm thoăn thoắt, coi bộ thành thạo lắm. Con môi nướng bị lưỡi câu móc suốt từ đầu đến gần chót đuôi, còn chừa ra một tí đuôi cho rấn dễ nhâm. Nó kéo quần tàu lá xuống, vừa đủ cho con môi treo lơ lửng cách mặt nước non ngang ngón tay.

- Biết để làm gì không? Thế này thì cá lóc hết phương chồm lên phá môi. Hì hì! Mày chống xuống thay tao, để tao ngồi mũi buộc câu cho.

Tôi giấu môi hứ một tiếng:

- Không. Để tao buộc. Tao buộc được... Tưởng thứ gì khó kia!

Nó ngấm nghĩ một chốc:

- Thôi được! Cho mày làm thử một cái thôi nhá!

Tôi cười cười:

- Ừ, mà hề chừng có rấn mắc câu, tao sẽ giao cho mày bắt!

Hơn chục con môi đã xuống rồi. Thằng Cò thở ra một hơi dài khoan khoái:

- Vái trời phạt cho trúng bữa câu!



- Lần nào mà cũng khẩn thế à?

- Không. Vì bữa nay có mây. Trúng một bữa câu, để cho mây thấy, mây lác mắt chơi vậy mà... Thôi, bây giờ ta ngủ đi.

Nó nói xong, lập tức chui vào nóp. Tôi ngồi bên mẻ hun, quạt cho đỡ muỗi. Hơi nước bốc lên lành lạnh. Im lặng quá. Không có một tiếng vạc sành kêu cho đỡ buồn. Lâu lắm, mới có bầy cá heo⁽¹⁾ lục ục lẹc ẹc bầu dưới lườn xuống ăn rêu. Rồi bầy cá cũng lụi đi. Chỉ còn tiếng lách bách của hai bàn tay tôi đập muỗi.

Thằng Cò cựa quậy rột roạt trong nóp rồi chui ra:

- Mày không ngủ hử? Ngồi đái muỗi sao, An?

- Không!

- Sao coi mày buồn vậy?

- Tao nhớ nhà... - Tôi thở ra, không nói nữa.

Thằng Cò tiu ngửu, bèn nói lảng.

- Mày đừng sợ nhá! Để chừng bắt được con rắn bự, tao bẻ răng nó cho mày coi. Ờ, mà muỗi nhiều đa!

Nói xong, nó lẩn lưng móc ra một cái vỏ diêm. Nó rút ra một que, đút vào phân nửa, đoạn nó đóng bao diêm lại. Một tay cầm vỏ diêm, một tay cầm đầu que diêm phía ngoài, nó bắt đầu kéo ra kéo vô nghe kít... kít... kít... kít...

(1) Một loại cá to hơn ngón chân cái, đuôi đỏ, mình vàng xen kẻ nhiều sọc ngang xanh, không vảy rất đẹp, chứ không phải cá heo lớn ở biển.

- Làm cho muỗi sợ. Nó tưởng dơi. Hi... hi...

Tôi cũng cười theo nó và lần mò tới ngồi gần bên, coi trò chơi lý thú của nó bày ra. Quả thật, muỗi nghe kít... kít... kít... kít, sợ gặp đàn dơi, vo ve dần bay đi hết. Tôi ngồi tựa vào lưng thằng Cò một lúc, thiu thiu buồn ngủ. Thằng Cò ngáp một hồi, tay buông cái vỏ diêm ra. Hai đứa ôm nhau nằm còng queo giữa xuồng.

Đầu canh hai, trăng từ từ mọc lên bên kia dải rừng, to như một cái nong. Tôi mở mắt ra, sờ tay thấy sương thấm ướt khắp người. Trong lớp sương đục nhờ nhờ, vầng trăng đỏ như một cái lòng đỏ trứng khổng lồ. Càng lên cao, vầng trăng càng bé lại. Nhìn qua be xuống, thấy nước gợn lăn tăn... Tôi vừa thiu thiu chợp mắt lại, bỗng nghe thằng Cò vụt nhồm dậy:

- Dậy mau! Dậy mau! Dính một con rồi.

- Tao vừa thức đây mà. Có thấy quái gì đâu?

- Mày biết cái con khỉ gì! - Nó quất tôi.

Tôi lập tức đánh diêm thắp ngọn đèn soi. Tay tôi run quá, tim cứ đập thành thành. Thằng Cò ấn cây giẫm vào tay tôi, ra hiệu cho tôi chống xuống tới. Nó cầm cái mác trong tay, một tay đưa đèn lên soi phía trước. Ô, kia rồi! Tàu lá dừa nước như bị ai kéo cứ dập lên dập xuống, làm nước bắn tung tóe. Tiếng dây câu nghiêng kìn kịt trong tiếng lá đập xuống nước nghe kinh quá!

Tôi kêu "oái" một tiếng, đứng chết sững: một con rắn rắn ri cóc to cỡ bắp chân người lớn đang



vùng vẫy uốn mình lên quán lấy chùm dây câu. Cái miệng nó há ra, đầy răng chom chồm. Chỗ ngạnh lưỡi câu mắc bên mép, máu chảy giọt giọt xuống nước. Mỗi lần con rắn vắn mình cố siết cho đứt chùm dây câu, da nó nở ra, vồng lên như gai mít. Thằng Cò buông mác, thò tay nắm đuôi con rắn. Con rắn tháo ra, quán một khúc vào cổ tay thằng Cò. Thằng Cò chộp ngang lưng con rắn, bàn tay nó bé quá tuột ra vì không nắm hết. Con rắn càng gồng mình siết chặt cổ tay thằng Cò. Mồ hôi tươm ra ướt trán, chảy ròng ròng xuống má, nó bặm môi, cứ mặc thế, ngửa người ra sau lôi nguyên con rắn mắc câu vào xuống.

- Coi chừng nó cắn chết à, Cò! - Tôi thè lưỡi nhích ra xa.

- Cẩn quý gì nữa! Mà thứ rắn này cắn cũng như chó cắn thôi. Đưa miệng giở lại đây, mau mau đi!

Tôi kê miệng giở húng con rắn. Thằng Cò ghé răng cắn vào cái đuôi con rắn một cái⁽¹⁾, con rắn đau quá, vội tháo ra khỏi cổ tay thằng Cò, tuột gọn vào lòng giở. Thằng Cò một tay đập nắp, một tay chụp cái mác chặt hai đầu sống lá. Cả khúc sống lá chùm dây câu và con rắn đảo lộn, quấy soàn soạt trong giở.

(1) Chỗ yếu của loài rắn là ở chót đuôi. Người đi rừng lâu bị con rắn hoặc con rắn to quán, cứ cắn vào chót đuôi, nó sẽ tháo ra ngay.

- Hi... hi... Da con này lột ra phơi, bán bọn tiền. Mai chúng mình bảo má nấu nồi ca-ri ăn chơi!

Con rấn to nhưng cái đầu nó chỉ bé như quả bàng thôi. Hai con mắt đục lừ lừ nhìn ngọn đèn soi. Thằng Cò hé nắp giỏ chộp cổ con rấn tháo lưỡi câu ra, lôi khúc sống lá dính chùm dây câu ra khỏi giỏ rồi thông thả đẩy nắp, gài chốt lại.

- Để tao thử con rấn cho mày coi! - Nói xong, nó thọc một tay vào mắt giỏ gãi gãi lên lưng con rấn. Khi con rấn quay ngoắt lại toan mổ vào ngón tay thì thằng Cò đã rút ngón tay ra rồi.

- Cu cậu bị ót cay, sưng cả miệng đấy, mày thấy không? Vậy, mình mới dễ bẻ răng. Mà nó cũng chẳng cắn mổ gì được nữa...

Tàu lá đang kia bỗng rung lên sàn sạt. Thằng Cò reo lên:

- Sướng rồi! Dính một con nữa rồi!

Tôi chụm chân nhẩy dầm dộp trên xuống, làm chiếc xuống nghiêng qua lắc lại tí nữa là chìm.

- Ấy là nhờ mình buộc chùm dây câu vào sống lá, phải không Cò? Chứ đến cần câu to bằng cây tre đi nữa thì nó vẫn nhỏ được và lôi đi tuốt tuột, mày nhỉ!

- Con này của mày đó, An nhá! Của mày buộc câu mà!

- Ủ, tao làm cũng được, khó gì mà! Nhưng mà... con này mày cứ bắt nữa đi, Cò ạ. Để tao



xem mày bắt vài trăn nữa đã. Chừng có con khác mắc câu, tao bắt thử cho mày coi, có được không?

Tàu lá đang bị kéo ghì xuống nước bỗng bật tung trở lên.

- Thôi chết cha tôi rồi, An ơi! Mày buộc làm sao mà nó mới kéo có mấy cái đã tuột luột rồi!

Tôi không biết nói ra sao, tay buông giẫm rơi xuống xuống cái đập, nhìn theo những giọt nước từ trên tàu lá đổ xuống ròng ròng, tiếc ngẩn tiếc ngơ.

9

ĐI LẤY MẬT

Buổi sáng, đất rừng thật là yên tĩnh. Trời không gió, nhưng không khí vẫn mát lạnh. Cái lành lạnh của hơi nước sông ngòi, nương rạch, của đất ẩm và dưỡng khí thảo mộc tỏa ra từ bình minh. Ánh sáng trong vắt, hơi gợn một chút óng ánh trên những đầu hoa tràm rung rung, khiến ta nhìn cái gì cũng có cảm giác như là nó bao qua một lớp thủy tinh.

Tía nuôi tôi đi trước, bên hông lưng lẳng chiếc túi da beo, lưng mang cái gùi bằng tre

đan đã trát chai⁽¹⁾, tay cầm chà gạc⁽²⁾. Lâu lâu, ông vung tay lên một cái, đưa con dao rừng rất sắc phạt ngang một nhánh gai và dùng cái mấu cong ở đầu lưỡi dao dài có đến sáu bảy tấc ấy lôi phăng nhánh gai chắn đường vút ra một bên để lấy lối đi. Thằng Cò đội cái thùng to tướng, trong thùng đựng một vò nước, mấy gói cơm nắm và cái áo ướt mồ hôi nó vừa cởi ra cuộn lại, trên thùng úp chiếc nón lá rách. Tôi đã chen vào giữa, quảy tòn ten một cái gùi bé mà má nuôi tôi đã bơi xuống đi mượn của nhà ai ngoài xóm bìa rừng từ chiều hôm qua. Con Luốc chạy tung tăng sục sạo trong các bụi cây.

Lần đầu tiên tôi theo tía nuôi tôi và thằng Cò đi "ăn ong" đây! Mấy hôm trước, má nuôi tôi đã kể tỉ mỉ cho tôi nghe cách gác kèo ong thế nào, nhưng tôi vẫn chưa hình dung được "ăn ong" ra sao. Những điều má nuôi tôi kể, trong các sách giáo khoa không thấy nói. Khoa học tự nhiên ở trường chỉ mới cho tôi một khái niệm chung chung về xã hội loài ong, về những lợi ích của con ong, đại khái vậy thôi. Hiển nhiên từ những thời xa xôi thuở con người ăn lông ở lỗ cho đến ngày nay, người ta vẫn đi tìm lấy mật rừng bằng cách theo dấu đường bay của những con ong về tổ. Người ta phải khó nhọc lắm mới đưa được con ong rừng về nuôi thành

(1) Một loại dầu nhựa cây.

(2) Dao đi rừng của người Kơ-me.



con ong nhà, vì như thế, việc lấy mật sẽ dễ dàng và bảo đảm hơn.

Trong kho tàng kinh nghiệm của những nhà nuôi ong trên thế giới ghi chép trong các sách vở mà tôi được nghe thầy giáo tôi kể, không thấy có nơi nào nói đến việc lấy mật bằng cách gác kèo như má nuôi tôi đã bảo cho tôi nghe vừa rồi.

- Thôi, dừng lại nghỉ một lát. Bao giờ thằng An đỡ mệt, ăn cơm xong hẵng đi! - Tía nuôi tôi ra lệnh cho chúng tôi như vậy.

Quả là tôi đã mệt thật. Tía nuôi tôi chỉ nghe tôi thở đằng sau lưng ông thôi mà biết chứ ông có quay lại nhìn tôi đâu! Chúng tôi đã bơi xuống đi từ lúc gà vừa gáy rộ canh tư. Thằng Cò thì coi bộ chưa thấm tháp gì. Cặp chân của nó như bộ giò nai, lội suốt ngày trong rừng còn chả mùi gì nữa là!

Tía nuôi tôi ngồi tựa lưng vào một gốc cây ngái, nhồi thuốc lá vào tẩu. Con chó săn trung thành bao giờ cũng ngồi bảo vệ bên chân chủ. Thằng Cò bưng vò nước ra, ngửa cổ kê miệng vào vò uống nước ừng ực. Bỗng nó đặt vò nước xuống, thúc vào lưng tôi:

- Đố mày biết con ong mật là con nào?

Hỏi xong, nó đưa tay trở lên phía trước mặt. Tôi đảo mắt nhìn khắp nơi vẫn không thấy gì. Rừng cây im lặng quá. Một tiếng lá rơi lúc này cũng có thể khiến người ta giật mình. Lạ quá chim chóc chẳng nghe con nào kêu. Hay vẫn có

tiếng chim ở một nơi xa lắm, vì không chú ý mà tôi không nghe chẳng?

Cao quá đầu tôi một với tay, có những chấm đen không nhúc nhích. Đó là ruồi xanh đang bay đứng. Óng ánh lướt những lá bông sùng dưới vũng kia là con chuồn chuồn bay ngang với những cánh mỏng và dài. Bé như hạt khế, cứ lắc lư lắc lư từ đất nhoi lên và đập vào một cành ngải khô trên đầu tía nuôi tôi là điệu bay của con mỗi cánh.

- Chịu thua mày đó! Tao không thấy con ong mật đâu cả.

Thằng Cò nghe tôi chịu thua, nó bèn vénh mặt lên cười, quay sang tôi:

- Bây giờ mày cứ nhìn kỹ vào khoảng cách giữa hai nhánh tràem cao kia! Ồ! Đúng rồi. Nhìn một chỗ trống ấy thôi nhá. Nó tới liền bây giờ!

Đã lâu lắm mà sao tôi chưa thấy gì cả. Tôi vừa toan đứng dậy thì tía nuôi tôi đã đến cầm tay tôi trở lên:

- Đó, con thấy nó chưa?

- Thấy rồi!

Tôi kêu khe khẽ. Ồ, phải rồi! Phải hết sức tinh mắt, thính tai mới tìm được những tay sứ giả của bình minh này. Một con... hai con... ba con... Rồi một đàn mười mấy con bay nối nhau như một xâu chuỗi hạt cườm, trong những tầng xanh cây lá, có một cái chấm nâu đen cỡ đầu đũa vụt qua rất nhanh. Trên những ngọn tràem cao, đang lướt qua một đàn li ti như nắm trấu



bay, phát ra những tiếng kêu eo... eo... eo... eo... Tiếng kêu thật nhỏ, không chú ý theo dõi thì không thể nghe được.

Chúng tôi gỡ những nắm cơm vắt ra. Ăn xong, bấy giờ bóng nắng mới bắt đầu lên. Gió cũng bắt đầu thổi rạo rạo theo với khối mặt trời tròn đang tuôn ánh sáng vàng rực xuống mặt đất. Một làn hơi đất nhè nhẹ tỏa lên, phủ mờ những bụi cây cúc áo, rồi nhè nhẹ tan dần theo hơi ấm mặt trời. Phút yên tĩnh của rừng ban mai dần dần biến đi.

Chim hót líu lo. Nắng bốc hương hoa trầm thơm ngậy ngất. Gió đưa mùi hương ngọt lan ra, phảng phất khắp rừng. Mấy con kỳ nhông nằm vươn mình phơi lưng trên gốc cây mục, sắc da lưng luôn luôn biến đổi từ xanh hóa vàng, từ vàng hóa đỏ, từ đỏ hóa tím xanh... Con Luộc động đập cánh mũi rón rén mò tới. Nghe động tiếng chân con chó săn nguy hiểm, những con vật thuộc loài bò sát bốn chân, to hơn ngón chân cái kia, liền quật chiếc đuôi dài chạy tứ tán. Con núp chỗ gốc cây thì biến thành màu xám vỏ cây. Con đeo trên tấm lá ngái thì biến ra màu xanh lá ngái.

Chúng tôi tiếp tục đi tới một cái trảng rộng. Giữa vùng cỏ tranh khô vàng, gió thổi lao xao, một bầy chim hàng nghìn con vụt cất cánh bay lên. Chim áo già màu nâu, chim mạnh mẽ mỏ đỏ bóng như màu thuốc đánh móng tay, lại có bộ lông xám tro điểm những chấm trắng

chấm đỏ li ti rất đẹp mắt... Những con chim nhỏ bay vù vù kêu líu ríu lượn vòng trên cao một chốc, lại đáp xuống phía sau lưng chúng tôi.

- Chim đẹp quá. Cò ơi! - Tôi tắc lưỡi, kêu lên.

- Thứ chim cò này mà đẹp gì!

- Ở đây, chim nhiều quá. Bữa nào tội mình đi bắn một bữa đi.

- Thứ đồ bỏ, không ăn thua gì đâu. Mà mà gặp "sân chim" thì mà sẽ biết...

Nó nói một cách lơ là như vậy rồi cứ cầm cúi đội cái thúng đi. Tôi muốn hỏi về cái "sân chim", nhưng vì tự ái và nghĩ nếu mình gặp cái gì cũng hỏi thì nó sẽ khinh mình dốt, bèn im im đi tới.

Lội qua mấy vũng lầy sâu quá gối, chúng tôi đã đến chỗ lấy mật.

Tía nuôi tôi ngồi xuống, dáng rất ung dung. Ông tháo miệng túi da beo ra, bỏ cái tẩu vào. Rồi ông xé mảnh giấy nhật trình cũ, cuộn một điều thuốc lá to bằng ngón chân cái, bật lửa lên đốt hút.

- Sắp lấy mật đa, này An! - Thành Cò trở điều thuốc lá to tổ bố đang cháy như cây đuốc kia, bảo tôi.

Tôi chẳng hỏi gì thêm, cứ lặng thinh. Nó cũng không thềm chú ý đến vẻ mặt khó đăm đăm của tôi, cứ nắm tay tôi lôi đi, lại còn khoát tay ra hiệu bảo tôi đi thật khẽ. Tôi nhìn theo



ngón tay nó trở lên một kèo ong gác trên cây tràm thấp. Tổ ong kia rồi!

Sự mừng rỡ làm tôi quên phất cái bực mình vừa qua. Tôi lại hỏi:

- Sao biết nó về cây này mà gác kèo?

- Thằng mau quên hé! Vậy chờ mấy bữa nay, má nói gì cho mày nghe đó? - Nó chành môi ra cười hì hì, trông cái miệng thấy ghét quá.

Tôi ngược nhìn tổ ong như cái thúng, lúc nhúc không biết bao nhiêu ong, dần dần nhớ lại lời má nuôi tôi kể.

"... Rừng thì mênh mông, biết bao nhiêu cây! Một cây còn biết bao nhiêu nhánh! Biết con ong sẽ đóng tổ ở cây nào, nhánh nào? Có phải bạ chỗ nào nó cũng gởi mật đâu! Nhưng làm nghề nào rồi khắc sẽ thạo nghề ấy, con ạ! - Má nuôi tôi đưa mắt trông ra những bụi cây bình bát đại mọc quanh hè, ngấm nghĩ một lúc rồi nói tiếp: - Gió thổi có hướng, cây tốt cũng có vùng. Chọn được vùng rừng tốt, biết rằng đến mùa xuân tràm sẽ kết nhiều hoa, mình mới định chỗ gác kèo. Phải xem hướng gió, tính trước đường bay của ong mật. Đó là những chỗ "ấm", cây dày, không bị ngọn gió thốc thẳng vào và ít khi có những dấu chân người đi bắt rắn, người đốn củi đến..."

- Kèo là gì, hở má?

- Ồ, kèo cũng là nhánh tràm thôi. Nó to cỡ cổ tay, mang nhiều nhánh con tua tủa vào quăng

giữa. Mình chặt lấy một khúc dài non thước tây, một đầu có cái nhánh con dùng làm cái mấu. Chọn được vùng rồi, còn phải chọn cây: cây nào vừa kín, vừa im, có ít nhiều bóng nắng kia! Con ong không thích đóng chỗ rợp. Ở những nơi đó, bao giờ mật cũng chua, dễ bị ỉm. Gác chiếc kèo chênh chếch lên cây tràm xong, phải "rửa"⁽¹⁾ bớt những nhánh chung quanh để khi lấy mật khỏi vướng. Kèo chặt vào khoảng giữa thánng mười một. Những cơn mưa muộn sẽ rửa hết mùi sắt ở hai đầu kèo bị dao rửa chặt, và nhánh kèo cũng đủ thời gian khô đi, cũ đi, giống với những nhánh khô khác trên cây. Kèo nào còn mùi sắt của con dao mới chặt thì con ong mật chúa ky, nó không bao giờ đóng tổ đâu...

- Cõi bộ cũng không khó lắm hở má?

Má nuôi vò đầu tôi, cười rất hiền lành. Tôi cũng cười theo. Bà dặng háng, nói:

- Chẳng dễ đâu, con ạ! Nhiều người trở thành "dân ăn ong"⁽²⁾ đã năm mười năm trong nghề, vậy mà gác kèo xong tới mùa mật, mang gùi lên lưng vào rừng, lại mang gùi không trở về.

- Ủa! Tại sao vậy, má?

- Định không đúng chỗ, đoán sai hướng gió chứ sao!...

(1) Chặt sạch.

(2) Những người chuyên nghề lấy mật.



Mất tôi vẫn không rời tổ ong lúc nhúc trên cây tràm thấp kia.

Tía nuôi tôi đã đi lần tới, đứng phía trên hướng gió. Ông hít một hơi cho thuốc đổ lên, và từ từ đưa đầu khói cháy lại gần tổ ong. Quả thật! Thảo nào người ta hay nói "như ong vỡ tổ"! Ong vỡ tổ là lúc này đây. Không biết cơ man nào là ong. Chúng bay vù vù, đen ngòm, loạn xạ, thành một vầng đen như cái chiếu.

Bỗng thằng Cò kêu "oái" một tiếng, hai tay vò trán lia lịa:

- Có ong sát, tía ơi! Nó đánh con một vết đây nè!

Tôi nhanh trí ngược hướng gió chạy ra xa để tránh bầy ong, và nhân thể bứt vôi vàng một nắm cỏ tranh và sậy khô đưa lại cho tía nuôi tôi:

- Tía ơi, đốt nó đi, tía!

Tía nuôi tôi mỉm cười, khoát khoát tay:

- Đừng! Không nên giết ong, con à! Để tía đuổi nó cách khác...

Tía nuôi tôi mở túi da beo, lấy vôi bôi chỗ vết ong đốt trên trán cho thằng Cò. Đoạn ông mở gói giấy, lấy ra cục a ngù - cái thứ thuốc dẻo quánh, màu vàng xỉn mà tôi đã thấy dạo trước - véo một miếng gắn vào đầu một cọng sậy. Ông bảo tôi bật lửa lên, rồi đốt cháy miếng thuốc. Khói vị thuốc bốc hơi quá! Tôi chóng mặt ọ ọ luôn mấy cái, tưởng đã nôn rồi. Tía nuôi tôi cầm cọng sậy có gắn miếng thuốc bốc khói đưa

lên kê vào gần tổ ong. Bầy ong hoảng hốt nổi nhau bay mất không còn một con.

Trên nhánh kèo khô còn trơ lại cái tàn ong sập trắng to bằng chiếc nón, nặng trĩu những mật vàng. Tía nuôi tôi rướn chân lên, gượng nhẹ đỡ nhánh kèo xuống. Ông vắt mật vào cái gùi của tôi, còn sáp thì ném vào cái thúng của thằng Cò, thấy tôi vét một tí mật dính chỗ miệng gùi đưa lên mút, thằng Cò cười hì hì:

- Cho mày ăn thả cửa! Cứ uống no đi. Chỉ sợ mày say không đi được thôi!

Mặt nó nhăn nhó, mấy vệt vôi trắng trắng bôi vào giữa trán dùm đó lại coi như mặt hề.

- Mày có thấy khỉ ăn ớt chưa hở Cò? - Tôi hỏi nó.

- Ồ! Cho mày cười tao... Chốc nữa, trời xui đất khiến, gặp con ong lỗ nó táng cho mày một vệt, rồi mày sẽ biết.

Từ sáng sớm đến gần lúc về chiều, tía nuôi tôi đã gõ hơn năm mươi kèo ong. Mật đầy cả hai gùi. Tôi mang gùi mật óc ách đằng sau lưng mà vẫn cảm thấy nhẹ tênh, và tiếc cái gùi bé quá.

- Một tổ nữa kia, tía ơi!

- Thôi để mai. Chà, năm nay mật trúng lắm! Sáng mai phải mang vài thùng thiếc nữa mới lấy hết mật. Mình mới lấy chưa được nửa số kèo đã gác mà! - Tía nuôi tôi vừa nói vừa đưa bàn tay dính đầy mật ra cho con chó săn liếm.



Chúng tôi tháo gùi, đặt đồ lễ xuống bên một gốc cây. Cần phải nghỉ, ăn cơm cho lại sức trước khi trở về...

- Tía ơi! Ở đây có gấu không, tía? - Tôi hỏi.
- Rừng này không có gấu đâu. Con sợ à?
- Không! Con hỏi thế thôi. Gấu nó hay ăn mật lắm. Có gấu, nó sẽ lấy hết mật của mình chứ!

- Ủ, nhưng mà ăn mật thì chẳng lo. Ăn làm sao hết được mật rừng U Minh này! Chỉ lo... nó ăn con ong thôi!

- Gấu cũng ăn con ong à?
- Không! Những con khác kia. Chuồn chuồn này, bộ ngựa này, nhện này... và còn bao nhiêu thứ chim chóc khác nữa! Cả con ó rần cũng ăn ong. Chỉ vài con ó rần là có thể ních trụi một tổ ong đấy!

- Thế ong không đốt họng nó à?
- Đốt thế nào được? Chim ó khôn lắm. Đớp một cái vào mỏ, là nó lừa lựa cắn nát cái kim ở đốt ong ngay! Còn như con chuồn chuồn thì nó chộp ngang cổ ong, bộ răng khỏe như hai lưỡi kéo thép của nó xén đầu con ong làm cho đầu rơi tức khắc. Nó không ăn hai cánh đâu, chỉ nhai nuốt khúc mình thôi!

Tôi ngồi nhìn lên kèo ong, thấy nó cũng giống như những tổ ong rừng vẽ trong sách vậy thôi. Nhưng có điều khác là không phải ngẫu nhiên mà nó đóng trên một cành cây nào đó.

Chính tía nuôi tôi đã định sẵn cho chúng nó một nơi về đóng tổ... Theo như lời thầy giáo của tôi bảo, người La Mã xưa kia nuôi ong trong những cái tổ bằng đồng hình chiếc vại, có đục thủng nhiều hàng lỗ con vòng quanh miệng, quanh đáy. Người Mễ Tây Cơ làm tổ nuôi ong bằng đất nung, như một cái ống có hai cái loa hai đầu, giữa lưng ống đắp một hình đầu người nho nhỏ làm vật trang trí, dùng hai sợi thừng treo lên cành cây. Người Ai Cập nuôi ong trong những tổ bằng sành, hình ống dài, xếp chồng lên nhau, đặt trên bãi cỏ. Ở Phi Châu người ta đục ruỗng một khúc thân cây, vít kín hai đầu, chỉ chừa một lỗ khoét nho nhỏ cho ong ra vào, treo lên bằng một đoạn dây nhỏ có máu. Ở xứ Tây Âu, tổ ong lại lợp, bện bằng rơm đủ kiểu, hình thù khác nhau... Không có nơi nào, xứ nào có kiểu tổ ong hình nhánh kèo như vùng U Minh này cả...

Những con ong vẫn nối cánh nhau bay đi bay về trên tổ, trước mặt chúng tôi kia. Con nào cũng lượn một vòng tròn trước khi đáp xuống. Người ta bảo rằng đó là vũ điệu báo hiệu của loài ong.

- Tía ơi! Ong chỉ lấy mật chung quanh đây thôi à?

- Ồ, có khối hoa trong rừng này! Con thấy không, hễ con ong lượn một vòng trước khi đáp xuống, là báo hiệu nơi khai thác ở gần đây, còn



nó lượn hình số 8 là báo hiệu nơi khai thác ở xa đây...

- Sao tía biết? - Tôi ngạc nhiên, trố mắt hỏi.

- Để ý xem lâu ngày thì biết.

- Thế mà con nghe người ta nói rằng con ong lượn hình tròn là báo hiệu chỉ đường bay đến nơi lấy mật, còn nó lượn hình số 8 là báo hiệu đến chỗ lấy phấn hoa...

- Bậy! Bậy! Nhảm rồi. Nó chỉ báo hiệu nơi khai thác gần hay xa thôi. Còn lấy phấn hoa nhồi sáp hay lấy mật gì thì cũng là lấy thôi. Quan trọng đối với con ong là đường bay xa hay gần biết chưa!

Tôi ngăn người ra một lúc lâu...

- Ê, bộ mày còn nhớ nhà sao mà ngồi buồn vậy, An? - Thành Cò vừa giở nắm cơm ra vừa hỏi tôi.

- Không, tao choáng váng một chút thôi mà! - Tôi đáp.

Tía nuôi tôi nhìn lên bóng nắng, bảo:

- Thôi, liệu dần bụng đi... rồi còn về, các con.

Chúng tôi ngồi ăn cơm dưới một bụi cây tra râm mát. Bóng nắng nghiêng nghiêng rọi chéch xuống chỗ tôi ngồi. Mấy con gấm ghi sặc lông màu xanh đang tranh nhau với bầy vẹt mỏ đỏ, giành mổ những quả chín trên cây bồ đề. Lâu lâu, vài ba trái quả vàng rụng rơi lộp độp, lăn vào cạnh chân tôi như những hòn bi.

TRONG LỀU NGƯỜI ĐÀN ÔNG CÔ ĐỘC GIỮA RỪNG

Quá đỏ đèn một lúc thì xuống chúng tôi về đến nhà.

Má nuôi tôi nghe giầm khua dưới bến, cầm đèn bước ra, con Luốc chưa kịp phóng lên bờ, tôi đã bô bô khoe với má nuôi tôi:

- Mật nhiều lắm má ơi, ra đây mà khiêng!

Má nuôi tôi "ừ" một tiếng, soi đèn ngó xuống xuống.

Chúng tôi ì ạch khiêng hai gùi mật và thùng sáp ong lên nhà rồi, mà vẫn không thấy bà tỏ vẻ gì quan tâm đến kết quả chuyến thu hoạch của tía con chúng tôi lắm. Tôi tiu nghỉu ngồi xuống chõng, bao nhiêu câu sắp sửa kể cho má nuôi tôi nghe về chuyện đi lấy mật lý thú ngày hôm nay tan biến đâu mất cả.

- Chú Võ Tòng có đến tìm ông đấy! - Má nuôi tôi nói với tía nuôi tôi. - Chú không chờ được, đã về từ chập tối. Có chuyện gì vậy, ông?

- Nào có gặp chú đâu mà biết?

- Ất có chuyện gì quan trọng. Cứ thấy bộ mặt của chú thì tôi đoán như vậy. Tôi gạn hỏi mấy lần, chú cứ ậm à ậm ừ... Cha chả, chú nhặt được ở đâu mấy cái quần tây, ống ngắn ngắn mặc chỉ tới nửa ống chân. Lại còn đeo lười lê nữa chú!

Tía nuôi tôi cười khà khà, gật gù:

- Hôm nọ tưởng chú nói đùa, hóa ra thật! Bà thấy chú có mang súng ống gì không?

- Có. Chú dặn tôi, hễ ông về thì bảo ông lên nhà chú chơi. Ất có việc gì đấy. Khổ quá, cứ dặn đi dặn lại mãi. Tôi hỏi "có chuyện gì hệ lắm không"⁽¹⁾ thì chú lại bảo chẳng có việc gì!

- Có thể là...

- Việc gì thế ông?

- Tôi đã biết đâu. Để gặp chú xem đã..:

- Thôi mặc các ông. Tôi chẳng hơi đâu... Chuyện gì cũng bô lô ba la nói hết với mọi người, mà vợ con trong nhà hỏi đến cứ ậm à ậm ừ...

Má nuôi tôi bấy giờ mới quay sang hỏi thằng Cò về vết ong đốt. Bà nướng một củ gừng, bảo nó nhai nuốt và tràm mên lại cho ra mồ hôi.

- May mà không gặp ong lỗ! Thằng An nhớ coi chừng dưới chân dưới cẳng đấy!

- Con biết rồi! - Tôi đáp.

- Đạp nhầm tổ ong lỗ, nó đốt cho một vết thì thấy tám ông trời! Mà cười hử? Nó đốt trâu còn phải rống, chạy cong đuôi đấy con ạ.

(1) Có chuyện gì quan trọng lắm không.

Đoàn Giỏi

Tía nuôi tôi bảo má nuôi tôi:

- Bà liệu thôi cơm nắm bây giờ đi. Nghỉ ngơi một chốc khoảng nửa đêm tôi đi đấy. Chà, mệt còn nhiều lắm... Đi sớm một chút, ghé qua nhà chú Võ Tòng xem có chuyện gì...

- Sáng mai hẵng đi, tía à! - Thành Cò đã trùm mền kín mít còn hé thò đầu ra, nói lấp bắp.

- Sốt rồi phải không? - Tía nuôi tôi hỏi. - Con ở nhà thôi. Ngày mai chưa đi được đâu. Để thằng An đi với tía thôi!

Khuya đêm đó, hai tía con tôi bơi xuống ra đi. Thành Cò phải ở nhà nên nó bèn kiếm cách gỡ. Nó cứ rịt con Luốc lại, không cho theo tôi: nó bảo không cho nó đi thì phải để con Luốc ở nhà chơi với nó cho có bạn!

Xuống ra tới sông, tôi hỏi tía nuôi tôi:

- Không đi lối cũ sao, tía?

- Lên nhà Võ Tòng đã. Rồi cũng có kênh đi tắt ra chỗ lấy mật hôm qua. Kênh rạch chẳng chịt trong rừng, đi lối nào chẳng được.

Chúng tôi lặng lẽ bơi xuống đi rất lâu. Tôi đã thấm mệt và bắt đầu buồn ngủ. Tía nuôi tôi nghe tôi ngáp, bảo tôi cứ ngủ đi, để một mình ông bơi cũng được. Tôi vừa đặt giằm xuống, chưa kịp chui vào nóp thì đôi mắt đã díp lại rồi.

Chắc tôi ngủ một giấc lâu lắm thì phải. Khi tôi mở mắt ra, thấy xuống buộc lên một gốc cây tràm. Không biết tía nuôi tôi đi đâu. Nghe có



tiếng người nói chuyện rì rầm trên bờ. "A! Thế là đến nhà chú Võ Tòng rồi!" Tôi ngồi dậy, giục mắt trông lên. Ánh lửa bếp từ trong một ngôi lều chiếu qua khung cửa mở, soi rõ hình những khúc gỗ xếp thành bậc thang dài xuống bên. Tôi bước ra khỏi xuống, lần theo bậc gỗ mò lên. Bỗng nghe con vượn bạc má kêu "ché...ét, ché...ét" trong lều, và tiếng chú Võ Tòng nói: "Thằng bé của anh nó lên đây!".

- Vào đây, An! - Tía nuôi tôi gọi.

Tôi bước qua mấy bậc gỗ trơn tuột, và dừng lại trước cửa. Con vượn bạc má ngồi vắt vẻo trên một thanh xà ngang, nhe răng dọa tôi. Tía nuôi tôi và chú Võ Tòng ngồi trên hai gộc cây⁽¹⁾.

Trước mặt hai người, chỗ giữa lều, có đặt một cái bếp cà-ràng lửa cháy riu riu, trên cà-ràng bắc một chiếc nồi đất đầy vung kín mít.

Chai rượu đã vơi và một đĩa thịt khô nướng còn bày trên nền đất ngay dưới chân chủ và khách, bên cạnh hai chiếc nỏ vắt chéo lên nhau.

- Ngồi xuống đây, chú em! - Chú Võ Tòng đứng dậy, lôi một gộc cây trong tối đặt bên bếp lửa.

Chú cúi trần, mặc chiếc quần ka-ki còn mới, nhưng coi bộ đã lâu không giặt (chiếc quần lính Pháp có những sáu túi). Bên hông, chú đeo lưng lẳng một lưỡi lê nằm gọn trong vỏ sắt,

(1) Thân cây cắt ngắn để nguyên cả vỏ, dùng làm ghế ngồi, tựa như cái đòn.

đúng như lời má nuôi tôi đã tả. Lại còn thất cái xanh-tuya-rông⁽¹⁾ nữa chứ!

Tôi không sợ chú Võ Tòng như cái đêm đã gặp chú lần đầu tiên ở bờ sông, mà lại còn đôi chút cảm tình xen lẫn với ngạc nhiên hơi buồn cười thế nào ấy.

Tía nuôi tôi ngo tôi, cười cười nhắc cái tẩu thuốc lá ở miệng ra.

- Ngủ dậy giấc rồi à? Tía thấy con ngủ say, tía không gọi. Thôi, đã dậy rồi thì ngồi đây chơi!

- Nhai bậy một miếng khô nai đi, chú em. Cho đỡ buồn miệng mà! - Chú Võ Tòng nhặt trong đĩa ra một thỏi khô nướng to nhất đặt vào tay tôi.

Con vượn bạc má lại kêu "Ché... ét, ché... ét..." ở phía trên đầu tôi. Tôi cứ mặc kệ nó, vừa xé miếng thịt khô ướp muối sả nướng thơm phức cho vào mồm nhai, vừa đưa mắt nhìn quanh ngôi nhà lều. Trên vách lều đóng đầy mô hóng đen sì, một chùm xương sọ khỉ ước chừng vài mươi cái treo lủng lẳng cạnh những đầu con nhọ nổi khô, những chân tay khỉ, tay chân dọc⁽²⁾ xâu từng đôi một, gác trên đoạn sào nhỏ. Mùi lông khét xông khói lâu ngày từ trong mớ lớn nhón ấy tỏa ra, cùng với một làn khói gì mùi hăng hắc, màu xanh xanh bay ra từ chiếc nồi dậy kín vung sôi ục... ục... trên bếp cà-ràng,

(1) Thất lưng da to bản.

(2) Một loại tay dài nhưng không phải vượn.



khiến tôi có một thứ cảm giác rợn rợn không tả được. Dường như những cái bóng lặng lẽ ngồi bên bếp lửa đang sống lại từ cái thời kỳ loài người mới tìm ra lửa vậy.

... Không ai biết tên thật của gã là gì. Mười mấy năm về trước, gã một mình bơi một chiếc xuống nát đến che lều ở giữa khu rừng đầy thú dữ này. Gã sống đơn độc một mình, đến con chó làm bạn cũng không có. Hồi ấy, rừng này còn nhiều hổ lắm. Một mình gã đã giết hơn hai mươi con hổ. Một buổi trưa gã đang ngủ trong lều, có con hổ chúa mò vào, từ ngoài sân phóng một cái phủ lên người gã. Bất thần gã tỉnh dậy. Gã vớ luôn cái móc thông bên người, cũng không kịp ngồi dậy nữa, cứ nằm ngửa thế mà xóc mũi móc lên đâm thẳng một nhát vào hàm dưới con hổ chúa, hai chân gã đá thốc lên bụng nó, không cho con ác thú kịp chụp xuống người. Con hổ chúa lộn vòng, rơi xuống đất. Lưỡi móc đâm từ hàm dưới thấu lên tận óc, làm nó không há họng được, nhưng vẫn còn cố vớt cái tát cuối cùng, để lại trên mặt gã một hàng sẹo khủng khiếp chạy từ thái dương xuống cổ. Không biết có phải do đấy mà gã mang tên "Võ Tòng" hay không? Chứ theo như một vài ông lão đa sự, thì ngày xưa gã là một chàng trai hiền lành, ở tận một vùng xa lắm. Gã cũng có gia đình đàn ông hoàng như ai. Vợ gã là một người đàn bà trông cũng xinh xắn. Chị ấy lúc chữa đứa con đầu lòng cứ kêu thềm ăn mẳng. Gã đàn ông hiền

lành, quý vợ hết mực ấy bèn liều xách dao đến bụi tre đình làng xấn một mọt măng. Khi về qua ngang bờ tre nhà tên địa chủ, tên này bắt gã bỏ mọt măng xuống và vu cho gã lấy trộm măng tre của hắn. Gã một mực cãi lại, nhưng tên địa chủ quyền thế nhất xã ấy cứ vùng ba-toong⁽¹⁾ đánh lên đầu gã. "Đánh đầu thì còn nhin được, chứ đánh lên đầu là nơi thờ phụng ông bà... thì số mày tới rồi!" Lưỡi dao trên tay gã không cho phép tên địa chủ ngang ngược kia giờ tay đánh ba-toong lên đầu gã đến cái thứ hai. Nhát dao chém trả vào mặt đã gié tên bóc lột và hống hách này nằm gục xuống vũng máu. Nhưng gã không trốn chạy. Gã đường hoàng xách dao đến ném trước nhà việc⁽²⁾ bó tay chịu tội. Sau mười năm tù đầy, gã trở về làng cũ nghe tin vợ đã làm lẽ tên địa chủ kia, và đứa con trai độc nhất mà gã chưa biết mặt thì đã chết từ khi gã còn ngồi trong khám lạnh.

Người trong xã vốn ghét tên địa chủ hống hách, khắp khối chờ xem cuộc rửa thù bằng máu lần thứ hai. Nhưng họ đã thất vọng. Gã chỉ kêu trời một tiếng rồi cười nhạt bỏ làng ra đi... Những người đa sự quả quyết rằng chính gã đã mang tên "Võ Tòng" từ lúc xách dao đến nhà việc chịu tội. Còn như những chữ bùa xanh lè xăm rần rục trên người gã, và gã trở nên một người giỏi võ từ lúc nào, thì có kẻ nói đó là dấu

(1) Gậy chống.

(2) Nơi làm việc của cấp xã ngày trước.



vết trong những năm gã ở tù, lại có người bảo đó là mới có từ lúc gã đi giang hồ. Hơn mười năm sống trôi giữa rừng mặc dầu cũng có nhiều người đánh tiếng mời mai cho gã, nhưng tuyệt nhiên Võ Tòng không để mắt tới một người đàn bà nào nữa. Ở trong rừng lâu năm chầy tháng, gã ngày càng trở nên kỳ hình dị tướng. Nhưng ai cũng mến gã ở cái tính tình chất phác thật thà, lúc nào cũng sẵn sàng giúp đỡ mọi người mà không hề nghĩ đến chuyện người ta có đền đáp lại mình hay không. Điều đó, má nuôi tôi đã quả quyết, nói một cách chắc chắn như vậy...

Chú Võ Tòng vẫn ngồi đó, đối diện với tía nuôi tôi, bên bếp lửa. Tía nuôi tôi tay cầm một chiếc nỏ lên ngắm nghía; bật thử sợi dây nỏ trên đầu ngón tay nghe "pung... pung..." rồi lại đặt xuống.

Chú Võ Tòng rót rượu ra bát uống một ngụm, trao bát sang cho tía nuôi tôi, và nói:

- Con dao găm của anh Hai cùng với cánh nỏ này, thừa làm nên chuyện. Mình thì cần gì tới súng? Máy thằng nhất gan mới cần súng, vì súng ở xa cũng bắn được mà! Phải không anh Hai? Tôi cho rằng súng dở lắm, động tới thì kêu âm ỉ. Tôi ghét tiếng nổ lắm. Như cái bạn tôi làm vừa rồi đấy. Tách một tiếng, chết ngay thằng giặc Pháp râu xồm, mà cái thằng đứng cách năm sáu thước không hay biết gì cả. Tôi chừng tôi mò ra tháo cây tiểu liên nghe động

sột soạt, nó mới quay lại thấy tôi, liền bắn tôi một phát súng "mút" nhưng trượt. Tiếng súng của nó bắn ra mà cha con chúng nó hoảng lên, hò hét chạy lung tung mới buồn cười chứ! Tôi xách cây tiểu liên bay vào rừng, chờ tối mò trở ra. May sao cái cây thây thẳng râu xồm còn nằm thẳng cẳng đấy, đợi tôi đến lột hộ bộ quần áo ka-ki... Hê... hê... hê! Khi lột lòng mẹ, nó chui ra như thế nào, thì bây giờ nó chui nằm xuống đất cũng như thế ấy... cho được thủy chung như nhất! Tôi chỉ lấy cái quần để che chỗ xấu xa của con người thôi, anh Hai à. Còn cái áo và khẩu tiểu liên, tôi biếu cho anh em lính đảng mình.

Trong giọng nói bốn cột của Võ Tòng có pha đượm một nỗi buồn chua chát, khiến tôi vừa ngồi vừa nghe vừa nhìn bếp lửa cháy riu riu mà không khỏi bùi ngùi.

- Chú em cầm hộ lọ muối chỗ vách kia đưa giùm qua chút! - Chú Võ Tòng đổi giọng, vui vẻ bảo tôi.

Khi tôi cầm lọ muối lên thì thấy chú đã ngồi xồm xuống cạnh bếp, tay mở nắp vung trên nồi ra. Trong nồi, một thứ thuốc gì đang sôi cuộn cuộn, đen nhánh và dẻo quánh như nhựa trắng đường, tỏa lên một làn khói mỏng xanh xanh, mùi hăng hắc. Võ Tòng không quay lại, chỉ với tay nhón lấy mấy hạt muối trong lọ tôi cầm đến. Chú bỏ một hạt muối vào món thuốc đen



nhánh đang sôi, hạt muối nổ tách một tiếng bắn ngay ra khỏi nồi.

- Được rồi đấy! - Chú Võ Tòng nói xong, bỏ nốt những hạt muối còn lại vào nồi, rồi xoa tay đứng dậy.

Tiếng nổ lách tách bắn ra giòn tan chung quanh nồi thuốc. Bây giờ chú mới đến bên vách rút ra một bó tre đã vót sẵn, cầm từng chiếc tên nhúng đầu nhọn vào nồi thuốc vừa xoay lăn, cho thuốc quăn nhiều lớp vào đầu mũi tên. Xong một chiếc, chú xếp ra trên cái nong. Và chú tiếp tục cầm một chiếc tên khác, đưa lên nheo mắt ngắm, nắn nắn lại cho thật ngay trước khi nhúng vào nồi thuốc để làm lại như lần trước. Tôi đứng xem người thợ săn áo thuốc⁽¹⁾ tẩm thuốc độc vào đầu tên một cách say sưa, đến nỗi không dám thở mạnh.

Vào khoảng cuối canh năm thì ngót năm mươi mũi tên tre đã tẩm thuốc xong và lớp áo ngoài đầu tên cũng vừa khô mặt. Nắn thấy không còn dính tay, chú Võ Tòng chọn ra hai mươi chiếc giắt vào một bao tên làm bằng ống nứa khô.

- Chỉ sây da một tí, đủ chết ngay anh Hai ạ! Nhưng thuốc này có thể uống được. Đau bụng quằn quại, nuốt vào một tí là khỏi ngay lập tức đấy. Đau mấy cũng khỏi!

(1) Tráng quanh một lớp mỏng

Tôi nghe mà phát lạnh xương sống. Tôi không thể nín được, buột miệng nói:

- Lỗ trong mồm, trong dạ dày, hay trong ruột bị lở loét gì mà nuốt vào thì bỏ mạng, chú ạ!

Võ Tòng chậm chú nhìn tôi một lúc, rồi cười lớn:

- Chú em nói, ngẫm cũng đúng. Nhưng mà... những người nghèo, những người không ăn bậy, ít khi đau mồm và đau dạ dày lắm!

Bên ngoài, trời rạng dần. Đã nghe một vài tiếng chim rừng riu rít gọi nhau trở dậy đón bình minh trên những ngọn cây chung quanh lều. Chú Võ Tòng trao chiếc nỏ và ống tên thuốc cho tía nuôi tôi:

- Cứ như tình hình này... thì chúng nó sẽ mò tới đây thôi. Tôi quý anh Hai là bậc can trường, nên mới dám chọn mặt gửi vàng. Chứ những mũi tên độc này mà lọt vào tay một người hèn nhát, thì nó sẽ gây nhiều tác hại đấy. Sở dĩ tôi không dám nói với bà chị, là còn e bà chị ngại điều nguy hiểm, biết đâu sẽ ngăn trở công việc của chúng ta.

Tía nuôi tôi vội đỡ lời:

- Chú phòng xa như vậy cũng phải. Đàn bà nhà tôi còn mê tín dị đoan, tin có trời có phật. Nhưng về cái gan dạ thì... chú cứ tin lời tôi, bả⁽¹⁾ không thua anh em ta một bước nào đâu.

(1) Bà ấy.



- Vậy thì tôi có lỗi với chị Hai quá! - Võ Tòng nói một cách thành thật - Hôm nào tôi sẽ sang chơi, ta làm một bữa rượu để tôi tạ lỗi với bà chị của tôi mới được.

Tôi đã bước xuống cửi dây buộc xuống mà con vượn bạc má còn chạy theo ra cửa nhe răng nháy nhó, dọa tôi. Tía nuôi tôi đập đập tay vào lưng chú Võ Tòng:

- Xin đa tạ chú! Đa tạ chú!

- Có gì đâu, anh Hai. Vì nghĩa chung mà!

Tía nuôi tôi lưng đeo nỏ, hông buộc ống tên bước xuống xuống. Tôi cầm giầm bơi nhưng còn ngoái lên, nói với:

- Chào chú ạ! Hôm nào chú sang chơi, nhớ mang theo một con nai hay một con heo rừng be bé, chú nhé!

- Ồ, thể nào cũng có chứ! Chú nuôi đầy rừng, muốn con cỡ nào chú bắt cho đúng con cỡ ấy! - Chú Võ Tòng vẫy vẫy tay, cười lớn một thôi dài.

11

RỪNG CHÁY

Tía con chúng tôi bơi đi, ước độ hơn hai nghìn thước thì bị cạn, không bơi được nữa, phải dùng sào chống xuống lướt trên mặt bùn xám xấp nước.

- Năm nay rừng khô sớm đấy! Mọi năm, dạo này nước còn ngập ngang bụng. - Tía nuôi tôi vừa nói vừa rướn người thọc mạnh chân sào xuống tận lớp đất sét cái, hai tay nắm chặt đầu sào đẩy xuống trườn tới.

Chống đi một lúc nữa, gắp cái lung còn nhiều nước, tía nuôi tôi bảo tôi vác đồ lên bờ, rồi ông nhận xuống chìm xuống nước và vớt lục bình, vớt rong phủ lên để xuống khỏi bị nắng.

Quanh co trong rừng, chẳng biết đâu là đâu, thế mà chỉ chừng một giờ sau tía nuôi tôi đã dắt tôi ra đứng chỗ bụi cây tra chúng tôi ngồi nghỉ ăn cơm chiều bữa trước...

Những ngày nắng ráo như hôm nay, rừng khô hiện lên với tất cả vẻ uy nghi tráng lệ của nó trong ánh mặt trời vàng óng. Những thân cây trám vỏ trắng vươn thẳng lên trời, chẳng khác gì những cây nến khổng lồ, đầu lá rũ phất phơ như những đầu lá liễu bạt ngàn. Từ trong biển lá xanh rờn đã bắt đầu ngả sang màu úa, ngát dậy một mùi hương lá trám bị hun nóng dưới mặt trời, tiếng chim không ngớt vang ra, vọng mãi lên trời cao xanh thẳm không cùng. Trên các trảng rộng và chung quanh những lùm bụi thấp mọc theo các lạch nước, nơi mà sắc lá còn xanh, ta có thể nghe tiếng gió vù vù bất tận của hàng nghìn loại côn trùng có cánh không ngớt bay đi bay lại trên những bông hoa nhiệt đới sắc sỡ, vừa lộng lẫy nở ra đã vội tàn



nhanh trong nắng. Mùi hương ngòn ngọt như nước đầu của những loài hoa rừng không tên tuổi dầm vào ánh nắng ban trưa, khiến con người dễ sinh buồn ngủ và sẵn sàng ngã lưng dưới một bóng cây nào đó, để cho thú cảm giác mệt mỏi chốn rừng trưa lơ mơ đưa mình vào một giấc ngủ chẳng đợi chờ...

Tôi đã ngủ một giấc dài như vậy, sau khi tía con chúng tôi đã lấy mật đầy vào hai thùng sắt tây. Cái gùi bé của tôi cũng vừa chất vun gọn những bánh sáp trắng muốt mà tôi đã tỉ mẩn vắt thành những cục tròn tròn như trứng ngỗng.

Tôi ngồi tựa lưng vào một thân cây lá rậm xum xòa, lơ lơ nhìn những làn tơ nhện mỏng tang rung rung trong ánh nắng. Trong vắng lặng mệt mỏi của rừng đã xế chiều, mọi thứ tiếng động chung quanh tôi đều nghe như không rõ rệt, đều như bị nén lại, dùng đục không một chút âm vang, một thứ vắng lặng mơ hồ rất là khó tả. Tôi còn đang chăm chú lắng nghe tiếng quạt cánh của một con ong vàng mà không thấy nó đâu, thì bỗng nghe tiếng động cơ gào rú chuyển động rung trời.

Ba chiếc tàu bay của giặc Pháp bay vút qua bên trên khu rừng chúng tôi đang lấy mật. Chúng bay rất thấp, là là trên ngọn cây, khi tôi vừa kịp nghe thì chúng đã tới rồi. Ba con "công cộc" đen sì ấy vòng ra bờ sông, lượn trở lại, đảo mấy bận như vậy rồi bỗng nhiên nối nhau bay

đi mất. Một hồi lâu, lại nghe tiếng động cơ, và từ trên những chòm mây thật cao, chúng thành linh xuất hiện ra, đâm bổ xuống. Lửa chớp chớp. Súng liên thanh nã đạn xuống rừng nghe inh tai chất óc. Rồi hàng loạt bom nổ âm âm, chuyển động cả một vùng rừng ban nãy còn lặng phắc như tờ. Đất dưới chân tôi rung rinh như chực sụp xuống.

Ì... ì... ì... ì... ì... Ba chiếc tàu bay phóng pháo to tướng sơn màu trắng bay chậm rì rì thành một dọc dài, trông rõ cả hiệu cờ ba sắc dưới cánh, lừ lừ tiến đến.

- An ơi! Nằm xuống mau. Nó thả cái gì đen đen xuống kia. Nó thả... - Tía nuôi tôi chưa kịp nói dứt câu, vội đẩy tôi nằm gí xuống cỏ. Tôi đã có kinh nghiệm lúc còn chạy tản cư. Hai khuỷu tay tôi chống xuống đất đỡ bộ ngực lên, đầu cúi gằm xuống trước, tôi dán sát thân mình vào đất như con thằn lằn. Nếu có bom nổ gần cũng khỏi bị dội tức ngực vì sức chấn động. Phụt... Phụt... Phụt... Tiếng gì vậy? Sao không nghe tiếng nổ?

- Chắc là bom lép, đừng ngóc đầu dậy nghe con! - Tía nuôi tôi vừa bảo tôi như vậy; trong lúc tôi chưa kịp ngóc đầu lên thì bỗng nghe tía nuôi tôi hét một tiếng gọi: "An ơi!" Chưa bao giờ tôi nghe ông kêu to như vậy, một thứ tiếng kêu rưng rờ, đầy khủng khiếp kinh hoàng.

- Giặc đốt rừng, con ơi! - Tía nuôi tôi tay vớ chiếc nổ, tay lôi tôi nhồm dậy.



Một màn khói đen cuộn cuộn dựng lên trên dãy rừng dọc dài theo sông. Mùi dầu bay tới chỗ chúng tôi khét lẹt. Lửa đỏ đã bốc lên, vượt khỏi những cây tràm cao nhất ngoài phía bờ sông. Tiếng động cơ vẫn gào rú khủng khiếp trên đầu chúng tôi. Chúng không bắn nữa... Chỉ nghe tiếng phụt... phụt... Lửa cháy khắp bốn phía rồi. Tiếng sậy nổ lép bép nghe gần lắm. Gió quạt hơi nóng rừng rục đến tận chỗ chúng tôi.

- Làm sao khiêng hai thùng mật, tía ơi! - Tôi tiếc của, kêu lên.

- Chạy thoát thân đã! - Tía nuôi tôi vát cái nón đang đội trên đầu xuống, tay chỉ cầm chiếc nỏ lôi tôi chạy ngược hướng gió, nơi ngọn lửa bắt đầu tràn đến chúng tôi...

- Lửa đây ở đó... Đừng về phía đó, tía ơi!

- Thoát ra mau. Cố lên. May ra thì còn kịp...

Tía nuôi tôi thở hổn hển, vừa chạy vừa lôi tôi. Khói xông vào mắt cay xè, không mở ra được. Tôi cứ nhắm mắt chạy theo tía nuôi tôi, tay tôi nắm bàn tay ông chặt cứng, không dám rời ra. Hốt nhiên, tôi nghe có nhiều tiếng chân chạy dồn dập trên đất, như tiếng giày khua.

- Tía ơi, Tây đuổi sau lưng nhiều quá!

- Tây đâu mà Tây. Cứ chạy đi!

Mặc cho tía tôi quát, tôi vẫn cứ ngoái đầu trông lại. Trời ơi, không phải Tây. Trong khói mù nhô ra một con heo đầu đàn, cao gần bằng

con bò, lông gáy dựng ngược, mũi ngược lên thờ

phì phì làm cho hai cái nanh dài chỗ khóe mép vươn ra như hai lưỡi dao găm. Rồi vun vút tràn đến một bầy heo rừng, con lớn con bé tranh nhau chạy, sống lưng nhấp nhô tràn tới như một làn sóng mực. Nai co giò phóng bay qua những lùm cây thấp. Hươu, chồn bông lau, cáo mèo... tất cả những con thú bốn chân trong rừng đều nhắm mắt nhắm mũi tranh nhau chạy. Thỉnh thoảng một vài con gì không biết cứ chạy đâm bổ vào người chúng tôi. Chân tôi đạp lên một khúc lưng con vật gì trơn trơn, to như bắp chuối. Tôi bị hất một cái mạnh, lão đảo chúi tới trước. Một con trăn gió uốn lưng trườn tới, đầu cất cao hơn ngọn sậy, ngoằn ngoèo lướt hút vào bụi cây tràm um tùm. Lâu lâu lại gặp một con rắn to phóng ngược hướng gió, chắn ngang đường chúng tôi. Tía con tôi phải chạy tránh chúng, cũng có lúc cứ mặc kệ, nhảy bừa qua, bất chấp cả những đầu phồng mang dẹt dẹt đang lắc lư phun nọc phì phì. Khi, vượn, nhọ nôi cuống quýt kêu léc chéc trên cây. Một con vượn bạc má bỗng con nhảy xuống đất, cố chạy theo vết chúng tôi.

- An ơi! Gắng chạy nghe con. - Tía nuôi tôi không ngớt động viên tôi. Nhưng hai chân tôi cứ khuyu xuống.

Tía nuôi tôi lôi tôi chạy một lúc nữa. Lội qua hai cái lạch nước khá rộng, thì tai tôi đã nghe lũng bùng, mắt hoa lên. Trời đất quay cuồng chung quanh. Tôi cảm thấy mang máng rằng



lúc tôi gục xuống một bờ cỏ, tía nuôi tôi đã vực tôi công lên lưng. Cả người tôi bị xóc lên xóc xuống dữ tợn, rồi tôi không còn biết gì nữa.

12

CHẠM TRÁN VỚI HỒ

Khi tôi tỉnh dậy thì thấy mình đang nằm trên một đồng cỏ khô, dưới gốc cây sung rậm, lá che kín trời. Gió thổi làm những cành sung đong đưa, để lọt xuống một vài tia sáng xanh yếu ớt của những vì sao leo lét. Chim rừng kêu buông rơi từng tiếng một, từ một nơi xa thẳm nào. Không biết độ mấy giờ. Nhưng đêm chừng như khuya lắm.

Tía nuôi tôi thấy tôi tựa mình ngồi dậy, ông vội vàng đưa tay ra đỡ tôi nằm xuống:

- Con đã khoẻ lại rồi đó. Cứ nằm nghỉ đi con. Đừng ngồi dậy dễ bị choáng đầu lắm!

- Đây là đâu vậy tía?

- Xa lắm. Mình vào gần tới đầm lầy rồi!

- Lửa tắt chưa tía?

- Còn cháy. Nhưng xa lắm. Con cứ vững bụng. Chỗ này, lửa không cháy tới đâu. Còn khát không con?

- Khát lắm tía ơi!

- Con đã uống nhiều nước rồi đấy! Vì mệt quá, con bị ngất đấy thôi. Chẳng sao đâu. Để tía đi lấy nước cho con...

- Gần hay xa vậy tía?

- Đằng kia thôi. Con cứ nằm đây mà!

Trong ánh tối lơ mờ, tía nuôi tôi mò mẫm cởi chiếc túi da beo bên lưng ra, đưa vào tay tôi. Rồi ông đứng dậy bước sột soạt khuất dần trong bóng tối. Tôi ngồi phất lên, buộc ngay chiếc túi da beo vào lưng y như tía nuôi tôi. Bàn tay nắm chặt cán dao găm, tôi nhìn thẳng về hướng ông vừa đi.

Rừng khuya im ắng quá. Tiếng côn trùng tí tê tạt những chỗ mông lung nào, lâu lâu hốt nhiên nín bặt đi một lúc, càng làm cho bầu không khí vắng vẻ trở nên im lặng một cách đáng sợ. Hồi lâu, bỗng nghe có tiếng chân giẫm sột soạt trên lá khô. Tôi vừa mừng, vừa sợ.

- Tía về đấy hở tía? - Tôi vụt hỏi to lên.

- Ồ, tía đây. Có nước rồi đây, An ạ! - Tía nuôi tôi vừa đáp vừa đi dò từng bước đến chỗ tôi đứng. Hai tay ông bưng một chiếc lá môn đựng đầy nước.

Tôi kê miệng vào chiếc lá, uống ừng ực một hơi. Nước ngọt lắm, chỉ hơi có chút vị bùn và phảng phất mùi cỏ, nhưng tôi uống vào tới đâu thấy mát rượi tới đó.



Tía nuôi tôi nhồi thuốc lá vào tẩu, bật lửa lên đốt hút mấy hơi dài. Ông đặt chiếc nỏ lên đùi, vừa ngồi hút thuốc vừa cầm một nhánh cây nhỏ quơ qua quơ lại đuổi muỗi chùng quanh. Tôi nằm xuống đóng cỏ, chân tay mình mảy đau nhức như dằm. Tôi lơ mơ nhớ lại trận cháy rừng khủng khiếp vừa qua. Không biết má nuôi tôi, thằng Cò và cả con Luốc nữa... ở nhà có xảy ra chuyện gì nguy hiểm không? Đêm nay, tía con chúng tôi còn chưa về, chắc má nuôi tôi và thằng Cò ở nhà lo lắng... Tôi vừa chợp mắt thiiu thiiu ngủ, bỗng nghe tía nuôi tôi gọi "An!" một tiếng cộc lốc, bàn tay ông nắm lấy tay tôi lôi phắt dậy.

- Trèo lên cây sung mau đi, con!

- Cọp... hổ tía? - Tôi vụt tỉnh hẳn, hỏi ngay.

- Ừ, mau đi. Nghe tiếng con chim lệnh kêu rồi!

Tôi ôm cây sung trèo lên. Mọi ngày tôi trèo nhanh như sóc, nhưng giờ đây tay chân cứ trượt mãi không bám vào thân cây trèo lên được. Tía nuôi tôi đưa bàn tay lên đỡ gót chân tôi, để tôi lấy tựa. Tôi trèo bên trên, ông trèo bên dưới. Gần tới một chạc ba, ông rướn người lên để tôi đạp chân vào hai vai ông, đu người phóc lên. Tôi đã có thể chuyển trên các nhánh cây, lần lên cao một mình được rồi. Tía nuôi tôi ngồi lại chỗ chạc ba, tay cầm nỏ đưa mắt xuống quan sát.

Chúng tôi vừa ngồi yên chỗ trên cây thì nghe tiếng con chim thiêng vắng tới. *Boong...*

boong... kroỏi...kroỏi! Boong... boong... boong... kroỏi...kroỏi... Tiếng con chim lênh kêu một hồi dài, cả rừng im bật. Tôi bám chặt hai tay vào một cành cây. Tiếng *boong... boong... kroỏi...kroỏi...* âm vang rất xa, dường như một thứ tiếng ngân vang kim loại, một thứ tiếng đồng tiếng sắt xé tan màn đêm, làm thức tỉnh và kinh hoàng tạo vật.

"... Nó bay kêu chỗ nào, có cọp tới ngay chỗ đó. Nó là con chim ma dất đường! Những oan hồn bị cọp ăn, nhập vào con chim, đưa đường cho cọp đi tìm bắt người khác... Có hồn khác tới thay thế thì những oan hồn kia mới đi đầu thai được!" Má nuôi tôi đã bảo như vậy. Thằng Cò vốn sẵn sàng tin ngay mọi thứ chuyện ma quỷ, vậy mà không hiểu sao bạn đó là lần thứ nhất tôi nghe nó cãi má nuôi tôi:

- Bịa đấy! Làm gì có! - Thằng Cò cười cười, vênh mặt lên. - Con cọp nào lại không ăn thịt sống? Nó ăn nhiều thịt quá, thịt thối mắc trong chân răng, làm cọp ta đau nhức. Hễ nằm đâu là nó há họng cho con chim đó mổ thịt lôi ra. Nó là con chim bản, chuyên ăn thịt thối, ăn giòi bọ trong miệng cọp. Con cọp đi đâu, con chim theo đó như con nhông con sáo đi theo trâu vậy, chứ có gì mà sợ nó!

Má nuôi tôi nổi giận ngay:

- Nè, trứng chẳng khôn hơn vịt đâu. Mà học cái sách nào đó của ai mà toan dạy khôn tao thế, hử Cò?



Thằng Cò chẳng những không hãi, mà còn nhe răng cười hi... hi...

- Chú Võ Tòng bảo con vậy đó, má ạ!

Má nuôi tôi vung tay làm một cú chỉ phản đối yếu ớt:

- Ôi, thằng cha đó thì trời cũng không sợ. Cọp vật hấn còn không chết thì hấn còn sợ ai nữa! Nói cứ ngang như cua!

Dẫu thế nào mặc lòng, nó cũng vẫn là con chim "báo hiệu của Thần Chết". Tiếng *Boong... boong... kroỏi...kroỏi...* vang dội trong rừng khuya có một ma lực đáng sợ, khiến tôi nghe một lúc bỗng nổi gai ốc khắp người. Khi gần khi xa, tiếng chim hình như cứ lảng vảng trong khu rừng này, chẳng chịu bay đi.

- Tía ơi, lên đây với con! - Tôi gọi khê thôi, chẳng dám gọi to.

- Ừ, tía lên ngay! - Tía nuôi tôi đeo nỏ vào lưng, trèo lên chỗ tôi ngồi. Ông cởi chiếc khăn bịt đầu ra, vòng ngang bụng tôi, buộc mắc vào nhánh cây. - Thế cho khỏi ngã, con ạ!

- Lửa còn cháy đủ quá, hở tía?

- Ừ, còn cháy nhiều...

Xa lắm, ánh lửa còn bùng lên nhiều chỗ. Có chỗ trông rõ cả ngọn lửa bốc cháy trên đầu ngọn cây. Một vùng chân trời rực đỏ. Xa xa có những bầy chim lượn vòng trên cao, kêu líu ríu. Có lẽ chúng đang ngơ ngác không tìm về được

nơi rừng xưa tổ cũ, nên cứ lượn mãi giữa trời kêu bi thiết đấy chẳng?

Bây giờ bụng đói cồn cào, tôi mới tiếc hai thùng mật và gùi sáp ong non... Đói cũng chẳng sao. Chỉ lo mất lối về. Tôi lại nhớ tới cái địa bàn có cây kim lúc nào cũng quay quay chỉ về phương bắc. Nhưng đã có tía nuôi tôi thì còn lo gì chuyện lạc rừng! Chà, lúc này mà có con Luốc ở đây thì mình cũng không đến nỗi sợ lắm... Tôi đang mơ mơ màng màng, bỗng giật nảy người! Không có chiếc khăn an toàn của tía nuôi tôi buộc tôi vào cành cây, có lẽ tôi đã rơi xuống đất.

Tiếng *Boong...! Boong...! Kroỏi... Kroỏi!* kêu vang dội ngay sát dưới chân tôi. Tía nuôi tôi nạt một tiếng: "Cọp", tiếng nạt dội vang rừng. Con chim vụt bay mất. Có một mùi khét lẹt và tiếng chân sột soạt trên lá ở ngay dưới gốc cây.

Tôi quên mất cả đói, quên mất chuyện lạc rừng, cứ hồi hộp nhìn vào tất cả những chỗ nào có bóng tối đáng nghi ngờ. Bỗng nhiên tôi nhớ ngay đến một đêm, má nuôi tôi ngồi đan giỏ bên bếp lửa đã kể cho chúng tôi nghe một câu chuyện về "ma cọp".

"... Đừng tưởng không có ma. Mấy mươi năm về trước, có vợ chồng nhà thợ rừng nọ dắt đứa con trai chống thuyền vào rừng đốn củi. Thuyền đi dưới rạch, con cọp đi theo trên bờ, trong khi đó chị vợ cứ đòi dừng thuyền lại cho mình lên bờ đi đại tiện. Người chồng và đứa con



hải quá, phải khua thùng thiếc âm ỉ, hò hét đuổi cọp đi. Một chốc sau lại thấy nó leo đèo theo thuyền, mà người đàn bà thì cứ nằng nặc đòi nhảy lên bờ. Người chồng phải lấy dây trói vợ lại. Khi họ tới chỗ lấy củi, bấy giờ người chồng mới tháo dây, cởi trói cho vợ. Và người vợ cũng thôi, không thấy buồn đi đại tiện nữa! Cả ba người lên bờ nhặt củi từ sáng đến trưa, chẳng việc gì. Tưởng là cọp đi rồi. Ai ngờ vào lúc mặt trời gần lặn, con cọp bỗng xỏ ra cắn đứt cuống họng người đàn bà. Người chồng và đứa con vung rựa xông vào cướp thây, chém trúng con cọp mấy nhát, nó mới chạy đi. Trời tối đến nơi, mà bấy giờ nước triều cũng xuống cạn sát lạch, không đẩy thuyền ra được. "Con cọp này sẽ trở lại xé nát thây vợ ta thôi! Số vợ ta đã đứt cũng đành. Lẽ nào nữ để chết rồi mà thi thể chẳng giữ được vẹn toàn?" Người chồng nhìn xác vợ, buồn rầu nghĩ vậy. Chôn thì cọp đến móc mả. Để dưới thuyền tất nó sẽ nhảy xuống phá thuyền. Anh ta đành buộc thùng rút xác vợ treo lên cây mắm khô giữa khoảng đất trống, chờ sáng mai nước triều lên, sẽ đưa xác vợ xuống thuyền chở về mai táng. Hai cha con đốt một đồng lửa to tướng dưới gốc cây mắm khô, trước khi trèo lên một cây khác ngồi chờ bình minh tới. Con cọp cứ quanh quẩn kêu "béo... béo..." trong những lùm bụi chung quanh. Về khuya, sương xuống mịt mù, đồng lửa mỗi lúc lụi dần rồi tắt hẳn. Trong ánh trăng xanh lạnh

ngắt, người chồng thấy con cọp cứ chạy vòng quanh gốc mấm, lâu lâu lại đứng dựng hai chân sau lên như người, còn hai chân trước thì vối vối cào cào gốc cây mấm khô. Mỗi lần nó đứng lên, cái thây ma treo trên cành cây lại cười hắc... hắc...

Tía nuôi tôi đang xe gai bên chõng, nghe thế bèn dừng lại "hừ" một tiếng:

- Bà khéo nhất trẻ con! Xưa nay, chuyện cọp theo bén cái thây nó đã vô thì có. Ừ, mang thây về nhà rồi nó cũng theo kêu "béo... béo" sát bên hè suốt đêm. Còn cái chuyện thây ma cười cũng có. Nhưng sự thật thì không phải vậy!

- Có mà lại không phải! Vậy ông cứ nói "không" có dễ nghe hơn chẳng? - Má nuôi tôi hứ một tiếng, ngó sang phía khác, không muốn nghe lời tía nuôi tôi giải thích.

- Có cười... nhưng không phải cái thây ma cười. Mà có giống chim khắc ăn đêm, thường đáp trên cây khô bắt tắc kè, bắt thằn lằn, hoặc bắt chuột. Tình cờ nó đáp đúng cái cây có treo xác người. Thấy cọp chồm lên, con chim kêu "khắc... khắc... " thì mình cho là thây ma cười. Nó kêu hết như tiếng cười vậy. Người yếu bóng vía đi rừng ban đêm, nghe con chim khắc kêu, có khi sợ vãi cứt ra quần đấy.

- Thế tại sao biết có con cọp trên bờ, mà người đàn bà cứ đòi nhảy lên nộ mạng cho nó? Không phải đã tới "sô" rồi à? - Má nuôi tôi vẫn chưa chịu thua, còn vặn lại.



- Lúc bấy giờ, có bà ở đó à? Đó là người ta bịa, người ta thêm nhân thêm nhị cho câu chuyện có vẻ thật, dễ tin...

- Ông không tin thì mặc ông. Tôi cứ tin!

- Bà cứ tin thì tùy bà! Nhưng đừng có tập cho con cái nó quen sợ hãi những chuyện vô lý như vậy.

Má nuôi tôi lặng lẽ cúi xuống đan giỏ, không nói gì nữa. Không biết có phải vì tốt nhin mà má nuôi tôi không cãi nhau với tía nuôi tôi nữa hay không? Nhưng câu chuyện hấp dẫn của má nuôi tôi đã bị chấm dứt đột ngột ở chỗ đó, làm thằng Cò và tôi tuy không tin nhưng đứa nào cũng ức...

Tía nuôi tôi vẫn ngồi trên một chạc cây, tay cầm chiếc nỏ. Tôi thấy sương bắt đầu thấm lạnh trên vai áo.

- Tía ơi!

- Gì thế, con?

- Nó ngồi dưới gốc cây đó!

- Ừ, tía thấy rồi... Đừng sợ, con ạ!

Trong bóng tối đen ngòm phủ kín một vùng rộng dưới gốc cây sung, có vài mảng sáng lờ lờ. Ở một chỗ sáng xanh nhờ, có một cái đuôi cọp vẩy qua vẩy lại. Con cọp núp khuất đâu trong bóng tối, chỉ thấy có khúc đuôi của nó thôi.

- Bắt nó đi, tía! - Tôi nén giọng run run giục tía nuôi tôi.

- Nó không phóng lên tới chỗ này đâu. Mặc kệ nó con ạ!

Tôi bỗng nghĩ đến chú Võ Tòng với tất cả tấm lòng triu mến và kính phục vô hạn. Trong đầu óc tôi bây giờ chỉ có hình ảnh chú ấy là người anh hùng xuất chúng thôi. Nhất là nỗi thuốc đen nhánh sôi ục... ục... trên bếp lửa đêm qua. Đầu mũi tên tầm độc từ nồi thuốc đó đang nằm chắc trong tay tía nuôi tôi đây mà. Tôi không còn sợ con vật đang ngồi rình chúng tôi ngay dưới gốc cây sung kia như lúc nãy nữa.

- Chết cha mày, con cọp! - Tôi quát to lên một cách bất ngờ.

Con cọp giật mình phóng soạt ra tận ngoài một lùm xa. Bấy giờ trống ngực tôi mới bắt đầu nổi lên, vì khoái trá cũng có, vì mừng cũng có, mà có lẽ vì cái sợ chưa tan hết cũng có.

- Sao hồi nãy tía không bắn cho nó một phát tên?

- Chỉ còn có ba phát thôi, con ạ! Rơi mất hết mười bảy chiếc lúc tía công con chạy đi. Có lẽ bị vướng cành cây, tía không hay.

- Vài hôm nữa mình lại về xin chú Võ Tòng, lo gì!

- Tía đang lo nghĩ về chú ấy nãy giờ đây. Ngồi lều của chú chắc chắn đã bị thiêu hủy rồi...

- Thế tại sao tía không bắn?



- Tía đã nói là còn có ba phát thôi mà. Chưa cần lắm thì mình chưa dùng. Còn để phòng thứ nguy hiểm hơn...

- Con gì mà nguy hiểm hơn cạp hổ tía?

- Thằng Tây chứ con gì nữa!

Tía nuôi tôi chỉ đáp gọn lỏn như vậy, rồi ông lặng lẽ thở dài.

13

CÁI CHẾT CỦA VÕ TÔNG

Ba hôm sống trong rừng. Ban ngày hái trái bình bát tìm mật ong ruồi ăn đỡ dạ; ban đêm chúng tôi trèo lên những cây to, tìm chạc ba tựa lưng thật vững, buộc người vào cành cây, ngủ đến sáng. Tía nuôi tôi nóng lòng sốt ruột, cứ độ nửa buổi lại trèo lên một cây thật cao xem lửa ở các khu rừng đã cháy lụi hết chưa.

- Có thể đi lần ra hướng bờ sông được rồi đấy con ạ!

- Đi lối nào bây giờ, tía?

- Lối nào cũng tới. Nước trong rừng bao giờ cũng đổ ra sông. Cứ men theo bất cứ con lạch nào, theo hướng nước chảy của nó thì đi tới sông thôi...

Tía con tôi dắt nhau lội theo những khe nước chảy, đến gần hết một ngày hôm sau nữa mới thấy những rặng cây quen thuộc lơ mờ hiện lên trong làn hơi nước, báo hiệu dòng sông êm ả của xứ rừng U Minh đang trôi qua nơi đó. Chúng tôi giẫm lên những lớp tro dày còn nóng, tìm dò mãi mới đi tới chỗ cái lung còn nước, nơi tía nuôi tôi đã nhận chiếc xuống hôm nọ. Chung quanh tôi, đen hắc một màu cây cối đã cháy thành than. Những con rùa, con cần được⁽¹⁾ bò qua trắng cỏ trốn chạy vào nước không kịp, bị lửa đốt cháy còn trơ lại những cái mai như nổi đất úp lổm ngổm trên tro tàn. Một khối than khổng lồ còn giữ nguyên hình gốc cây, đang âm ỉ bốc khói bên cạnh chỗ chúng tôi giấu xuống. Lục bình, rau mác dưới lung bị lửa tấp cháy rụi lớp lá bên trên, phần chìm dưới nước thì bị nước nóng luộc chín cả. Xác cá, tôm, xác rắn trương phình trên mặt nước phủ đầy tàn tro, bốc lên một mùi thối khắm nhức cả óc.

Tôi cởi truồng lội xuống lung, vớt lớp xác lục bình cháy queo trong chiếc xuống ngâm nước, vớt lên bờ rồi lắc xuống tát nước ra.

- May quá, nhờ phòng nắng nẻ be mà chiếc xuống của tía con mình khỏi cháy, tía nhỉ! - Tôi lội mò dưới nước tìm nhặt đủ cả: giẫm, sào, ván sập, không mất món nào.

(1) Một loại rùa sông, to cỡ cái rổ, mai đen khum khum như hình cái mũ sắt.



Chúng tôi hì hục chống chiếc xuống theo con lạch cạn, đi lần ra hướng bờ sông. Từ ngoài rừng cây xa lác chỗ bờ sông, vang lên một tràng tiếng súng liên thanh pập... pập... và sau đó còn nghe rõ ràng tiếng súng trường bắn loạn xạ một hồi lâu.

- Có thể... giặc đã đổ bộ vào xã mình rồi, con ạ! - Tía nuôi tôi lo lắng.

- Làm sao bây giờ, tía?

- Về nhà xem ra sao, chứ làm sao cái gì!

Chúng tôi lại lặng lẽ chống xuống đi. Hai bên bờ lạch xám ngoét một màu tro. Ngôi lều của chú Võ Tòng lấp mất trong lớp than màu tro, nếu không có những khúc cây tràm xếp lên nhau làm bậc thang còn chìm ở mé nước thì tôi không thể nào nhận ra dấu vết của ngôi nền cũ.

Xế chiều hôm đó, chúng tôi mới ra đến bờ sông. Khu rừng bên tả ngạn vẫn còn đứng xanh rờn, soi bóng những cây tràm bạc thếp trên dòng nước lờ đờ. Tôi nhảy xuống sông tắm qua loa rồi trèo lên xuống mặc quần áo. Tía nuôi tôi không giục tôi một tiếng nào cả, cũng không lấy thuốc lá ra hút. Ông ngồi êm rơ, mắt đắm đắm nhìn xuống dòng nước. Phút yên lặng trầm mặc bất ngờ của ông lây sang tôi tức khắc. Mấy hôm nay, nóng lòng sốt ruột bao nhiêu thì bây giờ khi sắp về đến nhà, tôi lại như muốn kéo dài thời gian ra, như muốn đi chậm lại bấy nhiêu. Không biết có phải đó là bản năng hèn yếu của con người, trong phút

giây nào đó bỗng bất ngờ nổi lên, khiến mình trù trù, như sợ phải sớm chứng kiến quang cảnh đau lòng có thể xảy ra cho những người thân yêu nhất của mình chăng?

Một lúc sau, không ai bảo ai, tía con chúng tôi mỗi người cầm lấy cây giầm của mình bơi đưa chiếc xuống qua sông. Mặt sông vắng ngắt. Dòng sông như thẳm lại và rộng thêm ra. Một thứ không khí lạnh lẽo chết chóc, rờn rợn trùm lên mặt nước.

Đã trông thấy một đám người lão nháo bên kia bờ sông, dưới ánh mặt trời tà. Chúng tôi quạt mạnh tay giầm, đưa xuống rẽ nước lao nhanh về hướng ấy. Từ bờ phía đó, một chiếc tam bản hai chèo đang chèo ra, ngược lên dòng nước; khi nhận ra chúng tôi, người đàn ông đứng sau lái bèn vung tay la lên:

- Bác Hai đó hả? Bác ơi, giặc bắn chết Võ Tòng rồi! Vừa đem được xác về lúc nãy...

Tía nuôi tôi kêu "Trời!" một tiếng. Ông đứng nhô lên lái xuống hỏi bằng giọng run run:

- Vậy chú có gặp... bà nhà tôi và thằng Cò ở đâu không?

- Bình yên. Bình yên cả. Tôi vừa gặp bác gái ban trưa đây. Tội nghiệp, bác khóc sưng cả mắt. Cứ lo trận cháy rừng...

Tía nuôi tôi thở phào một tiếng. Bấy giờ, tôi mới khua giầm hỏi to:

- Giặc ở trên tàu bay bắn xuống hồ chú?



Người đàn ông đang chèo chiếc tam bản trở mắt nhìn qua xuống chúng tôi một lúc rồi mới nói:

- Không hay biết gì cả à? Giặc vào đóng chốt tại Cây Gừa rồi!

- Chú đi đâu đó? - Tía nuôi tôi, hỏi.

- Đi nhắc hàng⁽¹⁾ cho Võ Tòng đây. Bác lên vuốt mắt ông ấy thử coi... Tội nghiệp, chết rồi mà cặp mắt vẫn không chịu nhắm lại... Lát nữa, tôi sẽ quay về ngay thôi.

- Nhanh tay lên, con! - Tía nuôi tôi giục.

Tôi có cảm giác như tự chiếc xuồng đang lao nhanh vào bờ, chứ không phải do mình đang dốc lực bơi đi. Tôi chưa kịp buộc xuồng vào một gốc cây thì tía nuôi tôi đã nhảy phóc lên, chạy đến chỗ đám người xúm xít đứng vòng quanh trên một bãi cỏ.

Khi tôi lên tới nơi, lách qua mấy người đứng bên ngoài, chen được vào trong thì thấy tía nuôi tôi đang quỳ xuống bên cái thây đắp bằng mấy tàu lá chuối. Hai bàn chân người chết lộ ra ngoài mé lá; vết bùn đóng trên mấy đầu ngón chân hầy còn ướt ướt. Lão Ba Ngụ mặt dăm chiêu, đứng phía sau đầu người chết có cắm mấy nén hương cháy. Thấy tôi, lão hất hàm một cái, dường như ra ý hỏi: "Mày cũng ở đây à?" rồi lão lại đứng lặng yên trở về với cái dáng thiếu não và bộ mặt rầu rĩ ít thấy có ở lão xưa.

(1) Mua áo quan. Ở Nam Bộ, không gọi "áo quan" mà gọi là "hòm" hoặc là "hàng". Khi đã liệm xác vào rồi thì gọi là quan tài.

nay. Tía nuôi tôi run run đưa bàn tay to lớn dầm dầy mồ hôi ra cầm một tàu lá chuối nhấc lên. Đôi mắt chú Võ Tòng vẫn mở trừng trừng như lúc còn sống, ngồi bên nồi thuốc ở giữa lều một đêm khuya. Bộ ngực to lớn bị đạn bắn thủng năm sáu lỗ, máu đọng đen sì trên những vết thương càng làm nổi bật lên bảy chữ: "Ninh thọ tử, bất ninh thọ nhục" bằng quốc ngữ xăm một cách nắn nót theo lối cổ tự, giữa hình một quả tim có con rồng cuộn khúc bao quanh. Con người bị áp bức ấy, lúc sống đã uốn ngực mình ra cho anh em bạn tù cùng khổ thích vào da thịt những chữ xanh lè để nêu lên một phương châm sống: *"Thà chịu chết, quyết không chịu nhục"*, giờ đây đã nằm xuôi tay trên bãi cỏ, nhưng đôi mắt hãy còn chưa chịu khép lại.

Tía nuôi tôi nhìn vào mặt cái xác, khấn to, như gọi hồn người chết về chứng kiến lời mình:

- Võ Tòng ơi! Vong hồn chú sống khôn thác thiêng, cho tôi vượt mắt chú nhắm lại đi. Đừng để bà con thấy thêm đau lòng...

Bàn tay tía nuôi tôi từ từ đặt lên đôi mắt đại đờ. Chung quanh im phăng phắc. Tía nuôi tôi để yên bàn tay như vậy khá lâu, và khi ông từ từ vuốt mí mắt xuống thì đôi mắt của người chết vừa rồi mở trừng trừng quả nhiên đã khép lại.

Mọi người "ồ" lên một tiếng, và bấy giờ tiếng thì thảo mới bắt đầu nổi lên. Tôi ngạc nhiên



quá đổi. Không hiểu sao những lời khấn vừa rồi lại có thể "ứng nghiệm" lạ lùng như vậy được.

Lão Ba Ngù đưa tay quạt một giọt nước mắt, cúi xuống đắp tào lá chuối lên mặt cái xác. Theo lời những người chung quanh thì lão là người độc nhất chứng kiến cái chết anh dũng của Võ Tòng. Sau khi chiếc ca-nô địch chạy qua, còn chưa khuất lái, lão đã lặn ngay xuống sông vớt xác Võ Tòng lên, và mặc cho máu me còn đầm đìa rỏ xuống ướt cả người, lão cứ thế vác đi một quăng mới gặp xuống gọi chỗ về đây. Còn như sự thể đã diễn ra như thế nào thì không nghe ai nói. Dường như mọi người đều biết cả rồi. Chỉ có tía con chúng tôi mới đến là còn chưa rõ.

Người đàn ông chèo chiếc tam bản trên sông lúc nãy đã quay về, chở theo một cái "hòm". Trên tam bản còn thấy có ông chủ nhiệm thôn bộ Việt Minh vai đeo khẩu súng hai nòng, và một anh thanh niên mặc quần đùi, cởi trần, đáng chừng là người theo phụ giúp việc khiêng vác.

Huyệt mả đã đào xong gần ngay đấy. Cuộc nhập quan tài cũng hết sức giản đơn và nhanh chóng. Người ta đặt xác vào quan tài, và mọi người chung quanh đứng cúi đầu vĩnh biệt người anh hùng của xã lần cuối, trước khi đóng nắp áo quan. Không một tiếng khóc. Không một bài điệu văn nhỏ, hoặc một người nào đó đứng ra nói mấy lời về cái chết anh dũng của

người còn nằm đây. Đó là điều làm cho tôi xốn xang, bứt rứt không chịu nổi. Trên những gương mặt sạm đen dãi dầu nắng gió của họ, tôi không tìm ra một nét nào là biểu hiện của bi thương. Cho dù là dáng vẻ bề ngoài, một sự bi lụy thông thường bao giờ mà chả cần có ở một đám đưa ma? Trên những gương mặt bất động dường như chạm bằng đá kia, chỉ có những cặp mắt là chói ngời, khiến tôi không dám nhìn thẳng vào họ.

Khi quan tài đặt xuống, ông chủ nhiệm thôn bộ Việt Minh là người ném hòn đất xuống đầu tiên, rồi bước ra ngoài nhường chỗ cho người khác. Mỗi người cầm một hòn đất bước đến bỏ vào huyệt mả. Trong lúc ai nấy đang loay hoay lo lấp huyệt, bỗng nghe "đoàng... đoàng..." hai tiếng nổ bên tai. Ông chủ nhiệm thôn bộ Việt Minh đã bất thần bắn lên hai phát súng chào không dự định trước. Một tay ông cầm khẩu "ca-líp đùi" hai nòng bốc khói xanh, một tay giơ lên trước huyệt, bộ ria đen nhánh rung rung:

- Chú Võ Tòng! Đồng bào sẽ trả thù cho chú!

Tất cả những cánh tay nhớp nháp bùn đất của người đứng chung quanh huyệt mả cùng giơ tay thẳng lên trời. Họ gào lên như tiếng súng vừa nổ bất thành linh: "Trả thù!" Hồi âm từ trong rừng xanh vọng lại hai tiếng: "Trả thù" âm vang trên mặt sông chiều đỏ rực một màu máu. Bầu không khí nhiễm đặc mùi thơm nồng của khói thuốc súng như rung lên, và sự



im lặng lại trở về xâm chiếm đầu óc tôi, một chú học sinh bé nhỏ vốn ở thành phố, chưa từng bao giờ trông thấy một cuộc tổng táng tràn đầy phần mộ như vậy.

Những người còn nấn ná sau cùng bên ngôi mộ mới đắp xong là lão Ba Ngù, tía nuôi tôi và tôi. Khi thấy lão nhận lời mời "về ở chơi vài bữa" của tía nuôi tôi mà không một lời từ chối, tôi lập tức thấy cái tính không khách sáo của lão thật là đáng yêu biết chừng nào.

Vào khoảng hơn bảy giờ tối hôm ấy thì chúng tôi về đến nhà. Tôi không chú ý tới sự mừng rỡ của má nuôi tôi và thằng Cò. Cả những câu hỏi đầy âu yếm và lo lắng của bà, tôi cũng chỉ nghe có một bên tai và trả lời qua loa cho xong về trận cháy rừng. Tôi đang nóng lòng sốt ruột, muốn nghe lão Ba Ngù kể lại cái chết của "người đàn ông cô độc giữa rừng" mà lão là người độc nhất được chứng kiến. Thế mà lão lại ngồi uống trà nhâm nhi với tía nuôi tôi, và nói những chuyện con cà con kê gì ở đâu đâu. Sự hy sinh anh dũng của Võ Tòng có làm cho má nuôi tôi buồn thương giây lát, nhưng dầu sao cái việc chồng con vừa thoát chết trong trận cháy rừng về tới nhà, và sự có mặt của một ông khách vốn là chỗ có đôi chút quen biết trước với chồng mình - mà tất cả đều chưa ăn uống gì - khiến bà bận lên trong công việc lo cơm nước đãi khách một cách vui vẻ.

Nghe má nuôi tôi bảo thằng Cò bơi xuống sang xóm bên mua thêm rượu, và tiếng vịt bị cắt tiết kêu cạp... cạp... sau bữa, tôi càng yên trí ngồi hóng chuyện bên tía nuôi tôi. Tôi giành cho mình cái quyền được nghỉ ngơi sau mấy ngày vất vả, và tự thấy mình như một người con trai lớn, có thể đường hoàng cùng ông bố ngồi tiếp chuyện với khách vậy.

- Chúng nó bắt được tôi trong lúc tôi có hơi quá chén, anh Hai ạ. - Lão Ba Ngủ e hèm mấy tiếng, cười cười nhìn bố nuôi tôi. Có bao giờ lão nhận là lão say đâu! - Chẳng là tôi đưa vợ con tản đến ở nhờ nhà một người bà con ở Kim Quy Đá Bạc, vừa quá giang xuống về đến xã này thì gặp giặc đổ bộ vào. Cái thằng chủ xuống chết tiệt, nó mới cùng uống rượu với mình, thế mà lúc nguy biến, nó đạp xuống nhảy lên bờ chạy tháo mạng, bỏ mình nằm trơ như con lợn quay cho giặc xách đi mới ức chứ! Chúng nó dắt tôi về tới một ngôi miếu khá lớn...

- Ngôi miếu chỗ cây gừa, gần ngã ba sông? - Tía nuôi tôi gật gù vừa như hỏi lại vừa như kết thúc cho xong câu ngắc ngứ của ông khách lễ mễ.

- Phải rồi. Đúng là chỗ đó! Chà chà, nó đã bắt nhiều người ở đó rồi. Đang đắp phòng tuyến đóng chốt mà! Chúng nó vớt cho tôi một cái xẻng rồi ra lệnh cho tôi đào đất. Có một thằng mặt gà mái, khom lưng xúc đất, bảo khê tôi:



- Làm cẩn thận nghe ông nội! Nó vừa mới đánh mấy người suýt chết đó!

Lúc bấy giờ, tôi có say đâu! Nhưng không biết tay chân xệu xạo cầm xẻng gục tới gục lui thế nào, mà một thằng Việt gian cầm roi gân bò vẩy vẩy tôi lại. "Chà. Mày muốn thử tấm da bò trên lưng lão à? Thôi thôi. Cái trò này đối với lão chẳng ra mùi đâu!" Tôi nghĩ như vậy và sẵn sàng chịu cho nó quật một trận. Thằng Việt gian lùn tịt ngược lên nhìn bộ mặt vênh váo của tôi, nó hỏi:

- Ở xã nào?

- Ở đâu... Còn ở đâu nữa... ở ngay đây thôi! - Tôi đáp liều mạng như vậy.

Tưởng nó nện tôi rồi chứ! Nhưng mà không. Chẳng những không động đến cái lông chân của tôi, mà nó còn toét mồm ra cười, móc thuốc lá cho tôi hút. Lại đánh diêm cho tôi châm lửa cẩn thận!

- Số của ông tới rồi, biết chưa? - Nó nói như quát, bộ nó tưởng tôi điếc hay sao ấy!

À, hóa ra nó còn đùa chơi, nó còn cho mình một điếu thuốc trước khi đem bắn mình đây. Nói có hai bên vai làm chứng, thực tình thì tôi có hơi ớn xương sống, rùng mình một cái, nhưng tôi không sợ nó. "Bắn lão à? Được. Cứ hút cho hết đã. Thong thả đã, vội gì. Trước khi người ta vĩnh biệt cõi đời để không bao giờ trở lại gặp mặt vợ con, bạn bè nữa, thì việc gì mà phải vội!" Tôi nghĩ vậy. Thằng Việt gian đứng

chéo chân, mặt như hai ngón tay chéo, nheo mắt nhìn tôi hút hết điếu thuốc một cách kiên nhẫn, đầy soi mói. Cái lưng gù gù của nó càng khom tới trước, giống như con mèo rình chuột. Không biết nó phục tôi hay rửa tôi.

- A-lê! Đi! - Nó quát.

Chắc mềm nó bắn mình rồi! Tôi sắp sẵn mấy câu khẩu hiệu hô trước khi chết cho đúng tư thế một người chiến sĩ. Ha... ha... Mỗi thước đất là một chiến hào, mỗi người dân là một chiến sĩ mà! Chắc nó đem bắn mình ở ngoài mé sông kia. Hóa ra nó dắt tôi vào miếu, đến trước chỗ thằng Tây đang ngồi uống rượu trên một cái bàn thờ mới cướp đầu về. Thằng Việt gian xì xồ nói gì một lúc với thằng Tây. Rồi thằng Tây thân hành rót một cốc rượu đưa tận tay tôi, ra hiệu bảo tôi uống. Mẹ kiếp, rượu gì mà nhạt thếch!

- Số ông đưa tới... chỗ có bạc xài. Lại có rượu uống thả của rồi đấy, ông nội ạ! - Thằng Việt gian đập đập khê cái roi vào lưng tôi, nói giọng mơn trớn.

Rồi chúng nó đồ tôi làm chỉ điểm! Mả mẹ nó, lúc này nghĩ nó sắp đem bắn mình, tôi không chút nao núng. Sao giờ nghe chúng nó nói thế, tôi lại phát nổi gai ốc đầy mình? Tôi tỉnh lại ngay tức khắc. Trời ơi, bây giờ tôi mới biết những thằng rượu chè be bét, những thằng trác táng truy lạc, giặc coi như là dân "bồ bịch" của nó đấy! Thằng Việt gian trải một tấm bản



đồ ra bàn, hỏi tôi: đây là con kênh gì gì, con rạch gì gì, xóm này là nhà ai, nhà ai... Cha chả, mình đã lỡ nói mình là dân xã này, mà bảo không biết thì nó đánh tan xác. Tôi cứ gật bừa, chứ nào có biết trời trăng gì đâu! Nó đưa cho tôi một cái giấy xanh xanh, bảo tôi quấn lại như đầu đũa nhét vào lưng quần, hễ có bị Tây nào khác bắt thì cứ móc đưa ra. Bảo gì tôi cũng gật. Nó rót thêm cho tôi cốc rượu nữa, và nhét vào túi tôi một trăm đồng bạc, dặn rằng: "Hễ thấy có Việt Minh, có du kích ở đâu thì lập tức về báo ngay cho quan lớn biết. Sẽ hậu thưởng. Nhớ chưa?" Tôi gật gật... Ra khỏi miếu chừng trăm thước, tôi vạch quần đái một bãi rồi chuồn một mạch không quay mặt lại. Chỉ sợ nó theo gọi lại chụp hình thì sớm về châu ông vải.

Tôi móc cái giấy xanh xanh ra cầm tay, định hễ gặp người nào đăng mình thì lập tức trình ra. Lội hết xóm này qua xóm khác mà chẳng gặp ma nào. Tôi cầm cái giấy trên tay như cầm cục lửa. Những muốn xé nát, vứt đi. Rủi bị thanh niên tự vệ bắt trước khi mình đưa ra cho họ, thì chết oan hơn một ngàn bà Thị Kính!

Trời xui đất khiến, may sao lại gặp đúng ông chủ nhiệm thôn bộ cùng đi với Võ Tòng. Võ Tòng tôi cũng quen, còn ông chủ nhiệm thì hồi đưa ông Huỳnh Tấn xuống Thới Bình, tôi cũng có gặp ông. Tôi bèn chìa cái giấy ra và kể lể hết mọi nỗi cho họ nghe, lại đưa cả một trăm đồng bạc ra cho ông chủ nhiệm bỏ vào quỹ ủng hộ

kháng chiến. Ông chủ nhiệm có khen tôi là mưu trí, trung thành, nhưng cũng chê tôi là... như vậy coi không được! Nhưng bây giờ sự tình đã lỡ rồi, ông bảo tôi cứ giữ cái giấy xanh xanh ấy, cứ ra vô bốt như thường, có tin tức gì thì báo cho anh em biết. Tôi nói: "Lạy ông! Ông có bắn thì bắn, chứ tôi không trở vô đó nữa đâu. Dứt khoát là không trở vô!" Còn Võ Tòng thì chỉ nghe, chứ không nói năng gì. Nhưng tôi sợ chú ấy hơn ông chủ nhiệm thôn bộ mới lạ chứ! Chà, mấy cái chữ "Ninh thọ tử, bất ninh thọ nhục" xăm trên ngực chú, cứ như là chửi cha tôi không bằng! Được cái ông chủ nhiệm không rầy lâu. Nói sơ chút vậy, đủ hiểu thì thôi.

"Đánh úp vào miếu thì mình không đánh nổi. Lính đảng mình rút xuống Năm Căn từ tám hoánh nào rồi... Chúng nó như một luồng dịch, bây giờ mình sức yếu phải tạm thời lánh ra, rồi sau sẽ bọc sau lưng chơi du kích với chúng nó..." Đó, đại khái ba người chúng tôi bàn nhau như vậy. Theo ý ông chủ nhiệm thì nên rình mấy thằng lính đi đốn cây mà bắn tĩa, cướp súng trước. Có súng mới làm ăn được. Nghe có lý lắm. Còn theo ý Võ Tòng thì phải "khử" cái thằng Việt gian đã thuộc rành đường đất xứ rừng này trước. Giết thằng đó, thì bọn giặc co lại trong đồn thôi. Nghe cũng có lý lắm. Hai người cứ cãi nhau. Sau cùng, ông chủ nhiệm bảo tôi "biểu quyết". Tôi hỏi: "Biểu quyết là cái gì?" Ông nói: "Theo ý kiến ai thì



giơ tay lên. Bên nào đông thì làm theo ý kiến đó!" Hai ông đều giơ tay của mình lên. Bây giờ tới phiên tôi. Hễ tôi đi theo ai thì người đó thắng. Chà, chưa bao giờ tôi thấy mình quan trọng và oai như vậy. Nhưng mình theo người này thì méch bụng người kia, thật khó quá! Tôi bèn giơ cả hai tay lên, mỗi tay ngả về một phía. Ông chủ nhiệm lăn bò ra cười. Tôi cũng cười. Chỉ có chú Võ Tòng là không cười.

Ba người chúng tôi dắt nhau đi phục kích ở bờ sông. Phơi nắng suốt hai ngày mà không thấy thành lính nào mò tới. Ca-nô nó cứ chạy phình... phình... ở khúc sông trên kia ngã ba. Có lẽ vì chúng tôi phục kích chỗ xa quá... Ngày hôm sau nữa, ông chủ nhiệm bận đi mượn thêm tay súng của xã bên, chỉ còn có tôi và Võ Tòng.

Lão Ba Ngù kể tới đây bèn dừng lại, quần thuốc lá châm vào rít mấy hơi dài. Lão cúi mặt xuống một lúc; khi lão ngẩng lên, hai giọt nước mắt long lanh hai bên khóe mắt từ từ chảy dài xuống má, đọng lại ở chòm ria. Lão cũng không đưa tay lên chùi. Lão lại tiếp tục kể, giọng hơi thấp xuống:

- Võ Tòng dắt tôi lội rừng, lên chặn đầu ca-nô ở khúc sông trên ngã ba. Chỗ khúc sông ngoắt có cây gừa gie nhánh ra sông đấy!

- Nơi đó trống trải quá! - Tía nuôi tôi chắc lưỡi thở dài.

- Ừ, hai bên bờ không có lùm bụi cây cối gì... Nhưng Võ Tòng cương quyết "phục" chỗ đó. Chú bảo tôi là thế nào cũng làm ăn được. Bọn giặc sẽ không ngờ. Chú mang nỏ, trèo lên ngôi trên nhánh gừa gie ra sông, núp trong mấy đám tấm gỏi. Tôi thì nằm trong bờ, vạch cỏ chui xuống như con rùa, chỉ ló đầu lên quan sát thôi. Quá trưa mà không thấy ca-nô nó chạy qua. Hai hôm trước nó đều ra buổi sáng. Tôi đã toan gọi Võ Tòng về thì chợt nghe tiếng ca-nô nổ máy phình phình. Chưa tàn nửa điệu thuốc, nó đã tới. Mà không phải từ đằng miếu tới. Đêm qua nó đi đâu, bây giờ mới trở về đây! Võ Tòng lập tức xoay người lại. Tôi chỉ thấy rung rung một cọng lá, và ở đầu cọng lá ló ra một mũi tên tẩm thuốc độc đen sì.

Tôi đã trông rõ từng thằng trên ca-nô. Một tiểu đội cả thấy. Tám thằng giặc, ba thằng ngụy. Chúng nó đều cởi trần, da phơi nắng đỏ như cua luộc, thằng nào cũng đội một cái nón vải rộng vành màu cứt ngựa. Thằng Việt gian lùn tịt ngồi ở mũi ca-nô, mũ vải bò tụt xuống cái lưng gù gù trông thật đáng ghét. Tôi kêu vừa đủ cho chú nghe:

- Cái thằng lùn đầu trần đấy! Nó đấy!

- Ồ!...

Chú chỉ "ờ" có một tiếng. Thằng ngụy thủ cây trung liên đầu bạch ghéch nòng súng lên đui, ngôi chỗ be móc thuốc ra đốt hút. Đúng là



ở chỗ này trông trái, nó không đề phòng. Và lại cũng sắp về tới ổ chúng nó rồi mà. Chiếc ca-nô ào ào rẽ nước tiến đến. Tôi chớp mắt mấy cái. Không thấy một cọng lá rung mà mũi tên bay từ lúc nào đã cắm đứng vào giữa cổ họng thằng Việt gian nghe cái phịch. Nó ngã ngửa vào khoang. Mũi tên thứ hai bắn cắm vào vai một thằng Pháp râu xồm. Thằng giặc già từ từ nhô mũi tên ra, ném xuống sông cười hô hô. Nó đưa bàn tay lông lá lên lau dòng máu ròng ròng chảy xuống bên vai; chưa lau sạch, đầu nó đã quay quay chúi chúi xuống như con bò bị búa tạ đập vào giữa sọ. Kể nghe thì lâu, chứ sự việc diễn ra nhanh như chớp, anh Hai ạ! Ca-nô vẫn chạy. Đã chạy qua khỏi cây gừa rồi. Bấy giờ, chúng mới bắn loạn xạ vào hai bên bờ. Dạn véo véo bay qua đầu tôi, còn Võ Tòng thì vẫn ngồi ngang nhiên trên cành cây vô sự. Tôi chờ cho nó chạy xa một quãng thì đứng lên gọi Võ Tòng về. Ai ngờ đâu còn một chiếc nữa đã phình... phình... ló mũi ra chỗ khúc sông ngoặt. Một thằng Tây đội kê-pi vàng rực, vai đeo ga-lông⁽¹⁾ chớp chớp ánh kim tuyến, ngồi bên cạnh con đàn bà mặc quần áo nhà binh đang đưa ống nhòm ngắm tới trước. Thằng này ít ra cũng là quan ba! Mấy hôm trước không thấy có mặt nó trong đám này!

(1) Cầu vai.

Chòm tầm gửi rung rung trên nhánh cây giữa, rồi trở lại im lìm không động đậy. Tôi hồi hộp quá. Cách chừng ba tầm tên nữa thì ca-nô nó lọt vào vòng phục kích của chúng tôi. Bỗng con đàn bà buông ống nhòm tụt xuống ngực, trở vào chòm tầm gửi nói xì xồ gì đó. Thằng Tây đội kê-pi vớ khẩu tiểu liên trên tay một thằng lính ngồi dưới khoang, đưa lên ngắm. Chòm tầm gửi đu đưa mấy cái. Trời đất quý thần ơi, Võ Tòng từ từ ló lên giường cánh nỏ. Tôi muốn thét lên mà lưỡi cứ lú lại. Bắn ngay nó một phát tên, rồi nhào xuống sông lặn tuốt đi, có phải êm không? Lại không bắn, còn chờ gì nữa hỡi trời! Thằng sĩ quan Pháp vẫn chưa nổ súng. Chiếc ca-nô đã tới gần lắm rồi. Con mụ đàn bà bỗng quát lên một tiếng, vỗ tay vào lưng thằng Pháp. Lập tức, tôi thấy cánh tay phải của thằng giặc rung rung. Tai tôi không còn nghe tiếng súng nó bắn ra nữa, chỉ thấy làn khói trắng như sợi chỉ phụt phụt ra từ họng súng tiểu liên. Chú Võ Tòng từ trên cành cây rơi xuống nước... Rõ ràng là thằng giặc thoát chết vì khoảng cách giữa nó và chú Võ Tòng còn ngoài một tầm tên. Nó đã xuống tay trước chú! Bấy giờ tôi không còn biết sợ hãi là gì nữa, cứ nhô đầu lên coi chú Võ Tòng có mệnh hệ gì không. Chiếc ca-nô chạy qua xóa mất những vệt máu mà tôi chắc rằng phải đỏ cả mặt nước kia... Anh Hai ơi! Anh có biết con mụ đàn bà ấy là ai không? Nó là con vợ thằng Tư Mắm ngày



trước vẫn thường lui tới bán dưa khô, bí rợ trên chợ Chắc Bàng đấy!

Bàn tay lão Ba Ngù đắm xuống mặt bàn một cái rầm, cốc chén nảy bật lên. Ngọn đèn chao qua chao lại, khiến tôi có cảm giác như bốn bức vách nhà lung lay vì một sức chấn động dữ dội.

Tôi đưa tay chụp lên cái đèn, giữ cho nó khỏi đổ. Bàn tay tôi chạm vào cái thông phong rất bông. Tôi bỗng nhớ tới bàn tay ngón búp măng của con mụ đàn bà đẹp một cách dễ sợ đã dúi vào tay tôi tờ giấy bạc năm hào nơi quán dì Tư Béo mà tôi đã từ chối không nhận. Chính bàn tay con mụ gián điệp ấy đập vỗ vào lưng tên giặc Pháp, xuống lệnh khai hỏa giết chết chú Võ Tòng!

Tía nuôi tôi ngồi lặng đi một lúc lâu. Cơm canh đã dọn ra bàn rồi mà ông vẫn ngồi yên như một khúc gỗ. Dường như trong đôi mắt ông đăm đăm nhìn sững vào ngọn đèn, đang hiện lên quá khứ xa xăm của người bạn cùng khổ, giữa nơi cuối đất cùng trời này.

Khi nghe má nuôi tôi giục ông mời khách ăn cơm, ông mới thông thả đứng dậy. Ông bước đến bên bức vách rút ra ba mũi tên trong chiếc ống nứa ra, để nằm ngang trên đĩa, đặt lên bàn thờ. Rồi ông rót một chén rượu đặt bên cạnh đĩa tên thê, và thấp nguyên cả một bae hương cắm vào bát tro.

Tuyệt nhiên không hề thấy có một nét biến đổi trên sắc mặt ông. Cả một hơi thở mạnh cũng không nghe thấy...

14

MÙI TÊN THÙ

Tội nghiệp cho hai ông già, ngày nào cũng dắt nhau ra đi từ trời còn mờ đất, có khi đến tối mới mới về. Má nuôi tôi lo lắng. Nhưng bà biết rõ chồng mình hơn ai cả. Khi ông đã quyết một sự gì rồi, thì lời khuyên can và những giọt nước mắt của bà không thể làm mềm được ý chí của ông. Tốt hơn hết là nên im lặng.

Sau cái trận bị phục kích bất ngờ, chết mất tên Việt gian đưa đường lợi hại và một thằng giặc Pháp, bọn địch phát quang cây cối dọc ngã ba sông có hơn nghìn thước, bắn chết ba người đàn bà đi thuyền trên sông giữa ban ngày, và yết bảng tại ngã ba rằng: *"Ai nộp một cái đầu Việt Minh, sẽ được lĩnh một nghìn đồng"*. Đồng thời chúng cũng ra sức mua chuộc: mỗi người dân bị chúng ruồng bắt về đồn đập phòng tuyến, trước khi được thả về đều được phát cho ba thước vải, một số thuốc ký ninh và hai bao

thuốc lá "Gô-loa"⁽¹⁾ cùng một cái giấy "lách-xê-pát-xê"⁽²⁾.

Lão Ba Ngủ ở chơi với tía nuôi tôi hơn một tháng mới từ già trở về Chắc Băng. Không biết có phải lão buồn vì công lận lợi của mình chẳng đem lại một kết quả gì, hay bởi con mụ "vợ Tư Mắm" đã theo thằng quan ba trở ra chợ tỉnh Rạch Giá - thế là mất đối tượng chính - nên lão nản lòng bỏ đi chẳng? Tía nuôi tôi từ hôm ấy càng dăm ra ít nói, chẳng thiết gì công việc làm ăn, cứ bỏ nhà đi luôn. Nhiều khi cả mấy ngày không về nhà. Có về nhà thì lại thấp hươu cắm lên bàn thờ rồi lại ngồi uống rượu khan một mình.

Một số người ở xung quanh đồn giặc đã lục tục trở về nhà cũ. Cả ba bốn ngôi quán bán cà phê, hủ tiếu cũng vừa dựng lên. Tía nuôi tôi đã mấy lần mò ra quán cà phê, lần nào cũng trở về với bộ mặt rầu rầu khiến cho thằng Cò và tôi không dám nói chuyện to tiếng.

Một hôm, tía nuôi tôi cầm rựa đi đồn ở đâu về mấy gốc tre già. Ông vớt tre xuống sân, bảo thằng Cò đi mua rượu. Người ông thay đổi hẳn, chân tay nhanh nhẹn, vui vẻ hoạt bát lên như ngày trước. Ông chẻ tre, nắn nốt chuốt từng mũi tên, ban ngày phơi nắng, ban đêm hong lửa. Ông nâng từng mũi tên lên tay, cân xem có vừa sức nặng và bề dài của ba mũi tên tầm độc

(1) Một thứ thuốc lá nặng cấp cho binh lính Pháp.

(2) Giấy thông hành tạm.

của ông không... Ba hôm liền, ngày nào ông cũng ngâm tẩu thuốc lá, cầm nỏ, mang tên, dắt con Luốc đi vào rừng.

- Chẳng thấy bắt được con chồn con cáo gì, mà ngày nào cũng lặn lội cho mệt! - Má nuôi tôi lâu bầu nói như vậy.

Tía nuôi tôi chỉ cười. Nụ cười hờn hậu trên gương mặt khoáng đạt mà tôi thấy ở ông lần đầu tiên nơi xóm chợ Ngã Ba Kênh, lại trở về với ông.

Dứt khoát không phải tía nuôi tôi đi săn con chồn con cáo gì đâu. Có thể là ông đi tập bắn nỏ đấy thôi! Mà một người thông thạo nghề rừng nghề biển như ông, thì việc sử dụng cánh nỏ chỉ như một trò chơi, ông cần gì phải tập. Vậy thì tía nuôi tôi đi đâu? Làm gì?

Ý nghĩ ấy cứ nung nấu trong đầu tôi, càng thôi thúc sự tò mò dậy lên trong tôi rất mãnh liệt. Phải theo coi ông làm gì? Thế là tôi mò vào rừng. Theo dấu chân ông, tôi đi tìm khắp nơi nhưng không thấy. Đã toan về, bỗng con chó Luốc từ trong một bụi cây chạy ra xoắn lấy tôi. Tôi vội ôm con chó, vuốt ve cho nó đừng sủa. Và con Luốc dắt tôi chạy băng qua một khoảng đất lầy, đến một cái bầu rộng. Tôi giở mồm con chó xuống đất, núp trong một bụi sậy, ngó ra bầu. Tía nuôi tôi cỡi trần, đang loay hoay bơi trong một đám rêu. Ông nhặt lục bình, rau mác phủ kín thân người, rồi giương nỏ, chống hai khuỷu tay lên hai khúc bẹ dừa nước thả giữa đám rêu,



giữ thăng bằng trên mặt nước, không động dấy. Khi mặt bầu đã trở lại phẳng lặng, và một cái lá lục bình cũng chẳng thấy còn rung nữa, thì từ trong đám rêu nghe vang ra một tiếng tách rất khẽ của cánh nỏ bật dây. Chiếc tên bay ra, cắm phập vào một bẹ dừa nước cắm ở mấp mé ven bờ, mà đám rêu không mảy may động dấy. Tôi không đếm rõ, nhưng ước chừng sáu bảy chiếc tên đã bay ra cắm đầy bẹ dừa nước, cách mặt nước khoảng một tấc, đều tằm tấp như ta cắm từng mũi tên và ghim vào vậy.

Tôi hãi quá. Vừa hãi vừa kính phục. Muốn gọi tía nuôi tôi một tiếng, nhưng sợ ông mắng, tôi len lén dắt con chó đi một quãng mới thả nó ra và lẳng lặng trở về.

Tôi không hề lộ ra chút gì tỏ rằng mình biết chuyện tập bắn của ông. Hôm sau, tía nuôi tôi gọi tôi ra sân bảo khẽ:

- Con đi với tía ra bắt đi!

Tôi đoán rằng tía nuôi tôi dắt tôi đi phục kích bắn giặc, ông đã gọi tôi theo, hẳn là ông tin cậy tôi hơn thằng Cò. Bụng mừng rơn, tôi nói luôn:

- Tía đưa cho con cái dao găm!

Ông nén cười, vỗ vỗ lên đầu tôi:

- Đi chơi thôi mà. Việc gì phải mang dao.

Thấy tôi đứng ngớ ra, ông cúi mặt nói khẽ trong tai tôi:

- Hồi trước, con có biết mặt "vợ thằng Tư Mắm"... Con đi với tía, coi phải đúng là nó không?

Tự nhiên hai chân tôi nhảy dựng lên một cái. Giờ phút đợi chờ của tía nuôi tôi đã đến rồi. Thảo nào trông ông khác hẳn. Tôi lập tức hiểu ngay việc chuẩn bị của ông từ mấy hôm nay.

- Đi, tía! Con làm sao quên mặt con gián điệp khốn nạn ấy được. - Tôi phẩn khởi nói như vậy. - Nhưng mà... nó cũng nhớ mặt con đấy, tía à!

- Không lo. Con thấy nó mà nó không thấy con đâu, đừng sợ.

Thế là hai tía con chúng tôi bơi xuống ra đi. Đến xóm nhà gần đồn, tía nuôi tôi giấu xuống vào một bụi ô rô rồi dắt tôi lên bộ. Chúng tôi đều đi tay không. Rủi gặp một thằng lính nào thì lấy gì chống trả? Tôi vừa đi vừa lo, mắt cứ đảo dác ngó chung quanh. Ông vỗ vào vai tôi một cái mạnh:

- Đi đường hoàng, con ạ! Làm như mình là dân ở xóm này vậy. Đừng đảo dác... Có gặp chúng nó, để tía liệu lời ứng phó.

Trời chưa tối. Nhưng con đường trước đồn vắng tanh. Lác đác một vài nhà đã thấp ngọn đèn kiểm tra treo trước cửa. Chúng tôi đi ngang qua ngôi quán cuối cùng, rồi tạt xuống mé sông, ngồi đấy.

- Nếu có ai hỏi, con cứ nói là chờ xuống quá giang, nghe chưa? - Ông dặn tôi như vậy và



ung dung móc thuốc lá trong túi ra nhồi vào tẩu, bật lửa lên châm hút mấy hơi dài.

Đã ngồi rình mà còn hút thuốc! Tôi đâm bực với tía nuôi tôi, nhưng không dám phản đối. Từ chỗ chúng tôi ngồi cách đồn giặc không đầy ba trăm thước. Chắc chắn là bọn lính gác trên chòi đã thấy chúng tôi rồi. Có lẽ tía nuôi tôi cố ý đốt thuốc lên hút, để chúng nó ngỡ chúng tôi là người trong quán ra ngồi chơi. Bên kia bờ sông, cây cối bị san bằng mặt đất, một con mèo chạy cũng thấy rõ. Mặt trời sắp lặn chiếu ánh vàng nhợt nhạt lên mặt đất trần trụi bên kia bờ, và hồi quang từ mặt nước hắt lên tường vôi trắng bệch của ngôi đồn một màu không tên gọi, một thứ màu đặc biệt khó tả nhưng nó gọi cho người ta nghĩ ngay đến mùi tanh nhớt cá.

- Quái, mọi hôm giờ này nó đã ra rồi kia mà! - Tía nuôi tôi vừa lẩm bẩm nói xong, thì ông đã nén giọng kêu khê trong cổ - Nó đây rồi.

Từ trong đồn, một dáng người đàn bà tóc phi-dê uốn ẹo đi ra, vai quàng chiếc khăn tắm biển xuống tận gối. Trông rõ cả đôi quai dép trắng dưới chân. Con ngựa cổ ra sau, lắc lắc mớ tóc rồi đưa bàn tay túm gọn vào gáy trước khi trùm chiếc mũ cao su lên. Thoạt trông dáng đi uốn ẹo như hình rắn lượn, thấy bàn tay đưa lên vén tóc, tôi đã biết ngay là nó rồi. Bàn tay búp măng rất đẹp, không thể nhầm lẫn. Bởi nó quay lưng về phía chúng tôi, lại phi-dê tóc, nên tôi còn phải chờ xem cẩn thận đã. Đến khi nó

xoay người bỏ chiếc khăn quàng xuống trụ cầu nước, nhìn bộ mặt trông nghiêng nửa bên của nó, thì tim tôi đập rộn lên:

- Đúng nó rồi, tía à! - Suýt nữa thì tôi kêu to lên.

- Xem cho kỹ!

- Đúng là nó mà!

Con gián điệp phơi nguyên cái thân hình lộ lộ của nó, chỉ có ba mụn vải che chỗ kín và bộ ngực. Nó vung tay vung chân khởi động chừng nửa phút rồi gieo mình xuống nước.

- Chắc chắn là nó, hử con? - Tía nuôi tôi hỏi lại cẩn thận.

- Chắc!

- Thôi về, con!

Tía con chúng tôi vừa đứng lên đi mấy bước, thì có một thằng ngụy trên chòi gác la lên:

- Ê! Mấy thằng nào trong quán ra rình coi bà lớn tắm đó? Coi chừng ông lớn bắn bỏ mẹ đa!

Chúng tôi cứ thản nhiên đi. Đi một quãng thật xa, bấy giờ tôi mới thấy rờn rợn nghĩ lại lúc mình ngồi ở bờ sông.

- Về nhà đừng nói gì cho má con biết, nghe không! - Tía nuôi tôi cứ dặn đi dặn lại, bảo tôi có đến ba bốn lần chỉ mỗi câu ấy.

Đêm đó, cả nhà ngủ đã lâu rồi. Tôi giật mình thức dậy, vẫn còn thấy tía nuôi tôi cầm cái tẩu lẩn lẩn trong lòng bàn tay, bên gốc cây trà trước sân. Trưa hôm sau, vào khoảng hai giờ



chiều, tía nuôi tôi đã xách nỏ, mang ống tên ra đi, không quên lấy cái dao găm trong chiếc túi da beo ra đeo thật chặt bên hông.

Má nuôi tôi hỏi:

- Ông đi đâu mà không cầm theo chiếc nón đội vậy?

Tía nuôi tôi đáp ngắn ngủi:

- Ra ngoài xóm một chốc thôi!

Con Luốc ve vẩy đuôi chạy theo. Tía nuôi tôi quay lại bảo tôi giữ con chó, đừng cho nó theo. Tôi biết ông đi đâu rồi. Tôi ôm con chó nhìn theo cái lưng trần chắc nịch của tía nuôi tôi, thấy rất vững tin, nhưng đồng thời cũng có một cái gì nôn nao hồi hộp cứ dâng lên trong lòng, khiến tôi rưng rưng muốn khóc.

Tôi đi ra đi vào, bụng nóng như lửa đốt. Tai cứ hướng về phía đồn. Những tiếng súng vu vơ ngoài đó, mọi ngày tôi không thêm chú ý, giờ chỉ nghe tiếng nổ xa lắc ở đâu cũng đủ làm tôi bàng hoàng lo sợ. Má nuôi tôi hỏi gì, tôi cũng chỉ ậm à ậm ừ. Thằng Cò rủ tôi đi đâm cá, tôi cũng không đi. Đến bữa cơm tôi lua láo nuốt vội một bát, rồi lén dắt con chó đi. Tay tôi cầm cái móc, con chó đứng đĩnh chạy theo sau. Tôi băng rừng ra tới bờ sông, đi ngược về hướng đồn giặc. Mặt trời gần lặn thì tôi đã trông thấy bức tường vôi trắng xóa và cái chòi gác cao lêu nghêu bên kia sông. Tôi núp trong những bụi cỏ, lúc thì đi, lúc thì lom khom bò tới. Đến chỗ chúng phát trụi sát mặt đất, không lộ ra được

nữa, tôi đành nằm xuống ngóng qua đồn. Con chó tinh khôn cũng nằm sát một bên tôi, không động cựa gì cả.

Mắt tôi dán trên mặt sông trước ngôi đồn giặc, theo dõi từng đám rêu từ trên kia theo nước trôi xuống. Lỡ tía nuôi tôi núp trong một đám rêu trôi qua rồi, mà con gián điệp khôn kiếp chưa ra tắm thì sao? Bây giờ tôi không lo sự nguy hiểm xảy ra cho tía nuôi tôi, mà chỉ lo con quỷ cái không ra tắm. Mắt tôi lại nhìn vào cửa đồn. "Nó sẽ ra... Nó sẽ ra... Rồi nó sẽ ra...". Tôi lẩm nhẩm như vậy một chốc thì quả nhiên nó ra thật. Vẫn như chiều hôm qua, nó lại ngửa đầu ra sau, vén tóc trùm chiếc mũ cao su lên. Nó lại cởi chiếc khăn tắm đặt lên trụ cầu. Nó đã bắt đầu khởi động rồi kia! Một thằng Tây từ trong đồn đi ra, có con chó béc-giê to tướng theo sát bên chân. Con gián điệp quay lại cười hắc hắc, nói lí nhí gì đó trước khi gieo mình lao xuống nước. Hai tay tôi nắm hai bụi cỏ cứ run lên. Con chó béc-giê sủa oang oang khi thấy một đám rêu trôi qua ngang đồn. Tôi phải vỗ vỗ vào lưng con Luốc, giỡn mồm nó xuống, không thì nó cứ chờn vờn chực đứng lên sủa chửi lại con chó xác xược kia.

Con gián điệp vẫn bơi lên ngụp xuống chung quanh chỗ cầu nước. Một đám rêu nữa lại trôi tới. Con chó béc-giê lại sủa. Nghe rõ cả tiếng thằng giặc suyt máng con chó. Đám rêu thứ ba trôi tới, bé hơn hai đám trước, trôi lơ đờ, coi bộ



chậm chạp. Đúng là tía nuôi tôi đang núp trong đám rêu này. Tôi vừa nghĩ như vậy thì nghe tiếng hét thất thanh của con mụ "vợ Tư Mắm". Nó quẫy đuôi đuôi như con cá mắc câu, cánh tay vói vói bám trụ cầu. Con chó béc-giê chồm chồm trên cầu, sủa ra sông dữ dội. Thằng Tây lôi con mụ kia lên cầu, vừa lôi vừa hét: "Việt Minh! Việt Minh!". Con gián điệp còn dốc hết lực tàn, gơ cánh tay chỉ ra đám rêu trôi trên sông trước khi gục xuống giây đành đạch. Đền rọi lia như chổi quét trên sông, khắp bốn phía đồn. Súng đủ các cỡ bắn ra như trấu vảy. Thằng giặc Pháp cầm khẩu tiểu liên đuổi theo bờ sông, ria xuống đám rêu. Đạn đỏ ngời nảy trên mặt nước như thia lia. Lại thêm năm sáu thằng ngụy trong đồn cầm súng tủa ra.

Tôi bất chấp cả đạn bắn vèo vèo bên tai, xách mác đứng dậy chạy đi. Thằng giặc chạy bên kia bờ, tôi chạy bên này bờ. Giá tôi có khẩu súng trường trong tay, thì tôi đã nổ cho nó một phát rồi. Máu dồn lên nóng cả mặt. Tôi che tay lên mồm hô lớn: "Xung phong!" Con Luốc cũng bắt đầu sủa oang oang, hỗ trợ cho tiếng hô vang rền của tôi. Thằng giặc Pháp cầm súng đuổi theo đám rêu bên kia bờ, nghe tiếng thét xung phong của tôi vụt co người lại như bị điện giật. Nó quay lưng tháo chạy về đồn.

Tôi cứ chạy theo đám rêu, gọi "tía ơi, tía ơi!" mà không nghe tiếng đáp. Đám rêu mỗi lúc một trôi nhanh. Tôi ngồi xuống bờ sông, khóc

nấc lên. Hồi lâu, bỗng nghe tiếng chân đi sột soạt đến gần. Con chó đứng bên tôi ve vẩy đuôi, lao về phía chân người đi tới.

- Thành An đấy hở con? - Giọng tía nuôi tôi vọng ra từ trong tối.

Tôi mừng cuống lên, chạy đâm vào người tía nuôi tôi, làm ông suýt ngã.

- Tía có sao không, tía? - Tôi vừa hỏi vừa đưa tay sờ khắp người ông xem có máu chảy không.

- Chẳng việc gì, con ạ. Tía lặn xuống tới đáy sông, làm sao nó bắn trúng được. Con ra đây bao giờ?

- Tía đi một lúc thì con theo. Con lo quá!

Tôi cảm thấy bàn tay tía nuôi tôi sờ soạng đặt lên vai tôi, và từ trên vai tôi, bàn tay to lớn ấy dần dần mò xuống nắm chặt bàn tay tôi.

- Cám ơn con. Tía cám ơn con!

Con Luốc sấn vào bên chân chúng tôi, vướng không đi được. Tôi co chân tống nó một cái, nó mới chịu lui ra. Tiếng súng moóc-chê trong đồn bắt đầu bắn ra, nổ ầm ầm vào những khu rừng chìm kín trong đêm. Nghe tiếng súng bắn nhiều chừng nào, tôi càng khoái chừng nấy.

- Vì thù mà phải báo, chứ tía đâu màng tới chuyện giết một con đàn bà!

Đột nhiên, tôi bỗng có cảm giác như mình đang nghe câu nói ấy vẳng ra từ một câu chuyện cổ xa xưa nào.



15

PHƯỜNG SẢN CÁ SẤU

Chỉ trong vòng không đầy hai tháng, mà đã có hai tên Việt gian gián điệp lợi hại và một thằng giặc Pháp bỏ mạng vì tên tẩm thuốc độc. Thứ vũ khí thô sơ thời Trung cổ, lạng lẽ từ trong cành xanh phóng ra, đem lại cái chết bất thành linh không phương cứu chữa - sự việc ấy đã gieo vào đầu óc bọn giặc đang cầm những khẩu súng hiện đại trong tay một nỗi khiếp đảm khôn lường. Càng sợ, chúng càng lồng lộn lên một cách dữ dội để tự trấn tĩnh và động viên tinh thần bọn ngụy. Chúng đưa thêm tới ba tiểu đoàn, mở những cuộc càn quét báo thù liên miên khắp các vùng rừng chung quanh. Những ngôi lều của thợ đốn củi ở tít mãi trong rừng sâu cũng bị chúng mò tới đốt trụi. Chúng bắt dân phải dỡ nhà về ở chung quanh đồn để làm vòng rào người, và đóng thêm bốn lô-cốt ở mấy nơi hiểm yếu dọc bờ sông.

Ngôi lều của tia nuôi tôi cũng đã làm môi cho ngọn lửa của giặc Pháp. Cả nhà chống

thuyền sóng lay lắt qua ngày trong các vùng đầm lầy và trong các khu rừng ngập nước.

- Đành phải đi về vùng U Minh hạ thôi, ông à!

Một hôm má nuôi tôi thả dài, bàn với tía nuôi tôi như vậy. Bà ngồi trong mũi thuyền chật chội, nhìn ra những làn mưa trắng tuôn mù mịt xuống ngàn xanh, chập lồi.

- Chỉ lo cho hai thằng bé. Dầm mưa dãi nắng thế này, rui chúng nó ốm đau nằm xuống thì lấy gì mà thang thuốc!

- Mười mấy năm trời, quen thuộc ở đây, tôi không nỡ bỏ đi... - Tía nuôi tôi đáp, giọng rầu rầu.

- Nhà ở đâu quê hương ở đó. Vậy trước kia ông và tôi ở đâu? Ông sao câu nệ quá vậy? Tôi vì hai đứa nhỏ... chứ không, tôi cứ mặc cho ông muốn ra sao đó ra...

Tía nuôi tôi không đáp. Ông ngồi cầm cái tẩu dài quấn queo, gõ gõ thành nỡ tẩu vào gót chân, thỉnh thoảng lại đưa mắt nhìn một vài giọt mưa từ trên mũi lá rơi lộp độp xuống giữa khoang thuyền ẩm ướt.

Đêm hôm đó, chúng tôi chong thuyền ra sông. Cả gia tài chúng tôi, ngoại trừ mấy cái nồi cái niêu và một ít quần áo cũ, thì chỉ còn có mỗi chiếc thuyền này thôi.

Lúc qua ngang chỗ ngôi mộ Võ Tòng, tía nuôi tôi dừng thuyền lại, bước lên bờ. Thằng Cò sợ ma, ngồi sát vào bên má, lại còn ôm thêm con chó vào lòng. Tôi bước lên theo tía nuôi tôi.



Trong bóng tối lơ mờ, dưới vòm trời ảm đạm le lói một vài ngôi sao xa lác, ông đang ngồi phệt bên nấm mộ, đầu cúi xuống, bàn tay lơ đãng đưa đi đưa lại nhỏ những cọng cỏ dưới chân. Nghe tiếng chân giẫm sột soạt trên cỏ ướt, tía nuôi tôi ngược lên nhìn và vẫy tay ra hiệu cho tôi ngồi xuống bên ông.

- Tôi và thằng cháu lên từ biệt chú nó đây! - Tía nuôi tôi ngó vào ngôi mộ nói bằng giọng mũi ngạt ngạt - Tôi chỉ dùng được có một mũi tên trong số hai mươi chiếc chú đã trao cho tôi... Nhưng tôi chắc rằng dưới tuổi vàng, chú đã có thể ngậm cười mà yên nghỉ...

Dứt khoát tôi không tin rằng người chết có linh hồn. Nhưng cái giọng trầm trầm của tía nuôi tôi đang nói với ngôi mộ, đồng thời tôi chợt nhớ lại bàn tay vuốt cặp mắt trùng trùng khiến cho đôi mắt khép lại, chính con người ấy đã nằm xuống dưới đất ngay trên chỗ tôi đang ngồi đây - việc ấy đã làm cho tôi thấy rờn rợn.

Tía nuôi tôi dặng hắng mấy tiếng rồi quay sang tôi:

- Thằng An có nhớ con vượn bạc má của chú Võ Tòng không?

- Á, nó đâu rồi, tía? - Tôi hỏi lại ông như vậy, chứ tôi đã đinh ninh là nó chết trong trận cháy rừng rồi.

- Con vật ở rừng còn có tình nghĩa, hướng chỉ con người. Hôm Tây đốt rừng, chú Võ Tòng đi vắng, buộc nó ở lều. Nó bứt xích chạy thoát

được. Người ta trông thấy một đoạn xích bị giật đứt, còn lủng lảng ở cổ nó mà đoán ra như thế... Sau đó nó trở về ngôi trên nền cũ, không ăn không uống gì rồi chết rũ xương ở đó. Có người qua ngang đấy, về thuật lại chuyện cho tía nghe, con ạ.

- Hôm tía với con từ trong rừng chống xuống về, có qua ngang đó. Lúc bấy giờ nó chưa về tía nhỉ ? Giá nó về thì mình gặp nó rồi.

Tía nuôi tôi đứng dậy thở dài, rồi bảo tôi xuống thuyền. Ông còn quay lại, lom khom nhặt hòn đất đặt lên ngôi mộ rồi mới bước theo tôi.

Nước mỗi ngày một chảy xiết, và dòng sông càng đi tới càng mở rộng mênh mông. Đứng trước mũi thuyền chèo cập bờ bên này mà nhìn sang bờ bên kia, chỉ thấy một vệt dài xanh thẫm của rừng dừa nước lơ mờ trên đầu ngọn sóng.

Chúng tôi đi ròng rã ba ngày ba đêm, chỉ trừ những lúc phải dừng lại thổi cơm ăn, còn thì cứ luân phiên nhau chèo.

Mấy hôm liền, trời vẫn nắng gay gắt. Mặt sông lao xao phản chiếu ánh mặt trời như một dòng thủy ngân cuộn cuộn trôi về hướng biển. Mây đen từ chân trời đùn lên, vẫn hình mặt quỷ, rủ nhau quần tụ một chỗ không chịu bay đi. Rồi dông kéo tới ào ào, mưa cứ trút nước xuống như thác đổ hơn một ngày đêm. Sóng gầm thét không lúc nào ngớt.



Chúng tôi phải chui thuyền vào núp trong một rạch lá dừa nước um tùm, chờ cho dứt cơn mưa dữ mới quay ra sông chèo đi.

Một buổi chiều, tía nuôi tôi cho thuyền cập lại bên ngôi quán lá cất nhồi ra bờ nước. Chúng tôi buộc thuyền vào trụ sàen cầu, nơi đã có hai chiếc tam bản lớn của những ông khách ngồi trong quán cấm sào đỗ lại đó từ bao giờ. Thấy có người đến, họ ngóng cổ ra nhìn rồi lại quay vào tiếp tục cuộc rượu bày trên chiếc bàn tròn giữa quán.

Tía nuôi tôi rướn người bước lên sàen cầu lát toàn bằng những cây mắm nhỏ. Cứ mỗi bước ông đi tới, những cây mắm lại kêu lắc rắc dưới chân. Con Luốc lập tức phóng lên theo. Tôi gọi "Luốc! Luốc!" và lấy cớ đuổi theo giữ con chó để nhảy lên theo nó. Một con kỳ đà bị trói chặt bốn chân bằng sợi dây thép, nằm khoanh gần chỗ cửa. Con Luốc xô tới, chồm chồm vào con kỳ đà sủa văng lên. Bấy giờ, ba người khách rượu mới quay ra, gật gù, vẻ như muốn chào làm quen với tía nuôi tôi.

Một ông cụ già cõi trần, râu quăn queo, vận xà-rông⁽¹⁾ đen, đầu bịt khăn lụa đỏ, người cao lớn như tía nuôi tôi, đứng lên cất giọng ồm ồm:

- Chào ông bạn!

Hai người đàn ông kia hơi có tuổi, gầy gò, đầu cạo trọc như nhau, mỗi người vận một cái

(1) Một loại váy mà nhân dân Ấn Độ, Miến Điện, Thái Lan, Campuchia thường mặc.

khô nhuộm màu vỏ cây. Họ giống nhau một cách rất buồn cười, chỉ khác là một người thì cao quá, còn một người lại thấp quá. Cả hai cùng đứng lên gật đầu chào tía nuôi tôi.

Tía nuôi tôi đứng lại nhìn họ một lát rồi bỗng nhiên ông đưa chéo cánh tay phải lên, tay trái áp vào ngực, nghiêng người tới trước, nói một cách trịnh trọng:

- Kính chào các ông bạn!

Ba người kia vội vã cùng một lúc đưa tay lên chào đáp lễ y như kiểu chào của tía nuôi tôi. Tôi đứng ngơ ra nhìn, ngạc nhiên quá đỗi. Về sau, mới biết đó là lối chào ra mắt của các phường săn cá sấu khi gặp nhau muốn tỏ tình thân.

Chủ quán là một ông già lùn tịt, lật bật như con rối, từ sau bếp chạy ra, vác một gộc cây đặt xuống cạnh bàn rượu, giọng lảng xảng:

- Mời ông khách! Mời ông ngồi xuống đây!

Mùi thịt nướng từ trong bếp bay ra khét lẹt. Và khói cũng từ trong cái bếp lò thấp thoáng sau quây rượu cuộn cuộn bay ra, như làn khói đốt đồng cỏ tháng tư.

- Cháy miếng thịt mất rồi! - Tôi vội kêu lên, và thản nhiên không chú ý tới mọi người ngồi đó, cứ đi thẳng một mạch vào bếp.

Tôi cầm cái que cời dập bột than, rồi trở gấp thịt đặt lên nướng phía bên còn chưa chín.



- Để đó cho qua, chú em! - Ông chủ quán chạy vào, vừa nói líu ríu bằng giọng khen ngợi vừa vói tay cầm chai rượu dựng bên cạnh lò.

Tôi đáp một cách bình thản, nhưng cũng rất tự hào:

- Cháu giúp bác một tay, được mà! - Rồi tôi mỉm cười một mình, chợt nhớ tới "thằng bé hầu rượu" trong quán dì Tư Béo.

Ông cụ già bịt khăn lụa đỏ đỡ lấy chai rượu trên tay chủ quán, rót vào đầy một cái bát lớn đặt giữa bàn mà họ đã uống với gần quá nửa.

- Kính mời ông bạn! Làm một hộp cho ấm bụng. Chẳng hay ông bạn từ đâu tới?

Tía nuôi tôi đáp, giọng từ tốn:

- Tôi là người vùng U Minh thượng... Giặc Pháp đã vào tới đó. Nay lên đèn phiêu giạt... Còn chưa biết về đâu.

Hai người đàn ông đầu cạo trọc đưa mắt nhìn nhau. Tía nuôi tôi bưng bát rượu lên nhấp một hộp; chừng như đoán ra ý họ, ông đặt bát rượu xuống bàn, nói chậm rãi:

- Phải tôi là người U Minh thượng. Nhưng nguồn cội tận xứ Tiền Giang kia. Thuở còn trẻ tráng, tôi cũng đã lặn lội vài năm trong nghề hạ bạc⁽¹⁾. Nghèo như chiếc lá rụng xuống dòng sông, nước trôi đến đâu mình theo tới đó. Bấy nay tôi theo nghề rừng, chẳng qua cũng chỉ vì mưu sinh theo hoàn cảnh, chuyện đó có chi là lạ...

(1) Chài lưới, câu kéo. Nói chung làm nghề dưới nước.

Người đàn ông thấp lùn tức thời đứng phắt dậy, dang tay ra ôm tía nuôi tôi, cười ha hả:

- Vậy thì huynh ông neo lại khúc này, trở về nghề cũ, chúng ta hiệp nhau làm ăn, được chứ?

Tía nuôi tôi cười cười, chưa đáp ra sao.

Tôi giúp ông chủ quán dọn thịt nướng ra bàn và gọi thằng Cò lên xem ông giết thịt con kỳ đà. Tôi cứ chạy ra chạy vào, khi thì quạt lửa, khi thì lấy tí muối ớt, khi thì rót thêm mỡ rái cá vào đĩa thịt tự tôi tìm thấy trong bếp và mang ra bàn rượu. Tôi cảm thấy mình bận rộn nhưng vui vẻ như thằng bé hầu rượu trước kia.

Chẳng mấy chốc mà họ đã uống cạn hai lít rượu, thứ rượu ngon nhất mà ông chủ quán bảo chỉ để dành riêng cho khách quen sành sỏi. Rượu vào thì lời ra. Họ nói đủ thứ chuyện về sông nước, và trong câu chuyện đã bắt đầu xưng hô anh anh chú chú cởi mở thân mật. Dường như ba ông khách rượu ấy và tía nuôi tôi là những người bạn cũ, xa nhau lâu ngày, giờ mới tình cờ gặp lại vậy.

Khi biết ông bạn phương xa vừa tới có "bà nội tướng" đang thổi cơm dưới thuyền, ông già bịt khăn đỏ bèn trịnh trọng bước ra sàncầu, chấp hai tay trước ngực hướng vào mũi thuyền, sửa giọng kính cẩn:

- Chẳng mấy thuở gặp anh Hai... Xin kính mời chị Hai quá bước lên quán, dùng một chén rượu mọn với anh em chúng tôi.



Má nuôi tôi "cám ơn" và từ chối năm lần bảy lượt không xong, đành phải đội khăn bước lên quán. Món thịt kỳ đà nấu ca-ri nước cốt dừa cũng vừa bung dọn ra bàn bốc khói thơm lừng. Cả gia đình chúng tôi, ba ông phờ phạc sẵn kỳ dị và ông chủ quán lùn tịt cùng ngồi vào bàn, dùng bữa cơm tối một cách hết sức vui vẻ. Cả con Luốc cũng có phần một bát thịt to tướng trộn cơm nguội mà ông chủ quán đã có "nhã ý" dọn riêng cho nó trước sàn cầu.

- Bao giờ giặc tấn công tới đây, chúng ta sẽ liệu. Còn bây giờ, làm nghề cứ lo làm nghề. Còn phải nghĩ tới miếng sống chứ. Tôi nói vậy, liệu có phải không chị Hai? - Người đàn ông cao lêu nghêu bắt đầu làm quen với má nuôi tôi bằng câu mở đầu ấy.

Người đàn ông thấp lùn vội nói tiếp theo:

- Ất chị Hai vui lòng để anh Hai cùng đi làm ăn với chúng tôi chứ?

Má nuôi tôi cầm bát lên tay, nhìn tía nuôi tôi:

- Xin các chú hỏi ông nhà tôi. Chứ tôi là phận đàn bà!

Ông chủ quán ngửa miệng, vung hai tay lên:

- Chị Hai còn theo xưa quá. Người ta nói nhất vợ nhì trời mà!

Mọi người đều cười, khiến ông chủ quán cứ xoay quanh hết nhìn người này đến nhìn người khác, lắc la lắc lư ra vẻ đắc chí với câu pha trò của mình lắm.

Không biết có phải vì có mặt má nuôi tôi mà các ông già trở nên lịch sự, vui vẻ và hoạt bát hẳn lên không? Ông cụ già bịt khăn đỏ hỏi má nuôi tôi một cách khoan thai:

- Ngày xưa, chị Hai cũng theo nghề câu chứ? Má nuôi tôi lắc đầu:

- Tôi sợ lắm. Chỉ có ông nhà tôi thôi. Tôi chỉ câu lòng tong cá chốt, chứ thứ đó tôi sợ lắm!

Người đàn ông cao lêu nghêu nhếch mép cười, bàn tay đưa lên gãi gãi cái đầu trọc nhẵn thín:

- Nói không phải phô phang với chị Hai và các anh tôi đây, chứ thuở mười ba mười bốn tuổi, tôi đã theo ông nội tôi đi bắt cá sấu như bắt cá lóc rộng trong khắp vậy thôi. Vào mùa khô⁽¹⁾, chúng tôi lội vào rừng cỏ, men theo những cái bầu giữa rừng tìm cá sấu. Hồi đó, cá sấu còn nhiều lắm. Bầu nào cũng có. Không nhiều thì ít. Tệ lắm cũng năm bảy con trở lên. Bà con quen gọi là ao sấu. Chọn được ao sấu nào có nhiều sấu hoa cà⁽²⁾ rồi, chúng tôi mới phát sậy, phát cỏ rữ xuống phơi nắng vài ngày cho khô. Dùng thuổng đào một đường nhỏ từ mé ao lên rừng, càng xa bờ càng cạn dần, chừng mười thước. Sau đó mới ôm sậy, cỏ khô thả xuống cho phủ kín mặt bầu và ném lửa đốt cháy...

(1) Ở Nam Bộ có hai mùa: mùa mưa (mùa nước) và mùa nắng (mùa khô). Mùa khô bắt đầu từ tháng mười một đến tháng tư âm lịch, trời không mưa.

(2) Cá sấu bé, da xanh, có vằn hoa lấm tấm, từ 100 cân trở lại. Loại cá sấu này chỉ ăn những con vật nhỏ, gặp người thường chạy, không dám chống cự.



Thằng Cò buột miệng hỏi:

- Cho sôi nước, cá sấu chạy lên bờ phải không chú?

- Cậu em này đoán gần đúng! Nhưng không phải vậy đâu. Nước lênh lảng cả bầu, làm gì sôi được? Ừ, mà nếu mình thả bồi khô xuống thật dày, thả liên tục, đốt nóng nước thì nó có thể chạy lên... Thả bồi xuống rồi, mình ném lửa đốt cháy. Khi lửa tắt thì mặt bầu đã bị phủ kín dưới một lớp tro dày chừng hai ba đốt tay. Cá sấu trườn lên thở thì bị tro cay mắt, trằm lâu thì ngạt, mà hễ bị tro cay là y như trự ta⁽¹⁾ đập đuôi chạy lên bờ tức khắc. Mà không phải chạy lung tung đâu. Chúng nối nhau trườn theo con đường nương đào sẵn, bò lên rừng. Thấy người, con nào cũng há họng ra, toan đớp. Ông nội tôi bèn đút vô họng nó một khúc gỗ mộp, dài chừng ba tấc. Nó liền tấp phập một cái, hai hàm răng dính chặt lại như ngậm cục kẹo mạch nha, không há ra được. Tôi lập tức cầm móc xấn lên sống lưng, chỗ giáp chân sau, để cắt gân đuôi. Cái đuôi chỉ còn có nước đập qua đập lại nhè nhẹ, như đuổi ruồi, chứ còn quật nổi ai? Ông cháu tôi bèn lấy dây lạt dừa trói thúc ké hai chân sau lên lưng, còn hai chân trước thả tự do. Khớp mồm xong rồi, bỏ đấy, bắt con khác... Ui chao!... Ui chao! Có bầu, chúng tôi bắt vài chục con trong một ngày. Cứ ba con thì dùng bốn đoạn tre buộc xâu lại một

(1) Hấn ta, tiếng địa phương.

hàng ngang, như kiểu ta cặp gấp nướng chả. Rồi lấy hai cây tre dài kiên tất cả, xếp dính liền thành dọc dài, hướng đầu chúng nó tới trước. Sau đó mới phát sậy, dọn một đường như đường cộ trâu từ bầu chạy thẳng ra bờ sông nào gần nhất. Thế là hai ông cháu tôi nhảy lên đứng giữa lưng bầy quỳ sừ đó, mỗi người cầm một cây mun quơ quơ đập vào hai cây tre dưới chân, hét lên. Chúng nó cứ theo đường dọn trống ấy, kéo nhau đưa nguyên đàn, bò ra bờ sông. Bao giờ cũng có thuyền lái mua chục sắn ở đó. Gặp khi chẳng có lái mua thì mình chịu khó tháo ra, khiêng từng con bỏ xuống thuyền của mình, chở đi bán... Ấy, ngày xưa chúng tôi sắn cá sấu dễ ợt như vậy đó, anh Hai chị Hai ạ!

Tía nuôi tôi ngồi nghe chăm chú. Chắc câu chuyện của người phường bạn vừa kể đã gọi lại trong ông những ngày mình còn là anh thợ câu lặn đạn ở mạn Tiền Giang. Chẳng vậy mà ông đã chống hai khuỷu tay lên mặt bàn, hai bàn tay to lớn ngửa ra đỡ lấy cằm, mặt đắm chiêu hồi lâu:

- Ở vùng tôi, bắt được một con cá sấu có khi phải mất vài ba con vịt sống làm mồi. Nhiều công mà cũng tốn kém. Đạo đó, năm nào trên Biển Hồ hoặc Nam Vang⁽¹⁾ cũng chở cá sấu về bán ở các chợ tỉnh dọc sông Cửu Long, hết bè này tới bè khác. Hàng trăm con một chuyến bè. Thịt cá sấu bé trên ấy trắng lấm, lại giòn, mùi

(1) Tức Phnôm Pênh, thủ đô Cam-pu-chia.



thơm ngon như thịt gà, bán cũng rẻ. Mình lâu lâu mới bắt được một con, cốt lấy tấm da, chứ thịt bán chẳng đáng mấy đồng tiền... Tranh nhau không lại với giá thịt cá sấu trên Biển Hồ chở xuống, nhiều lúc thua, buồn cũng chẳng thiết nữa.

Ông già bịt khăn đỏ bụng tô rượu lên uống một hớp, đưa mu bàn tay quệt ngang mép, khà một tiếng sửa giọng:

- Bọn chúng tôi ở đây không câu vẹt mồi. Nhưng cũng tốn kém đấy. Vì câu đèn mà! Lại phải trằm mình dưới nước, neo người cả đêm. Nhưng bắt được con nào là đáng tiền con nấy, anh Hai ạ! Chỉ lo cái thời buổi khó khăn, ba thằng giặc Pháp khốn kiếp nó có chịu để yên cho người ta làm ăn đâu!

Người đàn ông cao lêu nghêu rướn cổ lên như con kỳ đà, hỏi tía nuôi tôi:

- Anh Hai có quyết ở lại đây với bọn tôi hay không? Tại ngã ba Bàn Cùi, gần năm nay cá sấu biến về nhiều lắm. Có con to bằng chiếc ghe lườn. Nhờ đất đai âm trạch, cho anh Hai trúng mười chuyến câu thì lo gì chẳng kiếm được cái vốn kha khá!

Tía nuôi tôi còn giọng phân vân:

- Bỏ nghề cũng lâu... Tôi e nhất tay!

Ông già bịt khăn đỏ tức thời cầm chai rượu giơ lên:

- Sông lạ đãi người câu mới. Anh em chúng tôi sẽ tiếp giúp cho mượn đồ nghề. Anh Hai khứng⁽¹⁾ chứ?

Tía nuôi tôi đưa mắt nhìn sang má nuôi tôi. Má nuôi tôi chỉ nói cách lơ lửng:

- Cái đó tùy ông!

Tía nuôi tôi cầm chai rót một nhều rượu vào lòng bàn tay to lớn của mình, chìa ra giữa bàn. Ba bàn tay của ba người phường săn cá sấu lần lượt đập lên nghe bách... bách... Thế là tía nuôi tôi đã nhập phường rồi đó.

*

* *

Chiếc thuyền to đang cưỡi sóng vào mỗi lúc một gần bãi.

Tía nuôi tôi mình trần, quần khố, miệng cái tẩu dài quấn queo, khói thuốc lá từ trong nõ tẩu cứ phún phụt bay ra tạt về phía sau. Ông già Tư bịt khăn đỏ cũng mình trần, vận chiếc xà-rông đen, đứng trước mũi thuyền cạnh tía nuôi tôi. Càng gần vào đến bãi, ông già Tư càng hươ tay hươ chân, tỏ vẻ rất đắc chí. Người đàn ông đầu trọc cao lêu nghêu thì đứng chèo sau lái. Trên chót ngọn sào dài cắm vào một lỗ cột chèo, có buộc lá cờ đỏ hình đuôi nheo bay lất phất.

- Được con cá sấu khá to, bà con ơi! - Ông già bắt tay lên mồm gọi vọng vào xóm nhà trên bờ.

(1) Đồng ý.



Những người lố nhố đứng trên bờ và đám trẻ con phường chài đang chơi xếp vỏ ốc cạnh mấy người đàn bà vá lưới vụt reo lên, rồi rít chạy xuống bãi.

- Sửa soạn chia thịt nghe, bà con!

- Đã kiếm được rượu chưa, mà toan chia thịt!

Vài người xắn quần lên tận bẹn, chạy tất tả ra ngoài mé nước. Mấy người đàn bà vá lưới cũng buông gai buông nhợ bỏ đấy, chạy ủa ra bãi.

Chiếc thuyền trườn mũi lên bãi cát, để lại những đám bọt sóng trắng nháo nhào chạy lùi ra sau lái. Người trên thuyền chưa kịp quăng dây xuống thì bọn con nít đã trèo phốc lên bờ rồi.

Ôi chao, con cá sấu to quá! Mình dài có tới hơn năm mét. Chỗ quăng bụng giữa, ước chừng một vòng rưỡi tay người lớn ôm mới giáp. Cái mõm dài sọc, đầy răng chom chồm của nó đã bị khớp chặt lại bằng một sợi dây thép.

Hơn hai tháng nay, riêng tía nuôi tôi đã bắt được mười hai con rồi. Thường thì da cá sấu màu xanh rêu pha bùn mốc, dưới lườn bụng hơi trắng, khắp mình trên mọc gai, có chỗ vằn hoa lốm đốm. Con cá sấu này, màu da xám ngoét như da cây bần, gai lưng mọc chừng ba đốt tay, trông rất dễ sợ. Cái đuôi dài - bộ phận khỏe nhất của con vật kinh khủng dùng để tấn công - đã bị cắt gân, trói xếp vào một bên mạn sườn. Bốn chân cũng bị thít chặt vào cái đuôi hoàn

toàn mất tác dụng ấy. Con cá sấu hung tợn nằm im như chết giữa lòng thuyền.

Mọi người xúm lại, dùng đòn buộc dây da trâu khiêng con cá sấu vừa đánh được, đưa lên bãi. Phải có đến mười hai người đàn ông lực lưỡng mới khiêng nổi nó và đưa vào tới bờ. Má nuôi tôi cũng đi theo tốp người khiêng. Những người đàn bà lằng xằng ngã giá mua nguyên cả con cá sấu cứ bám sát bên má nuôi tôi. Mấy chị phụ nữ trẻ trẻ trong xóm cũng xoắn theo chân má nuôi tôi, người nào người nấy đều sẵn sàng dao rổ, chia phần thịt mang đi bán.

Thằng Cò dắt chó đi mua rượu về, thấy bố còn ngồi trong bóng thuyền dựa bãi với các ông bạn phường săn bèn chạy ù đến vút phịch chai rượu xuống cát rồi quày quả chạy đuổi theo đám người nhốn nháo đằng kia.

- Khi tôi phóng mũi lao trúng con cá sấu này, thì tôi nghe đằng xa nước động dữ dội. Chắc còn một con nữa to hơn. Nhất định là sấu cặp! - Tía nuôi tôi nói xong, còn tặc lưỡi mấy tiếng ra bộ tiếc rẻ lắm.

Ông già Tư ghé vào tai tía nuôi tôi:

- Sắp hết mỡ rồi! Không biết tìm đâu ra bây giờ?

Tôi rất sợ cái "đèn ghê" của tía nuôi tôi. Người ta đồn rằng: đèn ấy đốt bằng mỡ người. Cá sấu bắt hơi đèn từ xa lắm. Nó rất thèm thứ mỡ cháy này. Hễ ngửi mùi là nó bơi tìm đến tức khắc. Theo như lời ông già Tư, thì những tay



phù thủy giang hồ⁽¹⁾ người Mã Lai vượt vịnh Thái Lan đưa thứ mỡ ấy sang bán. Giá rất đắt!

Tôi nghĩ: Mỡ nào mà không cấu tạo chủ yếu bằng thành phần chất béo? Mỡ lợn không được à? Tại sao phải dùng đến mỡ người một cách man rợ như vậy? Có lần, tôi đã chất vấn tía nuôi tôi về thứ "đèn nghề" khủng khiếp ấy. Tía nuôi tôi nói:

- Đó là thói tục cổ lỗ, mê tín dị đoan. Người xưa thấy cá sấu hay ăn thịt người, tưởng dùng mỡ người tắt dễ câu nó, chứ chắc gì đã là mỡ người thật.

Tía nuôi tôi đã nhiều lần kể cho thằng Cò và tôi nghe rành rọt về nghề săn cá sấu. Tôi nghe đến thích mê. Nhưng có nghèo, thà bắt con tôm con tép ăn, chứ tôi chẳng dám theo cái nghề nguy hiểm này.

Săn cá sấu thường phải chọn những đêm tối trời. Nhất là những ngày nắng to, có trận mưa vừa tạnh, gió chỉ hơi rạo rạo mát gỏi làn da, khí trời vẫn còn thấp và nặng.

Mặt sông rộng mênh mông, phẳng lặng như mặt hồ. Tía nuôi tôi người trần, chỉ quấn cái khố nhỏ, hai cánh tay cặp trên hai đầu bằng dây thép. Ông trầm mình dưới nước, chỉ lộ người từ phần giữa ngực lên trên. Cứ thế, thả

(1) Cũng còn gọi thầy bùa. Bọn này phần nhiều đi rong trên thuyền ở vùng miền Tây Nam Bộ. Người ta đồn rằng chúng "thu" người (làm phù phép để gây bệnh độc) rồi "mỡ" (chữa khỏi bệnh) và ăn tiền rất nhiều.

trôi đi. Hai chân thỉnh thoảng quạt nhẹ, lái cho bè xuôi đúng giữa lòng sông. Cá sấu chỉ gặp người bơi ngang, hoặc dùng đuôi quật ngã người ngồi trên xuống cho rơi xuống nước rồi gấp chạy đi, chứ chúng khó gặp được người bơi đúng.

Tay phải tôi nuôi tôi cầm một cây lao bằng gỗ mun. Gỗ mun kỵ cá sấu. Đâm vào thịt con cá sấu, cây mun cứ hút sâu vào, làm con vật nhức buốt không chịu nổi. Cán lao buộc vào một đầu dây, phải biết lòng sông sâu bao nhiêu sải nước mà sắm sợi dây cho vừa đủ, không thừa quá mà cũng không thiếu quá. Dây thừa quá thì phải mất công lặn xuống kiếm lâu mới gặp con cá sấu trúng thương, mà dây ngắn quá thì nó kéo phao chìm dưới nước, chẳng biết đâu mà mò. Đầu kia sợi dây buộc vào một cái phao bằng gỗ mốp. Phải khoanh sợi dây cho khéo, để khi con cá sấu lôi dây chạy, sợi dây cứ xoay vòng tự động tháo ra, không vướng. Trên phao kiên chặt cây đèn nghệ, tựa như cái đĩa sắt con sâu lòng, thả ngọn bắc vào cái đèn "mỡ người" ấy, thấp cháy lên. Lại phải cắm trên phao một cây cờ đỏ, để dễ nhận thấy từ xa (còn có lý do huyền bí nào nữa không thì tôi không được biết). Thả cái phao trôi trước mặt người thợ săn chừng hơn một với tay, được giữ cỡ bằng một sợi dây nhỏ.

Tía nuôi tôi thả trôi theo nước như vậy, có khi hàng hai, ba giờ liền. Bao giờ ông cũng phải



uống một tô nước mắm cốt, để trầm dưới nước lâu không bị nhiễm lạnh. Trong đêm tối mịt mùng, trên dòng sông mênh mông chỉ lấp lóe "ánh đèn thiêng" và đôi mắt sáng ngời của tia nuôi tôi... Đang trôi xuôi, cả người ông bỗng bị xô lùi lại bởi một luồng nước tổng lại cực mạnh. Nghe khi... ì... một tiếng, rồi một cái bấu⁽¹⁾ to bằng cái bát trềng lên. Con cá sấu nổi lên, há hòng thè lưỡi liếm mỡ cháy trong cây đèn. Nhanh như chớp, tia nuôi tôi nín thở, dồn hết lực vào cánh tay, phóng mạnh cây lao vào giữa hòng nó, và lập tức buông phao ra. Con cá sấu trúng thương, đập đuôi âm âm, lộn lên lộn xuống, quẫy mạnh làm cho mặt sông nổi dậy sóng cồn. Rồi nó lòi dây, mang phao chạy.

Tia nuôi tôi "ì..." một tiếng. Thuyền chèo yểm hộ người thợ săn cá sấu bao giờ cũng theo song song bên bờ, phòng trường hợp bất trắc có thể bị đôi ba con nổi lên tấn công cùng một lúc thì xông ra tiếp ứng. Nghe tiếng "ì..." họ biết đã đâm trúng cá sấu rồi. Thế là thuyền chèo bay ra, đón tia nuôi tôi lên.

Con cá sấu chạy đến đâu, dây tháo theo đến đó. Nó cố gắng chịu đau lắm thì cũng chỉ chạy nổi đôi ba nghìn thước là cùng. Rồi dần dần đuối sức, không chịu đau nổi nữa, nó tìm một cái vịnh sâu nào đó, trầm xuống đáy.

(1) Mũi cá sấu, đóng bên trên chót mõm.

Sáng hôm sau, hai chiếc thuyền của phường săn chia nhau chèo cặp hai bên bờ để tìm cái phao. Bao giờ người đã phóng cây lao đâm trúng cá sấu cũng là người lặn xuống đáy sông trói nó. Như vậy, mới được hưởng nguyên phần mình cái bao tử của con cá sấu khi mổ ra⁽¹⁾...

Mỗi lần tía nuôi tôi mang vòng dây thép lặn xuống, thằng Cò theo thuyền cứ mếu máo chực khóc. Còn tay chân tôi thì cứ phát run lên. Tía nuôi tôi lặn rất lâu mới trồi lên thở. Rồi lại kéo đôi lặn trở xuống buộc nó, để anh em phường thợ khác trên thuyền kéo nó lên.

Thường sau mỗi lần như vậy, tía nuôi tôi bao giờ cũng làm vài hớp rượu cho lại sức. Ông đưa bàn tay lạnh móp lên chùi những giọt rượu chảy xuống chòm râu đầy râu nước xanh lè, ngó tôi và thằng Cò, cười khà khà:

- Hai đứa bay sao khéo lo! Con cá sấu đã bị cây mun đâm, nhức buốt, tê liệt cả mình mẩy rồi. Nó bám sát đáy vịnh, tao lặn xuống sờ đầu nó, nó cũng không dám động cựa. Cứ nằm im, chịu phép cho tao khớp mồm, trói lại. Cây mun đâm vào mắc giữa họng rồi, nó cắn được ai nữa? Càng cựa quậy thì càng đau thôi!

Một cơn gió từ mặt sông bất thành linh thổi thốc vào bờ, khiến cho lá cờ đuôi nheo đỏ buộc trên đầu con sào giật nảy lên, reo vù vù.

(1) Theo tục lệ cổ truyền, bao tử (dạ dày) thuộc về người đã phóng đâm lao trúng hoặc câu được con cá sấu, vì trong bao tử thường có vàng hoặc kim cương (nữ trang nói chung). Khi cá sấu nuốt xong người, những thứ ấy không tiêu hóa được, hãy còn nguyên.



Tôi ngồi bên tía nuôi tôi và ông già Tư, nhìn xuống dòng sông mênh mông đang cuộn cuộn chảy, hình dung ra những con quái vật kinh khủng đang bơi lặn dưới đó, càng thấy những con người nhỏ bé ngồi quây quần trong bóng thuyền ghéch mũi lên bãi cát đây thật vĩ đại biết bao nhiêu...

"Hỡi thiên nhiên dữ dội và nham hiểm, ngươi hãy coi chừng. Không một sức mạnh nào ẩn chứa trong ngươi mà con người không khuất phục nổi đâu!" Tôi chỉ chực muốn thét lên như vậy. May sao đó chỉ là những ý nghĩ còn nằm trong đầu óc thơ bé của tôi mà tôi chưa thốt ra thành lời được. Không thì có lẽ ông già Tư và tía nuôi tôi sẽ cho tôi là phát rồ cũng nên.

16

QUA SRÓC MIÊN

"Nghèo như chiếc lá rụng xuống sông, nước đưa tới đâu mình theo tới đó! Huống chi bây giờ lại gặp lúc giặc đánh lung tung..."

Hôm chúng tôi gặp phường săn cá sấu ở quán rượu ông già lùn, nghe tía nuôi tôi nói

như vậy, tôi cứ tưởng là ông nói cho có nói vậy thôi. Đâu ngờ ông nói vậy mà có vậy thật.

Giặt vào xóm chài chưa đầy ba tháng, ngôi lều mới dựng lên chưa ấm chỗ, má nuôi tôi chưa thuộc khắp mặt những người đàn bà quanh quần ở khúc sông này, thì chúng tôi lại trở về cuộc sống lênh đênh.

Mấy hôm nay, dân đánh lưới hàng⁽¹⁾ về cứ nhao lên là Tây sắp tiến vào vùng U Minh hạ, theo đường con sông này. Ca-nô do thám của nó đã thập thò ngoài vàm sông Cán Cạy. Những buổi trời lặng gió, tiếng tàu giặc chạy xình xịch tận ngoài vịnh biển vọng thấu tận đây, nghe rõ mồn một. Buổi chiều hôm kia, ca-nô xích hầu của nó tắt máy thả trôi theo nước vào tới vịnh Bần Cùi, bắt mất hai người câu tôm. Sáng hôm sau, hơn tiểu đội giặc cải trang giả làm thường dân, bơi xuống thọc sâu vào đầm Le Le, đã bị dân quân tự vệ phục kích bắn chết mấy thằng. "Con đầm già" ngày nào cũng vè vè lượn sát xuống ngọn cây và bữa nay nó dắt hai chiếc tàu há mồm vào sắp tới đây rồi. Khói nhà cháy đã dựng lên từng bưng ở mạn Bần Cùi. Thiên hạ đã nhốn nháo tản cư.

Tía nuôi tôi đã quyết định ở lại đây. Giặc tới thì theo anh em dân quân tự vệ, du kích đánh lại nó. Không lẽ cứ chạy mãi. Ai cũng chạy thì thà dâng đất này cho nó, bày chuyện đánh chác làm gì?

(1) Lưới to để đánh cá ngoài khơi và các cửa biển.



Giặc sắp tới bên nách. Lại không may cho gia đình chúng tôi là việc thằng Cò bị đau chân, còn rên la nằm đấy. Nó theo đám trẻ phường chài lội dọc theo bãi đi thụt bắt cá bồng trong bẹ dừa nước, không may đạp nhằm cá mặt quỷ. Nọc độc của con cá quái ác đã hành nó sốt mê man, bàn chân phù lên như chân voi.

Má nuôi tôi cuống lên, cứ khóc giục tía nuôi tôi phải đi.

- Đi đâu bây giờ? - Tía nuôi tôi cau mày, nói bằng một giọng giận dữ bất lực.

Má nuôi tôi chùi nước mắt, lạnh lùng buồn thông một câu:

- Hừ! Ông mê ba con cá sấu của ông thì ông cứ ở đây. Tôi đóng bè chuôi tôi chở hai thằng nhỏ đi!

Gương mặt buồn nảo của má nuôi tôi dần dần tái nhợt, đôi môi bà run run mấp máy như muốn nói gì mà không nói ra được.

Tía nuôi tôi ngồi xếp xuống chõng, thở ra một hơi dài. Ông chăm chăm nhìn thằng Cò đang đắp chiếu nằm thiêm thiếp hồi lâu, rồi lặng lẽ đứng dậy bịt khăn lên đầu, xách mác đi lột bẹ dừa nước chẻ lại quai chèo.

Vào lúc xế chiều thì chiếc thuyền nhỏ của chúng tôi rời bến. Xóm chài lạnh ngắt. Bầy ruồi xanh bầu vào mấy con cá chết nằm dọc theo bãi, thấy động bay kêu vu vu. Tía nuôi tôi chèo lái. Tôi chèo mũi. Thuyền đi đã xa mà tôi cứ ngoái nhìn về những bóng nhà quanh quê chơ

vơ nơi đầu xóm cũ. Hàng cột phơi lưới mỗi lúc một mờ dần trong khói chiều hôm...

Cũng như chuyến nổi trôi ngày trước, chúng tôi cứ thay nhau chèo rồng rã mấy ngày mấy đêm liên không nghỉ. Lắm lúc tôi có cảm giác như chèo mãi mà thuyền vẫn còn đứng y nguyên một chỗ. Trông chỗ nào cũng không khác chỗ nào. Hai bên bờ, dừa mọc san sát. Gió thổi khua động tiếng lá rì rào và tiếng sóng lách chách vỗ vào mạn thuyền cùng tiếng chèo đưa kiu kịt tạo thành một nhịp điệu buồn triền miên, một thứ hòa thanh rữ rượi khiến tôi nghe vừa nhớ nhà mà cũng vừa buồn ngủ.

Nhiều lúc nhớ tới anh Ba thủy thủ, tôi tự hỏi: "Không biết trên bước đường phiêu lãng, anh có trải qua những ngày buồn bã thế này không?".

Rày đây mai đó... Trên rừng, dưới biển, đồng ruộng, núi cao, bất cứ chỗ nào mình cũng đi tới. Càng đi thì càng gặp nhiều chuyện lạ, khiến cho mình say mê.

"Xưa kia có một con tàu nhỏ

Nó chưa hề lướt sóng ra khơi...

Này hỡi những chàng thủy thủ

Đang xông pha trên ngọn sóng cao vời!"

Giọng nam trầm của anh Ba thủy thủ như cứ dập dềnh trôi theo chiếc thuyền nhỏ của tôi. Tôi mơ màng thấy những ốc đảo xanh rờn giữa sa mạc, menh mông một màu cát vàng rừng rục, có mấy người lái buôn ngồi bên những con



lạc đà, mệt mỏi nhìn bóng Kim Tự Tháp nhô vút lên ở chân trời..., những hải cảng tấp nập hành khách với đủ các kiểu y phục và màu da khác nhau, từ trên những con tàu khổng lồ xuyên đại dương chen chúc nhau theo bậc cầu thang xích va-li xuống bến... Những biển băng lạnh cóng trắng xóa một màu tuyết, không còn phân biệt đâu là mặt đất đâu là chân trời, có những người Et-xki-mô mặc áo lông gấu sù sụ ngồi trên xe trượt tuyết do hươu kéo chạy như bay... Phải rồi, tất cả những quang cảnh chói lòa màu sắc rực rỡ in trong xấp *bưu ảnh* của anh Ba thủy thủ đã cho tôi ngày trước đó, đều đẹp và có một sức hấp dẫn, khiến cho mình càng muốn đi tới. Nhưng nó xa xôi quá, biết bao giờ mình có thể tới được. Trên dòng sông mênh mang giờ đây, chỉ có nỗi buồn khiến tôi thiếu nhiều lúc cứ muốn biến thành con panh-goanh thôi...

Thuyền của chúng tôi cứ xuôi theo dòng nước. Hai bên bờ sông, hết lá dừa nước thì đến gai chà là. Rừng cây chà là với những ngọn cây san sát giao nhau, mặt trời khỏ sở lắm mới chiếu xuyên qua được những tàu gai dày đặc, để lọt vài đốm sáng xuống mặt đất sình lầy đen kịt. Nhiều con rắn mai gầm khoang đen khoang vàng nằm khoanh như những đống dây thừng, ghéch mồm lên gốc cây chà là mọc sát mé nước đã bị sét đánh cháy thành than. Đôi khi tôi quờ mái chèo gạt lên mình rắn mà nó

cũng không thềm chạy. Hết rừng chà là lại đến đồng cỏ. Bốn mặt chân trời, sắc cỏ nối liền với sắc trời xanh biếc. Loài cỏ cao xù nhiệt đới cao lấp mắt đầu người, mọc lưu niên trên những đầm lầy, bất cứ mùa nào cũng vươn thẳng ngọn xanh reo hát dưới mặt trời. Lâu lâu, gió từ hướng biển thổi vào lướt chạy vi vu trên đầm cỏ; gió chạy đến đâu, cỏ rạp mình cúi xuống đến đó, làm cho cánh đồng cứ gợn lên như sóng nổi.

Trên mặt biển cỏ xanh rờn ấy, những đàn cò trắng chấp chới bay, không biết cơ man nào mà kể xiết.

Tôi dừng chèo, quay vào khoang thuyền:

- Cò ơi! Mày gắng ngồi dậy coi. Cò bay trên đồng cỏ nhiều lắm đấy, Cò này!

Thằng Cò biết tôi trêu nó, nhưng cũng tức chiếu ra, xoay người nằm sấp trong mũi nhìn lên cánh đồng. Nó nhoẻn miệng cười không thành tiếng.

- Chưa ăn thua gì đâu! Còn nhiều hơn thế nữa...

Rồi nó xoay người nằm co lại, kéo chiếu đắp lên. Tôi nghe nó rên ư... ư... dưới lớp chiếu tùm hum, thương nó không để đâu cho hết.

Má nuôi tôi thở dài:

- Không biết chừng nào mới tới sóc Miên để kiếm thuốc cho thằng bé.



Tía nuôi tôi đưa tay lên che mắt nhìn vào chân trời, nơi có những đầu cây thốt nốt vươn thẳng lên mờ mờ xa tít, trông chỉ to hơn cái nắm.

- Chèo một mạch hết con nước này thì đến thôi. Gắng lên, nghe An!

Tôi không còn điều khiển được hai cánh tay nữa. Nó cứ nặng trịch trịch và cứng như hai khúc gỗ lấp vào đôi vai đã mỏi dừ của tôi. Nhưng khi nghe tía nuôi tôi hồ hởi nói thế, tôi cũng cười:

- Con còn chèo được mà. Chưa mỏi lắm đâu, tía ạ!

Má nuôi tôi từ trong mui lom khom bước ra, bảo tôi:

- Vào nghỉ tay đi. Để đó cho má!

Và bà cầm lấy guộc chèo, đẩy tôi vào mui. Tôi nằm xuống bên thàng Cò, chưa kịp xoay trở lấy thế nằm cho ổn thì cơn buồn ngủ đã kéo tôi khép chặt đôi mi mắt nặng trịch của tôi lại rồi...

Quá trưa hôm đó, chúng tôi vào đến sóc Miên.

Những giồng cát liên tiếp nối nhau chạy dọc theo hai bờ con sông nhỏ mà chúng tôi đang rẽ vào. Hơi nóng rừng rực từ giồng cát bốc lên làm hoa cả mắt. Nắng đốt vàng ngọn cỏ, thiêu vàng lá tre. Lâu lâu có một luồng gió từ xa chạy tới, cuốn từng vầng cát lớn bay mù mịt, phủ mất bóng những đàn bò uể oải đứng gặm cỏ khô

dưới những tầng cây thốt nốt, khiến cho tôi có cảm giác những con bò mộng to tướng ấy đã bị cuốn theo vầng cát, bay lên biến mất giữa trời.

Bọn trẻ chăn bò trần truồng dưới mé sông, lặn ngụp, té nước vào nhau, reo hò inh ỏi. Đứa nào đứa nấy da cứ đen bóng như bôi nhọ mỡ. Một thằng bé tóc xoắn như bụt ốc, cầm roi bò đứng trên bờ, không tắm nhưng cũng cứ trần như nhộng. Giữa cái bụng tròn như quả bóng bơm căng của nó, một sợi dây nịt⁽¹⁾ mới toanh thắt ngang. Tự nhiên, tôi cũng cảm thấy bụng mình như đau đau tức tức. Thấy tôi liếc mắt ngó, nó nhe răng ra cười. Hàm răng trắng nõn của nó đều tăm tắp như hạt ngô rất đẹp.

Trên con đường mòn như rấn lượn dất vào xóm, có chiếc xe trâu bánh gỗ kéo lúa đi cót... két... cót... két... Một người đàn ông cỡi trần, đầu không đội mũ, vận chiếc xà-rông đỏ đi trước xe lúa, tay cầm sợi thừng dắt theo con trâu. Hai người đàn bà còn trẻ, dong dỏng cao, đều mặc một kiểu áo bít bùng may hở cổ xuống gần giữa ngực, mỗi người đội trên đầu một vò nước bằng đất sét nung, chậm rãi bước sau xe. Hai cái bóng phụ nữ cổ thon thon hình cổ lọ, dường như lúc nào cổ họ cũng rướn lên để giữ thăng bằng cho hai chiếc vò đất, nổi bật lên đẹp như những tượng phù điêu bằng đá khắc hình vũ nữ Khơ-me mà tôi đã thấy trong hình ảnh ở một quyển du ký nói về đất Cao Miên. Cảnh

(1) Thắt lưng da.



vây chung quanh đều chìm trong một màu vàng buồn bã, rừng rục hơi nắng; chỉ có ngọn những cây thốt nốt cao lêu nghêu là còn giữ được sắc lá màu xanh.

Thuyền chúng tôi đi qua một dãy nhà vách phen trống hoác. Một con chim chài chài sắc lông xanh có bộ ức đỏ tuyệt đẹp đậu trên cái giàn cúng ma cất dựa bờ sông, nghe động tiếng mái chèo, giật mình bay vút lên, mất hút giữa nền trời xanh.

Chúng tôi đậu thuyền lại bên một doi cát, sửa soạn bữa cơm chiều.

Tía nuôi tôi thay áo, bịt khăn mới, dắt tôi lên chùa xin thuốc cho thẳng Cò. Chúng tôi đi được một quãng thì con Luốc phóng lên bờ chạy theo. Đuổi mãi nó cũng không quay lại, tôi đành phải cho nó đi theo bên tôi. Tới ngôi nhà sàn đầu xóm nằm thấp thoáng trong một lũy tre, tía nuôi tôi đứng ở cửa gọi vọng vào hỏi thăm lối lên chùa. Người chủ nhà mặc may-ô trắng, vận xà-rông tơ kẻ ca-rô đen, đứng trên sàn chỉ trỏ về phía những cây xoài cổ thụ, nói lằng lịu một hồi. Hai người nói với nhau bằng tiếng Miên, tôi không biết họ nói gì, phần bị những con chó từ dưới sàn chạy tủa ra sủa vang, nên cứ tưởng như hai người đang cãi nhau chuyện gì.

Chúng tôi đi tới đâu, chó sủa rộ lên tới đó. Không biết bao nhiêu là chó, con nào con nấy

dữ như quý sứ, cứ chồm chồm ra, cạy gần nhà chực xông vào cắn con Luốc.

- Sao họ nuôi chó làm gì mà nuôi lắm vậy, hờ tía? - Tôi phát bực, hỏi tía nuôi tôi.

- Ồ, nuôi mà như không nuôi... Người Miên theo đạo Phật, không ăn thịt chó. Cũng không bán. Ai xin thì họ cho không vậy thôi. Chó đẻ ra bao nhiêu cũng nuôi mặc cho nó lớn, sống thế nào cũng mặc.

Con Luốc đi bên tôi, đuôi nó không cụp xuống tỏ vẻ sợ hãi, lại còn cứ ve vẩy, tuồng như không màng đến bọn nhãi nhép tong teo kia. Chỉ cần tôi ra lệnh một tiếng, là nó xông ra cho bọn chó kia một bài học nên thân ngay.

Ngôi chùa với sáu mái lợp ngói cong vút, xây trên nền đá như kiểu kiến trúc chùa chiền Ấn Độ, sừng sững đứng trên ngọn đồi cát, chung quanh mọc toàn những cây xoài cổ thụ to đến ba bốn người ôm. Chúng tôi lần theo những bậc thang xây bằng đá tổ ong, đi lên chùa. Hai bên bậc thang, ở mỗi quãng mặt bằng phải đi bình thường một lúc trước khi bước lên một tầng thang cao hơn, có bệ xây hình rắn bảy đầu xòe ra như cái quạt khổng lồ. Ngọn đồi cũng thấp thôi, nhưng cách kiến trúc đường lên bậc thang khiến tôi khi bước đi cứ có cảm giác là chùa ở trên chỗ cao lắm, vì luôn luôn phải ngửa cổ lên mới nhìn thấu được bên trên.



Ông Lục cụ⁽¹⁾ chưa già lắm, khoảng ngoài năm mươi tuổi thôi. Ông không mặc quần áo kiểu sư ta mà choàng quanh người bằng cả một súc lụa vàng, lẹp xẹp đôi hài cỏ, tươi cười bước ra tiếp tía nuôi tôi. Tía nuôi tôi chấp hai tay vái Lục kính cẩn. Thấy tía nuôi tôi làm gì, tôi cũng bắt chước làm theo như vậy. Hai người lại nói chuyện với nhau bằng tiếng Miên, làm tôi cứ đứng ngớ ra nhìn. Tía nuôi tôi theo Lục vào chùa. Tôi vừa toan bước theo thì tía nuôi tôi quay lại, bảo:

- Không được dắt chó vào chùa. Con muốn vào thì phải bắt nó nằm ngoài sân kia!

Tôi không thể nào bảo được con Luốc cho nó chịu nằm yên. Hễ tôi quay lưng đi thì nó lóc cóc chạy theo, nên tôi đành phải đứng ngoài cửa ngóng vào. Tía nuôi tôi đập đập chân giữ bụi trên góc phản, rồi lên ngôi xếp bằng tròn trên chiếu hoa rất đẹp, đối diện với Lục, tôi thấy ông Lục ân cần rót nước mời tía nuôi tôi, rồi hai người tiếp tục nói lằng lịu gì với nhau. Tôi đưa mắt nhìn sâu vào trong, thấy trên bàn thờ là những ông bụt cũng gần giống như bụt ở các chùa Việt Nam vậy thôi. Duy chỉ có điều khác là dưới bàn thờ nào cũng chất lổm nhổm những chiếc nồi đất mới, đựng xương người đã hỏa thiêu, trên nắp buộc vuông vải trắng, và bên hông nồi có dán mảnh giấy nhỏ để tên họ ngày mất của người đó.

(1) Sài cả (tiếng Miên). Danh từ "Lục" cũng còn để chỉ những người có tuổi hoặc có uy tín mà mọi người kính trọng.

Từ ngôi nhà nhỏ bên phải, bọn trẻ con đang ríu rít cúi đầu vái một ông Lục trẻ, rồi chúng cấp sáo xô ra, tranh nhau bước xuống bậc thang chạy về.

Tía nuôi tôi cầm gói giấy vàng bước ra, còn ngoái lại vái ông Lục cụp một lần nữa. Ông bước ra theo tiễn khách, hình như toan nói điều gì rồi lại thôi. Khi tía con chúng tôi ra đến đầu bậc thang ông "dớ!" lên một tiếng, khiến tía nuôi tôi giật mình quay lại. Ông Lục cụp điểm ngón tay trở vào khoảng không, nói thật chậm nghe rõ từng tiếng một:

- *Rừ xây choòng cấp, boòng lá trâu xoa!*⁽¹⁾

Tía nuôi tôi "pát! pát!"⁽²⁾ luôn mồm và vái ông Lục cụp một cái thật dài trước khi nắm tay tôi dắt đi.

- Nói chuyện gì trong ấy mà lâu vậy tía? - Tôi hỏi.

- Dủ mọi thứ chuyện. Lục hỏi thăm Tây đánh vào tới đâu rồi, hỏi chúng ta từ đâu tới. - Tía nuôi tôi đáp một cách vui vẻ.

- Có thuốc cho thằng Cò không tía?

Tía nuôi tôi chìa gói giấy vàng ra:

- Thuốc đây. Hay lắm! Làm bằng một trăm thứ cốt chim và xương rắn độc. Trong uống ngoài xoa, khỏi ngay thôi. Lục không lấy tiền, chỉ biểu thôi.

(1) Tre muốn chặt thì gai phải đốn.

(2) Vâng! Vâng!



- Lúc nãy ông nói gì với tía đấy?

Tía nuôi tôi ngó tôi một lúc rồi mới đáp:

- Con thì cái gì cũng hỏi. Ừ, Lục bảo: "Tre muốn chặt thì gai phải đốn!" Không nói thẳng đâu, mình phải suy ngẫm ra mà hiểu lấy... Tức là muốn đánh được thằng Tây, thì phải trừ bọn tay chân của nó trước!

- Hay quá tía nhỉ! Ồ, tụi nhỏ đi học kinh ở chùa vừa ra lúc nãy phải không hở tía?

- Học chữ đấy. Các sớ Miên đều không có trường học. Trẻ con đến học ở chùa thôi. Ông cụ Lục là người oai quyền nhất sớ đấy!

- Gặp được ông Lục cụ tốt thì may, tía nhỉ!

Tía nuôi tôi chỉ "ừ" rồi cười cười nhìn tôi bằng cặp mắt khó hiểu. Chúng tôi lặng lẽ trở về thuyền, mặc cho bầy chó đuổi theo vờn chung quanh con Luốc sủa đến văng óc.

Sau khi uống thuốc và bôi thuốc được một lúc, thằng Cò đã ngồi dậy, tỉnh như không. Quả là món thuốc thần diệu thật! Tía nuôi tôi liền bọc một nanh cá sấu trở lên chùa đền ơn Lục cụ, bảo là để Lục tiện nó làm quân cờ...

Má nuôi tôi thì cứ bảo nên ở nán lại một ngày nữa hãy đi để hôm sau bà lên chùa lạy Phật đã, nhưng đang gặp lúc thuận nước thuận gió, nên tía tôi không thể chiều bà được. Thế là vào khoảng đầu canh một đêm đó, chúng tôi lại tiếp tục cuộc hành trình mà tôi chưa biết sẽ về đâu.

SÂN CHIM

Ở vùng này, những chiếc thuyền nhỏ cỡ thuyền chúng tôi chẳng ai làm buồm. Có lẽ để tránh bớt sự công kênh, choán chỗ, và để cho thuyền được nhẹ. Khi cần cứ chặt một tàu lá dừa nước ngọt theo bờ sông cắm lên thuyền là đã có ngay một chiếc buồm rồi.

Thuyền chúng tôi đổ ra dòng một con sông lớn, với bốn cánh buồm thiên nhiên kiểu đó, cắm trong bốn lỗ cột chèo. Má nuôi tôi ngồi giữ lái. Gió đưa chiếc thuyền buồm xanh của chúng tôi lướt chạy ào ào như chiếc ca-nô. Chạy một mạch hai ngày hai đêm như vậy, đến ngang một cái chợ, tía nuôi tôi "hạ buồm" vút xuống lòng sông trả lại cho bà Thủy.

Người ta gọi chợ này là chợ Mặt Trời. Có lẽ vì chợ nhóm tại doi đất ngã ba vàm một con kênh có tên là kênh Mặt Trời. Còn thằng Cò thì cứ bảo tôi đây là chợ chim. Hôm qua, chợ chưa nhóm. Tía nuôi tôi còn cấm sào ở bên chợ, hy vọng có thể bán nốt mấy tấm da cá sấu còn vướng chỗ trong thuyền. Suốt ngày, ánh nắng

rừng rực đỏ lửa xuống mặt đất. Bốn phía chân trời trống huếch trống hoác. Từ lúc mặt trời mọc cho tới khi mặt trời lặn không kiếm đâu ra một bóng cây để tránh nắng. Con kênh Mặt Trời còn phơn phớt màu đào buổi sáng, giữa trưa bỗng hóa ra một dòng thủy ngân cuộn cuộn lóa mắt, rồi dần dần biến thành một con suối lửa lúc trời chiều. Năm ba ngôi quán lèo tèo ngó cửa ra một khoảnh đất rộng. Trên mặt đất nứt nẻ, vết cứt chim khô trắng khắp nơi, lông chim theo gió cuốn lên xoáy tít trong nắng như những cánh bông gòn rụng bay lấp lóa.

Từ sáng sớm, ghe xuống đã vào cập bến chợ, đậu san sát như lá tre. Mũi xuống này được buộc nối vào lái thuyền kia, đen kín mặt nước. Tiếng chim kêu râm ran trong đám ghe xuống và trên sân chợ.

Tía nuôi tôi ngồi uống rượu một mình trong ngôi quán ồn ào, toàn những đàn bà và trẻ con đang húp cháo chim xì xà xì xụp. Máy tám da cá sấu hoa cà dựng trên ngạch cửa, bên lối ra vào. Mùi chim nướng từ trong những ngôi quán bay ra thơm phức. Tiếng dao thớt khua lộp cộp trong tiếng chim kêu xé màng tai, làm cho cái chợ nhỏ lạ lùng này thêm phần náo nhiệt.

Má nuôi tôi xách rổ lên chợ mua chim non và trứng để làm thức ăn dự trữ mang theo thuyền. Thành Cò, vì bàn chân hầy còn sưng, không được phép lên bờ, phải ngồi lại trong mui ôm con Luốc ngó lên chợ, coi bộ thêm thuồng lăm.

Tôi cầm bát lên mua một tô cháo chim băm hành củ rắc hạt tiêu bưng xuống cho nó, rồi quày quả nhẩy lên chợ ngay. Con Luốc cũng muốn theo tôi. Nó cứ vẫy đuôi kêu ư... ử... Nhưng thằng Cò cứ ôm cổ giữ nó lại. Nó tức mình, quay ra mấy xuống chim đậu chung quanh gắt ngẫu xị. Chim nhót trong các giỏ tre nghe tiếng chó sủa, hoảng hốt đập cánh kêu loạn lên.

Tôi đi một mình, luẩn quẩn theo những người bán chim trên chợ. Ngay dưới bờ sông chỗ tôi đứng, có mấy người đàn bà đang mặc cả, cãi nhau trên một chiếc thuyền to. Giỏ cần xé chất ngổn ngang, đựng đầy các thứ trứng chim. Từng xâu chim trắng, chim đen buộc chân, dồn chật trong khoang; những con chim bị trói chen nhau ngóc cổ lên, con này mổ vào lưng con kia, đập cánh phành phạch.

Một thằng bé gánh tòn ten hai con chim gì lạ quá, cổ dài như cổ rắn, to gấp rưỡi con vịt bầu, sắc lông màu vàng xám.

- Ê, bán chim gì đó, mậy? - Tôi men theo, tay chấp đít hất hàm hỏi nó.

- Con diêng diêng mà cũng không biết!

Cặp môi nó trề ra, cái mặt vênh vênh, nhưng bộ tướng nhỏ thó và đôi mắt chân thật của nó nhìn lâu cũng thấy dễ mến.

- Bộ mày ở đâu mới tới hả? - Nó hỏi tôi.

- Ờ, mới tới. Xứ tao cũng... vô khối chim. Nhưng không giống như chim ở đây, thành ra



tao mới hỏi mày chứ! - Tôi nói phét với nó như vậy, để nó đừng chê tôi là "quê".

Coi ra nó cũng khoái. Nó trở từng con chim, gọi tên cất nghĩa cho tôi nghe, ý như muốn khoe với tôi rằng nó là "tổ sư Bồ Đề" ở đây...

Những con chàng bè đồ sộ như con ngỗng, mỏ to bằng cổ tay cứ gõ vào nhau lộp cộp, làm rung rung mảnh da mềm thông xuống tận cổ như cái diêm lửa mỡ gà. Những con giang sen cẳng cao lêu nghêu, nặng hàng năm bảy cân thịt, bị khớp mỏ, tréo cánh đứng giữa đám sếu đen, sếu xám mào đỏ, đầu không ngót nghiêng qua nghiêng lại ngó theo mấy con ó biển đang lượn vòng trên kên.

Cò thì không biết bao nhiêu mà kể. Cò ngà, cò trắng, cò xanh, cò ma... buộc từng xâu, chất nằm hàng đống. Một đám đàn bà trẻ con đang ngồi lúi húi vặt lông chim công cộc gần đấy.

- Mày muốn kiếm tiền xài không? - Thằng bé kéo tay tôi, bảo nhỏ. - Nhỏ lông chim muốn đấy. Mày muốn làm thì lại nói với cái thím đội nón lông chim ó rần đang đứng chống nạnh hai quai trước quán kia kìa!

Thấy tôi lắc đầu, nó hích khuỷu tay vào hông tôi:

- Chê à? Làm một ngày, kiếm bộn tiền. Mày không lấy tiền thì lấy thịt chim về ăn. Lông chim bán riêng, thịt bán riêng mà!

Chỗ này mười giờ le đặt bên cạnh một đống lông nhốt đầy chim trích. Những con trích lông

Đoàn Giỏi

xanh, mỏ đỏ như quả ớt ngắn, cặp chân hồng như đôi đũa sơn, coi bộ tốt mã nhất. Con nào con nấy lông lẩy như con gà tre, cứ ngược cổ kêu trích... trích... ché..., nghe đến nhức màng tai. Chỗ kia lổm ngổm hàng sọt chim công cộc lông đen như nhọ chảo, không ngớt cựa quậy, mổ vào nhau kêu léc chéc.

- Chim ở đâu mà họ bắt nhiều vậy? - Bảy giờ tôi mới đành chịu hỏi thằng bé câu ấy.

- Chim bắt ở sân chim chứ đâu, mậy!

- Sân chim ở đâu?

- Ở chỗ nó ở chứ còn ở đâu!

Thằng bé cười cười, ra vẻ thích thú lắm. Dường như nó chỉ chờ nghe tôi hỏi để được trả lời, nhưng vẫn làm bộ làm tịch, chưa vội bảo ngay. Hồi lâu, nó mới nói:

- Máy người đàn bà mặc áo cộc tay đứng dưới tam bản chỗ trứng chim kia, là dân hốt⁽¹⁾ trứng chim đồng. Trứng le le, trứng trích, trứng cò... đẻ rơi trong đồng cỏ, không có chủ. Ai gặp nấy hốt. Hốt trứng tự do mà! Còn cái ông ngồi bán quạt, tết bằng lông ó rằn, lông chim già đây ở chỗ mấy con sếu kia, là chủ vườn cò. Mày biết vườn cò hả? Ừ, vườn cò... thì chỉ có cò ở thôi. Không nhiều bằng sân chim đâu. Sân chim thì vô phương nói được. Đủ các thứ chim. Mày thấy mới biết!

(1) Nhặt.



Mặt trời đã lên cao. Nắng bắt đầu gay gắt. Cái chợ chim nhóm giữa trời đã có phần bớt huyền ảo. Bỗng nghe tiếng hu... hu... từ đâu vẳng tới. Mọi người còn đang ngơ ngác ngóng lên trời thì từ dưới đám thuyền có tiếng thét vang dội:

- Máy bay giặc, bà con ơi!

Chợ nhốn nháo như vỡ đám làm chay. Người ta quỳnh quáng chạy tới chạy lui lộn xộn trên khoảng đất trống. Không một lùm cây, bụi cỏ để lấy chỗ nấp tạm. Nhiều người đàn bà hãi quá, nhảy bừa xuống kênh tìm một chỗ ẩn mình dưới các gò đất dựa bờ.

"Con đầm già đi guốc" bay là là trên mặt sông, vút qua ngang chợ. Nó cất lên cao, rồi từ từ quay lại lượn trên chợ một vòng, thả ra những cục gì đen đen. Tôi nằm úp mặt xuống đất, nín thở chờ nghe tiếng nổ.

- Giặc thả truyền đơn, bà con ơi!

- Đừng sợ, nó không bắn đâu!

- Ai dám nói nó không bắn đó!

Tiếng kêu thét, cãi nhau nghe ran chung quanh. Tôi nghiêng đầu ngó lên. Những cục đen đen từ trong chiếc thủy phi thuyền⁽¹⁾ thả ra ban nãy đã tan trong gió, bay trắng trời, lấp lánh trong nắng như vẩy cá. Gió thổi giật những tờ truyền đơn bay đi xa lắc. Ghe xuống vội vã chèo đi. Giầm chèo va vào nhau, khua

(1) Máy bay đậu được trên nước.

lớp cốp. Chim kêu diếc tai. Tiếng hú, tiếng ì, tiếng gọi nhau ran mặt nước.

Khi tôi chạy xuống bến, trèo lên thuyền thì đã thấy bộ da cá sấu vắt nằm trên mũi. Tía nuôi tôi cũng vừa quay xong quai chèo lái. Tôi chụp lấy guốc chèo mũi, quạt mạnh mấy cái, đưa thuyền quay ra cho trôi xuôi theo dòng.

Trong chốc lát, ngoảnh lại thì cái chợ chim đã biến mất chỉ còn trơ khoảng đất trống và dãy quán lụp xụp đứng buồn thiu.

- Không biết giặc rải truyền đơn nói cái gì?

- Mười hôm trước, nó cũng rải trên chợ Cái Rắn. Nó gọi mình đầu hàng!

- Bộ đội mình đâu, sao không đánh nó?

- Chỗ nào cũng chờ bộ đội à? Vậy chứ bà con mình cụt tay hết rồi sao? Nó vô đây, vác dao vác rựa chém nó ra từng khúc như khúc chuối, cho bỏ cái thói cướp nước người ta.

- Nghe có lính Bắc Bộ ngoài Cụ Hồ đưa vô rồi mà!

- Ồ, cũng có nghe đấy!

- Sao lại cũng có nghe? Vô nhiều lắm rồi. Tướng Vũ Đức chỉ huy. Đâu còn ở mạn trên Phước Long.

Mặt sông vang dậy tiếng người tranh nhau nói. Ai cũng muốn tỏ ra thông thạo. Ai cũng nói, thành ra không ai nghe ai...



Thuyền chúng tôi cứ xuôi theo dòng nước chèo đi. Tía nuôi tôi định đi về hướng Năm Căn. Ông bàn với má nuôi tôi:

- Năm Căn là xứ tiền rừng bạc biển. Sông rạch hiểm trở. Ở đó toàn là rừng. Rừng đước, rừng mắm, rừng bần,... Tây khó bề tới. Về đó, ta có thể đi đón củi muốn cho các lò than...

Má nuôi tôi nói xuôi lơ:

- Cái đó tùy ông. Ở đâu thì ở, miễn được yên nơi yên chỗ mà làm ăn. Chứ lênh đênh mãi thế này, tôi e có ngày hai đứa nhỏ chết lép xác thôi!

Mờ sáng hôm sau, tôi còn đang ngủ trong mui bồng nghe thằng Cò gọi giật tôi dậy:

- Mau ra coi, An ơi! Gần tới sân chim rồi. Đã sáng bết mà mày còn ngủ à?

Tôi dụi mắt bỏ ra khoang trước, vốc nước dưới sông lên rửa mặt. Trên vệt rừng đen ở chỗ con sông ngoặt như lưỡi cưa cá mập chồm chồm đứng đầu rừng nhọn đã ứng lên màu mây hồng phơn phớt. Từ chỗ vệt rừng đen xa tít đó, chim cất cánh tua tủa bay lên, giống hệt đàn kiến từ trong lòng quả đất chui ra, bò li ti đen ngòm lên da trời. Càng đến gần, khi bóng chim chưa hiện rõ hình đôi cánh, thì quang cảnh đàn chim bay lên giống như đám gió bốc tro tiền, tàn bay liên tri hô điệp.

Những bầy chim đen bay kín trời, vươn cổ dài như tàu bay cổ ngỗng lướt qua trên sông, cuốn theo sau những luồng gió vút cứ làm tai tôi rối lên, hoa cả mắt.

Mỗi lúc tôi càng nghe rõ tiếng chim kêu náo động như tiếng xóc những rổ tiền đồng. Và gió đưa đến một mùi tanh lợm giọng, khiến tôi chỉ chực buồn nôn ọe.

Chim đậu chen nhau trắng xóa trên những đầu cây mắm, cây chà là, cây vẹt rụng trụi gần hết lá. Công cộc đứng trong tổ vươn cánh như tượng những người vũ nữ bằng đồng đen đang vươn tay múa. Chim già đây, đầu hói như những ông thầy tu mặc áo xám, trầm tư rút cổ nhìn xuống chân. Nhiều con chim rất lạ, to như con ngỗng đậu đến quần nhánh cây.

Một con diêng diêng ngóc cổ lên mặt nước, thoát trông tôi tưởng là một con rắn từ dưới nước cất đầu lên. Khi thuyền chúng tôi chèo đến gần, nó bèn ngụp xuống lặn mất. Chốc sau đã lại thấy nó nổi lên gần bờ, mỏ ngậm con tôm xanh gần bằng cổ tay còn đang vung râu cựa quậy.

Tôi mê quá! Mà thằng Cò cũng mê như tôi. Hai đứa cùng ước: phải chi mình được dừng thuyền lại đây vài hôm để bắt chim thì phải biết!

Chim từ những đâu tập trung về ở đây, nhiều không thể nói được!

Ở đây, còn có nhiều giống chim lạ, không thấy bày bán ở chợ Mặt Trời. Chúng đậu thấp lắm, đứng dưới gốc cây có thể thò tay lên tổ nhặt trứng một cách dễ dàng.

Tôi chồm người ra be thuyền, kêu to:



- Dừng lại đây bắt một mớ chim đi, tía!
- Sân chim có chủ, không bắt của người ta được đâu! - Tía nuôi tôi bảo.
- Bộ họ nuôi nó sao? Chim trời cá nước, ai bắt được nấy ăn chứ!
- Đúng là không ai nuôi. Nhưng chim về ở trên vùng đất của ai thì nó thuộc về tài sản của người đó. Họ phải đóng thuế hằng năm như đóng thuế ruộng đấy, con ạ.⁽¹⁾

Thấp thoáng trong xa, bốn năm người quảy giỏ, cầm sào trúc có ngoéo sắt đang ngoéo cổ chim non xuống bắt. Coi bộ dễ hơn bắt gà nhốt trong chuồng.

Tiếng chim kêu vang động bên tai, nói chuyện không nghe nhau được nữa. Thuyền chúng tôi chèo đi hơn ba nghìn thước rồi mà hãy còn thấy chim đậu trắng xóa trên những cành cây gié sát ra sông.

(1) Ở Nam Bộ, thời Pháp thuộc, thuế đánh vào sân chim rất nặng, gấp bốn lần thuế ruộng. Trong kháng chiến, ta cũng có thứ thuế sân chim, nhưng thu nhẹ thôi. Sân chim (danh từ địa phương) nghĩa như đảo chim, cồn chim.

RỪNG ĐUỐC CÀ MAU

Nếu như có ai bảo tôi quay trở lại một nơi nào đó - một bến chợ hoặc một xóm làng chẳng hạn, nơi mà tôi đã rời đi cách đó chừng dăm ngày - trở lại bằng đúng con đường cũ mà không được hỏi ai đường đi, thì tôi sẽ chịu thôi. Chỉ mới đi một lần thì dứt khoát là không thể nhớ và không dễ dàng nhận ra con đường cũ.

Trông chỗ nào cũng như chỗ nào. Càng đổ gần về hướng mũi Cà Mau thì sông ngòi, kênh rạch càng bủa giăng chi chít như mạng nhện. Trên thì trời xanh, dưới thì nước xanh, chung quanh mình cũng chỉ toàn một sắc xanh cây lá. Tiếng rì rào bất tận của những khu rừng xanh bốn mùa, cùng tiếng sóng rì rào từ biển Đông và vịnh Thái Lan ngày đêm không ngớt vọng về trong hơi gió muối - thứ âm thanh đơn điệu triền miên ấy ru ngủ thính giác, càng làm mòn mỏi và đuổi dần đi tác dụng phân biệt của thị giác con người trước cái quang cảnh chỉ lặng lẽ một màu xanh đơn điệu.



Từ khi qua Chà Là, Cái Keo... rồi bỏ con sông Bảy Háp xuôi thuyền trôi theo dòng, thì tôi bắt đầu có cái cảm giác trên đây... Ở đây, người ta gọi tên đất tên sông không phải bằng cái tên mỹ lệ, mà cứ theo đặc điểm riêng biệt của nó mà gọi thành tên. Chẳng hạn như gọi rạch Mái Giầm, vì hai bên bờ rạch mọc toàn những cây mái giầm cọng tròn xộp nhẹ, trên chỉ xòa ra độc một cái lá xanh hình chiếc bơi chèo nhỏ, gọi là kênh Bọ Mất vì ở đó tụ tập không biết cơ man nào là bọ mất đen như hạt vừng, chúng cứ bay theo thuyền từng bầy như những đám mây nhỏ, ta bị nó đốt vào da thịt chỗ nào là chỗ đó ngứa ngáy nổi mẩn đỏ tấy lên; gọi kênh Ba Khía vì ở đó hai bên bờ tập trung toàn những con ba khía, chúng bám đặc sệt quanh các gốc cây. (Ba Khía là một loại còng biển lai cua, càng sắc tím đỏ, làm mắm xé ra trộn tỏi ớt ăn rất ngon). Còn như xã Năm Căn thì nghe nói ngày xưa trên bờ sông chỉ độc có một cái lán năm gian của những người tới đốn củi hầm than dựng nên, cũng như Cà Mau là nói trại đi theo chữ *Tức khơ mâu*, tiếng Miên nghĩa là "nước đen".

Thuyền chúng tôi chèo thoát qua kênh Bọ Mất, đổ ra con sông Cửa Lớn, xuôi về Năm Căn. Dòng sông Năm Căn mênh mông, nước ầm ầm đổ ra biển ngày đêm như thác, cá nước bơi hàng đàn đen trũi nhô lên hụp xuống như người bơi ếch giữa những đầu sóng trắng.

Thuyền xuôi giữa dòng con sông rộng hơn ngàn thước, trông hai bên bờ, rừng đước dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành vô tận. Cây đước mọc dài theo bãi, theo từng lứa trái rụng, ngọn bằng tăm tắp, lớp này chồng lên lớp kia ôm lấy dòng sông, đắp từng bậc màu xanh lá mạ, màu xanh rêu, màu xanh chai lọ... lòa nhòa ẩn hiện trong sương mù và khói sóng ban mai.

Chợ Năm Căn nằm sát bên bờ sông, ồn ào, đông vui tấp nập. Vẫn là cái quang cảnh quen thuộc của một xóm chợ vùng rừng cận biển thuộc tỉnh Bạc Liêu, với những túp lều lá thô sơ kiểu cổ xưa nằm bên cạnh những ngôi nhà gạch vắn minh hai tầng, những đóng gỗ cao như núi chất dựa bờ, những cột đáy, thuyền chài, thuyền lưới, thuyền buôn dập dềnh trên sóng... Nhưng Năm Căn còn có cái bề thế của một trấn "anh chị rừng xanh" đứng kiêu hãnh phô phang sự trù phú của nó trên vùng đất cuối cùng của Tổ quốc. Những bến vận hà nhộn nhịp dọc dài theo sông; những lò than hầm gỗ đước sản xuất loại than củi nổi tiếng nhất của miền Nam; những ngôi nhà bè ban đêm ánh đèn măng-sông chiếu rực trên mặt nước như những khu phố nổi, và nơi đây người ta có thể cập thuyền lại, bước sang gọi một món xào, món nấu Trung Quốc hoặc một đĩa thịt rừng nướng ướp kiểu địa phương kèm theo vài cút rượu, ngoài ra còn có thể mua từ cây kim cuộn



chỉ, những vật dụng cần thiết, một bộ quần áo may sẵn hay một món nữ trang đắt giá chẳng hạn, mà không cần phải bước ra khỏi thuyền. Những người con gái Hoa kiều bán hàng lẻ, những người Chà Châu Giang⁽¹⁾ bán vải, những bà cụ già người Miên bán rượu, với đủ các giọng nói líu lô, đủ kiểu ăn vận sắc sỡ, đã điểm tô cho Năm Căn một màu sắc độc đáo, hơn tất cả các xóm chợ vùng rừng Cà Mau.

- Ở lại đây thôi, ông ạ! - Má nuôi tôi vừa đưa mắt nhìn lên bờ vừa bảo tía nuôi tôi.

Tía nuôi tôi ngồi trước mũi thuyền thông thả nhồi thuốc vào nõ tẩu, nheo mắt cười với tôi và thằng Cò:

- Hai đứa bay muốn ở đây hay đi nữa?

Giọng đùa vui hiền lành dễ dãi của tía nuôi, nhất là nét cười bên hai khóe mắt của ông cứ mở ra, khiến tôi và thằng Cò cũng cười theo mà không đứa nào trả lời.

- Không nên ở đây! - Tía nuôi tôi buông lửng một câu ngắn cộc bất ngờ, rồi dặng háng ngược lên nhìn má nuôi tôi dò hỏi.

- Ông tính ra ngoài biển ở hay sao?

Dường như không chú ý tới sự phản ứng của má nuôi tôi, và cũng không buồn nhìn bốn con mắt thô lỗ đầy ngạc nhiên của hai thằng con nhỏ mà ông thừa biết rằng qua bao nhiêu chặng đường dài mệt mỏi, đều đang chờ đợi

(1) Người gốc Chiêm Thành.

phút dừng chèo, cắm thuyền là nhảy lên mảnh đất định cư hằng mong ngóng, tía nuôi tôi cứ thông thả bắt lửa lên đốt thuốc, bập bập hít mấy hơi dài.

- Ở lại đây, nhưng không ở tại đây!

- Ở chợ vui hơn chứ, tía? - Thành Cò hong hóng ngó lên bờ, buột miệng kêu lên. - Người ta đông như thế này mà... mình còn đi đâu nữa, hở tía?

Tía nuôi tôi cười mà như không cười, sẽ sàng nói:

- Mình có phải dân buôn bán đâu mà cần ở chợ!

- Ông có cần mua sắm gì không? - Má nuôi tôi hỏi.

- Chưa vội. Để lo tìm chỗ cất nhà trước đã. Bà có muốn cho hai đứa nhỏ lên chợ chơi thì ghé lại một chốc cũng được.

- Thôi, để lúc khác!

Bao giờ đang lúc cãi nhau vì sự bất đồng ý kiến trên một vấn đề nào đó với tía nuôi tôi, mà má nuôi tôi bỗng dưng quay ra nói một chuyện gì khác, thì tôi hiểu ngay rằng bà đã chịu cái lý lẽ của tía nuôi tôi là đúng.

Thuyền chúng tôi không đỗ lại chợ. Chúng tôi còn đi non một buổi nữa mới cập bến. Đây là một xóm nghèo, nhà cất lưạ thưa trên bờ một con rạch nhỏ dựa lưng vào rừng.

Những người thợ đốt than đã tiếp tay đốn cây, chặt lá dựng cho chúng tôi một ngôi lều



nhỏ. Ngày ngày tía nuôi tôi vác rìu theo thợ rừng đốt củi mướn cho các lò hầm than. Má nuôi tôi thì xách giỏ đi bắt ba khía về làm mắm. Thằng Cò và tôi bữa nào cũng rủ bọn trẻ trong xóm dắt con Luốc sục sạo vào rừng săn chồn, săn kỳ đà. Cũng có khi chúng tôi mò ra tận sông cái lội xuống bãi bắt cua, bắt vọp.

Chúng tôi thường men theo con đường mòn của thợ đốn củi dắt nhau ra chơi dọc bờ sông. Nơi nào cũng vậy, bọn trẻ nhỏ chúng tôi bao giờ cũng tìm ra được nhiều trò chơi trên các bờ sông, cho đến lúc chán thì nhảy ngay xuống nước tha hồ bơi tắm. Ở đây khi nước triều xuống, còn có những con cá biển đủ các loại màu sắc và hình thù khác nhau, mắc cạn nằm trong những vũng nước trong veo. Con nào bé thì sau khi đã nghịch chán, chúng tôi bụm nó trong tay mang ra thả xuống mé nước. Con nào kha khá, ăn được thì chúng tôi xâu mang xách về. Ở vùng rừng ngập nước của xứ Cà Mau này, sông ngòi kênh rạch là đường giao thông chính. Hầu như ngày nào tôi cũng mò ra đứng trên bờ sông hưởng cái thú xem đủ các kiểu thuyền sông thuyền biển dong buồm cánh én chạy phẳng phẳng rẽ nước trắng xóa như tàu thủy - từ chiếc xuống vỏ gòn nhỏ, như con cá thòi lòi nhảy sóng rất tinh, cho đến chiếc ghe dài đồ sộ như một quả đồi ị ạch, nặng nề, chỉ có thể nhờ tàu kéo dắt đi. Nơi bờ sông, người ta chờ gọi thuyền mua thuyền bán, và lúc nào cũng có thể

nghe được tin tức chiến sự nhiều nơi của khách tứ phương trên những con thuyền khắp chốn đi qua. Và ở bờ sông, không những đôi lúc tình cờ có thể vớ được con rùa con rắn một cách dễ dàng, tôi còn tìm gặp nhiều cây cỏ lạ không thấy có ở mọi vùng chung quanh. Có nhiều thứ cây mỗi lá đẹp như một cái hoa, do dòng nước mang hạt giống từ những vùng đất xa xôi nào đưa về tận đây nhờ bọt sóng đánh giặt lên bờ.

Một buổi sáng sớm, tôi và thằng Cò xách chai ra bờ sông chờ thuyền trà vãi⁽¹⁾ đón mua dầu lửa. Bỗng nghe đằng xa có tiếng bọn trẻ con gọi nhau í ới. Trong ánh nắng nhẹ chưa xua tan lớp mù kéo lê trên đầu ngọn cỏ ướt đầm sương, bóng những người đàn ông xách xà beng, cầm chĩa, xách phăng chạy hộc tốc về hướng đồng mã.⁽²⁾

Bao giờ có một điều bất thường, một biến cố gì vừa xảy ra thì tức khắc bọn trẻ con kéo đến đó ngay. Tôi lôi thằng Cò ba chân bốn cẳng chạy theo bọn nhỏ. Đám người cỡi trần, lăm lăm dao mác trong tay, đang quây thành một vòng tròn chung quanh một ngôi mã trên gò đất cao hiện ra trước mắt chúng tôi.

- Bọn con nít lui ra! Nó chưa chết đâu. Coi chừng cái đuôi... Cái đuôi nó còn cựa quậy đấy! - Tiếng một người nào đó hét oang oang.

(1) Thuyền bán tạp hóa lưu động trên sông.

(2) Cảnh đồng hoang, ai muốn chôn người chỗ nào thì chôn, không phải là nghĩa trang.

Vòng người giãn ra rồi lại thít lại như cũ. Bọn nhỏ vừa chạy giạt ra xa đã thoăn thoắt quay lại. Tôi chắc mềm rằng người ta vừa hạ một con beo con cọp gì ở đây, nhưng chưa kịp hỏi ai thì nghe có tiếng một người nào đó trong đám đông kêu lên:

- Đúng là con kỳ đà rồi!

"Con kỳ đà thì một mình mình cũng đập chết được. Làm gì mà xôn xao dữ vậy?" Tôi vừa thầm nghĩ như thế, vừa chen lách đám người đang thở hổn hển, nét mặt đầy kinh dị đứng ngang trước mặt tôi, kiếm một chỗ trống ghé nhìn. Vừa nhìn vào, tự nhiên tôi bỗng bật lùi ra sau. Trời, một con kỳ đà kinh khủng, tôi chưa từng nghe tí má nuôi tôi nói đến bao giờ!

Con vật bò sát to lớn vừa bị đâm chết, những vết thương toang hoác trên lưng, bên bụng, giữa đầu tóe máu, máu còn chảy ròng ròng. Ngồi mà ai mới chôn, nắm đất đắp chưa khô đã không may bị nó moi vào lưng gò ngang chân mộ. Và từ cái hang rộng đào bằng hai chân trước ấy, con vật đã chui vào, cạy bật nắp áo quan lên, thò đầu vào ăn thịt cái thầy ma. Vết đất bị móng chân con vật cào sâu lúc giẫy chết, bới tung lên, cùng những lùm cây bụi cỏ gãy rạp, nhàu nát, nhốm đầy máu chung quanh, chứng tỏ rằng một cuộc chiến đấu ác liệt diễn ra nơi đây giữa con vật kinh khủng với đám người chiến thắng cõi trần, mồ hôi mồ kê nhễ

nhại còn đang cầm xà beng, cầm chĩa đứng vây quanh.

Một ông cụ già nghiêng đầu ngắm nghía con vật đã bị đâm chết thở phào ra:

- Từ cha sinh mẹ đẻ đến giờ, tôi chưa gặp con vật nào lạ lùng khủng khiếp như con này. Không phải cá sấu, mà cũng không phải kỳ đà. Kỳ đà thì mõm nhọn chứ! Cái mõm con này lại bằng, không ra hình đầu kỳ nhông mà cũng không ra hình đầu rắn mối. Chắc nó là một con lai... gì đó!

- Nom như một con rồng. Nhất là khi nó cất đầu lên, cái lưỡi dài đỏ hồng le ra thụt vào nhanh như chớp, chẳng khác gì một con rồng đang phun lửa. May mà tôi né kịp, không thì tôi đã chầu Diêm Vương rồi!

- Ồ... Khi nó táp hụt thằng này, hai hàm răng chom chồm của nó bập vào nhau nghe một tiếng "cảng" rợn người.

Một người đàn ông bạo dạn thò tay vào nắn nắn những mụn gai trên lớp da lưng rất dày đóng đầy bùn khô mốc của con vật lâu lâu còn giật co mấy cái, cũng lắc đầu bảo:

- Hồi nhỏ tôi nghe ông nội tôi nói, nhưng tôi không tin, nghĩ có lẽ là các ông già xưa hay vẽ ra bằng tưởng tượng... Không biết có chắc là giống này chẳng?

Con vật kinh khủng nằm đấy, không động cựa gì nữa.



Mình nó dài và to cỡ một chiếc xuồng ba lá, chỗ vòng bụng thòi ruột còn đỏ vì máu chảy rỉ rả kia, phải đến hai vòng tay người to lớn ôm mới giáp.

- Chạy đi mời thầy giáo đi. Chắc ông biết đấy!

Trong đám đông, sáng kiến của một người nào đó vừa gọi lên, lập tức được hưởng ứng ngay: "Phải rồi! Phải rồi! Chạy đi tìm thầy giáo Bảy mau lên".

Ở vùng rừng xa xôi này, thầy giáo Bảy là người trí thức duy nhất của xã, am tường mọi việc. Lại nghe nói thầy là người có cảm tình với cộng sản, bị bọn thực dân luôn làm khó dễ và chúng "đầy thầy về tận cái xứ khỉ ho cò gáy này cho muỗi đốt", nên thầy càng được phụ huynh học sinh nể trọng. Giỗ chạp, cưới gả gì người ta cũng mời thầy giáo Bảy. Thậm chí, những việc kiện tụng, tranh chấp nhau mà làng xã không phân xử nổi, một ý kiến của thầy đưa ra có thể giảng hòa được đôi bên. Cho nên trong trường hợp đứng trước con vật quái lạ không ai rõ tông tích nó là con gì này, người ta chỉ còn ngồi đợi chờ ở sự hiểu biết có tính cách quyết định của thầy giáo Bảy thôi.

- Ai lại để cái mùi người chết xông ra mà đứng quanh hít thở mãi như vậy được! Thời bây giờ chứ có phải ngày xưa đâu mà để chờ vậy chờ tể tổng làm biên bản!

- Nào bà con ta mỗi người một tay... nhanh lên!

- Chao ui! Kinh khủng quá!

Trong lúc thầy giáo Bảy chưa đến, người ta gấp rút đóng nắp áo quan, lấp cái hang ăn thông vào huyết mả, và không ngớt xôn xao bàn tán về sự xuất hiện bất thường của con vật quái lạ này...

- Thầy Bảy tới rồi! - Tiếng bọn trẻ reo lên trước tiên.

Mọi người tránh giạt ra, nhường lối vào cho một người đàn ông trạc ngoài bốn mươi tuổi, mặc áo sơ mi cộc tay, quần bà ba đen xắn cao ngang ống chân, vừa từ dưới một chiếc tam bản cặp bờ, gấp bước đi lên.

- Thấy coi giùm nó là con gì, thầy Bảy? - Ông cụ già ban nãy đã ước đoán nó là "con lai", bước tới gật đầu chào thầy giáo, vừa hỏi vừa nhìn vào mặt thầy rồi lại đưa mắt nhìn con vật.

Mọi người chung quanh ồn lên một thoáng rồi bắt đầu im phăng phắc. Thầy giáo Bảy lần túi lấy mực kính ra lau vào vạt áo, đoạn thông thả đeo lên mắt, đầu khể nghiêng qua nghiêng lại ngắm nghía con vật. Những nếp nhăn trên trán thầy cứ giãn ra co vào, càng làm tăng thêm vẻ quan trọng trên gương mặt xương xương mà ai nấy đều kính nể, và càng làm cho mọi người càng thêm háo hức đợi chờ lời phán của "con người thông tường mọi lẽ, nhất xứ làng quê" này.



- Nó là một con kỳ đà thôi! Đúng như vậy, một con kỳ đà. - Thầy giáo Bảy chép miệng nói, đầu gật gù như khẳng định thêm cho câu mình vừa thốt ra.

Tiếng xôn xao lại bắt đầu dậy lên. Một người nào đó trong đám đông cười hô hô: "Hồi nãy, tao đã bảo nó là con kỳ đà mà không ai chịu nghe!". Có tiếng người cãi lại: "Hừ! Kỳ đà thì to hơn bấp vế là cùng, chứ kỳ đà gì mà to bằng con cá sấu vậy?". Không biết đó là lời phản đối lại người vừa cất tiếng cười, hay lời phản đối lại ý kiến của thầy giáo Bảy.

Thầy giáo Bảy mỉm cười. Nụ cười độ lượng không tỏ ra có chút gì khó chịu, mà còn làm tăng thêm vẻ đôn hậu trên gương mặt hiền lành. Thầy ngấm nghĩa con vật một lúc nữa, rồi thông thả nói:

- Con kỳ đà này to thật! Hồi năm 1942, lúc tôi còn dạy học ở xã Đốc Vàng thuộc Đồng Tháp Mười, bà con cũng có đâm chết một con, đo dài ba mét sáu. Con này là con thứ hai mà tôi được thấy tận mắt đấy...

- Ăn thịt được chứ, thầy Bảy? - Một người đứng phía sau hỏi vội vào.

- Ăn thịt được. Giống kỳ đà thôi! - Thầy giáo Bảy lại gật gù, nhắc mực kính lên. - Con này là con thứ hai mà tôi được thấy đấy. Như vậy là hiếm lắm. Có thể nó sinh sống ở một vùng nào khác, nhờ một điều kiện ngẫu nhiên nào đó, bị

bão tố giạt đi, bám trên một khúc gỗ trôi qua biển chẳng hạn, mà nó lạc tới đây⁽¹⁾.

- Im để nghe thầy Bảy nói, làm gì mà ồn ào vậy?

- Nói tiếp đi, thầy Bảy!

Chờ cho mọi người lắng xuống, thầy giáo Bảy mới nghiêm sắc mặt, bảo:

- Thời tiền sử, có những con vật to lớn khủng khiếp, có loại có sức nặng đến bốn năm mươi tấn, nhưng ngày nay đều đã bị hủy diệt cả. Trong điều kiện thích nghi nào đó thì chúng mới có thể sống được. Sự thay đổi khí hậu trên vỏ quả đất nguội dần đã làm biến mất nhiều loại sinh vật và thực vật mà ngày nay người ta chỉ còn tìm ra được những bộ xương hay dấu vết đã hóa thạch đào được dưới nhiều tầng đất sâu...

(1) Ở đảo Cô-mô-đô thuộc In-đô-nê-xi-a có nhiều loài bò sát lưỡng cư này. Tên của nó là kỳ đà, cũng còn gọi là cự đà. Có con mình dài tới 4 mét, có thể nuốt chửng một con nai to cả móng lẫn sừng, và quật ngã người để ăn thịt. To lớn thế, nhưng trứng nó chỉ bé bằng trứng ngỗng. Vài tháng sau khi nở ra, kỳ đà con đã có sức mạnh để tự kiếm ăn lấy, và chừng 4-5 tuổi, chỉ một cái vẩy đuôi, nó có thể dễ dàng đập chết một con heo rừng hay quật ngã một con nai to. Giới khoa học phương Tây gọi là rồng Cô-mô-đô (tài liệu này, tình cờ chúng tôi đọc được ở báo Trung Lập xuất bản ở Cam-pu-chia đầu năm 1964. Nay xin chủ thích bổ sung vào đây).

Các nhà bác học Liên Xô đã đến nơi bẫy bắt được một số con vật này. Dân đảo rất sợ, gọi giống kỳ đà này là những con "rồng phun lửa". Bộ máy tiêu hóa của chúng cấu tạo giản đơn như bộ máy tiêu hóa của những con vật thời tiền sử. Chúng có nguồn gốc từ châu Úc rồi vượt biển sang Cô-mô-đô. Những con còn nhỏ đã bơi nhanh hơn ca nô, hơn tàu chạy hết tốc lực.



Nhiều tiếng xì xào bắt đầu nghe lâm râm chung quanh. Dường như những danh từ xa lạ từ miệng thầy giáo Bảy nói ra, những chuyện vô trái đất, xương hóa thạch xa xôi mà sự hiểu biết của họ còn lâu lắm mới có thể với tới, khiến họ không còn tập trung chú ý nghe thầy nói nữa. Nhưng chắc chắn là mọi người đều thán phục thầy giáo Bảy, và nhiều người bắt đầu chêm vào đôi ba câu gì đó, tỏ ra mình cũng có ít nhiều chỗ lĩnh hội được ý nghĩa của lời thầy giáo nói, gây nên một sự mất trật tự rất thỏa thuê, không người nào phản đối người nào cả.

Khi mọi người sắp sửa xả thịt con kỳ đà khổng lồ, thầy giáo Bảy tháo mực kính ra, mặt đầm chiêu hồi lâu, nói với những người còn ngong ngóng đứng chung quanh:

- Bất cứ chúng nó từ đâu tới, hung hãn đến thế nào, nếu bà con ta đều đồng tâm nhất trí thì chúng ta có thể diệt trừ được chúng cả. Sá gì con quái vật này!

Tôi biết thầy giáo Bảy muốn ám chỉ đế quốc xâm lược. Hình như thầy còn toan nói điều gì nữa thì phải. Nhưng mấy tiếng kêu bất thành linh từ chỗ bờ sông vọng tới khiến thầy quay mặt trông ra và thôi không nói nữa. "Tiếng ai mà the thé như tiếng dì Tư Béo?" Tôi vội ngóng cổ lên nhìn. Quả đúng là dì Tư Béo thật!

- Một trăm đồng cái mật con kỳ đà, tôi mua đây. Hai trăm đồng cái mật, tôi mua đây. Để cái mật cho tôi!

Dì Tư Béo vẫn béo tròn béo trọc như trước, tay trái cầm tờ giấy bạc con voi đỏ⁽¹⁾ giơ cao lên, miệng vừa gào, chân vừa lạch bà lạch bạch chạy về phía chúng tôi, tay phải vừa lấn túi mỡ kim băng rút ra một tờ giấy bạc nữa, hai tay xòe cao hai tờ giấy bạc phẩy lia phẩy lia như sợ ai mua cướp cái mặt trước.

Tôi vội chạy ra, kêu lên:

- Dì Tư mới tới đó hả? Dì ở đâu tới đây?

Dì Tư Béo "ơ" một tiếng, toét mồm cười, bàn tay cầm tờ giấy bạc bóng mỡ đập vào vai tôi một cái khiến tôi suýt ngã. Bà ta gật đầu lia lịa, như ra ý bảo: "Chờ đấy, chốc sau hẵng nói chuyện", rồi vội vã chen lách mọi người bước vào trong.

Thằng Cò nãy giờ vẫn theo dõi tôi, nó kéo tay tôi hỏi:

- Dì mà y đó hả?

- Ồ... Nhưng mà không phải dì. Bà chủ quán rượu ở chợ Ngã Ba Kênh, mà y không nhớ à? Hồi trước tao là hầu bàn ở đấy mà!

Thằng Cò ngó chăm chăm vào mặt tôi, buông thông một câu:

- Thôi, về. Có ghe trà vãi đậu nành kia. Mình đi lại đó đưa dầu lửa rồi về. Má trông lắm đấy.

Tôi ngần ngừ:

(1) Bạc giấy của Đông Dương ngân hàng, được in thêm, lạm phát rất nhiều sau khi Nhật đảo chính Pháp. Trong kháng chiến ta vẫn còn dùng tạm loại giấy bạc này, đóng thêm con dấu của kinh tế tài chính để phân biệt với loại bạc xanh ở vùng địch tạm chiếm.



- Mày không ở coi xả thịt con kỳ đà à?
- Coi làm quái gì! Về ăn cơm, trưa nay còn đi rừng cho kịp.

Dì Tư Béo quay ra tìm tôi, mặt tiu nghỉu:

- An, cháu có quen ai trong này không?
- Làm chi vậy, dì?
- Hỏi mua giùm tao cái mật đi. Tao nói mãi mà họ không chịu bán!
- Như vậy là họ không bán đâu!

Bà chủ quán rượu thở ra một hơi dài nặng nề, chặc lưỡi tiếc mãi. Thảo nào ngày trước có lần lão Ba Ngụ bảo tôi: "Bà phê của mày lưng mật⁽¹⁾ đấy. Lúc nào cũng tìm mật tọng vào bụng. Bả là bà chúa nhát sợ tàu bay mà!".

Tôi hỏi thăm dì có khỏe không, lâu nay dì ở đâu... Nhưng bà ta chỉ ừ ào đáp qua loa. Thất vọng vì không mua được cái mật con kỳ đà hiếm có này đã làm rơi rụng hết mọi tươi vui của bà ta khi gặp lại tôi ban nãy.

- Bây giờ mày ở đây à? Có khá không? - Giọng xởi lởi của bà ta bỗng trở lại nhanh chóng, và trên gương mặt phì phì buồn thiu hé mở một nét cười. - Thôi đi với dì đi, An ạ! Ở với dì, cháu sẽ chẳng đến nỗi nào đâu...

- Cháu có ba má ở đây rồi! - Tôi cười cười đáp.

- Ủa, mày gặp ba má mày rồi sao?

(1) Mật kém, ý nói những người nhát gan.

- Gặp rồi!

Thằng Cò cũng cười theo tôi. Tôi chợt hiểu ngay vì sao lúc nãy nó cứ giục tôi đi về gấp.

Dì Tư Béo phàn nàn cuộc sống khó khăn, giặc giã đánh lung tung làm cho bà ta không ở yên nơi yên chỗ làm ăn buôn bán. Bà ta còn nấn ná đứng lại một chút nữa, đến khi biết chắc rằng không thể còn cái mặt con kỳ đà, bà ta mới chịu xuống thuyền chèo đi.

Lần gặp gỡ đầu tiên và buổi chia tay cuối cùng của tôi với dì Tư Béo đều bắt đầu bằng câu "ngã giá" của bà ta. Nhưng dầu sao cũng có lúc tôi đã chịu hàm ân bà ta trong những ngày đầu lưu lạc, nên lòng không khỏi có đôi chút ngậm ngùi.

Chúng tôi mua dầu lửa xong, lo muộn, bèn lội tắt qua rừng mà không về theo lối cũ.

Hai đứa xắn quần lên đến bẹn, vừa đi vừa kháo chuyện về con kỳ đà khủng khiếp. Bỗng dừng thằng Cò tặc lưỡi kêu lên:

- Phải chi hồi sáng mình dắt con Luốc theo, An nhỉ!

- Ồ!

- Mà liệu con Luốc có chống cự nổi với con kỳ đà ấy không?

- Biết đâu được!

- Sao lại biết đâu được? Cọp nó còn không sợ mà!

- Ồ!



- Tao chắc chỉ còn lại mỗi con này và nó đã bị đâm chết, chứ ở đây không còn con nào nữa đâu!

- Con gì cũng sống có đôi. Biết đâu lại không còn một con đang chờ mình trong này...

- Đừng có nói bậy!

Thằng Cò bỗng quát tôi, rồi nó vênh vênh bộ mặt làm ra vẻ cứng cỏi, vung vẩy chai dầu lửa trong tay, lội bươn tới trước đi một mình.

Rừng được mệnh mệnh. Cây được mọc dài tăm tắp, cây nào cây nấy thẳng như cây nến khổng lồ. Rễ cao từ ba bốn thước tua tủa giương ra chung quanh như những cánh tay từ trong thân cây thò ra bám đất. Mặt đất lầy nhầy thín, không một cọng cỏ mọc. Chỉ có vài chiếc lá rụng mà nước triều chưa lên kịp để cuốn đi, và bóng nắng chiếu xuyên qua những tầng lá dày xanh biếc, soi lỗ chỗ trên lượt bùn mượt mà vàng sóng li ti vết chân của những con dã tràng bé tẹo. Những buổi triều lên, nước chỉ ngập quá gối thôi, chúng tôi năm bảy đứa rủ nhau đi bắt vọp, bắt cua, trên đường về thường đuổi nhau chui qua những "cánh tay được", móc bùn ném nhau, té nước và reo hò âm ỉ - những lúc đang vui vẻ chung quanh có đông bạn bè ấy thì tôi có cảm giác như rừng được đang xông xáo từ dưới biển mọc lên. Những hôm nào đi một mình, chung quanh vắng lặng, nhìn làn nước đục ngầu xô nhau tràn qua cội

được xù xì, thì tôi lại thấy như khu rừng cứ lặng lẽ chìm dần xuống biển, và một nỗi lo sợ không đâu, bất thần ập tới, khiến đôi lúc tôi phải hét to lên tự trấn tĩnh và ba chân bốn cẳng hộc tốc chạy về hướng một ngôi lều nào đó, mà tôi biết là gần nhất.

Thằng Cò vẫn mãi miết ộp oạp lội bùn đi trước tôi. Giữa vắng lặng xanh nhờ của rừng được âm u, từng bước di động của chúng tôi môn một vọng vào tĩnh mịch. Tự nhiên, tôi ngoái nhìn ra phía sau lưng và dặng hắng một tiếng, gấp bước đuổi theo thằng Cò, nghĩ lan man rằng nguy hiểm xảy ra trong rừng hầu như bao giờ cũng đến với kẻ do dự, nhút nhát đi sau.

19

DU KÍCH TRONG RỪNG

Dòng sông Năm Căn hơn hai tháng trước còn ồn ã khua động tiếng mái chèo xuôi ngược, giờ đã trở nên lạnh ngắt, vắng teo. Thuyền bè rút mãi theo đường kênh rạch nhỏ, chạy sâu vào rừng cho dễ đánh du kích, tiêu hao sinh lực địch. Quán lều dờ đi theo, lùi vào tận trong



"dớn"⁽¹⁾. Lò than bỏ cho các loại dây rừng bò kín nóc. Cáo cây tha hồ dắt nhau làm tổ trong những đống củi gỗ đước cao như núi chất ngoài sân lò, mọc đầy nấm dại.

- Hừ! Thằng Tây mới đến Năm Căn hơn hai tháng thôi. Vậy mà gần chục mạng người đã hy sinh! Hai anh du kích diệt được khá nhiều Tây và lính ngụy vừa bị nó bắt và bắn chết, buộc xác phơi ở chỗ cây mắm gần bờ sông chiều hôm qua... Bà con trong chợ đến cướp xác hai anh em về chôn, bị nó bắt đánh một trận gần chết, bữa nay còn giam trong đồn! - Ông già thợ đốn củi nói đến đây ngấp ngừng cúi xuống cời lại đống hun. Khói cay nồng, đặc sệt từ đống hun ngùn ngụt bốc lên, tỏa trắng khắp gian lều. Bầu không khí ẩm ướt trong ngôi lều của chúng tôi như quánh lại, ngọt ngọt đến tức thở. Ông lại ngẩng nhìn tía nuôi tôi, nói tiếp - Như vậy là hết đất rồi. Chỗ nào cũng có thằng giặc. Chí như cái Hòn Khoai ngoài biển kia mà nó còn mò tới đóng đồn! Vậy thì mình cũng phải làm thế nào chứ, anh Hai?

Tía nuôi tôi cứ gật gù im lặng ngôi nghe. Khi ông già đốn củi ngừng nói, với tay rút một dúm thuốc trong cái ống bơ nhồi vào tẩu, tía nuôi tôi bèn cầm chai rót thêm rượu vào bát:

- Uống đi, ông bạn!

(1) Loại dây leo rất chắc, rễ giữ đất ẩm, chứa nước ngọt lúc trời mưa. Vùng rừng nước mặn, nói "dớn" là chỉ nơi có nước ngọt, thường ở tít sâu giữa rừng.

- Trời ơi bộ anh Hai muốn tôi “mượn tửu binh giải phá thành sầu” à? - Ông già nhếch nụ cười móm mém, đưa tay đỡ bát rượu.

- Chẳng qua đó là cái thói tật không bỏ được của anh em bọn mình đấy thôi! Chỉ có chúng ta mới giải phá được thành sầu này, chứ cái thứ tửu binh... thì nó chỉ quật cho mình say mềm, nằm đó đợi giấc đến trời cổ dất về đồn thôi!

Đôi bạn già ngồi xếp bằng trên một tấm đăng trải giữa nhà cùng cười lên mấy tiếng và chuyển bát rượu cho nhau mỗi người tợp một ngụm. Tiếng cười khàn khạch gượng gạo của ông già đồn củi có lẽ cũng làm lây đôi chút buồn sang cho tía nuôi tôi. Cả hai người cùng ngồi im lặng, đưa mắt ngó ra ngoài. Ánh nắng trời chiều xuyên qua những tầng lá được rậm rạp, chiếu xuống mặt đất lầy ngoài bờ bên kia con rạch nhỏ một màu xanh tái tái. Gió từ biển khơi thổi tới, hun hút lùa qua những vòm lá được tối om, thốc mạnh vào lều làm cho mái lá rung lên và ngọn lửa cháy lép lép trong đồng củi hun bỗng phụt sáng đỏ ngòm...

Cứ vài hôm lại có một ông khách tạt vào lều uống vài chén rượu với tía nuôi tôi. Có người tôi quen, có người tôi chỉ biết mặt chứ không biết rõ tên. Đôi khi cũng có vài người lạ mà tôi đoán chừng bị giặc cản chạy tới đây. Những lần đầu, tôi còn thường la cà bên tía nuôi tôi, lắng nghe câu chuyện giữa những ông già trao đổi với nhau qua chén rượu sông, nhưng mãi rồi tôi



cũng không chú ý nữa. Quanh đi quẩn lại, vẫn là chuyện bọn giặc ruộng bố, cần quét. Họ rất căm thù bọn giặc ở đồn Năm Căn, nhưng nghe cái giọng rượu lè nhè của họ, tôi biết rằng họ chỉ mượn rượu để nói ra cho hả một lúc vậy thôi. Thậm chí có một ông nom còn trẻ tráng, gọi tía tía nuôi tôi là bác, mà cũng thở ra cái giọng bạc nhược của những lão già cổ hủ, một hai tin rằng sự xuất hiện con kỳ đà kinh khủng nơi đồng mả mấy tháng trước là điềm trời giáng tai họa cho dân xứ này.

Sau những bữa rượu như vậy, tiền khách đi rồi, tía nuôi tôi thường đứng rất lâu một mình ngoài bờ cỏ. Ông lắng nghe tiếng ca-nô giặc chạy tận ngoài sông Cửa Lớn, hay nghĩ gì về những câu chuyện của các ông bạn già thì không rõ, nhưng tôi thường thấy ông khoát khoát tay làm những cử chỉ bực tức khó chịu. Mỗi ngày tía nuôi tôi lại một thêm lăm lì, ít nói. Có khi ông ngồi lặng lẽ hàng giờ bên đống củi hun, như một gốc cây khô giữa rừng, đến nỗi tôi và thằng Cò đứa nào cũng len lét không dám đi mạnh chân.

Ông thường bỏ nhà đi luôn. Chẳng rõ đi đâu. Nhiều lúc đi hai ba hôm mới về. Má nuôi tôi rất lo. Cơ sự này thì ông lão đến quẩn chí mất. Nhưng mỗi lần tía nuôi tôi trở về, tôi lại thấy ông tỉnh táo và vui vẻ hơn trước. Có khi ông còn cầm về cho tôi và thằng Cò một vài thứ quả lạ, màu đỏ óng, có những chấm li ti xam xám rất

đẹp mà ông bảo là chỉ để cầm chơi chứ không ăn được. Chà, có thứ quả rừng nào mọc ngoài bờ sông và trong những khu rừng chung quanh đây lại có thể lọt khỏi con mắt của tôi và thằng Cò? Thế mà cả hai đứa chúng tôi đều chưa hề trông thấy những thứ quả tía nuôi tôi cầm về.

- Tía lấy quả này ở đâu vậy, tía?

- Ngoài xóm kia thôi...

- Xóm nào vậy tía?

- Xóm ngoài chứ xóm nào. Con sao cứ lục vấn mãi...

Tôi lặng im không hỏi nữa. Thằng Cò tưởng ông mệt mà tôi cứ đeo hỏi mãi làm ông bực, nó bèn lôi tôi đi bắt mỗi câu cá. Ở nhà được vài hôm, tía nuôi tôi lại sắm sửa đi. Ông soạn mấy bao diêm, một cái xoong nhôm và hơn chục lít gạo bỏ trong bao cà-roòng. Điều đó càng khêu gợi thêm sự tò mò trong tôi bấy nay một cách mãnh liệt, khiến tôi không nén được ý định: phải dò xem tía nuôi tôi đi đâu và làm gì?

Cũng như mấy bận vừa rồi, tía nuôi tôi lấy xích buộc con Luốc vào chân cột cần thận, rồi sai bảo tôi và thằng Cò đi làm một công việc gì đó, hoặc chờ đúng lúc chúng tôi vắng mặt, ông mới đi.

Tía nuôi tôi đã sắm sửa xong rồi. Chẳng đợi ông bảo, tôi cầm con dao bước ra cửa, còn quay lại nói vọng vào bếp:

- Má ơi, con ra ngoài bờ sông chẻ một mớ lạt dừa nghe má!



Tía nuôi tôi "ừ" đáp thay cho má nuôi tôi, ông còn cười cười nhìn tôi bằng cặp mắt khuyến khích. Tôi cầm dao men theo bờ rạch, đi tới một chỗ ngoặt bèn chui ngay vào núp trong một bụi sậy um tùm. Từ nơi trú ẩn này, tôi có thể nhìn rõ mọi hướng chung quanh. Ngồi chưa yên chỗ, tôi đã nhìn thấy tía nuôi tôi quảy bao cà-roòng lên vai lưng thưng bước ra sân. Ông còn đứng giữa sân giữ chiếc khăn rằn bịt lên đầu, quay qua quay lại chung quanh rồi mới lần ra bờ rạch. Tôi nén thở, cúi thấp đầu xuống gối, không dám động cựa. Lâu lắm mà không thấy ông đi qua chỗ tôi. Như thế này thì dứt khoát là tía nuôi tôi đi vào hướng rừng trong kia rồi. Tôi nháy ra khỏi bụi, chạy về. Chưa vào tới cửa, tôi đã gọi giật giọng:

- Má ơi, tía con đâu? Ông đi rồi hở má?

Má nuôi tôi bước ra, "ừ" một tiếng:

- Mà hỏi ổng việc gì? Sao hỏi ổng còn ở nhà mà không hỏi, để cho ổng đi rồi mới chạy tìm cuống lên vậy?

- Tía có nói đi đâu không, má?

- Không, mà còn lạ gì tính của tía mà nữa. ổng đã không muốn nói thì hỏi ổng làm gì, hở con?

Má nuôi tôi nói giọng buồn buồn, có hơi giận dỗi. Tôi chạy vào mở xích thả con Luốc ra sân. Rồi tôi bước đến, cầm tay má nuôi tôi:

- Con đi theo tía đây. Theo coi tía đi đâu.

- Ông đập mày chết đấy. Ông đi đâu mặc ông, theo làm gì? Đến như tao mà ông còn giấu, không nói thay...

- Đúng rồi! Như vậy là đúng rồi. Con đã biết đúng là tía con đi đâu rồi!

- Ông đi đâu?

Tôi ghé vào tai má nuôi tôi, thấp giọng:

- Ông đi vô chơi với mấy anh du kích trong rừng! Má không thấy tía con mang theo nào diêm, nào gạo, cả cái nồi nữa đấy sao?

Má nuôi tôi lùi lại một bước, tròn xoe mắt nhìn tôi:

- Ai nói với mày vậy?

- Con đoán vậy thì biết chờ đợi gì phải nghe ai nói!

- Ồ, mày nói không chừng phải đấy. Tao cũng nghĩ mang máng như vậy. Từ hôm ông nhặt cái quả gì ở đâu về cho chúng mày đấy. Bà Tám ngoài xóm có bảo nhỏ với tao rằng: nghe đâu anh em bộ đội đang mình còn ẩn trong rừng. Bả còn nói họ rách lăm. Nghe vậy thì để bụng thôi, đừng có hở ra cho ai nghe con!

- Má còn phải dặn! Thôi, để con vào gọi thằng Cò dậy đi với con.

Má nuôi tôi nắm tay tôi, lôi lại:

- Không được! Không được đâu. Con đi một mình thôi. Có con Luốc theo con là đủ rồi. Cái miệng thằng Cò hay bép xép lăm!



Má nuôi tôi vội vã quay vào, soạn trong rổ may lấy một ống kim khâu và mấy cuộn chỉ, gói vào mảnh giấy nhật trình cũ, nhét vào túi áo tôi:

- Nhà nghèo chẳng có gì... Con vào gặp các anh, nói là của má gửi biếu... Đi cẩn thận nghe con.

Tôi gật đầu, huýt sáo một tiếng. Con Luốc nhảy phóc theo chân tôi, chạy dọc theo bờ rạch ăn sâu vào rừng. Cứ men theo dấu chân tía nuôi tôi, tôi vừa đi vừa dắt con Luốc chạy ộp ộp trên bờ đất sình lút ngang ống chân. Đi bộ hai ngàn thước thì mất dấu. Ở đây, hãy còn có nhiều vết chân của những người lội vào rừng bắt cua, bắt vọp. Những vết cũ lội từ trên bờ xuống rạch đã được phủ một lượt phù sa mỏng khi triều xuống rất dễ phân biệt với dấu chân mới của tía nuôi tôi. Tôi lội ngay xuống rạch, ngược dòng nước gợn bùn vẩn đục ngầu từ trong rừng chảy ra, mãi miết bươn. Con Luốc cứ kêu ư... ử... trong cổ, dường như muốn gọi tôi lên mà mãi không thấy tôi lên, nó bèn co giò phóng tùm xuống nước, lội xộn xộn sát theo tôi. Càng đi sâu vào rừng, lòng rạch càng hẹp lại. Nhiều quang bị cành lá rậm rạp trên cây che phủ, bóng nắng không lọt xuống tới, khiến cho dòng nước tối om om, trông rất dễ sợ. Tôi vẫn mãi miết đi tới. Chừng nửa giờ sau thì thấy mất những gợn nước vẩn bùn, mà trông hai bên bờ lại chẳng có một vết chân nào lội lên.

Nhìn những cánh tay được từ trên bờ tua tua thò xuống lòng rạch, tôi nghĩ có lẽ tía nuôi tôi đã lợi dụng những cái rễ to lớn này làm cầu trèo lên cây, đi lên bờ rồi. Quả nhiên con Luốc vẩy đuôi lia lịa, làm bùn và nước bắn tung tóe vào mặt tôi. Lập tức tôi bám theo cái rễ ấy, trèo ngay lên cây. Nhìn xuống phía dưới chân, chỉ thấy những cọng rễ được xám ngắt chung quanh tua tua cắm xuống mặt bùn phẳng lì. Con Luốc cứ đứng dưới gốc cây ngửa cổ lên chực sủa. Tôi phải suýt suýt luôn mồm, nó mới chịu im. Không lẽ tía nuôi tôi đến đây biến thành chim bay mất hay sao? Mà lại không có vết chân thụt xuống chung quanh gốc. Vậy thì dứt khoát là ông đã lần theo những cái rễ được to lớn, xô rễ vào nhau này mà lần đi trên cao thôi. Sau khi đã đoán vậy, tôi bèn đưa mắt quan sát từng cái rễ một, và chỉ một chốc sau, khi đã tìm thấy một cái rễ có lớp da bên ngoài bị đập tróc xước những mảnh vỏ con con để lộ ra một vết xanh còn mới, thế là tôi đã nắm được đầu mối con đường bí mật đã đưa tía nuôi tôi đi về hướng nào rồi.

Trên khoảng tầm cao quá đầu người, tôi như con vượn, cứ dò theo dấu vỏ rễ xước, chuyển từ cây này sang cây khác đi tới mãi. Con Luốc trung thành vẫn bám theo sát phía dưới chân tôi. Chiều ở rừng bao giờ cũng xuống rất mau, chẳng mấy chốc mà trời đã gần tối. Vết vỏ cây tróc dần đường còn tìm thấy lơ mờ được một



lúc, rồi sau đó tôi không còn nhìn ra được một dấu nào nữa. Ngồi trên một cái rễ cao, tựa người vào thân cây, ngơ ngẩn nhìn ra màu xanh trùng điệp quanh mình đang chìm dần vào bóng tối, tôi cảm thấy tay chân mình bủn rủn nhấc không muốn nổi.

Một con chim hồng hoàng to như con ngỗng, sắc lông đen, vỗ cánh phành phạch bay vút qua bên trên đầu tôi. Chiếc mỏ cong to tướng và những rìa lông màu trắng ở chót cánh mất hút trong bóng tối lơ mờ. Tiếng "các các" kêu vang rừng của con chim to tướng tan dần trong menh mang vắng lặng, khiến tôi nhớ tới con kỳ đà kinh khủng đã đào mộ người chết nơi đồng mả.

Tôi phải tự động viên mình luôn và chặt vật lăm mới trèo lên tận ngọn một cây được cao. Nguồn hy vọng tìm thấy vết khói bốc ở một nơi nào đó giờ đây hoàn toàn tan rã trong tôi. Mặt trời đã xuống khuất mất rồi. Và bây giờ màn đêm đã bao trùm mỗi lúc một dày đặc trên những ngọn cây. "Trời tối thì tối chứ sợ gì? Mình sẽ dễ dàng nhận ra ngọn lửa của họ. Có ai ở giữa rừng đâu mà lo". Nghĩ như vậy, tôi lại phấn khởi mừng thầm. Nguồn hy vọng mới làm tôi phấn chấn trở lại rất mau. Tôi kiên nhẫn ngồi trên một nhánh cây, phóng tầm mắt nhìn xuyên qua màn đêm, mặc kệ cho đàn muỗi đói vo ve kêu dậy bên tai và không ngớt đập vào đốt khắp mặt mũi chân tay. Tôi không biết

mình ngồi như vậy đã bao lâu. Nhiều lúc tôi có cảm giác như mắt mình bị mù, vì nhìn vào màu đen lâu quá. Con Luốc cũng kiên nhẫn đứng dưới gốc cây chờ tôi, thỉnh thoảng lại hực lên một tiếng. Không biết là nó muốn báo cho tôi rằng nó hãy còn đứng đấy, hay nó dọa một con chồn con cáo nào mon men tới gần.

Gió bắt đầu nổi lên. Rừng đêm khua xào xạc. Mùi bùn lạnh và mùi rêu đóng trên vỏ cây nhát nhát móc móc xộc đầy vào mũi tôi. Giữa lúc không còn trông cây vào tai, vào mắt mình nữa thì khứu giác lại báo ngay cho tôi biết rằng tôi đã đi đến gần một chỗ có người. Trong những luồng gió từ màn đêm thăm thẳm thổi tới, lâu lâu tôi lại ngửi thấy có mùi khói và mùi cá kho khô cháy nôi... Bấy giờ, tôi mới nhớ ra là mình chưa có gì cho vào bụng, và bắt đầu thấy đói cồn cào. Tôi tụt ngay xuống gốc cây, đập trúng lên lưng con Luốc. Lăn theo mùi cá kho cháy, tôi dắt con Luốc càn rừng đi tới. Nói cho đúng, thì chính con Luốc dắt tôi đi. Nhiều lúc tôi loạng choạng vấp vào những rễ cây, ngã sóng soài vào bùn, con Luốc đã nhanh nhẹn cắn áo tôi lôi dậy và nó luôn luôn đi trước chân tôi chừng một bước.

Tôi và con Luốc mò mẫm dắt nhau lội đi từng bước như vậy rất lâu. Kia rồi! Ánh lửa tôi đang tìm bỗng hiện ra thấp thoáng sau những thân cây, như một vầng mặt trời nhỏ từ dưới mọc lên. Tôi phải túm chặt chòm lông gáy trên



cỏ con Luốc, giữ nó lại và khê suýt mấy tiếng, không thì nó sủa văng lên và bỏ tôi chạy vụt tới đấy ngay. Tim tôi đập rộn lên. Ánh lửa mỗi lúc một gần. Đã trông thấy rõ hình một cái bếp cháy trong gian chòi nhỏ, dưới một gốc cây rậm. Bùn ngập ngang ống chân tôi cứ tụt xuống dần. Bàn chân tôi giẫm lần lần lên mặt đất rắn hơn và đạp phải một bụi cỏ. Bỗng nhiên, con Luốc vùng ra khỏi tay tôi và chồm lên sủa oang oang. Đồng thời một tiếng quát: "Ai?" vang lên rùng rợn trong tối, rất gần; tiếng lên cò súng đánh rốp và tiếng quát liền theo, nghe càng dữ dội hơn trước: "Đứng lại! Ai? Đứng lại!".

- Đằng mình! Người đằng mình! - Tôi cuống quýt kêu lên. Rồi tôi tuôn một hơi: - Tôi là thằng An, con ông Hai ngoài xóm Lá. Tôi đi vô tìm tía tôi!

Tiếng chân nhiều người chạy thành thịch thịch trên gò đất. Luồng ánh sáng từ một chiếc đèn pin chiếu thẳng vào mặt tôi khiến tôi bị lóa mắt, phải quay nghiêng mặt tránh ra một bên.

- Còn có đi với ai không? - Tiếng một người nào từ trong tối, sau một gốc cây hỏi vọng ra.

Tôi chưa kịp đáp, bỗng nghe tía nuôi tôi kêu "Trời!" một tiếng. Hình như ông đang nói với người cầm chiếc đèn pin chiếu vào tôi. Ông nói: "Đúng nó là con tôi. Nó mò theo tôi đấy. Thật là hết chỗ nói cho thằng bé này!".

- Thôi, vào đây chú em! - Người đàn ông vừa nói vừa hạ luồng sáng thấp xuống ngọn cỏ, cho tôi thấy lối đi vào.

Tiếng người vừa nói đó, sao nghe quen quen. Hình như tôi đã có gặp người đó và nghe cái giọng nói ấy ở đâu một lần rồi thì phải? Tía nuôi tôi cầm khúc đèn chai bước ra đón, cốc vào đầu tôi một cái đau điếng.

- Ai bảo mày lộn vô đây? Rồi tao bảo cho má mày biết để bà dẫn cho mày một trận. Thôi, bước xuống cái vũng bên phía bên trái ấy, rửa mình ngay đi. Y như thằng mò bùn bắt cá cạn.

Tôi cởi quần áo giặt giũ qua loa rồi máng lên nhánh đước, tắm vội tắm vàng một chốc là xong ngay. Con Luốc cũng nhảy phốc xuống vũng nước, bì bõm sán vào bên tôi, đòi tôi cọ bùn tắm cho nó. Một anh đứng bên mé vũng nước với tía nuôi tôi, giọng nói còn trẻ lắm, hỏi tía tôi bằng lối nào mà để tôi dò theo vào được. Tía nuôi tôi không đáp, chỉ lắc đầu nói:

- Thật là hết biết! Tôi cũng chịu thằng bé này!

Anh đứng bên mé vũng nước trao cho tôi một bộ quần áo, bảo tôi mặc tạm cho ấm, chứ nó "không được vừa và đẹp cho lắm đâu"...

Tôi như bơi trong bộ quần áo rộng thùng thình, dày cộp vì muối nhiều nước mặn và vá không biết bao nhiêu là mụn vải.

Khi tôi bước vào lều của những người du kích, người đầu tiên tôi nhận ra ngay là thầy



giáo Bảy, kể đó là ông già đốn củi. Còn người cầm chiếc đèn pin, mặc bộ quần áo bà ba rách nhiều chỗ, mặt xương xương, râu mọc tua tủa xung quanh cằm vì lâu ngày không cạo, đang ngồi trên bộ vật lót bằng cọng sống lá kia thì tôi trông quen lắm. Tôi đã gặp ông ấy ở đâu một lần rồi. Chắc chắn là tôi không nhầm, từ khi nghe tiếng nói nhanh nhẩu của ông ban nãy. Trong thoáng chốc, có rất nhiều gương mặt quen quen hiện nhanh ra trong đầu óc tôi. Vừa ở ngã ba sông này có một gương mặt người dân quân tự vệ hiện ra cười với tôi, thì trong ngôi miếu tận một nơi xa kia, gương mặt những người thương binh lặng lẽ cúi xuống nhìn tôi chột hiện lên và biến đi. Một bộ mặt xương toét miệng cười bỗng hiện ra giữa quán rượu dì Tư Bé. Cái bóng người cao lêu nghêu, mặc bộ quần phục màu rêu, thắt lưng da rộng bản, khẩu súng pọc hoọc đeo trễ bên đùi... Đúng là ông ấy rồi! Tôi vụt kêu lên:

- Chú Huỳnh Tấn!

Người ấy buông chiếc đèn pin ra, nhồm lên, nhảy xuống khỏi bộ vật, đứng sững nhìn vào mắt tôi. Tất cả những người chung quanh đều trở mắt ngạc nhiên. Ông ta nghiêng đầu nheo mắt:

- Trời ơi! Chú em này sao lại biết mà lại gọi đúng tên cúng cơm của mỡ vậy kia?

- Đêm đó, chú đi với anh Sáu tuyên truyền ghé quán di Tư Béo, chú có gặp anh phân đội trưởng... Cháu làm hầu bàn ở đó mà!

Cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa tôi và người chỉ huy du kích đã làm tiêu tan bầu không khí im lặng trong ngôi lều khi tôi mới bước vào...

Các anh du kích bỏ củi vào đồng hun quạt lên, bảo tôi ngồi xuống hong cho ấm. Tôi vừa ngồi xuống một khúc gỗ, chưa kịp sọc hai bàn tay móp cồng ra hong trên lửa thì đã có anh bung vào cho tôi một tô cơm kèm hai khúc cá kho khô và một đôi dưa. Đúng là mùi cá kho cháy nôi mà tôi đã bắt gặp lúc nãy đây! Tôi chẳng khách sáo gì cả, cũng chẳng kịp nói hai tiếng "cám ơn" cho phải phép, đỡ ngay lấy tô cơm, và ngốn và ngấu gắp như không kịp nhai. Con Luốc cũng có phần một miếng cháy, ve vẩy đuôi ngồi nhá tóp tép bên đồng hun cạnh tôi.

Qua làn khói củi hun bọt mắt tỏa trắng, tôi biết có những đôi mắt cười nheo nheo trong ánh lửa của những người du kích ngồi tựa lưng vào vách đang nhìn tôi. "Cà, gói giấy nhật trình của má gói đã ướt sũng cả rồi... lúc nãy mình đại quá. Sao không dám cầm vào đây mà hong cho khô, cứ giấu nó trong cái túi áo ướt". Tôi và nốt miếng cơm trong tô, rồi đứng dậy cầm tô đi ra rửa ngoài vũng nước. Lúc vào, tôi không quên cầm vào gói quà của má nuôi gỏi cho anh du kích:



- Cái này... là cái má tôi gửi cho các chú, các anh đấy! - Nói xong, tôi mở năm đầu ngón tay xòe đưa gói giấy ướt sũng ra, trao cho chú Huỳnh Tấn.

Tía nuôi tôi đang đứng xem một anh du kích lau khẩu súng trường ở góc lều, vội ngẩng lên:

- Hóa ra má mày bảo mày vô đây à? - Rồi tía nuôi tôi dang cánh tay ra, nói như phân bua. - Lạ quá! Tôi có hề nói với bà lần nào đâu? Sao mà hai mẹ con bà thính đến vậy!

Chú Huỳnh Tấn không cần biết có lời phân trần của tía nuôi tôi. Chú cứ thận trọng bóc từng mảnh giấy ướt nhàu ra, cầm nắm chỉ và ống kim giờ lên:

- Quà của chúng ta đây rồi!

Tiếng cười vui vẻ của nhiều người dậy lên. Chú Huỳnh Tấn quay sang bảo tía nuôi tôi:

- Bà già tâm lý lắm! Biết anh em rách, gửi cho ngay cái thứ mình cần mới thích chứ!

Thầy giáo Bảy ngồi cầm cái cuống quai dứa nước đã đập tươi dùng làm phất trần xua muỗi quơ qua quơ lại, mỉm cười nói thông thả:

- Đồng bào đều biết chúng ta ở đây mà anh em chúng ta có người nào hở môi chỉ chỗ cho họ biết đâu! Như vậy thì khu rừng này đâu có thể chắc chắn bảo đảm che giấu được những cái lều này...

Chú Huỳnh Tấn nhướn mắt cười hi... hi...

- Che mắt địch thôi! Chúng ta làm sao che giấu được với đồng bào!

- Anh nói có lý! - Thầy giáo Bảy gật gù tiếp. - Mọi người đều biết hoặc có thể biết có du kích ở đây, nhưng bọn địch thì hoàn toàn không hay biết... Như vậy thì... chỉ có rừng nhân dân mới bảo đảm che giấu được mọi hoạt động của chúng ta thôi!

Nhiều tiếng cười tán thưởng từ chỗ góc lều tối vọng ra:

- Đồng chí Bảy nói nghe sâu sắc lắm!

Thầy giáo Bảy sửa giọng nghiêm trang, nói:

- Không phải là ý kiến của tôi đâu. Vừa rồi được đồng chí Hoài dắt vào gặp anh Tư Thượng Vũ⁽¹⁾, tôi đã nghe anh Tư bảo như thế đấy!

Một anh nào đó đang đi qua đi lại ngoài sân, hát se se giọng trầm buồn: *"Thần dân nghe chẳng... sơn hà nguy biến! Hận thù đảng đảng... biên thù rung chuyển..."*. Tiếng hát nhỏ dần, tắt mất trong bóng đêm. Rồi một lúc sau, cái giọng trầm buồn ban nãy bỗng bật lên sang sảng: "Trước nhục nước nên hòa hay nên chiến?"⁽²⁾.

Ông già đốn củi nói tướng lên, cắt ngang:

- "Chiến" chứ "hòa" là hòa làm sao? Đất của mình nó tới nó đánh chiếm, mà còn vớ vẩn hỏi

(1) Đồng chí duy nhất trong xứ ủy Nam Bộ còn ở lại bám cơ sở giữ điện đài liên lạc với Trung ương sau khi Nam Bộ hoàn toàn bị giặc Pháp chiếm đóng.

(2) Bài hát "Hội nghị Diên Hồng" của Lưu Hữu Phước.

"chiến" hay "hòa"! Còn người nào, đánh người ấy. Tới người cuối cùng cũng đánh mà!

Tôi cúi xuống nhìn vào ngọn lửa cháy rực trong đồng củi. Nhưng tôi biết rõ là ông già đốn củi đang rướn người lên đằng sau các anh du kích, và ông đang vùng tay, xúc động đến rung rung cả chòm râu. Giọng sôi nổi đầy nhiệt tình vừa thốt ra của ông làm tôi không muốn nhớ tới tiếng cười khàn khạch đầy gượng gạo của ông và cái dáng người còm côi, râu rĩ cầm bát rượu thở dài nơi nhà chúng tôi chiều nọ.

20

LÊN ĐƯỜNG CHIẾN ĐẤU

"Nam Bộ là máu của Việt Nam, là thịt của thịt Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng chân lý ấy vẫn không bao giờ thay đổi!". Hồ Chủ tịch đã trịnh trọng tuyên bố trước năm châu thế giới những lời danh thép ấy. Mà đó cũng là tình cảm của đồng bào Nam Bộ chúng ta.

Thầy giáo Bảy nói đến đây bỗng dừng lại chớp chớp mi mắt ngược nhìn lên lá cờ.

Chung quanh im phăng phắc. Trong sự im lặng có thể nghe rõ cả tiếng đập trong tim

người bên cạnh ấy, bất thành linh tiếng nức nở của một người đàn bà nào đó bỗng bật ra. Giọng nghẹn ngào cố nén trong cổ họng không thoát ra thành tiếng được nữa cứ ăm ục bên trong lồng ngực. Mấy bà cụ già cạnh như bị lây theo, sụt sịt mũi và nép sau lưng người khác, đưa ống tay áo lên quệt nước mắt. Ngọn cờ đỏ sao vàng đã bạc, cháy lém ở một chéo góc và rách thủng lỗ chỗ vì vết đạn, rung rung phập phồng trong ánh lửa.

Anh chiến sĩ vạm vỡ nhất được chọn trong đơn vị đứng thẳng người, hai bàn tay to lớn cầm chặt cán cờ, gương lá quốc kỳ nghiêng về phía trước. Tôi đứng một bên, một cậu cũng trạc tuổi tôi đứng một bên. Hai chú liên lạc mới sung vào đơn vị đều cao chưa tới vai anh du kích cầm cờ đứng giữa. Sau lưng chúng tôi, các anh lớn dàn đội hình trung đội hàng ngang, hướng mặt theo lá cờ. Đồng bào đến dự buổi lễ tuyên thệ của trung đội du kích địa phương đứng thành một vòng bán nguyệt, trên bãi cỏ rộng giữa một khu rừng gần bờ sông. Tía nuôi tôi và một số người có con em trong hàng được xếp đứng ở một chỗ danh dự: cạnh một đống lửa đốt giữa sân, bên chiếc bàn thờ Tổ quốc kết bằng những bông hoa rừng đỏ, giữa đặt khung ảnh Hồ Chủ tịch... Buổi lễ bắt đầu từ chập tối. Sau khi chào cờ, hát quốc ca, đồng chí ủy viên quân sự huyện Cà Mau thay mặt huyện ủy nói về sự quan trọng cấp bách phải thành lập trung đội du kích địa phương, rồi đại biểu các



đoàn thể nhân dân đứng ra phát biểu ý kiến xong, thầy giáo Bảy nhân danh là người trong ban đỡ đầu du kích của xã đứng ra có mấy lời chung với anh em trong đơn vị và đồng bào.

Thầy nói về tội ác của thực dân xâm lược Pháp, cụ thể là bọn giặc chiếm đóng Năm Căn đã giết chóc, bắt bớ và gây nên bao nhiêu tai họa cho đồng bào... Giọng rõ ràng, khúc chiết, thầy nói đến đâu dẫn ra sự việc chứng minh đến đấy. Vì sao ta phải kháng chiến chống Pháp? Lực lượng quân đội chúng mạnh hơn ta, nhưng ta nhất định đánh thắng chúng. Vì sao? Sự có mặt và hoạt động của anh em du kích trong xã này là một cái tát vả vào mặt tên tướng Lơ-cờ-lét⁽¹⁾ huênh hoang khoác lác... Thầy nói không vội vàng hấp tấp, không la ó gào thét; đó là thái độ trầm tĩnh và cương nghị của người tự tin vào lời mình nói, tin ở sự tất thắng của chính nghĩa. Nhờ vậy mà thầy đã hoàn toàn thuyết phục tất cả quần chúng đứng nghe. Thầy nói về mưu mô thâm độc của đế quốc Pháp: chúng đã phản bội hiệp định sơ bộ tháng 6 tháng 3, phản bội tạm ước tháng 9, đã nổ súng bắn vào quân đội ta ở Bắc Bộ như thế nào; thầy nói về bọn tay sai thành lập Nam Kỳ tự trị, chủ trương thuyết phân ly, đã thất bại thảm hại như thế nào và giờ đây chúng đang khua chiêng gióng trống rùm beng, bày trò độc lập thống nhất giả hiệu như thế nào... Bao

(1) *Tướng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp đã từng tuyên bố: chỉ bình định Nam Bộ trong vòng sáu tháng.*

nhiều người chết, nhà cháy, bao nhiêu xương máu đồng bào ta đã đổ ra! Quyết không thể để bọn chúng đặt lại ách thống trị lên đầu lên cổ dân tộc ta một lần nữa... Ngọn lửa căm thù trong lòng người nghe được lần lần khơi dậy, mỗi lúc một thêm bùng cháy mãnh liệt. Nhiều lúc tiếng vỗ tay, tiếng hò hét, tiếng nguyên rủa bọn giặc Pháp và tay sai cứ vang lên rất lâu. Nhưng khi thấy nói về tấm lòng Hồ Chủ tịch, tấm lòng nhân dân miền Bắc hàng ngày hướng về Nam Bộ, thì bầu không khí chung quanh bỗng trở nên nghiêm trang lạ lùng. Ánh lửa soi sáng một vùng sân cỏ rộng. Cả trung đội du kích chúng tôi đứng nghiêm dưới cờ, hướng về chân dung Hồ Chủ tịch, và đồng bào cũng đứng thẳng người, tất cả như nín thở hướng về Cha già dân tộc kính yêu. Tiếng nức nở bật lên đột ngột vừa rồi đã làm cho bầu không khí thiêng liêng lập tức bị xáo động.

Tôi đứng nghiêm, nén thở nghe tim đập rộn rã trong lồng ngực bé nhỏ của mình đang ưỡn tới. Tất cả chung quanh tôi như chìm vào trong ánh sáng đỏ của ngọn lửa cháy rừng rực. Chỉ còn nghe tiếng củi nổ lép bép, và xa lắm tiếng sóng trùng dương dào dạt xô bờ vọng qua những khu rừng rậm. Dòng sông Cửa Lớn ầm ầm cuộn sóng và rừng đêm như cựa mình nhổm dậy khi nghe tiếng nức nở bật lên. Không biết có phải là hồn dân tộc đang hiện về trong lá cờ ám khói lửa đạn chiến trường và trong đôi mắt Bác Hồ đắm đắm nhìn đàn con đang tập



hộp trên mảnh đất xa xôi cuối cùng của Tổ quốc đây chăng? Tôi đưa cánh tay lên chùi nước mắt, hình ảnh đồng bào hướng về lá quốc kỳ và bức chân dung Hồ Chủ tịch lòe nhòa trước mắt tôi. Những giọt lệ tủi thân đôi chút, nhưng xiết bao ấm áp sướng vui của đàn con khi gặp lại Mẹ yêu với vợ cách xa, làm cho những bóng người vây quanh ngọn lửa như bé lại, mềm đi trong giây phút và sau đó tức khắc vụt cao lớn lên và cứng rắn hẳn ra.

Giữa lúc mọi người đang đứng trầm ngâm yên lặng, bỗng tía nuôi tôi dặng háng một tiếng lớn. Tôi khẽ liếc mắt nhìn ông. Bàn tay tía nuôi tôi đang run run vuốt lại nếp áo, và đôi mắt ông cũng vừa liếc nhìn sang tôi. Vụt một cái, ông đã bước ra giữa sân cỏ. Ai nấy đều ngạc nhiên, hướng mắt nhìn theo tía nuôi tôi. Ông như không biết có mọi người chung quanh, đường hoàng bước đến trước bàn thờ Tổ quốc đứng nghiêm người, chắp tay cúi đầu xá ba xá. Ông lại dặng háng một tiếng lớn, ngược lên nói to:

- Kính thưa ban chỉ huy cùng tất cả bà con đồng bào! Tôi là Nguyễn Văn Hai, năm nay sáu mươi một tuổi... tuy quê mùa dốt nát, nhưng cũng mạo muội xin phép được tỏ bày chút ý kiến mọn...

"Trời ơi, ông già mình làm gì vậy kia?" Tôi cảm thấy hơi bức mình và lo lắng nhìn theo tía nuôi tôi... Ông ủy viên quân sự thay mặt huyện ủy đến dự lễ tuyên thệ, các ông ủy ban xã và thầy giáo Bảy đều sửa bộ nghiêm trang, cùng

quay về phía tía nuôi tôi. Còn chú Huỳnh Tấn, trung đội trưởng chỉ huy đơn vị đang đứng bên đội hình trung đội dàn ngang, cũng giật mình vội vã chạy ra đứng nghiêm trước mặt tía nuôi tôi.

- Cháu Nguyễn Văn An năm nay mười lăm tuổi, được vinh dự đứng dưới cờ hôm nay... Tuy nó là con nuôi tôi... - Tía nuôi tôi vừa nói vừa ngập ngừng đưa tay trở vào tôi.

"Trời đất quý thần ơi, ông già mình hồi chiều đưa mình đến đơn vị, ông có uống chén rượu nào đâu! Ông ngẫu hứng kiểu gì lạ vậy? Có ai tra khảo đâu mà ông khai ra những chuyện con để con nuôi làm chi hồi trời?" Tôi tự nghĩ như vậy. Tía nuôi tôi vừa trở vào tôi, vừa nhìn vào mắt tôi một cách rất tự hào. Rõ ràng đôi mắt ông như muốn hỏi: "Sao, tía mở đầu như vậy con nghe có được không?" Tôi đứng nghiêm người không nhúc nhích. Bộ quần áo bà ba đen má nuôi tôi vừa khâu cho tôi lại rộng quá khổ, cứ lùng nhà lùng nhùng, làm tôi càng then thùng khó chịu. Một con muỗi lá to tướng cứ vo ve bay vờn trước mắt tôi và đập vào bên má trái đốt đau nhói. Tôi nheo mắt mấy cái, động dậy bấp thịch má để đuổi nó nhưng nó vẫn không chịu bay. Tôi cảm thấy một cách rất rõ rệt rằng con muỗi chết tiệt đang vo vo chân trước thỏa thuê cong dít lên chọc sâu cái kim vào gò má tôi. "Được, cứ cho mày tha hồ đốt. Mày cứ bám đầy cho đến xong phần kết thúc buổi lễ nhá!"



Mồ hôi trên trán tôi rịn ra và từ từ lăn xuống, các bắp thịt ở má bắt đầu phản ứng, rung rung giật lia lia mấy cái.

Nghe có tiếng thì thảo của vài người trong đám đồng bào đứng bên phía trái tôi.

Một người nói nhỏ nhỏ:

- Coi thằng bé sắp khóc rồi đấy!

- Khóc đâu mà khóc! Con muỗi đốt má nó đấy! - Rõ ràng là tiếng ông già đốn củi cãi lại.

Tía nuôi tôi cứ nhìn vào mặt tôi. Có lẽ ông đã trông thấy con muỗi lá quái quỷ này rồi. Và hình như những tiếng thì thảo vừa rồi cũng đã lọt vào tai ông, động viên ông thêm hay sao ấy! Tía nuôi tôi liếc nhanh về chỗ vừa phát ra tiếng cãi nhau, và không nói không rằng gì, cứ tự nhiên như ở nhà, ông bước đến đưa bàn tay vỗ "chách" lên gò má tôi, rồi bóc con muỗi ra cầm nó vo vo vào hai đầu ngón tay, đoạn búng xuống đất.

Tiếng cười nổ ra xung quanh, khiến cho tôi có cảm giác như hai chân sắp khụy xuống. Chú Huỳnh Tấn đường đường là một trung đội trưởng chỉ huy đơn vị, trong tư thế đứng nghiêm trước hàng quân mà cũng không nén được. Hai vai chú cứ rung rung, mặt đỏ dừ lên và cái miệng chú cố mím lại càng càng ra động đậy hai bên khóe mép. Ông ủy viên quân sự thay mặt huyện ủy, thầy giáo Bảy cũng mỉm cười. Tai tôi văng lên vì tiếng cười, tiếng nói

râm ran dậy lên chung quanh. Tôi càng cố đứng nghiêm thì tiếng cười càng lớn hơn. Cả tía nuôi tôi cũng cười cười nhìn tôi.

Trật tự buổi lễ không còn giữ được nữa. Thầy giáo Bảy phải đưa tay lên khoát khoát ra hiệu cho đồng bào im lặng, mà vẫn còn nghe tiếng cười rúc rích mãi.

Tía nuôi tôi lại đằng hắng một tiếng lớn. Có lẽ lúng túng không biết nên tiếp tục nói như thế nào cho ra cung cách một người đứng phát biểu chỗ đông người.

- Kính thưa ban chỉ huy... cùng tất cả bà con đồng bào! Thành cháu An đây, tuy nó là con nuôi... nhưng vợ chồng tôi còn quý nó hơn con ruột. Sở dĩ tôi nói thế, là vì ngẫm ra cũng có nhiều người thích bạn bè hơn thích anh em ruột. Anh em ruột có quan hệ tình cảm riêng của người cùng cha mẹ sinh ra, cùng chung một dòng máu. Nhưng tính tình không giống nhau thì quan hệ với nhau vẫn không thích bằng bạn bè.

- Đúng lắm! Ông già nói đúng lắm! Nói tiếp nghe đi, ông già! - Một người nào đó trong đám đông cổ vũ to lên.

- Con ruột cũng vậy. Sinh con ai dễ sinh lòng. Lỡ đẻ ra một thằng con ngỗ nghịch, trái khoáy, không giống mình thì sao? Thành cháu An đây... bé thế, nhưng nó là một thằng bé thông minh, gan dạ. Trong những con thập tử



nhất sinh, một mình tôi chiến đấu với kẻ thù, nó vẫn mò theo, không hề rời tôi một bước... Nay trước lời kêu gọi của Tổ quốc lâm nguy, nó xin theo các anh ra trận tiền giết giặc, vợ chồng tôi dù thương yêu nó đến mấy cũng phải dứt ruột để cho nó theo các anh...

Tía nuôi tôi khẽ dặng háng mấy tiếng trong cổ. Ông đứng nuốt nước bọt một lúc rồi bước đến bên chú Huỳnh Tấn, thấp giọng:

- Chú Tư! Chú có thể tin rằng nó là một thằng bé thông minh và can đảm. Chính vì vậy mà chú đã tiến dẫn nó vào hàng ngũ. Nhưng dẫu sao thì nó cũng hãy còn ăn chưa no lo chưa tới. Vợ chồng tôi chỉ mong nó được các anh đây uốn nắn cho nó nên người, cho nó biết trung với nước hiếu với dân như lời Cụ Hồ hằng dạy bảo. Nếu như các anh có bảo ban điều gì mà nó không nghe thì xin chú cứ kỷ luật sắt giùm nó cho tôi. Sao chú Tư? Chú có thể hứa với tôi như thế được không?

Khi chú Huỳnh Tấn nghe tía nuôi tôi bảo chú "cứ kỷ luật sắt" tôi thì tôi thấy chú có hơi cười mủm mủm, liếc nhìn tôi. Đường như chú muốn nói: "Đấy, tía mày dặn tao như thế, mày nghe chưa?" Nhưng khi tía nuôi tôi hỏi chú có hứa với ông như thế được không, giọng tía nuôi tôi nói nghe sao mà khẩn thiết, vừa xúc động mà cũng đượm đầy lo âu, thì cái cười mủm mủm trên môi chú vụt bay mất. Chú ngẩng mặt

quay nhìn vào trung đội, rồi trang trọng nhìn vào tía nuôi tôi:

- Thay mặt toàn thể anh em chiến sĩ trong đơn vị, nhân danh trung đội trưởng trung đội du kích địa phương Cà Mau, tôi xin hứa với bác như thế!

- Ồ, như vậy là vợ chồng tôi an tâm rồi! - Tía nuôi tôi khẽ nghiêng đầu, nói lấp bắp.

Đoạn ông quay lưng bước mấy bước đến bên bàn thờ Tổ quốc. Tôi tưởng ông xá ảnh Bác Hồ rồi lui ra. Không ngờ ông lại cúi chào ông ủy viên quân sự và thầy giáo Bảy cùng các đại biểu dân, quân, chính, rồi ngẩng lên nhìn ra đám đồng bào dự lễ, cất giọng run run:

- Con tôi được các đồng chí dắt dẫn đứng vào hàng ngũ, đó là điều hết sức vinh dự cho gia đình tôi. Vợ chồng tôi già rồi, không theo kịp anh em bộ đội, anh em du kích để cầm súng giết giặc. Trước giờ phút con tôi theo các anh lên đường, tôi xin gởi nó con dao này...

Tía nuôi tôi nói đến đây, bàn tay ông từ từ vén vạt áo rút con dao găm sáng quắc trong chiếc túi da beo ra, cầm con dao đưa lên.

- Hoan hô ông già! Hoan hô!

- Cha nào con nấy. Thật là xứng đáng một ông già!

- Hoan hô bác Hai!

- Hoan hô ông già đi, anh em! Một, hai, ba. Hoan hô! Hoan hô! Hoan hô... ô... ô!



Tiếng vỗ tay và tiếng hoan hô vang dậy chung quanh. Các vị chủ tọa buổi lễ cũng vỗ tay và hoan hô một lúc lâu.

Tía nuôi tôi cầm con dao soi vào ánh lửa đang rừng rực cháy đỏ, thần mặt nhìn món vũ khí tùy thân của mình một lúc, dặng háng nói tiếp:

- Con dao này lúc nào cũng dính trong tay tôi. Lưu lạc khắp xứ, trong những cơn thập tử nhất sinh, nó đã cứu tôi bao nhiêu lần thoát chết. Gia đình, vợ con, còn có khi vì sinh kế, tôi chỉ tạm rời xa vài ba tháng, một đôi năm, chứ con dao này chưa hề xa tôi một chút nào.

Đôi mắt tía tôi sáng lên. Ông cầm con dao lật qua lật lại. Tất cả dĩ vãng của một cuộc đời phiêu bạt, luôn luôn phải vật lộn với cái chết để tìm lấy miếng sống, như đang bùng bùng sống dậy trên lưỡi thép sáng chói. Rồi tía nuôi tôi ngược nhìn tôi, nói bằng một giọng rần rở:

- Ngày trước, tía đánh rơi nó. Con đã nhặt được. Ấu cũng là "duyên nợ" của con. Số nó thuộc về con từ buổi ấy. Hôm nay tía giao nó lại cho con. Coi như lúc nào cũng có tía bên cạnh con. Khá giữ lấy!

Tía nuôi tôi cầm con dao run run đưa cho tôi. Lần đầu tiên tôi mới đứng nghiêm dưới cờ của một buổi lễ tuyên thệ có tính chất thiêng liêng như đêm nay. Sự việc diễn ra đột ngột quá, không ai lường trước được. Tôi lúng túng chưa

biết phải nên làm như thế nào, thì chú Huỳnh Tấn đã hét hàm ra hiệu như bảo tôi: "Cầm lấy đi! Sao cứ đứng đực ra mà nhìn vậy?" Sau lưng tôi, các anh trong hàng ngũ cũng thì thào: "Bước ra đi! Bước ra! Cầm lấy!".

Tôi bước tới ba bước, đỡ con dao trên tay tía nuôi tôi. Bỗng thấy chú Huỳnh Tấn rạp chân hướng vào trung đội hô "ng nghiêm" một tiếng lớn. Rồi chú ngược mắt lên hô to:

- Hy sinh tất cả vì Tổ quốc Việt Nam! Thế chiến đấu đến giọt máu cuối cùng, dù đầu rơi máu chảy vẫn không lùi bước!

- Xin thề!

Toàn thể trung đội du kích chúng tôi cùng vung thẳng nắm tay lên trời và hô rạp "xin thề" vang vang như một tiếng sét. Hồi âm từ những khu rừng tối mênh mông vọng lại hai tiếng "xin thề", như tiếng hưởng ứng của hàng nghìn, hàng vạn chiến sĩ du kích đứng dày đặc trong đêm, cùng vung thẳng cánh tay lên hô theo chúng tôi.

Tai tôi ù đi, không còn nghe rõ những khẩu hiệu của người chỉ huy đơn vị mình thét lên sau đó. Mắt tôi chỉ còn thấy đầu người lô nhô và những cánh tay vung lên hạ xuống, vung lên hạ xuống cùng với những tiếng "xin thề"... "xin thề"... nổi lên. Tôi bồi hồi nhớ lại lúc má nuôi tôi trao cho tôi bộ quần áo mới, bà đợi tôi mặc xong, đứng ngắm nghía một lát, vuốt lại



từng nếp áo sột soạt còn nguyên mùi hồ, mỉm cười: "Có hơi rộng đấy. Nhưng má đã ước tính sang năm con cao lớn lên, thì mặc sẽ vừa vặn lắm!" Rồi má nuôi tôi lim dim đôi mắt, quay nghiêng mặt đi... Ừ, thằng Cò ốm. Một trận sốt thương hàn đã quật nó nằm liệt giường hơn tháng nay, mới ngồi dậy ăn được bát cháo. Nó không đến tiền chân tôi được, cũng đành. Nhưng còn má nuôi tôi? "Má mày lấy cơ phải ở nhà trông nom thằng Cò. Tao biết bả không chịu nổi phút bịn rịn lúc chia tay đấy thôi!" Tía nuôi tôi cười cười vỗ vào lưng tôi, thân mật nói bằng giọng đầm ấm xiết bao...

Thầy giáo Bảy và ông ủy viên quân sự thay mặt huyện ủy đã bước ra nói mấy lời kết thúc và trân trọng cảm ơn đồng bào. Đã nghe lệnh cử hành quốc ca. Không biết tôi đang gào lên hay tôi đang hát nữa? Và tôi cũng không biết có phải tôi đang hát, hay những tiếng hát chung quanh tràn vào người tôi, rồi lại từ trong người tôi ngân bổng dội ra chung quanh? Tại sao chung quanh tôi bỗng dưng mờ đi như trông qua một làn kính ướt nước như thế?

- Chào cờ... ờ... ờ! Chào!

Tôi ngẩng mặt lên, nhìn thẳng vào lá cờ Tổ quốc mới tinh khôi treo trên đầu cột cao chót vót giữa sân lễ, đang được một bà già trong đơn vị trân trọng cầm mỗi dây đưa dần xuống. Một cảm giác lạ lùng vụt xâm chiếm đầu óc tôi: không phải lá cờ đang từ từ hạ xuống, mà

chính những người đứng trên sân lễ giữa rừng
đước Cà Mau đây, tất cả đang từ từ bay lên,
mỗi phút một gần màu đỏ của lá cờ.

Bao nhiêu lo buồn, tủi cực, bao nhiêu căm
thù, nhớ thương và hy vọng cùng dồn dập đến
cả trong tôi trong giờ phút này. Tôi chớp chớp
mắt nhìn lên lá cờ, để cho những giọt nước
mắt vui sướng và nóng hôi hổi tự do lăn rơi
trên đôi gò má nóng bừng.

*

* *

Toàn thể các chiến sĩ du kích của trung đội
địa phương đã tập hợp dưới bóng những cây
đước cổ thụ bên bờ sông vào lúc trời sắp rạng.

Anh em chia thành từng tổ ba người, xuống
những chiếc thuyền nhẹ hai chèo, do các cụ già
và các ông thợ đốn củi xung phong chèo đưa
chúng tôi đến một địa điểm khác. Từ chỗ đó,
trung đội du kích sẽ lên bộ đi vào vùng hoạt
động mới trong huyện.

Sau buổi lễ, tía nuôi tôi đã có ý định theo
thuyền đưa tôi đi. Nhưng khi ra đến bờ sông,
tía nuôi tôi ngăn ngừa nhìn tôi một lúc rồi lắc
đầu bảo: "Thôi, tía bận lắm. Con cứ đi với các
anh các chú của con!". Đoạn tía nuôi tôi vỗ vào
vai tôi một cái thật mạnh: "Cố gắng nghe con!".

Tiểu đội 1 đã đi rồi. Tiểu đội 2 cũng đã xuống
thuyền sắp sửa rời bến. Các anh trong tiểu đội



3 của tôi cũng đã đeo ba lô lên vai, lịch kích mang súng đứng vào hàng.

Tía nuôi tôi cài lại cúc cổ cho tôi, miệng lắp bắp:

- Cố gắng nghe con! Cố gắng nghe con!

Ông hấp tấp móc một dùm thuốc nhồi vào tẩu, xoẹt bật lửa đốt thuốc, bập bập hít mãi. Bỗng nghe con Luốc sữa oang oang. Tôi vừa quay mặt lại thì con chó trung thành đã lao đến, dựng đứng hai chân sau lên, chồm chồm vào tôi, vẫy đuôi rít lên những tiếng kêu mừng rỡ.

Má nuôi tôi chạy tới, thở hổn hển:

- Thằng An đấy à? Tao chỉ lo tới đây thì mày đã đi mất rồi! Khổ quá, có mỗi cái lược chải tóc mà mày cũng quên! Thấy còn giắt bên vách, tao vội cầm chạy đem ra đây. Nghe bà Tám đi dự lễ về, bảo chúng mày còn ở đây...

- Hừ! Cứ làm như thằng bé mình nó còn con nít... Bà cầm gói gì trong tay vậy? - Tía nuôi tôi hỏi bằng giọng có hơi khó chịu.

- Gói ruốc thịt nai! - Má nuôi tôi cười, nụ cười không tự nhiên làm cho gương mặt bà như mếu - Thằng Cò nó không chịu ăn. Nó bảo đem ra cho thằng An!

Mặc kệ tía nuôi tôi nhìn bà bằng cặp mắt sốt ruột, má nuôi tôi cứ cầm lược chải chải món tóc lòa xòa trước trán tôi thành nếp xuôi ra sau, đoạn bà nhét lược vào túi áo trên ngực tôi.

Bà thông thả gỡ chiếc ba lô trên vai tôi, tháo ra, đặt gói ruốc vào. Bàn tay gầy gò của má tôi lật lật mở quần áo đã xếp thẳng nếp trong ba lô, lôi ra chiếc áo cũ kẹp vào nách, rồi vội vã buộc ba lô lại vuốt vuốt đeo lên vai cho tôi:

- Cái áo này còn sờn mấy chỗ sau lưng, để má mạng lại. Rồi có anh em nào đến chỗ con ở, má sẽ gọi theo!

Tía nuôi tôi nhấc tẩu ra khỏi miệng, thở một hơi khói thuốc lá đặc sệt, dim mắt ngó má nuôi tôi:

- Sao mấy hôm trước, bà không mạng cho nó? Mạng hay vá gì đó thì tùy bà. Nhưng đừng có học cái kiểu của các bà già xưa, mỗi lần nhớ thằng bé lại bỏ cái áo của nó vào nồi rang để nó "nóng lòng sốt ruột" mà xin về thăm nhà thì không được đâu!

- Ông cứ nói vậy...

Một luồng gió sớm từ biển thổi vào mang theo hơi mát lạnh của đại dương và mùi thơm sực nức của những bông hoa rừng vừa nở, làm gợn lên trên mặt sông những ánh đỏ của bình minh đang nhuộm hồng mặt nước. Tôi cúi đầu chào tía nuôi tôi, chào má nuôi tôi, gửi lời chúc thằng Cò mau mạnh, rồi xốc lại con dao găm và quả lựu đạn đeo bên thắt lưng, rướn người nhảy phóc xuống thuyền.

TIẾNG GỌI NGÀN

Cứ vài ba tháng là bà con ấp Kèo Nèo lại rủ nhau tổ chức đi "săn hội" một lần. Bởi lâu ngày thềm thịt, ăn mãi cá tôm phát chán cũng có. Bởi thích thú được chạy nhảy đuổi bắt, hò la thỏa sức cũng có. Đối với các tay lì lợm có chút ít võ nghệ thì đó là dịp phô phang tài trí, đem gan góc ra thử thách, đối chọi với nanh vuốt các con vật rừng hung hãn nhất.

Đàn ông trai tráng tích cực, tất nhiên. Mà đàn bà trẻ con yếu ớt cũng hăng hái theo phụ trợ. Bởi các con thịt lớn săn được, đều có phần chia cho từng nhà, còn con nào nhỏ nhỏ thì gia đình ai bắt được nấy ăn. Và cũng bởi trong các câu chuyện kể ở các tiệc nhậu giỗ, nhậu cưới... thì chuyện đi săn được thực khách đứng ra biểu diễn lúc chính mình đánh nhau với ác thú, bao giờ cũng là tiết mục hấp dẫn, hồi hộp, khoái trá được mọi người hoan nghênh nhất. Mà ở cái xứ rừng heo hút của đất Gò Quao - trong những năm hai mươi của thế kỷ chúng ta đang sống đây - đã gọi là tay "võ đồng" thì nào ai há chịu kém ai. Chính vì thế mà hầu như

không có mấy con vật rừng sống sót, mỗi lần họ tập hợp hàng đôi ba trăm người hăm hở kéo nhau gõ thùng thiếc, khua chiêng, hươu dáo mác vây kín một khu rừng nào đó, từ lúc mặt trời còn chưa ló dạng.

Từ hổ báo, lợn rừng, nai, hoẵng, khỉ, vượn, chim nước, kỳ đà, rùa, rắn... cho tới con nhen, con sóc vừa giật mình thức dậy nhô đầu ra khỏi bông cây, con chuột nhum ăn đêm chưa kịp về đến tổ chui xuống hang cũng đều khó lòng thoát khỏi tay họ. Nói chung tất cả các loài bò, bay, lủi, chạy trong khu rừng bị bao vây đều biến thành mồi nhậu của những bữa rượu kéo dài thâu đêm.

Vậy mà lần nọ, có một con lợn rừng con thoát chết. Lợn rừng mẹ đã chống cự quyết liệt để bảo vệ con. Bị mác thông đâm lút cán, nó không ngớt học lên dữ dội còn ngoẹo cổ cắn nát chiếc mác thông và húc mấy người suýt toi mạng. Hạ được mẹ rồi, họ nổi khùng giết luôn cả đàn con. Còn một con chui trốn vào gốc cây. Khi một ngọn mũi chuối vừa chong ra, sắp sửa chọc vào hông con vật rừng bé nhỏ thì chú Tư Đảng trưởng áp phát hiện thấy nó có cái vá trắng giữa trán, bèn la lớn:

- Dừng tay lại! Dừng đâm... Dừng đâm nghe các cha nội!

- Tại sao? - Người toan đâm mặt đầy sát khí, hăm hăm quay lại hỏi.



- Linh vật đa! Không thấy cái đốm giữa trán nó sao? Từ nhỏ tới giờ tôi mới thấy giống heo rừng có con này là một.

- Vậy mà thả nó sống để nó lớn lên thành tinh à?

- Thả đâu! Bắt về chứ! Để bắt nó về tặng thầy giáo Bảy!

Nhờ cái vá trắng giữa trán và lòng mến mộ thầy giáo Bảy của bà con ấp Kèo Nèo mà con lợn rừng con này thoát chết.

*

* *

Thầy giáo Bảy thích nuôi chim, nuôi khỉ, nuôi trăn... Khi chúng quen người và lớn rồi, thầy thả sống tự do chứ không giam nhốt. Dường như con nào cũng "khôn", rong chơi chán - có khi đến vài ba tháng - lại biết tìm về nhà chủ. Nhưng rốt cuộc thầy không còn con nào. Có thể chúng sa hầm vướng bẫy, thọ tên chết ở một cánh rừng nào đó; cũng có thể chúng ra đi theo tiếng gọi của núi rừng và giống loài muôn thú cũng nên. Thiệt là: *"Uổng công xúc tép nuôi cò, cò ăn cò lớn cò dò lên cây!"*.

Cũng đã có vài người tiếc hộ công linh, chê thâm thầy như vậy.

Thầy Bảy được tiếng là người có tài thuyết phục các con vật rừng mà ai cũng cho là khó nuôi dạy. Nhiều lúc thầy ngồi suy tư hàng giờ, con trăn bò lên cổ, quần quanh người, thè lưỡi liếm mặt, thầy cũng không động dấy. Chú Tư

Đằng từng nghĩ: ắt thầy là người khai sáng một thứ Đạo gì đó, chẳng qua "*phong vân chưa gặp hội*" nên còn "ẩn tích mai danh", chưa ra mặt cứu đời. Cho nên khi ôm con lợn rừng con đến tặng thầy, chú có nói vui, giọng thật thà: "Biết đâu nó cũng là một *Thiên bồng nguyên soái* phải đọa xuống trần cũng nên!". Thầy Bảy cười, cảm ơn chú rồi rít, rồi lại lắc đầu cười mà chẳng có ý kiến nhận xét, bình phẩm gì.

Nói cho "miên" thì bà con chẳng ai rõ lai lịch thầy Bảy. Người thì bảo: chắc ông thất tình hoặc trốn nợ: kẻ cho rằng: có chữ nghĩa như ông, ra làm việc thông ngôn ký lục dễ như chơi, lại bỏ trốn thị thành lánh về xứ khỉ ho cò gáy này, sống như một nông dân lam lũ, là ông muốn tỏ thái độ bất hợp tác với nhà nước Pháp... Tất cả những tiếng xì xầm ấy đều có đến tai thầy. Thầy chỉ mỉm cười. Mà điều này, chánh hương quản ở tận trên "nhà việc" cách hai mươi cây số cũng có để mắt tới. Nhất hạng là chuyện khi mới về đây, thầy thường khuyên nhủ bà con cố gắng cho con cháu đi học để "mở mang tâm trí". Biết vậy, nhưng mà học ở đâu? Ngay cả xã và làng phụ cận cũng không có lấy một trường tiểu học? Hương chức hội tế nhiều ông còn đốt đặc cán mai, tập được một chữ ký tên đã là khá lắm. Thầy xin phép làng, đứng ra dạy các em học tại nhà mình không lấy một đồng xu các bậc nào: trò nào nghèo quá thầy còn cấp thêm cho cả giấy bút. Bà con dân ấp cảm phục nghĩa cử ấy, mặc nhiên gọi ông là



thầy giáo. Lâu ngày thành một danh xưng. Ở thời buổi đế quốc tư bản Pháp khuếch trương kinh tế lớn tại các thuộc địa sau đại chiến thế giới thứ nhất, giữa lúc mọi người bon chen theo đường danh lợi, giữ mình thanh khiết được như thầy là chuyện hiếm. Thầy cất một ngôi nhà sàn nhỏ ngoài đầu xóm, xin phá đất cấy một khoảnh ruộng nhỏ đủ gạo ăn; cũng đi "ăn ong", đốn củi như mọi người. Ngoài những giờ lao động, thầy lấy sự dạy trẻ và chăm sóc các con vật rừng làm vui. Hầu như thế sự gác ngoài tai.

Thầy đặt tên cho con lợn rừng con sống sót ấy, tên con Vá.

Đó là một con cái đã bước vào tháng tuổi thứ tư. Nếu không gặp tai họa vừa rồi thì nó vẫn còn quây quần bên mẹ cùng các anh chị nó, như một lũ trẻ cho đến hết tuổi hai năm mới lìa đàn. Dù sao trong hơn ba tháng theo mẹ lòng sục giữa rừng bụi hoang vu, nó đã có thể sống tự lập được rồi. Đâu còn tính thuần khiết ấu nhi như những chú lợn rừng non mới đẻ bị bắt còn trong tổ trước mười lăm ngày, da đỏ hồng còn chưa kịp phủ lông tơ, chịu phục tùng bú bình sữa hay núc vú của một con chó cái để mất con.

Tính chất hoang rợ còn nguyên vẹn đó là trở ngại lớn, trong cố gắng đem lại sự gần bó đối với con người cô đơn này. Hơn nữa, nó đâu phải là một con chuột lang mua ở chợ về, một con chuột lang con lần đầu tiên mở mắt trong nhà người. Ngoài khoai sắn, khoai lang và các thứ rễ củ mềm, con Vá còn đánh hơi mùi thịt sống.

Nó đã thè chiếc lưỡi nhám thử liếm từng nhát một, khúc thịt rắn thấy Bảy xin về ném chỗ góc sân. Và cũng bắt chước mẹ trong tư thế ngồi xồm trước thây con chuột nhum hay thây con rắn mái găm: Những cung cách quen thuộc đã thối vào tâm hồn con vật dễ nổi xung này, tính e dè sợ hãi và thói ưa dọa nạt, vốn là bản tính của các loài thú rừng hoang dã.

Việc dạy tập cho con Vá quen người phải kiên trì từng bước. Tất cả bộ dạng nó đều toát ra một sự nghi ngờ. Thấy người lạ, nó lùi phất lại. Hai chót tai nhọn hoắt của nó cụp xuống dựng lên một cách dũ tợn, những nếp cau ngược giữa vá trán rung rung và hai khóe mép bóng như lọ mỡ chốc chốc lại nhếch một cái để lộ những chiếc răng hàm mới nhú trắng tinh. Chót đuôi cùn cùn túm lông bé tẹo của nó quật mạnh vào hai bên hông liên tục, và nếu thấy người làm một cử chỉ đe dọa như dứ dứ cánh tay chẳng hạn, là y như nó lao tới một bước chẳng khác gì như mẹ nó lúc giận dữ, chìa hai chiếc nanh cong nhọn hoắt ra, lao thẳng vào bụng kẻ thù xóc ngược lên trước khi quật xuống đất. Tất nhiên là "thế võ tổ truyền" ấy nó mới chỉ đánh vào không khí, đầu hất qua hất lại một cách còn rất vụng về.

Và đã phải khá lâu, con Vá mới quen dần chịu đứng yên để thầy gãi lưng, trong lúc nó đang nhai tóp tép những bắp ngô non. Thức ăn các động vật sống như ếch nhái, rắn con... mà đám học trò đập được dọc đường, mỗi ngày



mang đến cho nó, khoảng cách ấy cứ thừa dần theo lệnh thầy giáo. Khi nó chỉ được cho ăn chuối cây thái ỉ chua và các thức ăn nấu chín sền sệt như cháo gạo lức... thì đối với nó từ lạ lẫn ngạc nhiên buổi đầu, qua vài hôm đã thành một sự thềm quen thích thú. Khi móng nó đã to như chiếc cốc, hai chiếc nanh nhọn hoắt bắt đầu nhô ra khỏi khõe mép và chỉ một cái hất mồm, nó đã đánh gãy rắc chiếc cốc chôn giữa sân thì những bữa ăn đúng giờ giấc cũng bắt đầu.

Còn những trò đùa nghịch thì nó mới chỉ học được quen quen thôi. Như ỉi lẩn những khúc gỗ cắt ngắn chất trong sân chưa bổ thành củ, lắc mồm đánh rơi từng quả mướp xác - tròn như quả bóng tơ-nít - Thầy Bảy lần lượt tung lên trước đầu nó, đuổi nhau với bé Hai con chú Tư Đăng và con chó mực nhỏ chạy vòng quanh sân... đôi khi thầy Bảy cũng tham gia. Sắc lông óng mượt hoe hoe toàn thân rực vàng trong nắng, đã xóa hết những vằn lông sọc dài thẫm màu, lúi xúi, thưa và cứng hai bên hông, còn cái vá trắng cũng to gần bằng bàn tay. Nó đã là một con lợn rừng choai có bước đi chững chạc, chân đứng khá cao.

Dù có cao to, nặng cân hơn trước, nó vẫn thừa nhanh nhẹn lao theo đớp những con dơi muỗi bay là là trên sân, rồi đứng vẩy đuôi nhai gau gáu, và khước từ không nghĩ đến chuyện làm cho con chồn, con cù lẩn đã được thuần hóa lẩn quần dưới sàn nhà lo ngại.

Chỉ có một điều làm nó khủng khiếp: Đó là những người nông dân lực lưỡng cỡi trần vác đòn xóc, dắt những con trâu cổ có cặp sừng cong nhọn hoắt đi qua bên ngoài rào.

Nhún nhường và tự hạ buổi sáng, nghịch ngợm hoặc lục lọi ủi chơi nhăng nhít sau các bữa ăn, đó là đặc điểm của nó ban ngày. Tuy nhiên, nhiều lúc nó cũng suồng sã nhảy lên sàn, chực lên bàn thầy Bảy đang ngồi ăn cơm để vò vỉnh xin một vài miếng xương gặm dở. Nhưng ban đêm, khi gió thổi qua rừng đưa đến nó mùi hương của những vành hoa mới nở, hơi thở của rừng rậm và mùi mồ hôi các loài thú hoang, con Vá cảm thấy xao xuyến bồn chồn. Nó không ịt ịt nữa, mà đầu hết lắc bên trái lại lắc bên phải, ẹc ẹc giống như lúc nó theo mẹ lẫn các con đường mòn dẫn ra những rẫy ngô, ra các ven đầm nước. Nó loanh quanh đi trong sân, nhiều lúc chồm lên vách rào cố lách mõm ngó ra ngoài, tò mò muốn được đến gần nhìn xem những gì mà giác quan vừa tiếp xúc, khiến nó cố đoán ra.

Giam nhốt nó vào cũi vào chuồng, chuyện ấy dễ quá, ai chẳng biết, nhưng thật là lố bịch. Bởi điều đó, trước hết là trái với quy luật của ngàn xanh. Cũi, chuồng vốn là sáng kiến của những kẻ tàn nhẫn. Thầy Bảy vẫn nghĩ thế. Hơn nữa, con Vá đâu phải là một con lợn thịt...

Chủ nó đã tập cho nó quen đeo vòng cổ. Đầu tiên thầy chỉ buộc quanh cổ nó một vòng dây da có khóa sắt nhỏ, xem như một món trang sức.



Và dính thêm chiếc lục lạc nhất cử nhất động của con Vá đều rung leng keng. Ít lâu sau lại buộc vào vòng cổ một đoạn thừng thả lỏng. Tất cả việc đó đều xem như trò chơi. Dù con Vá có nhiều lúc nổi xung, nhảy dựng ngược, quay đầu đánh tung sợi dây thừng vương vịu, sự bực mình ấy vẫn cứ là trò chơi kia mà.

Chiếc vòng da đeo ở cổ con Vá cứ nửa tháng lại được nối rộng ra thêm một nấc, nhưng không bao giờ rời cổ nó nữa. Thường ban ngày nó vẫn ngủ từ sáng đến ba bốn giờ chiều. Giờ đó, tập tính của giống loài đánh thức nó dậy đi ăn. Bây giờ cái ăn không cần phải lo, nó tha hồ rong chơi, lê la khắp sân. Ban đêm, đầu thừng thả lỏng mới được buộc vào bên chân bậc thang lên xuống nhà. Nó chỉ cần ngoái cổ cắn một nhát đủ đứt phăng. Tuy nhiên, con Vá vẫn phục tùng nằm đây, như một cần vụ trung thành suốt đêm thức canh cho chủ ngủ, an tâm về sự hiện diện của chủ mình trên ngôi nhà với ý thức kiêu hãnh được bảo vệ tuyệt đối, không hề lo sợ một cuộc tấn công bất thành linh của một con hổ con báo nào có thể xảy ra đối với nó.

Ngờ đâu chính đoạn thừng thả lỏng ấy đã gây nên một tai biến.

Hôm nọ thấy Bầy có việc bận đi vào xóm. Bọn học trò lau nhau về hết rồi, chỉ còn bé Hai ở lại thổi nồi cơm giúp thầy - thỉnh thoảng ban đêm nó còn ôm mền đến ngủ với thầy cho vui - con Mực theo thường lệ chạy đến đón cậu chủ nhỏ. Bé Hai nghe tiếng sữa, mở cổng cho con

Mực vào. Vá và Mực cùng mừng rỡ nhảy cồm lên, hết đôi bạn nhỏ lâu ngày gặp nhau. Thế là trò chơi đuổi bắt quanh sân như trước kia lại diễn ra. Bé Hai bạn quay vào trông nồi cơm quên khuấy cánh cổng mở. Đùa nghịch một lúc, Mực bị đuổi gấp, nột quá, quay cấn vào mõm Vá một cái rồi chạy vọt ra cổng. Vá lập tức phóng theo Mực về gần đến nhà, cây nhà bèn quay lại khò xuống vẫy đuôi nhảy qua nhảy lại, tỏ ý bốn cọt thách thức. Khi Vá lao tới, Mực nhanh nhẹn chui qua chiếc thuyền úp kê trên bốn thanh đà gác chéo của ông trưởng ấp kéo lên bờ sông chờ sửa chữa. Ai chẳng biết ngón võ lợi hại của con lợn rừng khi đánh nhau với hổ, là dụ hổ đến gần một thân cây đổ ngang trên mặt đất. Hổ quen thói nhảy lên cao chụp xuống lưng để cấn cổ đối thủ, sẽ bị lợn rừng luôn vụt qua dưới thân cây. Hổ bất ngờ bị thân cây đánh vào mặt như búa giáng, tất ngã lẩn ra, chưa kịp choàng dậy thì đã bị lợn rừng quay phắt lại vung hai chiếc nanh cong nhọn hoắt xóc vào hạ bộ hất tung lên. May mắn mà sống sót, nếu con nào không mất giống thì cũng cạch đến già... Mực vừa chui sang bên kia, thì Vá tức khắc vận dụng miếng võ tổ truyền nhào mình xuống luôn theo như một làn chớp. Sợi thừng thả lỏng bỗng mắc vào gốc đà bắt chéo, giựt gãy thanh đà và chiếc thuyền úp đổ sập xuống - một bên be đè đúng vào giữa lưng con Vá. Nó hộc lên dữ dội, hai chân trước cào đất bắn tứ tung cố nhoai ra, càng nhoai ra thì sợi thừng càng căng



thẳng, siết vào cổ họng. Bốn chiếc móng vuốt nhọn đen nhánh như sừng của nó cày sâu vào đất cổ rướn tới, các bắp thịt nổi vồng lên dưới lớp da ướt mồ hôi, nó vùng vẫy dốc hết lực nhồi ra mà vẫn không sao thoát ra khỏi khối nặng đè giữa lưng như một quả núi. Tiếng hộc hộc dữ dội của nó ban đầu làm lũ gà vịt trên sân hoảng hốt chạy tán loạn - chốc sau chỉ còn là những tiếng kêu khàn khàn rồi hỗn hển từng cơn, đôi lúc nó nín im dường như muốn tìm lại sức dẻo dai. Nhưng lực khỏe dẻo dai khủng khiếp của giống nòi thực ra đã rời bỏ nó rồi. Những bắp thịt nuộc lưng thẳng căng như sắp đứt vẫn còn giữ được các đốt xương sống dính nhau đấy nhưng mà chóng chầy rồi cũng có thể sẽ bục ra thôi.

Thầy Bảy trên đường về, nghe tiếng hộc bất thường của con Vá, vừa kịp lao đến bắt gặp tình huống nguy kịch ấy; và con Vá cũng nhìn thấy thầy. Nó cố chồm về phía chủ, nhưng sợi thừng mắc trong lòng thuyền úp lại kéo ngược đầu nó lại. Hai chân trước co dưới cổ như con lợn co trên bàn tế, nó ngược mắt lên nhìn chủ không bỏ lỡ một giây phút, ề ạch cố nhấc be thuyền lên. Chiếc thuyền nặng quá không sao nhấc nổi, thầy quay lưng chạy vào nhà chú Tư Đăng, để mặc con Vá nằm nguyên đó trong thế chết hiểm nghèo. Như một quả bóng xì hơi, từ trong cuống họng của con lợn rừng lâm nạn thoát ra một tiếng rên nhỏ kéo dài đầy oán trách: ông chủ bỏ đi rồi.

Khi thấy Bảy hồi hả trở lại tay cầm con dao yếm tay xách chiếc đòn tre thì con Vá đã bất động, nhìn thẳng vào thấy bằng cặp mắt đợi chờ mên mông, đầy nhần nhục, như sắp bật ra khỏi tròng bởi quá sức chịu đựng, mép sùi đầy bọt trắng. Xoẹt một cái, sợi thừng đứt phăng và chiếc đòn tre đã bẫy được chiếc thuyền lên. Con Vá lập tức trườn ra, và không phải đợi lâu chờ lâu, chỉ mười bước chụm chân nó đã phóng bay về nhà, chạy vòng quanh sân.

Thầy Bảy về đến nhà vừa mệt vừa khát. Thầy bước lại lu nước mưa chỗ đầu hồi cầm chiếc gáo dừa khom xuống, chưa kịp mức lên uống, bỗng cảm thấy hai vai bị một sức nặng như đôi chân to tướng bất thành linh chụp bổ tới. Thầy ngã sấp xuống vừa lăn mình chưa kịp trở dậy thì trước mặt thầy lù lù bộ mặt của con vật rừng đã lớn, khô khè thở thẳng vào thầy một mùi hăng hăng.

Thầy muốn tự vệ, tay đẩy mõm nó ra, tay giữ chân nó lại. Nhưng con Vá đã đề lên người thầy, chà qua sát lại sức nặng gần hai trăm cân của những bắp thịt rắn chắc như thép. Sự lo sợ làm thầy tuần tự mất hết cảm giác, đồ người ra rồi nhẹ bỗng đi và nặng trĩch nhấc tay chân lên hết nổi. Nhưng trạng thái đó diễn ra không lâu. Từ trong cổ họng con Vá không phát ra tiếng găm rít của những con lợn rừng độc khi nổi xung, đe dọa mà là một giọng gừ gừ trầm đục sâu thẳm kéo dài. Mép nó không nhe lên, chìa cặp nanh ra, mà từ trong mõm nhón thè



ra chiếc lưới nhám liếm hai bàn tay thầy đang đưa lên chống đỡ, liếm lên trán, lên mặt và khắp cả ngực cả vai thầy. Bốn chiếc móng vuốt nhọn của nó choãi ra để tránh dẫm lên mình thầy, con Vá cứ đứng vẩy đuôi cọ cọ vào người chủ tốt bụng của nó với tất cả tấm lòng kính trọng thương yêu và chan chứa sự biết ơn.

Bé Hai nghe tiếng thầy ngã, chạy ra chứng kiến hết. Thoạt đầu, tưởng con Vá nổi cơn điên hành hung chủ, thấy tính mạng thầy nguy cấp đến nơi, nó vớ chiếc đòn xóc chạy tới toan đâm con Vá. Nhưng rồi hai cánh tay bé nhỏ của bé Hai đang lăm lăm giơ lên lấy đà đâm bỗng sững lại rồi từ từ hạ xuống. Nó ngạc nhiên, sững sốt đứng nhìn con vật thường được đem ra ví với người kém thông minh, biểu hiện tình cảm mến chủ đến mức gần như người!

Từ hôm đó, con Vá ngày càng thêm quậy chủ. Nó chẳng muốn đùa nghịch lúc chẳng có thầy, nghe thầy gọi dù đang chơi, đang ăn nó cũng bỏ, chạy đến ngay. Đêm thầy lội đi soi ếch nó cũng lội theo. Buổi trưa thầy nằm đưa võng trước hàng hiên, nó trèo lên sàn nằm dưới chân thầy và đôi lúc thầy ngủ quên nó còn len lén ngược mõm lên liếm nhẹ vào chân chủ. Con Vá đã trở thành bạn chí thiết của thầy giáo Bảy.

Nhiều người khen con vật khôn. Cũng lắm người bĩu môi vì ghen tỵ với thầy: "Có khôn gì cũng là heo rừng. Trước sau gì, động đực nó cũng bỏ về rừng cho mà coi!".

Điều họ nghi ngờ đó đã đến!

Sáu tháng mùa mưa, gió ẩm ướt thổi thốc liên miên trong những cánh rừng tràm U Minh Thượng qua rồi, kể đến những ngày nắng nóng kéo dài của sáu tháng mùa khô cũng trôi qua. Con Vá đã tròn hai mươi bốn tháng tuổi. Đối với một con lợn rừng cái, đó là tuổi dậy thì của một thiếu nữ mười tám.

Chẳng có gì thay đổi ngoài sự choán chỗ nằm của nó ngoài hành lang mỗi tháng một rộng thêm. Ngoài rừng có vài loại cây đã thay dần lá mới, và điều đó không diễn ra một lúc như cây trở lộc mùa xuân. Một thứ bắn khoăn đang xâm chiếm cả tâm hồn con Vá. Đêm nó không còn có những giấc ngủ yên tĩnh như trước nữa. Nó thường chồm chân, ngược lên giật giật kéo sợi dây thừng buộc cổ và đánh hơi bốn phía có các luồng gió thổi về. Những luồng gió từ mọi hướng đưa đến nó tiếng thì thầm của ngàn xanh và mùi rú rậm.

Người không chú tâm có thể cho là đôi tai nhọn cứng đờ của con vật rừng không chịu nổi tiếng lũ chó xóm dai dẳng sủa khiêu khích; còn như chú Tư Đăng thì có thể chú tin là nó bị ma trêu quỷ ám cũng nên. Nhưng điều làm con Vá bắn khoăn, bồn chồn chính là những tiếng xôn xao mà tai người không thể nghe được, nó gần như tiếng búp lá của mình, tiếng lách nhẹ của một chồi non nhú lên khỏi mặt đất mềm. Đêm này sang đêm khác, khi vầng trăng thượng huyền cứ lên cao dần thì những tiếng xôn xao



mơ hồ đó nghe càng rõ hơn. Chắc chắn là gió có trở mạnh hơn và lay động cây rừng nhiều hơn.

Điều ấy chẳng ảnh hưởng gì đến giấc ngủ thầy Bảy và các cuộc nhậu, các đám đờn ca thâu đêm của những chàng thanh niên trong xóm. Tối nọ, những tiếng xôn xao ấy rõ lên đến mức lọt tai ông già Năm, một lão làng kỳ cựu:

- Bà con liệu dỡ khoai, hái bắp sớm đi. Không khéo heo rừng về phá hết rẫy đa!

Các bọm rượu trong xóm nghe vậy liền kháo nhau "Vậy thì ta đào hầm, gài bẫy bắt... kiếm mồi nhậu đi các cha!".

Ban ngày con Vá vẫn ăn, tọt nước cám trong máng, vẫn ngủ ngáy rõ to và đùa nghịch như thói quen thường lệ, chẳng có gì thay đổi. Nhiều người đến chơi, tấm tắc khen con lợn rừng lớn nhanh, đẹp mã, khuyên thầy Bảy nên coi chừng kẻo nó phá rào đi mất thì uổng lắm. Họ nói vui vậy thôi chứ họ đều biết tông tông con Vá đã trở thành "tù binh nô lệ" của thầy rồi.

Tuy nhiên, một hôm bé Hai đến sớm thấy con Vá nằm dang xa chỗ sợi thừng buộc cổ. Đoạn thừng đã bị răng nó cắn một nhát đứt gọn như dao cạo. Thầy Bảy nghe kêu, chạy xuống lấy sợi thừng bên bằng da trâu mới, chắc hơn, buộc vào cổ nó và làu bàu nhặt đoạn thừng đứt quật cho nó mấy cái. Ổn một chốc rồi đầu đó lại vào khuôn phép. Thầy nghĩ là nó muốn thử bộ răng chứ không hề ngờ là con Vá, từ lâu trong tiềm thức, đã có hành động như

mấy cậu học trò tinh quái của mình khi muốn đánh cắp của thầy một hòn tầy, một đoạn bút chì cứ mỗi ngày dời xa bàn một chút cho đến khi thầy không trông thấy. Chuyện đó đã xếp lại và con Vá không còn cần dây nữa.

Lại một tuần trăng mới. Đêm sáng hơn, trông rõ cả những tàu lá ráng ngồi ngồi lung linh tận ven tràm bên kia sông. Các loài vật nhỏ thường kiếm ăn đêm dọc chân rừng, không con nào dám mò vào đấy nữa. Tiếng xôn xao đã xua chúng dạt cả vào gần xóm.

Những tuần trăng sau đó, khi con Vá đã cao thêm vài phân, nặng thêm vài cân, thì tiếng xôn xao mơ hồ ấy càng rõ dần, càng nhiều hơn, thường xuyên hơn từ khi con Vá toát ra những bí ẩn của một thứ mùi đặc biệt, thứ mùi bí ẩn gọi kêu đã giục những con bướm đực - từ nhiều dặm xa - bay đến tìm gặp con bướm cái đang bị nhốt trong lồng, thứ mùi khiến cho phấn hoa đực tìm gặp lại một cách diệu kỳ những nhụy hoa cái đang ra sức điểm tô cho một mùa tung bùng hoa nở.

Đêm ấy, gió thổi qua rào, ve vuốt sống lưng con Vá. Gió đưa đến nó mùi hương của các bụi lùm và những ngọn cây rừng cao, mùi nhựa chảy từ những vỏ cây nứt, mùi quả chín tươm mật, mùi phấn hoa lay động bởi cánh dơi quạ và các loài chim đêm, li ti bay vờ vẩn và ngọn gió trữ tình đón lấy mang đi gieo rắc khắp nơi.

Thầy giáo Bảy đã ngủ rồi, biết đâu được nỗi xao xuyến bồn chồn của con Vá.



Theo luồng gió, tiếng xôn xao đang chuẩn bị, đã được báo trước, im bật một lúc, bắt đầu nổi cơn lên vượt ra khỏi ven rừng trầm và dây ruộng sáng ngời ánh trắng. Bắt đầu từ một cổ họng rồi nhiều cổ họng khác tiếp theo. Tiếng học... học... gào lên vang rền.

Nghe tiếng kêu đầu tiên con Vá đã đứng phắt dậy đầu ngược lên, đuôi quật vào mông, giẫm chân trên hành lang và chồm ra lan can. Nó bắt đầu lúi thừng buộc cổ hóng ra. Ngoài kia, những con lợn rừng đực của đàn tộc đang không ngớt gọi kêu những tiếng mà từ thế kỷ này qua thế kỷ khác, các con đực vẫn gọi con cái trong mùa hôn phối.

Con Vá quên mất rằng chủ đang ngủ, theo sức mạnh của Tiếng Gọi, chồm tới kêu nho nhỏ rồi găm lên từng cơn kéo dài. Thấy Bảy tốc màn chạy ra.

Trước mắt thấy là một con Vá chưa từng thấy. Nó như vụt lớn lên trong phút chốc, nhảy dưng dưng, mọp xuống lại chồm lên cao hơn. Chân sau choãi xuống lấy điểm tựa như sẵn sàng phóng lên. Nó không chú ý gì đến chủ nữa, không thèm đếm xỉa đến những sợi dây thừng thô tả cần cái đứt phăng. Mắt nó chăm chăm nhìn sang phía bên kia bờ rạch.

Điều mà các con đực đứng ngồi không yên, gào lên, sẵn sàng đánh nhau vì "nàng" đã trông thấy trong tầm mắt, ấy là tiếng gọi giục con Vá "bắc cầu giải yếm", phải tuân theo bốn phận muôn đời của các con cái, chớ bội ước lâu hơn

nữa trước định luật của tạo hóa, định luật mà Vá vi phạm để làm vui lòng con người. Và chúng giục gọi đến khản giọng, tiếng gầm gào rung chuyển cả rừng.

- Này Vá, quý bắt mày hả? - Thầy Bảy quát lên.

Như vừa thoát ra khỏi cơn mơ, nó vụt quay đầu lại. Đôi mắt đỏ rực chiếu lấp lánh trong bóng tối hành lang. Trông thấy chủ, dáng nghiêng đồ sộ của nó rời khỏi ánh trắng, từ từ hạ xuống. Nó nằm xuống, đuôi duỗi ra, hai chân trước co lại.

Những "anh chàng hiệp sĩ cô độc" kia, mãi ngao du chốn đại ngàn, theo bản năng, từ biết mấy rừng xa vượt sông hồ về đây tìm "nàng" đâu biết rằng Vá đã nhiễm mùi con người, đã quen ăn muối và thức ăn nấu chín, đã được con người kỳ cọ, tắm rửa, chải lưng. Chúng đến với "nàng" từng bước một, từ từ như khi phải lần mò phòng tránh bẫy.

- Bé Hai!

- Con đây, - cậu học trò nhỏ đã thức trước, đứng rình phía đầu hồi bước ra.

- Cái gì vậy? Ai đột nhập vô nhà à?

- Có ai đâu, thưa thầy. Mấy con heo rừng đực kêu con Vá đó mà! - Bé Hai vùng vằng đáp vậy. Nó thấy ghét con Vá quá. Thật chẳng khác gì gái nhà lành muốn lộn lộn nài tháo ống đi theo mấy thằng du đảng.



Thầy Bảy vớ chiếc thùng thiếc khua rầm lên, rồi đốt một nắm cây chai dùng nhóm bếp, ném vù vù sang bên kia bờ rạch.

Những tiếng gầm gạo bên kia im bật. Chỉ chốc sau con Vá lúi sụi thùng đến gần bên chủ. Thầy Bảy cúi xuống gãi gãi trên mí mắt, gãi gãi dưới cằm rồi vuốt sống lưng nó:

- Thôi nằm xuống, ngủ đi con!

Con Vá liềm liềm bấp chân thầy rồi ngoan ngoãn ịch sang bên, chờ chủ gãi bụng, gãi lưng.

Giữa lúc ấy bên kia dãy rừng xanh biếc ánh trắng, bóng những con lợn rừng đục lác lư xa dần. Những vệt thẫm di động óng ánh sắc lông như tơ tằm sống khạc ra những lời nguyên rủa giần giật từng cơn, quện thành những chuỗi tiếng rền đường bệ, hướng về những ngôi nhà đầu xóm ấp Kèo Nèo.

Ba năm sau, con Vá nằm giữa Sở thú Sài Gòn. Một gian chuồng hẹp, trần thấp, ba phía tường đá xám và những song sắt thừa sức giam nhốt những con sư tử đưa về từ châu Phi.

Thầy trò con Vá kẻ một đường, theo số phận.

Tan lìa ấy xảy ra từ hai năm trước... Một hôm thầy Bảy đi "ăn ong" chèo xuống về chùa đến nhà thì thấy ông trưởng ấp hốt hải chặn giữa đường:

- Thầy giáo, trốn đi! Trên quận đưa lính xuống xét nhà, bắt thầy!

- Chuyện gì vậy, chú Tứ ?

- Hai người hôm nọ trời mưa, ghé nhà thầy xin tá túc, rồi ở chơi mấy bữa... Họ là tù chính trị vượt ngục Côn Đảo về, thầy không biết sao?

- Ai nói vậy?

- Thằng Lìn chủ ghe trà vãi lên quận báo mà. Chính ông Chánh hương quán vừa mới nói với tôi.

- Cám ơn chú. Tôi phải đi... cũng đành. Nhờ chú về tháo dây thả giùm con Vá ra rừng, giúp tôi!

Nhưng con Vá đã bị Hương quán bắt đi trước khi chú Tư Đằng quay lại. Hương quán đưa lên biếu chủ quận để tăng công. Chủ quận rừng heo hút nuôi được ít lâu, muốn kiếm chút ân huệ hầu sau có dịp xin đổi về Châu Thành, bèn chở lên biếu chủ tỉnh. Chủ tỉnh Lơ-công người Pháp, nhờ lập công trạng tình báo trong trận đánh Đức thu hồi vùng An-dát Lo-ren, được phái sang thuộc địa giữ chức quan cai trị đầu tỉnh Rạch Giá. Lơ-công thích thú con lợn rừng hiếm thấy này lắm, bèn nuôi thả trong sân làm cảnh.

Buổi chiều, có quan ba Sác-ni-ê tới chơi tơnít, ngồi giải khát dưới bóng cây. Con Vá thấy vui, sấn đến gần bàn.

- Vas t'en! Vas t'en!⁽¹⁾ - Sác-ni-ê quát lên.

Con Vá ngỡ gọi *Vá ơi! Vá ơi!* Mừng cuống, xô đến chồm lên đùi ông ta. Ông ta sợ bắn quần, nghiêng mình né làm đổ lãn bàn rượu. Sác-ni-

(1) Cút đi! Cút đi!

ê giận quá, rút súng lục ra toan bắn một phát vào giữa trán con vật ngang bướng. Nhưng Lơ-công cười ranh mãnh, chặn tay ông vô biên lại:

- Nó là con thú rừng, như thổ dân xứ này cần khai hóa lâu năm mới hiểu được tiếng nói, lòng độ lượng bao dung và nền văn minh Đại Pháp mẫu quốc. Giết nó vô ích! Để tớ cho nó lên Sở thú Sài Gòn. Có khi nó còn được đưa về Pa-ri trước chúng ta không chừng!

Nhờ cái vá trắng mà lần thứ hai con lợn rừng này thoát chết. Tàu *Lục tỉnh* tu tu chở khách Hậu Giang kéo ghe chài về thủ phủ thuộc địa Nam Kỳ, có chở theo chiếc cũi nhốt con Vá. Dọc hành trình qua nhiều địa phương, nó nghe tiếng hò chèo ghe, tiếng ca vọng cổ của khách thương hồ buồn rã rượi, như tiếng thổ dài của người dân mất nước - nó chẳng hiểu gì - nhưng cảm thấy bốn chôn xao xuyến, bởi những âm điệu đó chẳng khác mấy giọng hát hò của những người dân ấp Kèo Nèo kia.

Bây giờ thì nó đang ở cạnh chuồng một con hổ, tặng phẩm của "Hoàng đế An Nam" và một con báo gấm bắt được từ một vùng núi xứ Cao Miên. Chúng không phải cùng loài giống, con Vá không hiểu được chúng. Nhưng nó biết rằng xa xa bên kia - gần chuồng voi sau sở Ba-son - Có những con lợn rừng, nó đã nghe tiếng và đánh hơi thấy mà chẳng bao giờ gặp được.

Dọc dãy chuồng có hành lang xây theo kiểu khám đường Mỹ quốc, trên vài thân cột giả, có treo biển yết:

"Cấm kích thích các thú vật"
Và trước chuồng nó có biển đề.

HEO RỪNG
"SUS CROFA"
Tặng phẩm của ngài Lơ-công

Đám khách thị thành nhàn du, ngày ngày đi qua trước các cửa chuồng. Những con gấu rẻ tiền chồm chồm chấp tay há mồm chờ bánh mì, chuối, lạc rang mà trẻ con có quyền vứt cho chúng, và trò đó làm cho các ông phán già che ô cấm cản đứng xem thích thú, cũng như các cô khâu đầm, các chị vú em, các bà mẹ và em bé đều lấy làm hoan hỉ.

Trên thân cột giả nổi liền chuồng nó và chuồng con hổ, có treo biển chữ in trắng men bằng tiếng Pháp, đưa từ Pa-ri sang:

*"En raison des acciden's survenus aux animaux
II est Formellement Interdit
sous peine de puorsuites judiciaires
De jeter quoi que ce soit aux carnassiers"(1)*

Nó bị liệt vào hàng thú dữ ăn thịt sống chẳng? Hay đó là một sự giam nhốt nhầm lẫn?

(1) "Cấm vứt bất cứ thứ gì cho thú dữ, vì có thể xảy ra tai nạn cho súc vật, nếu vi phạm sẽ bị truy tố trước tòa án".

Hay bởi cặp nanh nhọn cong để tự vệ của nó khiến người ta nghĩ nó có thể ăn thịt mình? Và chọc phá kích thích giận dữ, biết đâu nó sẽ phá chuồng ra nhai xương họ cũng nên? Dù thế nào mặc lòng, đám khách thượng lưu cũng cảm thấy rất an tâm khi nhìn vào những cặp nanh cong nhọn hoắt của con lợn rừng đồ sộ bên trong hàng song sắt như nhìn bức ảnh một tên bạo loạn bị bắt, trương lên trang nhất của tờ *Lục tỉnh tân văn* và họ rất mực tri ân nhà cầm quyền đã hết lòng bảo vệ tính mạng và tài sản của họ.

Khi mới bị đưa nhốt về đây, nó ngỡ chỉ là một trạm chuyển tiếp, để rồi người ta sẽ đưa nó trở về với chủ nó. Nó lại được đeo vòng da vào cổ, có chiếc lục lạc leng keng đến là vui tai. Đôi lúc nó cũng ị... ị... đòi những người đứng bên ngoài đùa nghịch với nó, như trước kia người ta đã dạy tập nó, không xa cách rừng quê hương của nó là bao. Đám khách kiêu sa ngạo mạn càng chỉ trỏ chế giễu, cho là nó cũng xin xỏ đòi ăn như những con gấu chó, gấu lợn. Thái độ khiêu khích điên cuồng trước con vật bị cầm tù! Họ không biết rằng chính họ cũng đang bị giam nhốt trong một nhà tù mệnh mông đó sao?

Tháng ngày ồn ã trôi qua, cho dù cách biệt ở một nơi có suối nước, có ao hồ, một bên dòng sông nhiễm đặc mùi bùn những tiếng còi ô-tô, tiếng chuông xe điện, tiếng nhà máy, mùi xăng dầu và loa quảng cáo vẫn tràn vào khu vực đây

cây xanh và cỏ thụ yên tĩnh, bên rìa thành phố này.

Hai mùa mưa đổ trắng xuống các rặng còng và những cây phượng vĩ gần hồ nuôi cá đã hai lần rắc xuống thảm cỏ xanh những cánh hoa đỏ rực.

Từ lâu, nó không còn chồm lên song sắt để vận động các cơ bắp, như con báo lảng giềng, ngày ngày không mệt mỏi nhào lộn phí sức vô ích, mà không bao giờ có thể thoát ra được. Nó cũng không nhảy bắt con mồi tưởng tượng chẳng bao giờ đuổi kịp. Nó nhớ ngôi nhà sàn thấp, xinh xinh, tràn ngập ánh nắng, quanh vùng rừng xưa là một thế giới đầy rẫy những con rắn nước, rắn mái gấm con bò chậm chạp trong các lùm rậm, các bụi gai chùm lế... những tổ trứng trích, trứng le le thơm sực mùi cỏ khô lốt trong lau sậy, và cứ nằm ngơ ngẩn nhớ mùi hăng hăng của lá cỏ cây rừng.

Ở đây một cuộc sống đơn điệu, các bữa ăn nhàm chán lặp lại hàng ngày, tường đá xám lạnh lẽo và các chấn song đen sì. Nó không phạm trọng tội gì. Nhưng nó không chống chọi nổi cái lạnh. Cái lạnh đã luồn vào bên trong tim phổi nó. Ngày lại ngày nó càng kém sức dẻo dai. Trở nên chậm chạp. Và khốn nạn hơn, thứ khí lạnh ẩm ướt xám xịt tràn ngập đầy chuồng đá, cuối cùng đã găm nhấm các đầu khớp bộ phận cơ thể và đường xương sống của nó, đến nỗi nó không thể nhảy lên nằm trên các bậc gỗ.



Từ trong thẳm sâu tâm hồn nó, mong muốn được gặp lại chủ cũ dâng lên. Nó đợi chờ. Nhiều lúc nó cố tìm xem trong những gương mặt kia có chủ nó không, có khi nó nằm lim dim lắng nghe trong các giọng nói, tiếng cười, hy vọng nhận ra giọng tiếng quen thuộc của con người ngày xưa. Giờ đây mòn mỏi hết trông chừng vào đám đông rồi, suốt ngày nó nằm còng queo, lơ mơ ngủ. Chỉ đến giờ đã định, dạ dày đòi hỏi cần phải ăn, nó mới thấy chút ít hào hứng hoạt động trở lại.

Chính lúc mà con Vá không còn hy vọng gặp lại chủ nữa, thầy Bảy đã tới. Nó đứng nhìn ông khách chờ mọi người đi hết mới lảng lảng một mình bước đến bên chuồng nó. Mắt nó không còn nhận ra ở ông một chút gì. Thầy Bảy đã trút bộ quần áo bà ba đen, chiếc nón lá... để thay bằng bộ quần áo ka-ki xanh bạc màu, lấm tấm vệt dầu.

- Vá ơi! Con gái khốn khổ của ba! Mày không còn nhận ra ba nữa sao?

Con Vá đang bước đi bỗng dừng phắt lại, nhẩy sang một bên mắt nhìn căng thẳng, làn da trán co lại và vẩy đuôi liên tục.

- Con đã lớn rồi mà ba vẫn cứ nghĩ con còn bé dại. Chính vì thương con đó mà ba đã làm mày khổ cả một đời. Ồ, phải chi hồi đó...

Tưởng chừng như trên thế gian này không gì có thể tách rời nó khỏi con người đang tiếp tục nói với nó bằng giọng xúc động, những lời đầy tin cậy và thương quý ngày xưa. Trong khi

thầy nói, hai bên hông con Vá hóp vào và từ trong cổ họng sù sù của nó thoát ra một tiếng dài, một tiếng thật dài khàn khàn xiết bao êm ái.

Nó lăn ra, chờ chủ gãi lưng như lúc còn là con lợn rừng bé nhỏ và khi đánh hơi thấy bàn tay chủ thò vào song sắt, nó liền chồm dậy, rướn cổ thè chiếc lưỡi nhám nóng hăm hập liếm mãi bàn tay đã từng vỗ về, chăm sóc nó ngày xưa. Thầy nhìn làn da trán nó cọ liên miên vào song sắt đã dần thành một cục chai, còn túm lông đuôi thì xơ xác quá. Từ lúc nó bị hương quản bắt đi, không ai có thể đến gần để tắm rửa, chải lông cho nó, từ mình con Vá xông ra một mùi hôi nồng nặc làm cho bộ mã u sù của nó trông càng thê thảm. Từng chập nó ngậm mất bàn tay thầy trong cái họng dài to tướng rồi lại nhả ra và nhìn chủ bằng cái nhìn cật vấn đầy trách móc, ngốc nghếch y như thuở lên hai tuổi nó đã nhìn thấy vắng trắng đêm đêm cứ tròn dần ra.

- Sắp tới giờ đóng cửa rồi! - Người gác-điêng nói sau lưng thầy Bảy. Khi thầy rút tay ra, quay mặt lại ông ta hất bộ ria củ ấu, hỏi: - Chắc trước kia, anh có làm bồi cho quan chủ tỉnh Rạch Giá?

- Dà! Mà chỉ ít lâu thôi... - Thầy Bảy cười nhin nhục, đáp ứng như một tất nhiên để giấu tông tích "tên bạo loạn đang bị nhà nước truy lùng". Còn vài hôm nữa, thầy sẽ được các đồng chí đưa xuống tàu ra hải ngoại học tập lớp đào



tạo cán bộ phong trào chọn lựa từ các tầng lớp trẻ: thanh niên đi làm nghĩa và thầy giáo yêu nước vừa được Đảng giác ngộ.

*

* *

Con Vá nằm đó, trong gian chuồng ẩm thấp, lông hoe hoe một màu vàng xỉn. Thiên hạ gọi nó là dã thú. Nó đã mất tên, không còn là con lợn rừng của ai và cũng chẳng còn là con vật thuộc nhà cầm quyền.

Lá vàng rụng thay cho bụi lóc mùa hè rồi gió bắc thổi về đưa cái lạnh từ phương Bắc xuống, thâm nhập vào buồng phổi con Vá đã yếu uệ lắm rồi. Mùa này sang mùa khác, nó đã hoài công đợi chờ con người có tâm hồn trong sáng, độ lượng đã âu yếm gọi tên nó là con Vá tới thăm nó một lần nữa, con người đã từng chăm chút nuôi dưỡng, trông thấy nó lớn lên, từng cứu nó thoát chết, đã làm tiêu tan trong lòng nó sự hiểu lầm muôn thuở làm xa cách những con người với các loài vật sống trong hoang dã.

"Cấm kích thích các thú vật!"

Con Vá đâu còn có thể bị kích thích nữa. Thú bệnh khủng khiếp tàn phá buồng phổi con người, rình mò dọc dãy chuồng ẩm ướt, kém vệ sinh đã thừa cơ nó suy nhược, tấn công nó đổ gục.

Ánh đèn gác vàng vọt chiếu qua hàng song sắt. Nó nằm đó, từ cổ họng thoát ra một tiếng

rên dài ảm đạm, khàn khàn. Dâu phải nơi đây là chốn loài giống của nó hẹn gặp Tử Thần. Một làn sóng gợn chạy dài trên sườn và hai bên hông nó. Và những tiếng rên rĩ nối liền theo. Kiệt sức bởi muộn phiền và số phận nặng trĩu đè bẹp xuống, con Vá phát lên tiếng gào tuyệt vọng về với núi rừng.

Dầu phía kia, những con lợn rừng độc chiếc bị bẫy bắt đưa về từ rừng lá Ninh Thuận, từ rừng cao Tây Nguyên đã nghe thấy tiếng gọi của con Vá. Tất cả những điều mà viên y sĩ thú y, ông phó giám đốc và người gác không hiểu được, đã làm lay động chúng sau những chấn song. Những chiếc nanh cong của chúng nhe ra, vành mép nhếch ngược, lông gáy dựng dựng, cổ họng rung mãnh liệt. Và những tiếng gầm gào không ngớt học lên, vang dội cả một dọc dài bờ sông Thị Nghè chìm trắng trong sương đêm.

Lơ lảo giữa hư ảo đang bắt đầu trỗi xuống, con Vá bắt gặp lại những tiếng nó đã nghe, trên hàng hiên ngôi nhà sàn, một đêm trắng xao xuyến từ bên kia cánh rừng vọng sang. Nó cựa mình chồm dậy, gượng đứng lên, nhưng lại ngã vật xuống, đập vào nền đá. Bên trong nó đang triển khai cuộc giành giật giữa sự sống cố vận động các cơ bắp lấy lại sinh khí và cái chết cứ lần dần từng bộ phận, giữa tiếng gọi muốn dựng nó lên và tình cảm đã dí nó xuống, trong tâm hồn méo mó đã biến nó thành một nô lệ của những con người.



Trong các chuồng lân cận, bóng đen lơ mờ của các loài dã thú khác cứ nặng nề lượn vòng, sát lưng vào tường và các chấn song, đầu nghiêng nghiêng, cổ vươn dài tới trước, chậm chạp bước từng bước từng bước thận trọng như lúc dõi theo mồi. Con thì mắt đỏ rực, con thì mắt xanh lè chói ngời đầy ánh lân quang.

Đêm thăm thẳm buốt lạnh, đen mù. Con Vá lại tiếp tục rên rỉ. Nó thở hổn hển, mũi lắc lắc như một ống bễ lò rèn quá cũ mòn đã mất hết tác dụng. Nó thủ động đậy. Nhưng cái lạnh cóng dưới bốn chân cứ từ từ dâng lên ngược về đến quả tim, trong bộ da bùng nhùng. Bốn chiếc móng guốc sắc nhọn của nó duỗi ra, không co lại được nữa và tai nó cụp xuống như lúc lên cơn giận dữ. Nó ngợp ngợp nhại lại một cách vụng về, động tác nhai rể củ gấu gấu của những con lợn rừng đang sống giữa ngàn xanh tự do.

Tiếng than vãn của con Vá, tất cả đám lợn rừng không ngủ bên kia đều chăm chú lắng nghe. Nó hối tiếc lần cuối cùng rằng nó đã khinh khỉnh coi thường tình cảm của giống loài, và lòng nhớ ơn mà nó vẫn giữ theo tập tính giống loài đã ràng buộc nó với con người mà nó không còn bao giờ gặp lại. Giọng khàn khàn run rẩy của nó thú nhận với tất cả các loài giống láng giềng rằng nó đã bội ước với định luật của ngàn xanh, chỉ vì thích ở lại trong nhà người có tổ ấm, có ủ lá chuối khô và

thức ăn nấu chín hơn là về với những con lợn rừng đục dữ tợn và khờ khạo.

Bỗng nó rùng mình một cái, cổ xuôi ra. Vạch cầu nối cuối cùng giữa đầu và tim đã gãy. Khắp vườn cây um tùm của Sở thú Sài Gòn nửa đêm bỗng rung lên, chấn động liên tục các tiếng gầm: lừ đừ hung dữ, phần nộ, ai oán của tất cả các loài mãnh thú đồng cảnh cùng cất lên những tiếng gào tự do, mệnh mông vô bờ.

Sáng sớm hôm sau, người gác đi dọc dãy chuồng trông thấy con Vá cứng đờ nằm lù lù một đống, mép xệ cong, he hé thông ra chiếc lưỡi trắng bột, một nửa bị răng hàm cắn ngập.

19-12-1982

MỤC LỤC

Trang

1. Thay lời giới thiệu5
2. Đất rừng phương Nam13
3. Tiếng gọi ngàn329

ĐẤT RỪNG PHƯƠNG NAM

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

55 Quang Trung - Hà Nội. ĐT: 04 9434 730 - 04 9435 831 Fax: 04 8229 085

Internet web site: <http://www.nxbkimdong.com.vn> - Email: kimdong@hn.vnn.vn

TRUNG TÂM SÁCH KIM ĐỒNG MIỀN TRUNG

102 Ông Ích Khiêm - TP Đà Nẵng. ĐT: (0511) 812 333 - 812 335 - Fax: (0511) 812 334

Email: mtkimdong@dng.vnn.vn

CHI NHÁNH NXB KIM ĐỒNG

268 Nguyễn Đình Chiểu - TP Hồ Chí Minh. ĐT: 08 9303 832 - Fax: 08 9305 867

Email: cnxnbkimdong@hcm.fpt.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản : **PHẠM QUANG VINH**

Chịu trách nhiệm bản thảo : **LÊ THỊ DẤT**

Biên tập : **TRẦN ĐÌNH NAM**

Trình bày : **LƯU QUANG THUY**

Trình bày bìa : **TRẦN VIỆT ANH**

Sửa bài: **LÊ THỊ VU**

In 5.000 bản - Khổ 12,5 cm x 20,5 cm - Tại Công ty In Công Đoàn Việt Nam

Số XB: 120-2005/CXB/36-72/KĐ cấp ngày 16/11/2005

In xong và nộp lưu chiểu tháng 2/2006.

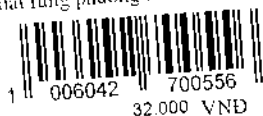
Đất Rừng Phương nam



Cái chất thơ mà Đoàn Giỏi gửi vào từng trang bút ký, vốn bắt nguồn từ tình yêu đối với mảnh đất và con người Nam bộ và được thể hiện trong từng chi tiết miêu tả, trong ngôn ngữ và tính cách nhân vật. Cái “chất liệu miền Nam” ấy đã đem tới nền văn học của chúng ta trong những năm 50, 60 ngày ấy một sự khởi sắc đầy ấn tượng mới mẻ, hấp dẫn, một thứ bổ sung cho cách nhìn về con người và thiên nhiên vùng đất phương Nam.

Nhà văn **Nguyễn Bao**

đất rừng phương nam (KĐ)



32.000 VNĐ

Giá : 32.000đ